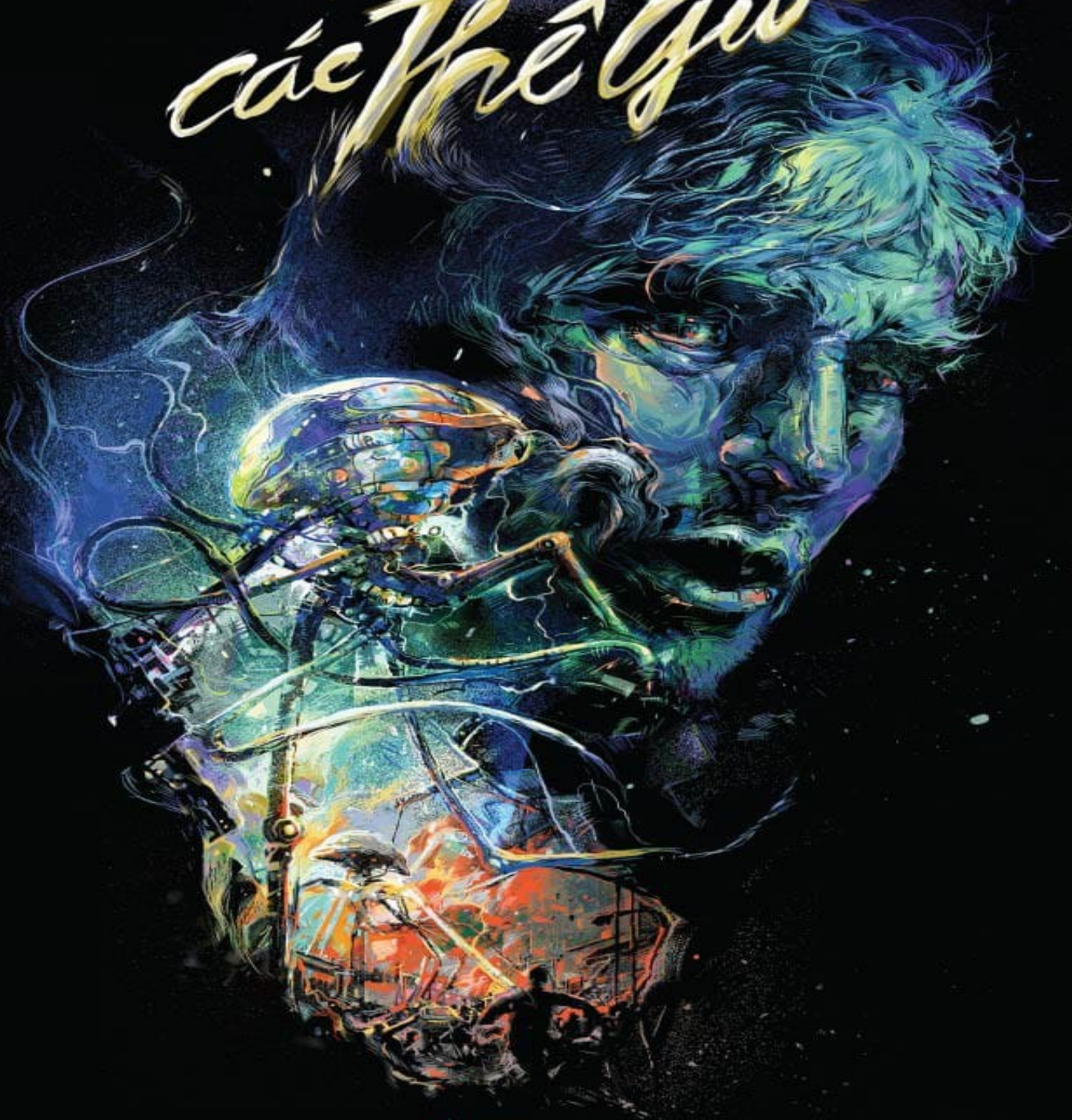


H.G.Wells

chiến tranh
giữa
các thế giới



NHÀ XUẤT BẢN
LAO ĐỘNG

CHIẾN TRANH GIỮA CÁC THẾ GIỚI

Nguyên tác: The War of the Worlds

Tác giả: H. G. Wells

Dịch giả: Phạm Văn

Nhã Nam phát hành

Nhà Xuất Bản Lao Động - 2015



ebook©vctvegroup

Nhưng nếu các hành tinh này ở được thì ai sẽ sống trên đó?... Chúng ta hay họ mới là Chúa tể Thế giới?... Và vạn vật được tạo ra cho loài người bằng cách nào?

KEPLER,
trích trong The Anatomy of Melancholy
(Phân tích nỗi sầu)

LỜI GIỚI THIỆU

Herbert George Wells sinh ngày 21 tháng Chín năm 1866, tại thị xã Bromley, ngoại ô Luân Đôn. Cha mẹ ông giúp việc cho một bà mệnh phụ, và về sau làm chủ một cửa hiệu nhỏ.

Lúc bảy tuổi, ông bị gãy chân, phải nằm liệt giường đọc sách. Năm 14 tuổi ông nghỉ học để đi làm ở một hiệu bán vải, rồi giúp việc cho một dược sĩ, rồi làm cho một hiệu vải khác, và cuối cùng gác cửa cho một trường học lúc 17 tuổi. Năm sau ông được Royal College of Science ở South Kensington cấp học bổng theo học ngành động vật học. Truyện ngắn đăng báo đầu tiên của ông là “A Tale of the Twentieth Century” trên tờ *Science Schools Journal* năm 1887. Sau khi tốt nghiệp năm 1890, ông dạy học ở University Correspondence College, và soạn bộ sách giáo khoa *Text-Book of Biology* (1893) cũng như viết truyện đăng báo để có thêm thu nhập. Vì sức khỏe kém, ông quyết định ngưng dạy học và sống bằng nghề văn.

Tiểu thuyết đăng từng kỳ *The Time Machine* (1895) lập tức khiến ông nổi tiếng. Sau đó ông viết một loạt truyện khoa học giả tưởng để đáp ứng thị hiếu của độc giả, *The Island of Dr. Moreau* (1896), *The Invisible Man* (1897), *The War of the Worlds* (1898), *When the Sleeper Wakes* (1899), và *The First Men in the Moon* (1901).

Wells cũng viết các luận văn về chính trị và xã hội, như *Anticipations* (1900), *The Discovery of the Future* (1902), *Mankind in the Making* (1903), *A Modern Utopia* (1905), và *The Future in America* (1906). Năm 1903, ông

nhận lời mời gia nhập Fabian Society, một tổ chức cấp tiến có mục đích cải thiện xã hội Anh, nhưng ra khỏi hội sau khi thất bại trong cuộc tranh cãi về chính sách của hội với George Bernard Shaw. Năm 1909, Wells xuất bản *Tono-Bungay*, được coi là cuốn tiểu thuyết hay nhất của ông về xã hội Anh đương thời. Các tác phẩm kế tiếp sau đó của ông mang nhiều nét tự truyện, *The New Machiavelli* (1911), *Marriage* (1912), *Mr. Bristling Sees It Through* (1916). Ông gọi Thế chiến thứ nhất là “cuộc chiến tranh nhằm chấm dứt mọi cuộc chiến tranh”, và viết *The World Set Free* (1914), tiên đoán về thời đại chiến tranh nguyên tử.

Trong bộ sách tổng quan về lịch sử đưa tên tuổi ông ra khắp thế giới, *The Outline of History* (1920), ông viết lời giới thiệu: “không thể có hòa bình và thịnh vượng chung nếu không có sự hiểu biết chung về lịch sử”. Cuối năm 1920, nhận lời mời của Maxim Gorky, ông sang thăm Liên Xô. Sau đó Wells gom các bài đã đăng báo để in cuốn *Russia in the Shadows* (1921), cho chủ nghĩa Marx là không tưởng, nhưng kêu gọi phe đồng minh không can thiệp vào nội bộ của Liên bang Xô viết. Ông xuất bản *The Science of Life* (1930) và *The Work, Wealth and Happiness of Mankind* (1932) để đi kèm với bộ *The Outline of History*.

Khi phong trào phát xít bành trướng, Wells trở nên ít lạc quan hơn. Trong *The Shape of Things to Come* (1933) ông tiên đoán chính xác chiến tranh thế giới sẽ xảy ra năm 1939. Ông xuất bản bộ hồi ký hai tập *Experiment in Autobiography* (1934), và ngày càng bi quan khi thấy những tiên đoán kinh khủng của mình trở thành sự thật: “Thực tại lấy ra từ một tờ trong sách của tôi.” Tác phẩm cuối cùng của ông, *Mind of the End of Its Tether* (1945), tiên đoán về một nền văn minh u ám.

Ông mất ngày 13 tháng Tám năm 1946 tại Luân Đôn. Tập ba trong bộ

hồi ký của ông, *H. G. Wells in Love*, xuất bản năm 1984.

Jules Verne và H. G. Wells được coi là hai nhà văn mở đường cho thể loại tiểu thuyết khoa học giả tưởng. Tuy nhiên, bút pháp của họ rất khác nhau. Verne khai thác các khám phá mới của khoa học để dựng truyện, Wells hình dung ảnh hưởng của nó đối với đời sống loài người. Verne nhìn mặt tích cực mà khoa học mang lại, Wells cảnh giác về mọi hậu quả tốt xấu của nó. Mặt khác, như nhiều tác giả cùng thời được trả nhuận bút theo số chữ, văn của Wells nhiều khi cầu kỳ và dài dòng, thường đảo ngược trật tự của các từ, dùng nhiều cụm từ đồng nghĩa để nói về cùng một việc trong cùng một câu, và lan man đi vào những chi tiết rườm rà. Thật vậy, chính ông đã nói về truyện của ông như sau: “Tôi muốn thấy tập truyện này trong phòng ngủ của những người đang dưỡng bệnh, trong các phòng đợi của nha sĩ, và trên toa xe lửa, hơn là trong phòng làm việc của các vị trịnh trọng.”

Bản dịch *Chiến tranh giữa các thế giới* dựa theo *The War of the Worlds*, ấn bản của *New York Review Books* (New York, 1960) trích trong *The Complete Short Stories of H. G. Wells*, do John Hammond biên tập, nhà xuất bản *Orion Books Ltd.* (London, 1999).

Tháng 5, năm 2014

PHẠM VĂN

TẬP I

NGƯỜI HÒA TINH ĐẾN

Chương 1

Đêm trước chiến tranh

Vào những năm cuối thế kỷ mười chín, không ai tin rằng thế giới này đang bị theo dõi sát sao và chặt chẽ bởi những kẻ thông minh hơn loài người rất nhiều tuy họ cũng tử sinh như chúng ta. Không ai tin rằng trong khi loài người bận rộn lo toan những việc của mình thì chúng ta cũng đang bị xem xét và khảo sát, có lẽ cũng tỉ mỉ y như một người dùng kính hiển vi xem xét những sinh vật có đời sống ngắn ngủi chen chúc sinh sản trong giọt nước. Với lòng tự mãn vô hạn, loài người trên quả đất này lảng xảng đi lại làm những việc con con tầm mún của mình, thanh thản tin chắc vào sự thống trị của mình đối với sự vật. Có thể loài vi sinh vật đơn bào dưới kính hiển vi kia cũng vậy. Không ai nghĩ rằng các hành tinh lâu đời hơn trong không gian lại là nơi đem hiểm nguy đến cho loài người, hay nếu có nghĩ tới thì rồi cũng chỉ cho rằng ý tưởng trên các hành tinh đó có sự sống là bất khả hoặc viễn vông. Thật lạ lùng khi nhớ lại nếp nghĩ quen thuộc của thời đã qua ấy. Đạo ấy cùng lắm loài người trên Trái đất chỉ tưởng tượng rằng trên Hỏa tinh có thể có một loài khác, có lẽ thua kém ta và sẵn sàng hoan nghênh một chuyến đi truyền giáo vượt không gian. Nhưng ngoài không gian bao la có những bộ óc mà so với chúng ta thì cũng tương tự như chúng ta so với bộ óc của những con thú ngoắc ngoải, có những kẻ có trí tuệ vô bờ, điềm tĩnh, thiếu cảm thông, nhìn Trái đất này bằng con mắt ghen tị, đang từ tốn và quả quyết

lập mưu đánh chúng ta. Và vào đầu thế kỷ hai mươi ảo tưởng xưa sụp đổ tan tành.

Tôi không cần nhắc cho độc giả rằng Hỏa tinh quay quanh Mặt trời ở khoảng cách trung bình 140 triệu dặm, ánh sáng và nhiệt nó nhận được từ Mặt trời chưa bằng phân nửa lượng Trái đất nhận được. Nếu giả thuyết về quá trình hình thành của các hành tinh là đúng thì Hỏa tinh phải có trước Trái đất chúng ta, và sự sống trên bề mặt nó hẳn đã có từ lâu trước khi quả đất này ngừng nóng chảy. Nó lớn chưa bằng một phần bảy thể tích Trái đất, vì thế nó ắt phải nguội nhanh hơn tới nhiệt độ mà sự sống có thể phát sinh. Nó có không khí, nước và mọi thứ cần thiết để đáp ứng cho nhu cầu của sự sống.

Nhưng loài người quá tự phụ, và niềm tự phụ của chúng ta quá mù quáng, tới nỗi cho đến tận cuối thế kỷ mười chín chưa một tác giả nào đề cập đến ý niệm rằng trên đó có thể đã phát triển sự sống có trí tuệ vượt xa tầm vóc ở Trái đất này, thậm chí chưa hề nhắc đến sự sống ấy có hay chẳng. Cũng không ai hiểu rằng vì Hỏa tinh lâu đời hơn, với diện tích bề mặt chưa bằng một phần tư quả đất chúng ta, và cách xa Mặt trời hơn, do đó dĩ nhiên sự sống nơi đó chẳng những đã bắt đầu trước Trái đất rất lâu mà cũng đang gần lúc cáo chung hơn.

Một ngày nào đó sự nguội lạnh trường kỳ sẽ phải đến với hành tinh chúng ta, nhưng hành tinh láng giềng kia thì đã nguội từ lâu. Môi trường tự nhiên của nó vẫn còn là điều bí ẩn, nhưng hiện nay chúng ta biết ngay cả nhiệt độ ở vùng xích đạo của nó vào lúc giữa trưa cũng còn thấp hơn nhiệt độ mùa đông lạnh nhất của chúng ta. Bầu khí quyển của nó loãng hơn của chúng ta rất nhiều; các đại dương của nó đã thu nhỏ chỉ còn che phủ một phần ba bề mặt. Các mùa ở đó thay đổi chậm chạp, và đều đặn định kỳ những đỉnh tuyết khổng lồ tụ lại rồi tan chảy chung quanh một trong hai cực, tràn ngập vùng

ôn đới. Giai đoạn kiệt quệ cuối cùng ấy đối với chúng ta vẫn còn xa vời một cách khó tin, nhưng với cư dân Hỏa tinh nó đã trở thành vấn đề thời sự. Áp lực của nhu cầu cấp thiết ấy đã kích thích trí tuệ họ, làm tăng thêm khả năng, và làm tim họ rần đi. Và với tri thức mà chúng ta khó lòng mơ tưởng tới, với những thiết bị nhìn xuyên qua không gian, họ thấy một ngôi sao rực rỡ niềm hy vọng mà lúc gần nhất ở cách họ chỉ 35 triệu dặm về hướng Mặt trời. Đó chính là hành tinh ấm áp của chúng ta, cây cối tươi tốt, nước xanh, bầu khí quyển nhiều mây hứa hẹn màu mỡ, và thoáng hiện qua các làn mây trôi dạt là những dải đất rộng đông đúc dân cư cùng những đại dương nhộn nhịp tàu bè.

Và đối với họ, loài người chúng ta, sinh vật cư ngụ trên quả đất này, ắt hẳn ít nhất cũng xa lạ và thấp hèn như loài khỉ vượn đối với chúng ta. Trí tuệ loài người đã thừa nhận rằng cuộc sống là đấu tranh không ngừng để sinh tồn, và hình như đó cũng là niềm tin của các bộ óc trên Hỏa tinh. Hành tinh của họ đã quá nguội lạnh trong khi thế giới này vẫn đông đúc sự sống, nhưng chỉ đông đúc cái loài thú mà họ coi là thấp kém. Thật vậy, đem chiến tranh về phía Mặt trời là lối thoát duy nhất của họ hầu tránh sự diệt vong đang bò dần về phía họ từ thế hệ này qua thế hệ khác.

Và trước khi khắt khe phê phán họ, chúng ta phải nhớ rằng chính giống loài mình đã tàn nhẫn tiêu diệt hoàn toàn không chỉ các loài động vật, chẳng hạn như chim cừu và bò bison nay đã tuyệt chủng, mà giết cả các chủng tộc thua kém mình. Dân đảo Tasmania, tuy cũng là người, đã bị các di dân người Âu xóa bỏ hoàn toàn trong cuộc chiến tranh diệt chủng kéo dài năm chục năm. Liệu chúng ta có là tông đồ rao giảng lòng nhân ái để mà oán trách nếu người Hỏa tinh gây chiến cũng với tinh thần như thế?

Người Hỏa tinh hình như đã tính toán cuộc đột kích của họ một cách tỉ mỉ đáng ngạc nhiên - hiểu biết về toán học của họ hiển nhiên vượt xa chúng

ta - và họ đã chuẩn bị trong sự đồng tâm nhất trí hầu như tuyệt đối. Nếu có thiết bị tốt, lẽ ra trong thế kỷ mười chín chúng ta đã có thể thấy tình hình ngày càng đáng ngại từ lâu. Những người như Schiaparelli đã theo dõi hành tinh đỏ - nhân thể nói luôn rằng thật lạ, từ bao thế kỷ Hỏa tinh đã bị coi là hành tinh của chiến tranh - thế nhưng họ không giải thích được những biến động bất thường của những vết đen bề mặt họ đã ghi rất rõ trên bản đồ. Suốt thời gian đó người Hỏa tinh chắc hẳn đang chuẩn bị.

Khi Trái đất nằm trong vị trí trực diện⁽¹⁾ với Hỏa tinh vào năm 1894, trước tiên là Đài thiên văn Lick thấy một tia lửa lớn trên mặt sáng của Hỏa tinh, sau đó ông Perrotin ở Nice thấy, rồi các nhà quan sát khác cũng thấy. Độc giả người Anh lần đầu tiên biết về nó trên tạp chí *Nature* ấn bản ngày 2 tháng Tám. Tôi có xu hướng nghĩ rằng ngọn lửa rực rỡ này có thể là do họ đang đúc khẩu súng khổng lồ trong cái hố lớn thụt sâu vào lòng hành tinh của họ, súng này họ dùng để bắn chúng ta. Trong hai lần ở vị trí trực diện kế tiếp, người ta thấy những vết đen lạ gần chỗ phun lửa đó, nhưng chưa ai giải thích được.

Cơn bão đổ ập lên chúng ta sáu năm trước. Khi Hỏa tinh tiến gần đến vị trí trực diện, ông Lavelle ở đảo Java đã đánh điện gửi những bản tin gây sửng sốt cho hội thông tin thiên văn về một đợt bùng nổ khí nóng sáng khổng lồ trên hành tinh ấy. Nó xảy ra gần nửa đêm ngày 12, ngay sau đó ông dùng máy quang phổ phân tích thấy đó là một khối hơi bùng cháy, chủ yếu là khí hydro, di chuyển với vận tốc cực nhanh về phía Trái đất. Tia lửa này tắt biến khoảng mười lăm phút sau nửa đêm. Ông so sánh nó với một cụm lửa khổng lồ bỗng nhiên vọt mạnh ra khỏi hành tinh ấy, “như khí cháy phun ra khỏi nòng súng”.

Câu nói ấy đúng lạ thường. Nhưng hôm sau báo chí không đăng tin về

vụ này, trừ một mẫu nhỏ trên tờ *Daily Telegraph*, và thế giới tiếp tục chẳng biết gì về một trong những hiểm họa nghiêm trọng nhất từng đe dọa loài người. Đáng lẽ ra tôi cũng không nghe chút gì về vụ nổ ấy nếu tôi không gặp Ogilvy, nhà thiên văn học nổi tiếng, ở làng Ottershaw. Ông rất háo hức về tin này, và trong lúc sôi nổi ông mời tôi đêm hôm ấy thay phiên với ông để theo dõi chặt chẽ hành tinh đỏ.

Mặc dù từ đó đến nay đã xảy ra nhiều việc, tôi vẫn nhớ rất rõ cái đêm thức canh ấy: đài thiên văn tối đen, yên tĩnh, chiếc đèn lồng được che bóng tỏa sáng lờ mờ ở góc sàn nhà, tiếng lách cách đều đều của bánh răng kính viễn vọng, khe hở nhỏ trên mái - một hình thuôn đầy chấm sao mờ ngang dọc. Ogilvy đi đi lại lại, khuất dạng nhưng vẫn nghe thấy tiếng. Nhìn qua viễn vọng kính, ta thấy một vòng xanh thẫm và hành tinh tròn nhỏ trôi trong không gian. Nó trông thật quá đổi nhỏ nhắn, sáng rực, bé tí, đứng yên, với những sọc ngang lờ mờ, và hơi bẹt, không hoàn toàn tròn trịa. Nhưng nó thật nhỏ nhắn, thật óng ánh ấm cúng làm sao - một đầu kim ánh sáng! Nó như thể run rẩy, nhưng thật ra đó là chiếc viễn vọng kính rung theo chuyển động của bánh răng có tác dụng giữ hành tinh ấy trong tầm nhìn.

Trong khi tôi nhìn, hành tinh ấy dường như lớn lên rồi nhỏ lại, tiến tới rồi lùi xa, nhưng đó chỉ là vì mắt tôi mỏi. Nó cách chúng ta bốn chục triệu dặm - hơn bốn chục triệu dặm chân không. Ít ai hình dung được sự bao la của khoảng không mà trong đó cát bụi của vũ trụ vật chất bay lượn.

Tôi nhớ gần nó có ba điểm sáng mờ, ba tinh cầu xa vô tận, và tất cả chung quanh nó là không gian trống rỗng tối đen khôn dò. Ta đều biết màu đen ấy thế nào trong một đêm băng giá rực ánh sao. Trong viễn vọng kính, màn đen dường như thẫm thẫm hơn nhiều. Và vô hình đối với tôi, vì quá xa quá nhỏ, nhưng vẫn đang bay nhanh và đều đều tiến tới, vượt qua khoảng xa

không thể tưởng tượng ấy, mỗi phút mỗi gần hơn nhiều ngàn dặm, là Vật họ gửi tới chúng ta, Vật sẽ đem quá nhiều xung đột, tai họa và chết chóc tới cho Trái đất. Trong khi nhìn, tôi không hề tưởng tượng nổi, không ai trên Trái đất có thể tưởng tượng nổi chiếc hỏa tiễn tuyệt đối chính xác ấy.

Tối hôm đó lại có một tia khí đốt khác bay ra khỏi hành tinh xa xôi ấy. Tôi thấy nó. Một chớp lóe hoe đỏ ở mép hành tinh ấy, một vết chỉ hơi nhô ra viền ngoài của nó đúng lúc đồng hồ gõ nửa đêm. Thấy vậy, tôi gọi Ogilvy và ông tới thế chỗ tôi. Đêm ẩm, tôi khát nước, tôi vừa đi vừa đuổi chân cho đỡ mỗi một cách vụng về và mò mẫm trong bóng tối, tới cái bàn nhỏ có gắn vòi nước, trong khi Ogilvy ngạc nhiên thốt lên lúc luồng khí bay về phía chúng ta.

Tối hôm ấy, gần như chính xác hai mươi bốn giờ sau chiếc đầu tiên, một chiếc hỏa tiễn vô hình khác bắt đầu từ Hỏa tinh lên đường tới Trái đất. Tôi nhớ mình ngồi đó chỗ cái bàn trong bóng tối, với những vết xanh lục và đỏ thẫm chập chờn trước mắt. Tôi ước gì mình có lửa để hút thuốc, không nghĩ tia sáng nhỏ bé mình vừa thấy kia có ý nghĩa gì và nó sắp đem lại điều gì cho mình. Ogilvy quan sát tới một giờ sáng rồi thôi, sau đó chúng tôi tắt đèn lồng rồi đi bộ về nhà ông. Dưới kia, trong bóng tối, làng Ottershaw và Chertsey và hàng trăm người nơi đó đang ngủ yên bình.

Tối hôm ấy ông đặt ra nhiều giả thuyết về tình trạng của Hỏa tinh, và chế giễu ý tưởng tầm thường rằng trên đó có những sinh vật đang chuyển tín hiệu cho chúng ta. Quan điểm của ông là có thể hành tinh ấy đang bị một trận mưa thiên thạch đổ xuống ào ạt, hay có một vụ núi lửa bùng nổ dữ dội. Ông vạch ra cho tôi thấy rằng tiến hóa hữu cơ khó có thể xảy ra trong cùng một chiều hướng trên hai hành tinh kề cận nhau. Ông nói: “Khả năng trên Hỏa tinh có sinh vật giống như loài người là một phần triệu.”

Hàng trăm nhà quan sát đã thấy ngọn lửa tối hôm đó, và tối hôm sau vào khoảng nửa đêm, và vào đêm sau nữa, và mỗi đêm lại thấy một ngọn lửa trong liên tiếp mười đêm. Không ai trên Trái đất cố thử giải thích tại sao lửa lại ngừng phụt lên sau đêm thứ mười. Có thể là khói khi phóng hỏa tiền làm cho người Hỏa tinh cảm thấy khó chịu. Nhìn qua kính viễn vọng cực mạnh trên Trái đất, những đám khói hay bụi dày đặc này trông như những vết xám nhỏ dao động, tỏa khắp bầu khí quyển trong trẻo của hành tinh ấy và che mờ những nét quen thuộc của nó.

Cuối cùng thậm chí các tờ nhật báo cũng chú ý tới những nhiễu loạn ấy, và các bài viết phổ thông xuất hiện đây đó, khắp nơi, bàn về núi lửa trên Hỏa tinh. Tôi nhớ tạp chí *Punch* nửa nghiêm trang nửa hài hước đã vui vẻ dùng nó trong tranh hí họa chính trị. Tất cả đều không ngờ rằng những chiếc hỏa tiền người Hỏa tinh đã bắn về phía Trái đất, chúng đang bay với tốc độ hàng bao dặm mỗi giây qua không gian bao la trống rỗng, giờ này sang giờ khác, ngày này sang ngày khác, mỗi lúc một gần hơn. Bây giờ tôi thấy có vẻ lạ lùng gần như không tưởng tượng được rằng trong khi cái chết trước mắt đang lơ lửng trên đầu mà người ta lại có thể cứ loay hoay lo những việc nhỏ nhặt như thế. Tôi nhớ Markham đã hân hoan ra sao khi tìm được tấm ảnh mới của hành tinh ấy để minh họa cho tờ báo mà ông là chủ bút đạo đó. Thiên hạ những thời sau khó lòng hình dung được sự thừa mứa và tính năng nổ của ngành báo chí hồi thế kỷ mười chín. Riêng về phần mình, tôi bận tập đi xe đạp, và bù đầu vì loạt bài thảo luận về phương hướng biến đổi của các ý niệm đạo đức sau này một khi văn minh tiến triển.

Một đêm (khi ấy chiếc hỏa tiền đầu tiên có thể còn cách chưa tới mười triệu dặm) tôi đi tản bộ với vợ. Trời sáng sao, tôi giải thích về hình ảnh các chòm sao và chỉ cho nàng thấy Hỏa tinh, nó như một đốm sáng rực rỡ đang

bò lên thiên đỉnh, nơi nhiều chiếc kính viễn vọng đang nhắm tới. Đó là một đêm ấm áp. Một nhóm du ngoạn từ Chertsey hay Isleworth trở về ngang qua chúng tôi, vừa ca hát vừa chơi nhạc. Đèn sáng trong cửa sổ trên lầu các căn nhà lúc người ta đi ngủ. Từ ga xe lửa phía xa vọng lại tiếng các toa đối đường ray, vừa gõ chuông vừa kêu rầm rập, càng xa càng nhỏ dần gần như biến thành giai điệu êm ả. Vợ tôi chỉ cho tôi thấy các ngọn đèn báo hiệu, đỏ, xanh, vàng rực rỡ treo trên khung thép, nổi lên giữa nền trời. Vạn vật dường như thật tĩnh lặng và bình an.

Chương 2

Sao băng

Rồi tới đêm sao băng đầu tiên. Lúc sáng sớm có một vệt lửa tít trên bầu khí quyển bay về hướng Đông trên quận Winchester. Hàng trăm người chắc đã thấy nó, và cho đó là một ngôi sao băng bình thường. Albin tả rằng nó để lại sau đuôi một vệt xanh lục rực sáng vài giây. Denning, chuyên gia có uy tín nhất của chúng ta về thiên thạch, nói rằng lúc mới xuất hiện nó ở độ cao chín mươi hay một trăm dặm. Ông thấy hình như nó rơi xuống đất cách ông khoảng một trăm dặm về hướng Đông.

Lúc đó tôi đang ở nhà ngồi viết trong phòng làm việc. Tôi không nhìn thấy gì, dù kính cửa sổ phòng hướng về phía Ottershaw và rèm cửa kéo lên (vì dạo ấy tôi thích nhìn bầu trời đêm). Nhưng vật lạ nhất xưa nay từ ngoài không gian đến Trái đất ắt đã rơi trong lúc tôi đang ngồi ở đó, lẽ ra chỉ cần nhìn lên lúc nó bay ngang là thấy. Một số người thấy đường bay của nó nói rằng nó vừa bay vừa rít. Bản thân tôi không nghe. Nhiều người ở Berkshire, Surrey và Middlesex hẳn phải thấy nó rơi, và họ chỉ nghĩ rằng chẳng qua lại là một thiên thạch khác rơi xuống. Hình như tối hôm đó không ai bận tâm tìm khối vật chất rơi.

Nhưng đến sáng sớm, Ogilvy tội nghiệp, sau khi đã thấy sao băng và tin là có một thiên thạch nằm đâu đó trên bãi đất công giữa Horsell, Ottershaw và Woking, liền dậy sớm với ý định đi tìm nó. Ngay sau hừng đông, ông tìm

thấy nó không xa các hố cát. Hỏa tiễn rơi tạo nên một cái hố khổng lồ, làm cát sỏi văng dữ dội tứ phía lên bãi đất bỏ hoang thành những đồng lớn cách xa một dặm rưỡi cũng nhìn thấy được. Bãi thạch nam bốc cháy ở mạn Đông, gây nên một làn khói xanh mỏng bốc lên trên nền trời bình minh.

Vật đó gần như bị chôn hoàn toàn dưới cát, giữa đồng mảnh dăm văng tứ tán của cây thông bị nó chẻ vụn khi rơi xuống. Phần không bị vùi lấp có dạng hình trụ khổng lồ, bên ngoài có một lớp vỏ cứng dày cộm trông như vảy màu nâu xám bao bọc và làm dịu đường nét. Đường kính nó khoảng ba mươi mét. Ông tiến lại gần khối ấy, ngạc nhiên vì kích thước, và càng ngạc nhiên hơn nữa vì hình dáng của nó, bởi hầu hết thiên thạch không nhiều thì ít đều gần như tròn trịa. Tuy nhiên, nó vẫn còn quá nóng sau chuyến bay qua khí quyển khiến ông không thể tới gần, ông cho rằng tiếng rộn ràng bên trong khối hình trụ là do bề mặt của nó nguội không đều, vì khi ấy ông không nghĩ ra rằng có thể nó rỗng ruột.

Ông đứng lại nơi mép hố do vật ấy gây ra, dăm dăm nhìn bề ngoài kỳ lạ của nó, sững sốt chủ yếu vì màu sắc và hình dáng khác thường, song ngay cả khi ấy ông đã mơ hồ nghĩ rằng nó đến vì một mục đích hiển nhiên nào đó. Buổi sáng sớm yên tĩnh dị thường, mặt trời mới lên khỏi hàng thông phía Weybridge, và trời đã ấm. Ông không nhớ sáng ấy có nghe thấy tiếng chim, nhưng chắc chắn gió không xào xạc, âm thanh duy nhất là tiếng chuyển động nho nhỏ bên trong khối hình trụ màu xỉ than. Ông là người duy nhất trên bãi đất.

Rồi bất chợt ông giật mình nhận thấy vài miếng xỉ xám trên lớp vỏ cứng màu tro bọc ngoài thiên thạch đang rơi ra khỏi đầu mép tròn. Nó bong ra từng mảnh nhỏ và rơi lộp độp xuống cát. Một miếng lớn bất chợt bong ra, rơi xuống với một tiếng chát chúa làm tim gan ông nhộn nhạo.

Trong một phút ông không hiểu đó là gì, và mặc dù sức nóng lên đến cực độ, ông vẫn leo xuống hố tới gần để xem vật ấy rõ hơn. Thậm chí khi đó ông vẫn cho rằng điều này có thể là do vật thể ấy đang nguội lại, nhưng ý đó không ổn vì tro chỉ rơi ra từ phía đầu khối hình trụ.

Rồi ông nhận ra rằng, rất từ từ, cái nắp tròn của khối hình trụ đang xoay tròn trên thân của nó. Chuyển động đó chậm tới nỗi ông chỉ khám phá ra khi nhận thấy một vết đen năm phút trước hãy còn gần ông mà giờ đã ở mặt bên kia của hình trụ. Ngay cả lúc ấy ông cũng không hiểu thế là sao, cho tới khi nghe một tiếng rít kèn kẹt và thấy vết đen đó bật lên phía trước vài phân. Rồi trong chớp mắt ông chợt hiểu. Khối hình trụ không phải do tự nhiên tạo thành - nó rỗng ruột - một đầu có thể vặn ra! Một cái gì bên trong khối hình trụ đang vặn nắp ra! Ogilvy thốt lên: “Trời ơi! Trong đó có người... trong đó có người! Bị nung gần chết! Đang cố thoát ra!”

Ngay lập tức, choàng tỉnh, ông nhận ra vật ấy có liên quan với tia sáng lóe lên trên Hỏa tinh. Nghĩ tới sinh vật bị nhốt bên trong, ông hãi hùng đến nỗi quên đi cái nóng mà tiến tới khối hình trụ để vặn giúp. Nhưng may mắn là nhiệt tỏa ra âm ỉ đã ngăn ông lại trước khi ông có thể bị phỏng tay vì kim loại còn đang nóng đỏ. Thấy thế, ông đứng lưỡng lự một lát, rồi quay đi, bò ra khỏi hố, chạy điên cuồng về Woking. Lúc ấy chắc khoảng sáu giờ sáng. Ông gặp một người đánh xe và cố nói cho anh ta hiểu, nhưng câu chuyện ông kể và diện mạo ông quá rõ đại - mũ ông đã rơi trong hố - tới nỗi anh ta cứ đánh xe đi tiếp, ông cũng thất bại tương tự với anh bồi quán rượu vừa mới mở cửa quán bên cầu Horsell. Anh chàng này nghĩ ông là người điên bỏ trốn và toan nhốt ông vào quán rượu. Vì thế ông hơi tỉnh lại, và khi gặp Henderson, ký giả ở Luân Đôn, trong vườn nhà ông ta, ông gọi qua hàng cọc rào và bày tỏ ý mình.

Ông gọi: “Henderson, anh thấy ngôi sao băng tối hôm qua chứ?”

Henderson nói: “Thì sao?”

“Bây giờ nó ở ngoài bãi Horsell.”

Henderson thốt lên: “Chúa ơi! Thiên thạch rơi! Hay quá.”

“Nhưng nó còn hơn cả thiên thạch nữa. Nó là một khối hình trụ... một hình trụ không phải tự nhiên, ôi chao ơi! Và có cái gì đó bên trong.”

Henderson đứng thẳng lên, xẻng trong tay. Ông ta nói: “Cái gì vậy?” ông bị điếc một tai.

Ogilvy kể cho ông ta nghe mọi điều mình đã thấy. Một hai phút sau Henderson mới hiểu. Khi ấy ông buông cây xẻng, vớ lấy áo khoác, chạy ra đường. Hai ông vội vàng trở lại ngay bãi đất công, và thấy khối hình trụ vẫn nằm ở vị trí cũ. Nhưng bây giờ tiếng động bên trong đã ngừng, giữa nắp và phần thân của khối hình trụ hiện ra một vòng mỏng kim loại sáng loáng. Không khí đang tràn vào hay thoát ra ở mép với tiếng xèo xèo nho nhỏ.

Họ lắng nghe, dùng một khúc cây gõ lên vảy kim loại nóng, không thấy trả lời, cả hai kết luận rằng một người hay nhiều người bên trong chắc đã bất tỉnh hay đã chết.

Dĩ nhiên cả hai chẳng làm gì được. Họ gọi to an ủi và hứa hẹn, rồi cùng về thị trấn để tìm người giúp. Ta có thể hình dung họ lấm lem cát, xốc xếch và phấn khích, chạy trên con đường nhỏ dưới ánh nắng rực rỡ, đúng lúc các chủ tiệm đang gỡ mấy tấm ván ghép che cửa xuống và người ta đang mở cửa sổ phòng ngủ. Henderson vào ngay nhà ga xe lửa để đánh điện gửi bản tin về Luân Đôn. Các bài báo trước đây đã chuẩn bị cho đầu óc con người đón nhận chuyện này.

Lúc tám giờ một số trẻ con và bọn vô công rồi nghề đã lên đường tới bãi đất công để xem “người chết từ Hỏa tinh”. Đó là cách bài báo mô tả sự việc. Lần đầu tiên tôi được nghe tin về nó lúc chín giờ kém mười lăm, từ đứa bé bán báo, khi ra mua tờ *Daily Chronicle*. Dĩ nhiên tôi sửng sốt, liền lập tức băng qua cầu Ottershaw để tới hồ cát ấy.

Chương 3

Trên bãi đất công ở Horsell

Tôi thấy một nhóm nhỏ có lẽ hai mươi người đang vây quanh cái hố lớn có khối hình trụ. Tôi đã tả bề ngoài của cái khối đồ sộ chìm trong đất ấy. Mặt cỏ và đá sỏi quanh nó có vẻ cháy đen như bị gây ra bởi một vụ nổ bất ngờ. Chắc chắn là khi chạm đất nó đã gây tóe lửa. Henderson và Ogilvy không có mặt ở đó. Tôi nghĩ họ cho rằng lúc này chẳng thể làm được gì nên đã bỏ đi ăn sáng ở nhà Henderson.

Bốn năm đứa bé ngồi trên mép hố, đong đưa chân, tiêu khiển bằng cách ném đá vào cái khối lớn ấy cho tới khi tôi ngăn chúng lại. Sau khi tôi nhắc nhở, chúng bắt đầu len lỏi chơi rượt bắt giữa nhóm người đứng xem.

Trong số này có hai người đi xe đạp, một anh chuyên làm những việc vặt trong vườn mà đôi khi tôi thuê, một đứa con gái bé em bé, anh Gregg hàng thịt với đứa con trai nhỏ của anh, hai ba kẻ ăn không ngồi rồi và vài anh vác gậy cho người chơi gôn vẫn hay la cà quanh nhà ga xe lửa. Chẳng ai nói gì nhiều. Hồi đó thường dân ở Anh ít người biết tí gì về thiên văn. Hầu hết đều im lặng nhìn chăm chú phía đầu khối hình trụ, nó giống như cái mặt bàn lớn và vẫn nằm yên như lúc Ogilvy và Henderson bỏ đi. Tôi đoán nói chung họ thất vọng vì không thấy đồng xác chết cháy đen mà là cái khối vô tri giác này. Một số bỏ đi lúc tôi ở đó, một số khác đến. Tôi leo xuống hố và nghĩ mình nghe thấy tiếng chuyển động nhỏ dưới chân. Cái nắp chắc chắn đã

ngừng xoay.

Chỉ tới khi lại gần như thế tôi mới thấy rõ hết sự dị thường của vật này. Thoáng nhìn nó chẳng hấp dẫn gì hơn một cỗ xe bị lật hay một thân cây bị bật đổ qua đường. Thật vậy, chẳng có gì nhiều. Nó tựa như một cái phao gỉ sét. Phải có một chút kiến thức khoa học mới nhận thấy lớp vảy xám trên vật ấy không phải là gỉ sét thông thường, và thứ kim loại trắng ngà lấp lánh nơi khe hở giữa cái nắp và khối hình trụ có màu sắc kỳ lạ. “Ngoài Trái đất” chẳng có nghĩa gì đối với hầu hết người xem.

Lúc đó tôi biết khá rõ rằng vật ấy từ Hỏa tinh đến, nhưng tôi cho là nó không thể chứa bất cứ sinh vật nào. Tôi nghĩ có thể cái nắp tự động vặn ra. Khác với Ogilvy, tôi vẫn tin rằng trên Hỏa tinh có người. Tâm trí tôi tưởng tượng nó có thể chứa một bản văn, rồi nghĩ đến những khó khăn người ta có thể sẽ gặp khi dịch nó, và liệu chúng ta có tìm thấy những đồng xu và hình mẫu trong đó hay không, vân vân. Nhưng quả quyết về điều này thì hơi quá chủ quan. Tôi sốt ruột muốn thấy nó mở ra.

Khoảng mười một giờ, bởi hình như chẳng có gì xảy ra, tôi bèn đi bộ về nhà ở Maybury, trong đầu đầy những ý nghĩ về nó. Nhưng tôi thấy khó mà tiếp tục viết thêm về những nghiên cứu trừu tượng của mình.

Đến chiều bộ mặt của bãi đất công đã thay đổi rất nhiều. Ấn bản sớm của các tờ báo buổi chiều đã làm Luân Đôn sừng sốt với những hàng tít lớn:

MỘT THÔNG điệp TỪ HỎA TINH

CHUYỆN dị THƯỜNG Ở WOKING

Vân vân. Ngoài ra, bức điện Ogilvy gửi cho Hội Thông tin Thiên văn đã khuấy động mọi đài thiên văn trong ba vương quốc⁽²⁾.

Có năm bảy chiếc xe độc mã từ nhà ga Woking tới đậu trên đoạn đường cạnh hồ cát, một chiếc độc mã mui trần từ làng Chobham, và một cỗ xe khá vương giả. Ngoài ra còn có cả một đồng xe đạp. Và thêm rất nhiều người chắc đã đi bộ từ Woking và Chertsey tới, mặc dù trời nóng, vì thế tổng cộng lại là một đám đông đáng kể, trong số đó có một hai phụ nữ ăn mặc lờ lợt.

Trời nóng như đổ lửa, bầu trời không một gợn mây, cũng chẳng một hơi gió, bóng râm duy nhất là dưới vài cây thông rải rác. Mảng thạch nam bị cháy đã được dập tắt, nhưng khu đất phẳng dẫn tới làng Ottershaw cháy đen ngút tầm mắt vẫn còn bốc lên những dải khói trắng đứng. Một ông bán quà vặt nhanh trí ở Đường Chobham đã cho đưa con trai đẩy tới một xe cút kít đầy táo xanh và nước gừng.

Tôi tiến tới mép hồ, thấy một nhóm sáu bảy người trong đó - Henderson, Ogilvy, và một ông cao lớn tóc vàng hoe sau này tôi biết là Stent, Nhà thiên văn Hoàng gia⁽³⁾, với vài nhân công đang dùng cuốc xẻng. Stent đang hướng dẫn bằng một giọng rõ ràng, the thé. Ông đứng trên khối hình trụ lúc này hiển nhiên đã nguội đi nhiều, mặt ông đỏ ửng, đầm đìa mồ hôi, và hình như có điều gì làm ông bức mình.

Một phần lớn khối hình trụ đã được người ta bới cho lộ ra, tuy khúc đuôi vẫn còn cắm dưới đất. Ngay khi Ogilvy thấy tôi trên mép hồ giữa đám đông đang nhìn chăm chú, ông gọi tôi xuống, nhờ tôi đến gặp huân tước Hilton, chủ nhân của khu đất này.

Ông nói đám người càng lúc càng đông đang gây trở ngại rất lớn cho việc khai quật của họ, nhất là mấy đứa trẻ. Họ muốn có một rào cản sơ sài dựng lên để ngăn người ta lại gần. Ông cho tôi biết thỉnh thoảng vẫn nghe tiếng động đập nho nhỏ bên trong lớp vỏ, nhưng các anh thợ chưa vạy nắp ra

được, bởi không có chỗ nào cho họ nằm lấy cả. Lớp vỏ có vẻ rất dày, và âm thanh nho nhỏ mà chúng tôi nghe thấy có thể là tiếng náo động âm ỉ bên trong.

Tôi rất vui lòng làm theo lời ông yêu cầu, vì nhờ thế tôi sẽ là một trong các khán giả có quyền được vào bên trong hàng rào để xem. Tôi không tìm thấy huân tước Hilton ở nhà ông, nhưng người ta cho tôi biết ông sẽ từ Luân Đôn về trên chuyến xe lửa sáu giờ khởi hành ở Waterloo. Lúc đó khoảng năm giờ mười lăm, vì thế tôi về nhà uống trà, rồi đi bộ tới nhà ga để chờ ông.

Chương 4

Khối hình trụ mở ra

Khi tôi trở lại bãi đất công thì mặt trời đang lặn. Lác đác nhiều nhóm người đang vội vàng từ hướng Woking đi tới, và một hai người quay về. Đám người quanh hố đã đông hơn, đứng đen ngòm trên nền trời màu vàng chanh - có lẽ tới hai trăm người. Có nhiều tiếng quát tháo, và có vẻ người ta đang giằng co nhau chung quanh hố. Đầu tôi chợt tưởng tượng ra những chuyện kỳ dị. Khi tới gần hơn, tôi nghe giọng của Stent: “Lùi lại! Lùi lại!”

Một thằng bé chạy về phía tôi. Nó nói lúc chạy ngang: “Nó cực cực, vặn ra vặn vô. Cháu sợ. Cháu vía nhà, cháu vía.”

Tôi đi tiếp tới chỗ đám đông. Tôi nghĩ phải có đến hai ba trăm người chen chúc xô đẩy nhau, một hai bà có mặt cũng năng nổ chẳng thua ai.

Một người nào đó kêu lên: “Hắn ngã xuống hố rồi!”

Vài người khác nói: “Lùi lại!”

Đám đông hơi lưỡng lự, tôi liền chen qua. Mọi người hình như rất phấn khích. Tôi nghe tiếng rù rì kỳ lạ trong hố.

Ogilvy nói: “Tôi đã bảo giữ bọn ngốc đó xa ra! Chúng tôi không biết có cái quái gì trong này, hiểu chưa!”

Tôi thấy một thanh niên, hình như anh ta giúp việc trong một cửa hiệu ở Woking, đứng trên khối hình trụ và đang cố leo ra khỏi hố. Đám đông đã xô anh ta xuống.

Đầu của khối hình trụ đang được vặn ra từ bên trong. Rãnh ốc sáng loáng lòi ra gần sáu tấc. Một người nào đó vấp phải tôi, làm tôi suýt bị hất văng lên đầu con ốc. Tôi quay lại, đúng lúc đó con ốc chắc đã rời ra hẳn, vì nắp khối hình trụ rơi xuống sỏi phát ra một tiếng rền đĩnh tai. Tôi thúc khuỷu tay vào người phía sau mình, rồi quay đầu lại nhìn vật ấy. Trong một thoáng lỗ hồng tròn trịa ấy có vẻ đen ngòm. Tôi bị mặt trời lặn chiếu vào mắt.

Tôi nghĩ đám đông trông đợi thấy một người chui ra - có lẽ hơi khác với người trên Trái đất chúng ta, nhưng về cơ bản vẫn là một người. Tôi biết tôi cũng nghĩ như vậy. Nhưng kìa, tôi lập tức thấy một vật đang cựa quậy trong hốc tối: những cử động cuộn cuộn lờ mờ đè lên nhau, rồi hai cái đĩa tỏa sáng - như cặp mắt. Rồi một vật tựa như con rắn nhỏ màu xám, to cỡ cây gậy, vặn vẹo ngoi lên khỏi phần thân giữa đang quấn quai, ngo ngoáy trên không trung hướng về phía tôi - rồi một vật nữa.

Tôi bỗng thấy lạnh toát. Một phụ nữ phía sau rú lên. Tôi hơi quay người lại, mắt vẫn dán vào khối hình trụ, lúc này từ trong đó đang thò ra nhiều tua khác, và bắt đầu lúi ra xa khỏi mép hố. Tôi thấy vẻ sửng sốt trên mặt những người quanh mình bỗng biến thành nỗi kinh hoàng. Tôi nghe những tiếng kêu chẳng thành lời khắp xung quanh. Nói chung mọi người đều lúi lại. Tôi thấy anh nhân viên bán hàng vẫn đang cố leo lên mép hố. Tôi thấy chỉ còn một mình tôi, mọi người bên kia hố đang bỏ chạy, Stent chạy cùng với họ. Tôi lại nhìn khối hình trụ, và cảm thấy kinh hoàng khôn cưỡng. Tôi đứng như phỗng đá, nhìn đăm đăm.

Một khối tròn lớn xam xám, có lẽ to bằng con gấu, đang từ từ khó nhọc ngoi ra khỏi khối hình trụ. Lúc nó phình ra, ánh nắng chiếu vào nó lấp lánh như tấm da ướt.

Hai con mắt lớn sẫm màu nhìn tôi không rời. Cái tảng tròn chung quanh mắt là cái đầu của vật ấy, trên có một thứ tựa tựa như khuôn mặt. Dưới cặp mắt là cái miệng không môi, mấp máy, hỗn hển, nhỏ nước dãi. Toàn thân sinh vật ấy cố ngoi lên và phập phồng co giật. Một cái tua mỏng nằm chặt mép khối hình trụ, một tua khác ngoe nguẩy trên không.

Ai chưa từng thấy một người Hỏa tinh còn sống thì khó có thể tưởng tượng bề ngoài dễ sợ lạ lùng của nó. Cái miệng hình chữ V quái dị có mép trên nhọn hoắt, không lông mày, không cằm, mép dưới như cái nệm, miệng mấp máy không ngừng, mở vòi như nữ thần tóc rắn, phổi thở hỗn loạn trong bầu khí quyển lạ, cử động nặng nề và khó nhọc rõ ràng là do sức hút của Trái đất mạnh hơn - đáng để ý nhất là cặp mắt lớn cực kỳ dữ tợn - tất cả vừa sinh động, mạnh mẽ, vừa không giống con người, vừa què quặt, quái dị. Da nó nâu nhờn trông như nấm, trong những cử động chậm chạp mang vẻ thật trọng vụng về có cái gì đó gớm ghiếc không thể tả. Ngay từ lần gặp gỡ đầu tiên này, qua cái nhìn thoáng chốc đầu tiên này, tôi đã hoàn toàn ghê tởm và khiếp sợ.

Thình lình con quái vật biến mất. Nó lộn nhào qua mép khối hình trụ, và ngã xuống hố nghe đánh huych như một đồng da thật lớn. Tôi nghe nó thốt lên một tiếng hự kỳ lạ, và ngay tức khắc một sinh vật khác giống nó xuất hiện đen ngòm trong lỗ hổng tối sâu.

Tôi quay lưng chạy như điên, tới cụm cây đầu tiên có lẽ cách đó một trăm mét, nhưng tôi chạy xiêu vẹo và lảo đảo, vì không sao ngoảnh mặt khỏi

những vật ấy.

Ở đó, giữa mấy cây thông non và bụi kim tước, tôi dừng lại, hồn hển chờ diễn biến mới. Bãi đất công chung quanh hố cát có lác đác người đứng như tôi, nửa hoảng sợ nửa mê hoặc, nhìn đăm đăm những sinh vật này, hay đúng hơn là nhìn đồng sỏi ở mép hố có chúng nằm trong đó. Rồi tôi lại hoảng sợ khi thấy một vật đen tròn nhấp nhô ở mép hố. Đó là cái đầu của anh bán hàng đã ngã xuống hố, nhưng chỉ còn là vật đen nhỏ in trên nền trời nóng bức phía Tây. Lúc này vai và đầu gối anh đã ngoi lên, rồi hình như anh lại trượt xuống cho tới khi chỉ còn thấy đầu anh. Thành linh anh biến mất, và tôi nghĩ mình nghe một tiếng thét nhỏ vọng tới. Tôi chợt có thôi thúc muốn quay lại để giúp anh, nhưng tôi sợ. Rồi sau đó không thấy gì nữa, mọi thứ khuất dưới hố sâu sau đồng cát do khối hình trụ làm văng lên lúc rơi xuống.

Ai đi trên đường từ hướng Chobham hay Woking lại khi nhìn cảnh này sẽ ngạc nhiên - đám người bây giờ đã bớt đông, có lẽ còn khoảng hơn một trăm, đang đứng thành một vòng lớn méo mó, trong hào nước, sau bụi cây, sau cổng và bờ gậu, chẳng nói gì với nhau, có chăng là la hét đầy kích động, và cứ nhìn, chăm chăm nhìn mấy đồng cát. Chiếc xe cút kít chờ nước gùng, một vật vô chủ kỳ quặc, đứng đen sẫm trên nền trời thiêu đốt, và trong các hố cát có một dãy xe vô chủ với đàn ngựa đang sục mồm vào cái túi đeo trước miệng mà ăn hay đang gõ móng lên mặt đất.

Chương 5

Tia Nhiệt

Sau khi thoáng thấy người Hỏa tinh chui ra từ khối hình trụ mà họ đã dùng để bay từ hành tinh của mình đến Trái đất, tôi như bị tê liệt vì mê hoặc. Tôi cứ đứng trong thảm cây thạch nam cao tới đầu gối, đăm đăm nhìn gò đất che khuất họ. Tôi dùng dằng giữa sợ hãi và tò mò.

Tôi không dám trở lại hố, nhưng cảm thấy rất muốn xem kỹ nó. Vì thế tôi bắt đầu đi một vòng lớn, vừa tìm điểm thuận lợi và vừa liên tục nhìn chăm chặp các đồng cát che khuất những kẻ mới tới Trái đất của chúng ta. Một lần một khúc roi đen thon thả, như vòi bạch tuộc, lóe lên trong ánh hoàng hôn rồi lập tức rút về, sau đó một cây gậy mảnh dẻ vươn lên, từng khúc từng khúc, đầu gậy có một cái đĩa tròn lắc lư xoay vòng. Chuyện gì đang xảy ra ở đó?

Hầu hết người xem đã tụ tập lại thành một hay hai nhóm, một nhóm nhỏ phía Woking, nhóm kia bên phía Chobham. Hiển nhiên họ cũng đang trong tâm trạng phân vân nửa sợ nửa hiếu kỳ như tôi. Gần tôi có vài người. Tôi tiến lại gần một ông để bắt chuyện, nhận ra ông là hàng xóm của mình, tuy tôi không biết tên. Nhưng lúc ấy không phải là lúc để nói chuyện có đầu có đuôi.

Ông nói: “Thật là những con thú đáng tửm! Chúa ơi! Thật là những con thú đáng tửm!” ông cứ lặp đi lặp lại.

Tôi hỏi: “Ông có thấy một anh ở trong hố không?” Nhưng ông không trả

lời. Chúng tôi lặng im đứng bên nhau nhìn một lúc, tôi đoán là để cảm thấy an tâm khi có người bên cạnh. Rồi tôi qua một gò nhỏ cao hơn khoảng một mét để nhìn được rõ hơn, khi tôi quay tìm ông thì ông đang đi về Woking.

Ráng chiều phai thành ánh nhá nhem trước khi có chuyện gì khác xảy ra. Đám người xa bên trái, phía Woking, hình như đông thêm, tôi nghe tiếng thì thầm nho nhỏ phía đó. Nhóm nhỏ phía Chobham đã phân tán. Trong hố không thấy có dấu hiệu chuyển động nào.

Chính điều này lại khiến người ta can đảm, và tôi cho rằng những người từ Woking mới tới cũng đã giúp cho đám đông bạo dạn trở lại. Dù thế nào đi nữa, khi hoàng hôn lan đến, cái chuyển động chậm chậm thỉnh thoảng lại ngừng bên trên hố cát lại bắt đầu, một chuyển động dường như càng lúc càng mạnh trong khi vẫn không phá vỡ sự tĩnh mịch của buổi chiều tà chung quanh khối hình trụ. Từng nhóm hai ba bóng người đen thẳm cùng tiến tới, dừng lại, quan sát, rồi lại tiến tới, tỏa ra thành một hình lưỡi liềm mỏng không đều, có vẻ như sẽ khép hai đầu nhọn lại để vây lấy cái hố. Tôi cũng từ phía mình bắt đầu tiến tới.

Rồi tôi thấy vài anh đánh xe với nhiều người nữa mạnh dạn đi xuống mấy hố cát, và nghe tiếng móng lộp cộp cùng tiếng bánh xe ken két. Tôi thấy một đứa bé đang đẩy chiếc xe cút kít chở tảo đi mất. Sau đó tôi thấy, cách cái hố khoảng ba mươi thước, một nhóm người nhỏ nom đen kịt từ phía Horsell đang tiến tới, người đi đầu vẩy lá cờ trắng.

Đây là Đoàn đại biểu. Trước đó đã có một cuộc hội ý vội vàng, và vì người Hòa bình hiển nhiên là sinh vật có trí khôn, mặc dù hình dáng của họ đáng kinh tởm, người ta đã quyết định cho họ thấy rằng chúng ta cũng có trí khôn, bằng cách ra dấu trong khi tiến lại gần họ.

Lá cờ phất phới, phất phới, qua phải, rồi qua trái. Tôi đang ở quá xa nên không nhận ra có ai ở đó, nhưng về sau tôi biết Ogilvy, Stent và Henderson nằm trong số những người can dự vào ý định bắt liên lạc này. Nhóm nhỏ đang trên đường tiến tới này có thể nói là đã lôi kéo vòng người dần thu hẹp vào trong, bây giờ hầu như đã bao kín chu vi cái hố. Xa xa, nhiều dáng người mờ tối dè dặt đi theo họ.

Thình lình một tia sáng lóe lên, khói xanh sáng rực trong hố phun ra thành ba cụm rõ rệt, nối tiếp nhau bay thẳng lên không gian tĩnh mịch.

Khói này (có lẽ phải nói là lửa mới đúng) rực rỡ tới nỗi bầu trời xanh thẳm trên cao và những dải đất nâu mờ sương có mấy cây thông đen phía Chertsey dường như đột nhiên sẫm lại khi các cụm khói bay lên, và càng tối hơn sau khi khói tản mát ra. Cùng lúc đó ta có thể nghe thấy một tiếng rít nhỏ.

Bên kia hố, toán người với lá cờ trắng dẫn đầu đứng sững sờ trước hiện tượng này, họ là một nhóm vài dáng người nhỏ bé lơ mờ trên mặt đất tối đen. Khi khói biếc bay lên, mặt họ lóe lên tái xanh, rồi lại nhạt nhòa khi khói tan. Rồi tiếng rít dần dần biến thành tiếng ù ù, rồi tiếng o o kéo dài inh ỏi. Một hình dáng gù gù từ từ nổi lên trên hố, và hình như nó lóe ra một tia sáng ma quái.

Ngay lập tức, toán người lác đác ấy bùng cháy, ánh chói lòa nhảy từ người này qua người khác, tựa như một tia vô hình chạm vào họ rồi lóe thành ngọn lửa trắng, tựa như mỗi người bỗng tức khắc biến thành lửa.

Khi ấy, nhờ ánh sáng của ngọn lửa hủy diệt họ, tôi thấy họ lao đảo ngã xuống, và thấy những người cổ vũ họ quay lưng bỏ chạy.

Tôi đứng nhìn trân trân, vẫn chưa nhận ra rằng chính thần chết đang

nhảy từ người này qua người khác trong nhóm người ít ỏi đằng xa ấy. Tôi chỉ cảm thấy đây là một điều rất lạ. Một tia lóe chói lòa hầu như không tiếng động, thế rồi một người ngã chúi xuống nằm im lìm. Và Tia Nhiệt vô hình kia quét qua tới đâu là khóm thông bật cháy tới đó, mỗi bụi cây kim tước khô *phục* một tiếng nhỏ rồi biến thành một mảng lửa. Xa xa về phía làng Knaphill, tôi thấy cây cối, bờ gậu và những ngôi nhà gỗ bỗng nhiên bùng cháy.

Thần chết cháy rực này, thanh gươm nhiệt vô hình khôn cản này, đang thoăn thoắt và đều đặn quét vòng. Nhờ những bụi cây tóe lửa mà nó chạm đến, tôi thấy nó đang tiến về phía mình, và kinh ngạc ngăn người tới nỗi không thể cựa quậy. Tôi nghe tiếng lửa cháy lách tách dưới các hố cát và tiếng ngựa hí bất thần rồi bất thần im bật. Rồi như thể có một ngón tay vô hình nhưng cực nóng đang rút lui qua đồng thạch nam giữa tôi và bọn người Hỏa tinh, và trên suốt vòng chu vi bên ngoài các hố cát mặt đất tối đen bốc khói và cháy tanh tách. Một vật gì đó âm xuống xa xa phía trái, nơi con đường từ nhà ga Woking nhập vào bãi đất công. Lập tức tiếng rít và tiếng *u u* ngừng bật, và vật đen có hình dáng như cái vòm từ từ chìm khuất xuống hố.

Mọi việc xảy ra nhanh tới nỗi tôi đã đứng bất động, sững sờ và bàng hoàng vì các tia lóe sáng. Nếu thần chết đó quét hết vòng thì chắc chắn tôi đã bị giết chết trong khi vẫn đang ngạc nhiên. Nhưng nó bỏ qua và tha cho tôi, để lại quanh tôi bóng đêm bỗng nhiên tối tăm và xa lạ.

Bãi đất công mấp mô bây giờ có vẻ tối gần như đen kịt, ngoại trừ các lòng đường mờ nhạt dưới bầu trời xanh thẫm lúc vừa chập tối. Trời u ám, và bất chợt không một bóng người. Trên đầu các vì sao đang tụ lại, bầu trời hướng Tây vẫn sáng nhạt gần như xanh biếc. Các ngọn thông và mái nhà ở Horsell hiện rõ nét và đen sẫm trên ráng hồng phía Tây. Bọn người Hỏa tinh

và dụng cụ của chúng đã hoàn toàn biến mất, trừ cây cột mảnh dẻ gắn tấm gương lắc lư không ngừng. Các bụi rậm và cây cối lẻ tẻ đây đó vẫn còn tỏa khói và ửng đỏ, khóm nhà phía ga Woking đang bốc lên những cột lửa cuộn cuộn trong cảnh tĩnh mịch của buổi chiều tà.

Ngoài ra không có gì thay đổi, trừ nỗi sửng sốt kinh hoàng. Các đốm đèn nhỏ với lá cờ trắng đã bị quét ra khỏi cõi đời, và đối với tôi dường như sự tĩnh mịch của lúc chiều tà không hề bị gián đoạn.

Tôi chợt nhận ra mình đang ở trên bãi đất đen này, bất lực, không ai che chở, và cô độc. Thành linh nổi sợ hãi như từ bên ngoài tới tấn công tôi.

Tôi cố sức quay lại và lao đảo chạy xuyên qua cánh đồng thạch nam.

Nỗi sợ mà tôi cảm thấy là nỗi sợ không thể lý giải, là sự khiếp hãi hoảng loạn không chỉ vì người Hỏa tinh, mà còn vì ánh nhá nhem và sự tĩnh mịch khắp chung quanh mình. Nó làm tôi nhu nhược tới nỗi tôi vừa chạy vừa khóc thầm như đứa trẻ. Khi đã quay lưng chạy, tôi không dám nhìn ngoái lại.

Tôi nhớ đã cảm thấy tin tưởng một cách lạ thường rằng mình đang bị đùa bỡn, rằng ngay lúc này, khi tôi sắp về đến chỗ an toàn, thì gã thần chết bí ẩn trong cái hố chứa khối hình trụ sẽ phóng theo nhanh như ánh sáng và đánh tôi ngã gục.

Chương 6

Tia Nhiệt ở Đường Chobham

Đến nay người ta vẫn kinh ngạc tự hỏi làm sao người Hỏa tinh có thể giết người quá nhanh và quá im lìm như thế. Nhiều người nghĩ rằng chúng có cách tạo ra sức nóng cực độ trong một khoang rỗng gần như tuyệt đối không dẫn nhiệt. Chúng phóng sức nóng cực độ này thành tia song song tới bất cứ mục tiêu nào chúng chọn, bằng một tấm gương cong bóng loáng có cấu tạo chưa rõ, rất giống tấm gương cong ở hải đăng dùng để phản chiếu tia sáng. Nhưng chưa ai hoàn toàn chứng minh được các chi tiết này. Dù bằng cách nào đi nữa, chắc chắn Tia Nhiệt là cốt lõi của vấn đề. Sức nóng, và tia sáng vô hình, thay vì hữu hình. Bất kỳ vật gì bắt lửa cũng đều bùng cháy khi nó chạm đến, chì chảy như nước, nó làm mềm sắt, làm nứt và chảy thủy tinh, và khi nó chạm nước thì tức khắc nước bốc thành hơi.

Tối hôm ấy gần bốn chục người nằm dưới ánh sao trời quanh hố, cháy đen, quần queo không còn nhận ra hình dáng, và suốt đêm dài, bãi đất công từ Horsell tới Maybury vắng ngắt và cháy rực.

Tin tức về vụ tàn sát chắc đã tới Chobham, Woking và Ottershaw gần như cùng lúc. Khi thảm kịch xảy ra, hàng quán ở Woking đã đóng cửa, và một số người, những người buôn bán và đại loại, nghe chuyện rồi bị lôi cuốn, rủ nhau qua cầu Horsell, đi dọc theo con đường giữa các bờ gậu dẫn ra tới bãi đất công. Bạn có thể hình dung giới trẻ ăn diện chải chuốt sau ngày làm

việc, coi sự kiện mới lạ này, như bất kỳ điều mới lạ nào, là một cái có để đi bách bộ với nhau và tán tỉnh lẫn nhau. Bạn có thể hình dung tiếng râm ran trên đường vào lúc hoàng hôn...

Nhưng hiển nhiên ít người ở Woking biết khối hình trụ đã mở ra, mặc dù ông Henderson đáng thương đã bảo một người phóng xe đạp tới bưu điện, mang theo bản tin khẩn để gửi cho tờ báo phát hành buổi chiều.

Khi nhóm này đi thành từng tốp hai ba người tới khu đất trống, họ thấy nhiều toán nhỏ đang vừa sôi nổi trò chuyện vừa nhìn ngắm soi tấm gương vẫn xoay tròn trên hố cát, và hẳn nhiên sự kiện hấp dẫn ấy lập tức lôi cuốn những kẻ mới đến.

Lúc tám giờ rưỡi, khi Đoàn đại biểu bị tiêu diệt, ở đó ước chừng đã có một đám khoảng hơn ba trăm người, chưa kể những kẻ đã ra khỏi lối đi để tiến lại gần người Hỏa tinh, ở đó cũng có ba ông cảnh sát, trong đó có một ông cưỡi ngựa, đang cố hết sức theo yêu cầu của Stent giữ người ta lùi xa và cản không cho họ tới gần cái khối hình trụ. Bọn thiếu suy nghĩ và dễ bị kích động cất tiếng la ó phản đối, đối với họ thì chỗ đông người luôn luôn là một dịp để làm ồn và cợt nhả.

Stent và Ogilvy đoán trước là có thể sẽ xảy ra xung đột họ đã gửi điện từ Horsell tới trại lưới ngay khi người Hỏa tinh ngời ra, để xin một đại đội tới giúp bảo vệ những sinh vật lạ này khỏi bị hành hung. Sau đó họ quay lại để dẫn đầu chuyển đi bất hạnh ấy. Theo như đám đông mô tả, cái chết của họ rất giống với hình ảnh chính tôi thấy: ba cụm khói xanh biếc, tiếng ù ù trầm trầm, và các tia lửa.

Nhưng đám người ấy gần kề thần chết hơn tôi rất nhiều. Nhờ có gò cát mọc đầy thạch nam cản phần dưới của Tia Nhiệt nên họ mới thoát nạn. Nếu

tấm gương cong giơ cao hơn vài mét thì đã không còn ai sống sót để kể lại câu chuyện này. Họ thấy các tia lóe và nhiều người ngã xuống, rồi như thể có một bàn tay vô hình đốt cháy các bụi cây trong khi lao về phía họ trong ánh nhá nhem. Rồi một tiếng rít vang lên át tiếng o o trong hổ, Tia Nhiệt quét sát đầu họ, làm phức cháy mọi ngọn cỏ trắng dọc bên đường, xẻ gạch, đập vỡ cửa kính, đốt khung cửa sổ và phá đổ tan tành một phần đầu hồi của căn nhà ở gần góc đường nhất.

Trong tiếng đổ *huych*, tiếng rít và ánh chói lòa của cây cối bùng cháy, đám đông hoảng loạn hình như đã lưỡng lự vài tích tắc. Tàn lửa và nhánh cây cháy bắt đầu rơi xuống đường, mỗi chiếc lá như một cụm lửa. Nón mũ và quần áo bắt lửa. Rồi tiếng kêu la từ bãi đất công vang lên. Có tiếng la hét inh ỏi, rồi thành linh một anh cảnh sát phi ngựa càn qua đám hỗn loạn, hai tay ôm đầu kêu thét.

Một bà hét lên: “Chúng tới!” và lập tức mọi người quay lại, xô đẩy những kẻ phía sau, mở đường về lại Woking. Họ chắc đã nhắm mắt vùng chạy như đàn cừu. Chỗ con đường hẹp lại, tối đen giữa hai bờ cao, đám đông tắc nghẽn, và một trận chen lấn dữ dội xảy ra. Đám người đó không thoát hết, có ít nhất ba người, hai bà và một đứa bé trai, bị đè bẹp và giày xéo, rồi bị bỏ lại để chết giữa nỗi kinh hoàng và bóng tối.

Chương 7

Tôi về nhà bằng cách nào

Riêng phần tôi, tôi không nhớ gì về cuộc chạy trốn của mình, ngoại trừ tâm trạng căng thẳng vì cứ vấp phải cây và lão đảo chạy xuyên qua thạch nam. Khắp chung quanh tôi, sự khủng bố vô hình do người Hỏa tinh gây ra càng lúc càng tăng, lưỡi gươm nhiệt tàn bạo ấy có vẻ như đang càn quét, vung vẩy trên đầu trước khi hạ xuống đập chết tôi. Tôi ra tới khúc đường giữa ngã tư và làng Horsell và chạy theo đoạn đường này tới ngã tư.

Cuối cùng tôi không thể đi xa hơn nữa. Một nhòai vì kinh hoàng và vì cuống cuống đào thoát, tôi lão đảo ngã xuống vệ đường. Chỗ đó gần chiếc cầu bắc ngang con kênh bên cạnh nhà máy khí đốt. Tôi ngã xuống rồi nằm yên.

Chắc hẳn tôi đã nằm ở đó một lúc lâu.

Tôi ngồi dậy, bối rối lạ lùng. Có lẽ trong một thoáng tôi không biết rõ làm cách nào mình đã tới chỗ đó. Nỗi kinh hoàng đã rụng khỏi tôi như lớp áo mặc ngoài. Mũ tôi đã mất, cổ áo đã đứt văng đi. Vài phút trước chỉ có ba thứ trước mắt tôi là thật: sự bao la của đêm tối, của không gian và thiên nhiên, sự yếu nhược và nỗi thống khổ của tôi, và thần chết tới gần trong gang tấc. Bây giờ như thể đảo ngược lại, điểm nhìn đột nhiên thay đổi. Tâm trí chuyển từ

trạng thái này qua trạng thái khác một cách không lý giải nổi. Tôi lập tức trở lại là con người quen thuộc của mình, một công dân bình thường, đúng mực. Bãi đất công tĩnh mịch, nổi thôi thúc đào thoát, ngọn lửa bất thần, tất cả như thể trong mơ. Tôi tự hỏi những điều mới xảy ra này có thật không? Tôi không thể nào tin nổi.

Tôi đứng dậy, lão đảo lên dốc cầu. Tâm trí tôi trống rỗng lạ thường. Bắp thịt và thần kinh dường như kiệt quệ. Tôi dám nói mình đã lão đảo như say rượu. Một cái đầu nhô lên trên dốc cầu, rồi hình dáng một công nhân xách giỏ hiện ra. Một đứa bé trai chạy bên cạnh ông ta. Ông đi ngang qua tôi, chúc tôi ngủ ngon. Tôi định nói chuyện với ông, nhưng thôi. Tôi đáp lại lời chúc của ông bằng tiếng lẩm bẩm vô nghĩa, rồi tiếp tục qua cầu.

Trên nhịp cầu Maybury, một chiếc xe lửa, một đám khói trắng cuộn cuộn, và một chuỗi dài cửa sổ sáng đèn, đang lao vút về hướng Nam, lách cách, lách cách, lóc cóc, lóc cóc, rồi biến mất. Một nhóm lơ mơ vài người đang nói chuyện nơi cổng một căn nhà ở dãy phố có đầu hồi xinh xắn mang tên Thềm Đông Phương. Tất cả nom quá thật và quá quen thuộc. Còn phía sau tôi! Hoảng hốt, quái dị! Tôi tự nhủ những điều ấy không thể có thật.

Có lẽ tôi là một kẻ có tính bất thường. Tôi không biết trải nghiệm của mình giống hay khác với mọi người đến mức nào. Nhiều khi tôi có cảm giác dừng dừng kỳ lạ đối với chính mình và thế giới chung quanh; tôi dường như từ bên ngoài nhìn vào mọi thứ, từ một nơi xa xôi không thể tưởng, ngoài thời gian, ngoài không gian, ngoài mọi nỗi ưu tư và thảm kịch. Cảm giác này rất mạnh trong tôi tối hôm ấy. Đây là một mặt khác trong giấc mơ của tôi.

Nhưng điều khó hiểu là sự mâu thuẫn hoàn toàn giữa cảnh thanh bình này với thần chết chớp nhoáng đang càn quét đằng kia, cách đây chưa tới hai

dậm. Nhà máy khí đốt hoạt động ầm ĩ, và các ngọn đèn điện đều bật sáng. Tôi dừng lại trước nhóm người.

Tôi hỏi: “Tin tức ở bãi đất công thế nào?”

Ở cổng có hai người đàn ông và một người đàn bà.

Một người đàn ông quay lại nói: “Hả?”

Tôi hỏi: “Tin tức ở bãi đất công thế nào?”

Hai người đàn ông cùng hỏi: “Hồng phải ông mới ở đó về hả?”

Người đàn bà sau cổng nói: “Thiên hạ cứ dấm da dấm dớ về cái bãi đất công gì đó. Chuyện gì dzậy hả?”

Tôi nói: “Mấy người chưa nghe gì về người từ Hỏa tinh à? Mấy sinh vật từ Hỏa tinh tới ấy?”

Người đàn bà sau cổng nói: “Nghe đây tai rồi, cáám ơn.” Và cả ba cùng cười.

Tôi cảm thấy khờ dại và tức giận. Tôi cố kể cho họ điều mình đã thấy nhưng liền nhận ra rằng mình không kể được. Họ lại cười những câu chẳng ra đầu ra đũa của tôi.

Tôi vừa nói vừa tiếp tục đi về nhà: “Mấy người sẽ nghe thêm nữa thôi.”

Nơi bậc cửa tôi làm vợ mình sống sót, vì trông tôi quá phờ phạc. Tôi vào phòng ăn, ngồi xuống, uống chút rượu vang, và ngay khi có thể trấn tĩnh lại, tôi kể cho nàng những điều đã thấy. Bữa ăn nguội đã được dọn ra, bị bỏ mặc trên bàn trong khi tôi kể câu chuyện của mình.

Tôi nói, để làm nhẹ bớt nỗi sợ hãi mà mình đã khơi lên: “Có một điều này: chúng là thứ sinh vật lê lết chậm chạp nhất mà anh từng gặp. Chúng có

thể giữ lấy cái hố và giết những ai tới gần chúng đấy, nhưng chúng không ra khỏi hố được... Nhưng chúng ghê gớm quá!”

Vợ tôi nhú mày, đặt tay lên tay tôi, rồi nói: “Đừng, anh!”

Tôi nói: “Tội nghiệp Ogilvy! Ông ấy có khi giờ đang nằm chết ngoài đó rồi!”

Ít nhất vợ tôi không nghĩ những gì tôi đã trải qua là khó tin. Khi tôi thấy mặt nàng trắng nhợt như chết rồi, tôi ngừng bật lại.

Nàng lặp đi lặp lại: “Chúng có thể tới đây.”

Tôi ép nàng uống chút rượu, và cố trấn an nàng.

Tôi nói: “Chúng di chuyển khó khăn lắm.”

Tôi bắt đầu an ủi nàng và chính mình bằng cách kể lại tất cả những gì Ogilvy đã nói với tôi rằng người Hỏa tinh không thể sống trên Trái đất. Đặc biệt, tôi nhấn mạnh tới trở ngại về trọng lực. Sức hút trên bề mặt Trái đất gấp ba lần trên bề mặt Hỏa tinh.

Vì thế người Hỏa tinh sẽ nặng gấp ba lần trên Trái đất, trong khi sức mạnh cơ bắp của chúng vẫn như cũ. Chúng sẽ cảm thấy cơ thể nặng như một khối chì. Quả thật, dư luận chung là vậy. Sáng hôm sau cả hai tờ *Times* và tờ *Daily Telegraph* chẳng hạn đều nhấn mạnh tới điều đó, và cả hai, giống như tôi, đều không chú ý tới hai yếu tố hiển nhiên.

Bây giờ chúng ta biết bầu khí quyển của Trái đất chứa nhiều ôxy hơn, hay nói cách khác là ít khí trơ argon hơn nhiều so với Hỏa tinh. Khí ôxy dồi dào làm cho người Hỏa tinh khỏe mạnh hơn, chắc chắn đủ để triệt tiêu sự khó khăn do cảm thấy cơ thể tăng trọng lượng. Thứ nữa, tất cả chúng ta đều bỏ sót sự kiện rằng, với trình độ phát triển máy móc mà chúng có, người Hỏa

ting có thể dễ dàng gạt bỏ hẳn nhu cầu sử dụng cơ bắp nếu thật sự cần thiết.

Nhưng lúc ấy tôi không xét tới những điểm này, vì thế lập luận của tôi gạt bỏ hết mọi khả năng bị kẻ xâm lăng. Với rượu vang và thức ăn, với bàn ăn quen thuộc của mình, và với sự cần thiết phải trấn an vợ mình, tôi trở nên can đảm và yên tâm tới mức mê muội.

Tôi vừa mân mê ly rượu vừa nói: “Chúng đã làm chuyện đại dột. Chúng nguy hiểm, chỉ vì rõ ràng là chúng sợ quá hóa điên. Có lẽ chúng cứ tưởng sẽ không tìm thấy sinh vật nào, chắc chắn là không sinh vật có trí khôn nào. Tệ lắm thì ta nã một trái pháo vào hố là chúng chết hết.”

Rõ ràng là các biến cố kích động cực độ đã kích thích khả năng nhận thức của tôi. Tôi nhớ rõ một cách dị thường cái bàn ăn hôm đó cho tới tận bây giờ. Khuôn mặt lo âu dịu dàng của người vợ yêu quý nhìn tôi chăm chú dưới cái chụp đèn màu hồng, khăn trắng trải bàn với dao nĩa bạc và ly tách - vì dạo ấy ngay cả các tác gia triết học cũng có nhiều thứ xa xỉ nho nhỏ - rượu vang đỏ thắm trong ly, những hình ảnh ấy rõ mồn một như chụp ảnh. Cuối cùng tôi ngồi, vừa kiềm chế những ý nghĩ điên rồ bằng cách hút thuốc, vừa tiếc cho sự hấp tấp của Ogilvy, vừa lên án thói sợ hoảng thiến cận của người Hỏa tinh.

Con chim cưu đáng kính trên đảo Mauritius chắc cũng đã nằm oai vệ trong tổ mà bàn luận về một chiếc tàu đầy bọn thủy thủ tàn bạo sắp cập bến và thềm thịt súc vật. “Ngày mai mình sẽ mổ chết tụi nó, cưng à.”

Tôi không biết điều này, nhưng đó là bữa ăn tử tế cuối cùng của tôi trước khi bắt đầu rất nhiều ngày kỳ lạ và khủng khiếp.

Chương 8

Tối thứ Sáu

Đối với tôi, điều quái lạ nhất trong tất cả những thứ lạ lùng và phi thường xảy ra hôm thứ Sáu ấy là các thói quen sáo mòn trong trật tự xã hội của chúng ta lại rất ăn khớp với các biến cố đầu tiên trong loạt sự kiện sắp sửa lật nhào cái trật tự xã hội đó. Nếu tối thứ Sáu bạn lấy cây compa vẽ một vòng tròn bán kính năm dặm chung quanh hố cát ở Woking, tôi không tin bạn sẽ tìm thấy một người nào bên ngoài cái vòng đó mà tình cảm hoặc thói quen bị xáo động chút nào vì những kẻ mới tới kia, trừ phi họ là thân quyến của Stent hay ba bốn người đi xe đạp hay mấy người dân Luân Đôn nằm chết trên bãi đất công. Dĩ nhiên nhiều người đã nghe nói về khối hình trụ, và bàn tán về nó trong lúc nhàn rỗi, nhưng chắc chắn là với họ nó không giật gân như nếu chúng ta gửi tối hậu thư cho nước Đức.

Tối hôm đó ở Luân Đôn, bức điện của ông Henderson đáng thương mô tả đầu hỏa tiễn từ từ vụn ra bị người ta đánh giá là tin vệt, và tờ báo buổi chiều của ông, sau khi gửi điện xác minh mà không nhận được trả lời - vì ông đã chết - bèn quyết định không in bản tin đặc biệt.

Ngay cả trong vòng năm dặm ấy, đại đa số dân chúng vẫn trở lị. Tôi đã tả thái độ của những người tôi nói chuyện. Trong khắp quận người ta ăn uống, dân đi làm chăm sóc vườn tược sau một ngày làm lụng, trẻ con được cho đi ngủ, giới trẻ lang thang hú hí trong ngõ hẻm, học trò ngồi học, sách

mở trên bàn.

Trên đường làng có thể có tiếng xì xào, trong quán rượu có thể có một đề tài mới nổi bật, và đây đó một người mang tin, hay thậm chí một kẻ thấy tận mắt sự kiện vừa xảy ra, khả dĩ tạo nên một cơn kích động, la hét, chạy ngược chạy xuôi; nhưng phần lớn lẽ thói hằng ngày, làm việc, ăn uống, ngủ nghỉ thì vẫn tiếp tục như người ta đã làm hàng bao năm, như thể chẳng có Hỏa tinh nào hiện hữu trên bầu trời. Ngay cả ở nhà ga Woking, Horsell và Chobham cũng thế.

Ở ga đầu mỗi Woking, cho tới khuya, xe lửa vẫn đến rồi đi, các toa khác tránh qua đường ray phụ, hành khách xuống xe và đợi, mọi việc tiến hành một cách rất bình thường. Một thằng bé từ thị trấn, xâm phạm vào độc quyền của Smith⁽⁴⁾ đang rao tin buổi chiều để bán báo. Tiếng các toa hàng rầm rập chạm nhau, tiếng còi lạnh lạnh của các đầu máy ở chỗ nối, hòa lẫn với tiếng chúng rao “Người Hỏa tinh!”.

Khoảng chín giờ, những kẻ phấn khích vào nhà ga mang theo những tin tức quái lạ chẳng ai tin, nhưng họ chỉ gây náo động chẳng hơn gì bọn say rượu. Những người lao xao đi Luân Đôn nhìn sẫm soi bóng tối ngoài cửa sổ toa xe, song chỉ thấy một tia lửa mờ nhạt leo lét sắp tàn chập chờn ở phía Horsell, một ánh đỏ và một màn khói mỏng bay ngang các vì sao, và họ nghĩ đấy chẳng qua là một đám cháy trên đồng thạch nam. Duy chỉ ở quanh bãi đất chung mới có thể nhận thấy được chút náo động nào đấy. Sáu biệt thự đang cháy sát trên ranh giới làng Woking. Mọi ngôi nhà trong ba làng quay mặt ra bãi đất công đều sáng đèn, và người dân sống ở đó thức chong chong tới bình minh.

Một đám đông tò mò bồn chồn nấn ná lại, kẻ đến người đi nhưng đám

đông vẫn còn đó, cả trên cầu Chobham lẫn cầu Horsell. Về sau người ta biết có một hai kẻ mạo hiểm đi vào bóng tối và bò tới khá gần bọn người Hỏa tinh, nhưng họ chẳng bao giờ trở về, vì thỉnh thoảng một tia sáng quét qua bãi đất công, như chùm đèn pha trên chiến hạm, và Tia Nhiệt lập tức theo sau. Ngoài những chuyện đó, bãi đất công rộng lớn vẫn yên tĩnh và hoang vắng, các thi thể cháy đen nằm rải rác ở đó suốt đêm dưới các vì sao, cả ngày hôm sau cũng vậy. Nhiều người nghe thấy tiếng búa nện trong hố.

Đó là tình hình vào tối thứ Sáu. Ngay chính giữa, cắm vào vỏ Trái đất lâu đời của chúng ta như một mũi tên tẩm độc, là khối hình trụ này. Nhưng chất độc chưa phát tán. Bao quanh nó là bãi đất công yên tĩnh, cháy âm ỉ nhiều chỗ, với vài hình dáng mờ tối nằm vện vẹo đây đó. Đây đó một thân cây hay bụi rậm đang cháy. Bao quanh là một đường viền náo động, và lửa vẫn chưa lan ra ngoài viền ấy. Trên thế giới dòng đời vẫn chảy như từ ngàn xưa. Cơn sốt chiến tranh vẫn còn đang âm ỉ, để chẳng bao lâu nữa sẽ làm tắc mạch máu, thui chột thần kinh và tiêu hủy bộ não.

Suốt đêm người Hỏa tinh nện âm âm và loay hoay, không ngủ, không mệt, hì hụi với những cỗ máy mà chúng đang chuẩn bị sẵn sàng, và thỉnh thoảng một cụm khói xanh mờ lại cuộn cuộn bay lên bầu trời đầy sao.

Khoảng mười một giờ, một đại đội lính đi qua Horsell tới dàn quân dọc theo rìa bãi đất công để làm rào cản. Sau đó một đại đội khác tiến qua Chobham dàn quân trên mặt Bắc của bãi đất công. Trước đó vài sĩ quan của doanh trại Inkerman đã có mặt, và người ta báo cáo thiếu tá Eden bị mất tích. Lúc nửa đêm, vị đại tá của trung đoàn đến cầu Chobham và bận rộn hỏi thăm đông. Giới chức quân sự hiển nhiên hiểu rõ tầm nghiêm trọng của vấn đề. Các tờ báo phát hành sáng hôm sau tường thuật là khoảng mười một giờ một đội kỵ binh nhẹ, hai khẩu súng liên thanh Maxim và khoảng bốn trăm người

thuộc trung đoàn kỵ binh Cardigan ở căn cứ Aldershot đã khởi hành.

Tích tắc sau nửa đêm, đám đông trên đường Chertsey ở làng Woking thấy một ngôi sao trên trời rơi xuống rừng thông phía Tây Bắc. Ngôi sao màu xanh lục nhạt tỏa ra một ánh chói lòa lạnh lẽo như sét mùa hè. Đó là khối hình trụ thứ hai.

Chương 9

Chiến tranh bắt đầu

Ngày thứ Bảy ấy vẫn sống động trong trí tôi, một ngày hồi hộp chờ đợi. Hôm ấy cũng là một ngày mệt mỏi, nóng bức và ngột ngạt, tôi nghe nói phong vũ biểu lên xuống nhanh bất thường. Tôi ngủ ít và thức dậy sớm, tuy vợ tôi ngủ say. Trước khi ăn điểm tâm tôi ra vườn sau nhà đứng lắng nghe, nhưng phía bãi đất công chẳng có động tĩnh nào trừ tiếng con chim chiền chiện.

Ông giao sữa đến như thông lệ. Nghe tiếng quân xa của ông lách cách, tôi đi vòng ra cửa bên hông nhà để hỏi thăm tin tức mới nhất, ông kể cho tôi rằng trong đêm quân đội đã bao vây người Hỏa tinh, và súng đạn đã sẵn sàng. Khi ấy tôi nghe tiếng xe lửa chạy tới Woking, một âm thanh quen thuộc làm vững dạ.

Ông giao sữa nói: “Nếu có thể tránh được thì sẽ không giết chúng.”

Thấy người láng giềng đang làm vườn, tôi đến tán chuyện với ông ta một lát trước khi vào ăn điểm tâm. Sáng hôm ấy chẳng có gì bất thường. Người láng giềng của tôi cho là nội ngày hôm nay quân đội có thể sẽ bắt giữ hay tiêu diệt bọn người Hỏa tinh, và cho rằng đã xảy ra bàn cãi trong Đội kỵ binh. Lính công binh học cao hơn lính thường rất nhiều, họ bàn luận một cách sắc sảo về các tình huống đặc biệt của cuộc giao tranh có thể xảy ra. Tôi mô tả

Tia Nhiệt cho họ, thế là họ khởi sự cãi nhau.

Một anh nói: “Tao nghĩ mình nên ngụy trang bò lên tấn công tụi nó.”

Một anh khác nói: “Đồ ngu! Ngụy trang nào mà được với tụi quỷ này hả? Mấy cây gậy đó nướng chín mày liền! Mình nên lén theo địa thế tới càng gần càng tốt, rồi đào hào.”

“Dẹp mấy cái hào của mày đi! Mày lúc nào cũng muốn đào hào, đáng lẽ mày sinh ra là con thỏ mới đúng, đồ nhãi ranh.”

Người thứ ba, một ông nhỏ bé, ngăm đen, trầm ngâm, hút tẩu thuốc, cắt ngang: “Tụi nó hông có cái cổ nào hả?”

Tôi lặp lại mô tả của mình.

Ông ta nói: “Đúng là thứ bạch tuộc. Người ta nói giáo sĩ lừa người, lần này là binh sĩ lừa cá!”⁽⁵⁾

Người đầu tiên nói: “Giết bọn thú như vậy đâu có phải là sát nhân.”

Người đàn ông ngăm đen nhỏ bé nói: “Tại sao không nã pháo cho tiêu tụi tụi khốn khiếp đó cho rồi? Mày đâu có biết tụi nó có thể làm trò gì.”

Người đầu tiên nói: “Pháo của mày đâu? Hổng kịp. Mưù của tao là làm chớp nhoáng, và làm tức khắc.”

Họ cứ thế bàn cãi. Một lát sau tôi bỏ đi tới ga xe lửa để mua hết mấy tờ báo buổi sáng tôi tìm được.

Nhưng tôi sẽ không tả mãi về cái buổi sáng dài lê thê đó và cái buổi chiều còn lê thê hơn để khiến cho người đọc chán. Tôi không có cách nào thấy được bãi đất công, vì ngay cả các tháp nhà thờ ở Horsell và Chobham cũng nằm trong tay giới chức quân sự rồi. Những người lính mà tôi nói

chuyện chẳng biết chút gì, còn cánh sĩ quan thì vừa bí mật vừa bận rộn. Tôi thấy dân thị trấn lại hoàn toàn yên tâm vì có sự hiện diện của quân đội. Và tôi nghe lần đầu tiên từ Marshall, ông bán thuốc lá, rằng con trai ông là một trong những người chết trên bãi đất công. Binh lính đã bắt người dân ở ven làng Horsell khóa cửa nhà rồi di tản.

Tôi về ăn trưa lúc hai giờ, mệt nhoài, vì như đã nói hôm ấy rất nóng và ngột ngạt. Để tỉnh táo lại, chiều hôm đó tôi tắm nước lạnh. Khoảng bốn giờ rưỡi, tôi tới nhà ga xe lửa để mua một tờ báo buổi chiều, vì các tờ báo buổi sáng tường thuật hoàn toàn thiếu chính xác về vụ giết Stent, Henderson, Ogilvy và những người khác. Nhưng chẳng có gì mà tôi chưa biết. Người Hỏa tinh không lộ ra một chút nào nữa. Chúng có vẻ bận rộn trong hố, tiếng búa nện và khói bốc lên hầu như liên tục. Hiển nhiên chúng đang bận chuẩn bị chiến đấu. Công thức rập khuôn của báo chí là: “Nhiều nỗ lực mới để bắt liên lạc, nhưng thất bại.” Một anh lính công binh bảo tôi là một người trong hào đã cố liên lạc bằng lá cờ gắn trên cây sào dài. Người Hỏa tinh chú ý tới đề nghị đó như chúng ta chú ý tới tiếng rống của con bò.

Phải thú nhận rằng tôi rất kích động khi nhìn các lực lượng vũ trang này, các chuẩn bị này. Trí tưởng tượng của tôi trở nên hiếu chiến, nghĩ tới hàng chục cách đánh bại kẻ xâm lăng, ước mơ tham chiến và thói anh hùng thời học trò của tôi trỗi dậy. Lúc đó đối với tôi hình như đây khó có thể là một cuộc giao chiến ngang sức. Họ có vẻ rất bất lực trong cái hố kia.

Khoảng ba giờ bắt đầu có tiếng súng gầm đều đặn từ Chertsey hay Addlestone. Tôi được biết người ta đang pháo kích khu rừng thông cháy âm ỉ nơi khối hình trụ thứ hai rơi xuống, với hy vọng tiêu diệt vật đó trước khi nó mở ra. Tuy nhiên, phải đến khoảng năm giờ mới có một khẩu pháo nhỏ tới được Chobham để đánh toán người Hỏa tinh đầu tiên.

Khoảng sáu giờ chiều, lúc đang ngồi uống trà với vợ trong nhà hóng mát, sôi nổi nói về trận chiến đang đe dọa chúng ta, tôi nghe tiếng nổ rền từ bãi đất công, và lập tức sau đó là một tràng súng. Ngay kế tiếp là tiếng loảng xoảng dữ dội, khá gần chúng tôi, làm rung chuyển mặt đất. Tôi chạy vội ra sân cỏ, thấy ngọn cây chung quanh Đại học Đông Phương cháy đỏ khói mù, và tháp nhà thờ nhỏ bên cạnh trường đổ xuống tan tành. Đỉnh nóc đền thờ Hồi giáo biến mất, và mái trường đại học như thể bị một khẩu đại bác một trăm tấn bắn trúng. Một ống khói nhà chúng tôi vỡ ra như bị trúng đạn, bay mất, một mảng ống khói lăn lách cách trên ngói rồi rơi xuống thành một đồng mảnh vỡ đỏ rực trên luống hoa bên cạnh cửa sổ phòng làm việc của tôi.

Tôi và vợ đứng chết sững. Rồi tôi nhận ra rằng bây giờ, một khi không còn được trường đại học che khuất, đỉnh đồi Maybury chắc hẳn nằm trong tầm Tia Nhiệt của người Hỏa tinh.

Thấy thế tôi nắm tay vợ và chẳng cần kiểu cách kéo nàng chạy ra đường. Rồi tôi tìm cô người làm, bảo cô ta là tự tôi sẽ lên lầu lấy cái rương cô đang nằng nặc đòi mang theo.

Tôi nói: “Mình không ở lại đây được,” và trong khi tôi nói, tiếng súng lại nổ một hồi trên bãi đất công.

Vợ tôi kinh hoảng nói: “Nhưng mình đi đâu?”

Tôi bối rối suy nghĩ. Rồi tôi nhớ tới thân quyến của nàng ở Leatherhead.

“Leatherhead!” Tôi hét át tiếng âm ỉ chột đến.

Nàng nhìn xuống đồi. Thiên hạ đang ra khỏi nhà, sững sốt.

Nàng nói: “Làm sao mình tới Leatherhead?”

Tôi thấy dưới đồi có một toán kỵ binh dưới cầu xe lửa, ba người phi

nước đại qua các cánh cổng đang mở của Đại học Đông Phương, hai người khác xuống ngựa và bắt đầu chạy từ nhà này qua nhà khác. Mặt trời đỏ như máu chiếu qua đám khói bốc lên trên ngọn cây, tỏa ánh sáng ma mị lạ lùng trên vạn vật.

Tôi nói: “Chờ ở đây, ở đây em an toàn.” Rồi tôi lập tức chạy tới tiệm Chó Đốm, vì tôi biết người chủ tiệm có một con ngựa và cỗ xe độc mã nhẹ. Tôi chạy, vì tôi hiểu rằng chốc lát nữa thôi mọi người bên này ngọn đồi sẽ di chuyển. Tôi tìm thấy ông chủ trong quầy, không biết gì về chuyện đang xảy ra phía sau nhà mình. Một người đàn ông đứng xoay lưng lại tôi, đang nói chuyện với ông.

Ông chủ tiệm nói: “Tôi phải lấy ông một bảng Anh, nhưng tôi không có ai đánh xe chở nó cho ông đâu.”

Tôi nói qua vai người đàn ông lạ: “Tôi trả ông hai bảng.”

“Để làm gì?”

Tôi nói: “Và tôi sẽ trả lúc nửa đêm.”

Ông chủ tiệm nói: “Trời ơi! Làm cái gì mà vội thế? Tôi đang bán heo thôi mà. Hai bảng, rồi ông đem về trả? Chuyện gì vậy?”

Tôi vội giải thích rằng tôi phải rời nhà, vì thế tôi thuê được chiếc xe. Lúc ấy tôi thấy gần như chẳng có lý do gì mà ông chủ quán cũng phải rời nhà sớm. Tôi cẩn thận lấy chiếc xe ngay tại chỗ, đánh ra đường, để cho vợ tôi và cô người làm trông chừng, rồi chạy vội vào nhà gói ghém vài món quý giá mà chúng tôi có, như bộ đồ ăn bằng bạc, vân vân.

Hàng dẻ trắng bên dưới nhà bốc cháy trong lúc tôi gom đồ đạc, và hàng cọc rào ở đầu đường ửng đỏ. Trong lúc tôi tắt tẩu, một trong hai anh kỵ binh

đã xuống ngựa chạy bộ tới. Anh ta đi từ nhà này qua nhà khác, khuyến cáo mọi người rời nhà. Anh đi ngang lúc tôi đang ra cửa trước, lôi theo tài sản của mình gói trong tấm vải trải bàn. Tôi gọi với theo anh: “Có tin gì không?”

Anh ta quay lại, nhìn chăm chăm, nói oang oang đại khái là “bò ra, ở trong một cái giống như cái lồng bàn”, rồi chạy tiếp tới cổng căn nhà trên đỉnh đồi. Một cuộn khói đen bỗng lan qua đường che khuất anh một lát. Tôi chạy qua gõ cửa nhà người láng giềng, để kiểm tra cho chắc điều tôi vốn đã biết, rằng vợ chồng ông đã khóa cửa đi Luân Đôn rồi. Tôi lại vào nhà mình để lấy cái rương của cô người làm như đã hứa, lôi nó ra, ấn nó vào bên cạnh cô phía sau chiếc xe, rồi nắm dây cương nhảy lên ghế đánh xe bên cạnh vợ tôi. Một lát sau chúng tôi ra khỏi đám khói và đám ồn ào, thúc ngựa xuống sườn dốc bên kia Đồi Maybury về hướng Old Woking.

Phía trước là quang cảnh rực nắng yên tĩnh, cánh đồng lúa mì trải dài hai bên đường, và Quán trọ Maybury với tấm bảng hiệu lắc lư. Tôi thấy cỗ xe của ông bác sĩ đang trước. Tới chân đồi, tôi ngoái lại nhìn sườn đồi vừa mới đi qua. Những dải khói đen đặc chen lẫn với những sợi lửa đỏ đang bốc lên trong không gian yên tĩnh, hắt bóng đen lên những ngọn cây xanh phía Đông. Khói đã lan xa theo hướng Đông-Tây, phía Đông tới rừng thông ở Byfleet, phía Tây thì tới Woking. Trên đường rải rác người chạy về phía chúng tôi. Lúc này nghe rất nhỏ, nhưng rất rõ, qua bầu không khí nóng và yên tĩnh, tiếng vút vút khẩu súng máy rất nhanh lại lặng đi và tiếng lộp bộp từng chập của mấy khẩu súng trường. Hình như người Hỏa tinh đang đốt mọi thứ trong tầm Tia Nhiệt của chúng.

Tôi đánh xe không giỏi, nên lập tức phải quay sang chú ý đến con ngựa. Khi tôi ngoái nhìn lại thì ngọn đồi thứ hai đã che khuất khói đen. Tôi dùng roi quất ngựa, rồi thả lỏng dây cương cho tới khi Woking và Send nằm giữa

chúng tôi và cảnh náo loạn dồn dập đó. Tôi bắt kịp và vượt qua ông bác sĩ ở đoạn đường giữa Woking và Send.

Chương 10

Trong cơn bão

Leatherhead cách Đồi Maybury khoảng mười hai dặm. Mùi cỏ khô thoang thoảng tỏa khắp cánh đồng cỏ tươi tốt quá khỏi Pyrford, các bờ giậu hai bên đường vô vàn hoa tầm xuân rực rỡ dịu thơm. Tiếng súng khi nãy bất chợt dồn dập nổi lên lúc chúng tôi đánh xe xuống Đồi Maybury bây giờ lại cũng thành linh linh ngưng bật, để lại buổi tối rất thanh bình và yên tĩnh. Khoảng chín giờ, chúng tôi tới Leatherhead mà không gặp rủi ro nào, và con ngựa được nghỉ một giờ trong khi tôi ăn tối với thân quyến và phó thác vợ tôi cho họ chăm sóc.

Vợ tôi đã im lặng một cách lạ lùng trong suốt chuyến đi, và có vẻ bị ám ảnh vì những điềm gở. Tôi trò chuyện để trấn an nàng, vạch ra rằng người Hỏa tinh bị kẹt trong hố bởi vì chúng quá nặng nề, cùng lắm là có thể bò một chút ra khỏi hố, nhưng nàng chỉ trả lời nhát gừng. Nếu tôi không hứa với ông chủ quán thì chắc nàng đã nài nỉ tôi ở lại Leatherhead tối hôm ấy. Giá tôi đã ở! Tôi nhớ rằng khi chúng tôi chia tay mặt nàng trắng bệch.

Riêng phần tôi, tôi đã kích động như phát sốt cả ngày. Một thứ rất giống như cơn sốt chiến tranh thỉnh thoảng xảy ra trong cộng đồng văn minh đã ngấm vào máu tôi, và trong thâm tâm tôi không hối tiếc lắm khi phải trở lại Maybury tối hôm đó. Thậm chí tôi còn sợ rằng loạt súng cuối cùng mà tôi nghe có thể đã giết sạch bọn xâm lăng từ Hỏa tinh. Tôi có thể mô tả chính

xác tâm trạng của mình lúc ấy là muốn tham dự vào cuộc giết chóc.

Tôi lên đường trở về lúc gần mười một giờ. Đêm hôm đó trời tối không mờ. Khi bước ra khỏi hành lang sáng đèn ở nhà người bà con, tôi thấy trời có vẻ tối mịn, và nóng ngọt ngọt như lúc ban ngày. Mây bay nhanh trên đầu, dù không một hơi gió nào lay động các bụi cây quanh chúng tôi. Người giúp việc của em họ tôi thắp cả hai ngọn đèn. May là tôi biết rõ đường. Vợ tôi đứng trong ánh đèn nơi ngưỡng cửa, nhìn tôi cho tới khi tôi nhảy lên xe. Rồi nàng đột ngột quay vào nhà, để thân quyến của tôi đứng sát bên nhau chúc tôi may mắn.

Thoạt tiên tôi hơi thoái chí vì lây nỗi sợ hãi của vợ mình, nhưng chẳng bao lâu lại nghĩ về người Hỏa tinh. Lúc đó tôi hoàn toàn không biết gì về diễn tiến của cuộc giao tranh đêm ấy. Tôi còn không biết tình huống nào dẫn đến xung đột. Khi đi qua làng Ockham (vì tôi theo đường đó trở về, chứ không qua Send và Old Woking) tôi thấy trên chân trời phía Tây một ánh đỏ như máu từ từ tỏa lên bầu trời. Các đám mây vằn vữa của trận bão đang tích tụ trộn lẫn với những mảng khói đen đỏ ở đó.

Phố Ripley hoang vắng, trừ một hai cửa sổ sáng đèn, ngôi làng không tỏ một dấu hiệu nào của sự sống, nhưng tôi suýt bị tai nạn ở góc đường đi tới Pyrford, ở đó có một tốp người đang quay lưng lại tôi. Họ không nói gì khi tôi đi ngang. Tôi không rõ họ biết gì về các sự kiện đang xảy ra bên kia đồi, và tôi cũng không biết các căn nhà lặng im trên đường tôi đi qua hiện đang ngủ yên bình hay bị bỏ hoang vắng, hay đang sồn gai ốc canh chừng nỗi kinh hoàng trong đêm.

Từ Ripley cho tới khi qua khỏi Pyrford tôi đi trong thung lũng sông Wey, ánh chói đỏ bị che khuất nên tôi không thấy. Khi tôi lên ngọn đồi nhỏ

quá khỏi nhà thờ Pyrford, ánh chói lại hiện ra trong tầm nhìn, cây cối xung quanh run rẩy theo diềm báo đầu tiên của trận bão sắp đổ lên tôi. Rồi tôi nghe hồi chuông nửa đêm từ nhà thờ Pyrford phía sau mình, và thấy hình bóng Đồi Maybury, ngọn cây và mái nhà trên đồi nổi bật và đen thẫm trên nền đỏ.

Đúng khi tôi nhìn cảnh này, một ánh xanh mét ghê rợn rọi sáng đoạn đường chung quanh tôi và khu rừng xa xa phía Addlestone. Tôi cảm thấy dây cương kéo mạnh. Tôi thấy những đám mây vùn vủ dường như bị một sợi lửa xanh xuyên qua, sợi lửa ấy thành linh soi sáng vẻ hỗn độn của quầng mây rồi đâm xuống cánh đồng bên trái. Sợi lửa đó là ngôi sao băng thứ ba!

Gần như cùng lúc với sự xuất hiện ma quái ấy tia chớp đầu tiên của cơn bão đang tích tụ lóe ra tím lòe mắt, và tiếng sấm nổ vang như hỏa tiễn trên đầu. Con ngựa cắn hàm thiếc và lồng lên.

Có một sườn dốc thoải xuống chân Đồi Maybury và chúng tôi lách cách chạy theo triền dốc ấy. Một khi sấm sét đã bắt đầu, nó tiếp tục chớp lóe nhanh dồn dập chưa từng thấy. Tiếng sấm nổ liên tiếp cùng với tiếng tanh tách kỳ lạ, nghe như tiếng một cỗ máy điện khổng lồ đang chạy hơn là tiếng dội do nổ bình thường. Ánh lấp lánh chói lòa hỗn loạn, rồi một trận mưa đá mịn quất mạnh vào mặt tôi trong khi tôi đánh xe xuống triền dốc.

Lúc đầu tôi không để ý, chỉ nhìn con đường phía trước mình, nhưng rồi chợt chú ý tới một vật đang di chuyển nhanh xuống sườn dốc bên kia Đồi Maybury. Thoạt tiên tôi nghĩ nó là cái mái nhà ướn, nhưng hai tia chớp liên tiếp cho thấy nó đang lăn rất nhanh. Nó là một ảo ảnh lẫn khuất, một khoảnh khắc tối tăm bí hiểm, và rồi, dưới tia chớp sáng như ban ngày, những mảng đỏ của Viện cô nhi gần đỉnh đồi, những ngọn thông xanh cùng với vật khó hiểu này hiện ra sáng rõ và sắc nét.

Và cái vật mà tôi thấy đó! Tôi tả nó thế nào đây? Một cái kiềng ba chân ma quái, cao hơn nhiều ngôi nhà, sải bước trên những ngọn thông non, đi đến đâu là xô rạp cây cối qua một bên đến đấy; một bộ máy kim loại lấp lánh biết đi đang sải bước qua bãi thạch nam, mấy sợi dây thép có khớp lủng lẳng trên thân hình nó, và tiếng loảng xoảng hỗn loạn trên đường đi của nó trộn lẫn với tiếng sấm ùng ùng náo động. Một tia chớp, thế là nó hiện ra chói lọi, nghiêng qua một bên, hai chân trên không, biến mất, rồi tia chớp khác lóe lên, nó lại tái hiện hầu như tức khắc, gần hơn, cách chỗ cũ một trăm mét.

Bạn có thể nào tưởng tượng một cái ghế ngồi vắt sữa ba chân bị lật nghiêng rồi lăn lông lốc trên mặt đất không? Các tia chớp lúc ấy gây đúng ấn tượng đó. Nhưng thay vì cái ghế ngồi vắt sữa, hãy tưởng tượng nó như một cỗ máy vĩ đại trên kiềng ba chân.

Rồi thành linh cây cối trong rừng thông phía trước tôi tẽ ra, như lau sậy giòn bị tẽ ra vì có người xông tới trước xuyên qua chúng. Cây cối gãy răng rắc và đổ nhào về phía trước, rồi chiếc kiềng ba chân khổng lồ thứ hai xuất hiện, có vẻ như nó đang cầm đầu chạy về phía tôi. Thế mà tôi phi nước đại tới gặp nó! Khi thấy con quái vật thứ nhì, tôi sợ mất vía. Không dừng lại để nhìn nữa, tôi giật mạnh đầu ngựa về bên phải, lập tức chiếc xe đổ nghiêng lên con ngựa, càn xe gãy inh tai, tôi bị hất qua một bên và ngã huych xuống một vũng nước cạn.

Tôi bò ra khỏi vũng gần như tức khắc, nép mình dưới lùm cây kim tước, chân vẫn còn vục dưới nước. Con ngựa nằm bất động (tội nghiệp con thú, nó bị gãy cổ!). Nhờ ánh chớp, tôi thấy thân chiếc xe đen ngòm nằm chống ngược và hình bóng bánh xe vẫn đang từ từ quay. Tích tắc sau cỗ máy khổng lồ sải bước qua bên cạnh tôi, lên đồi về hướng Pyrford.

Nhìn gần, vật ấy kỳ lạ một cách khó tin, vì nó không chỉ là cỗ máy vô tri giác đang sai bước. Nó đúng là một cỗ máy, bước đi rồn rảng tiếng kim loại, với những chiếc tua dài mềm dẻo lấp lánh (một tua nắm một cây thông non) vung vẩy nghe lách cách quanh thân hình kỳ lạ. Nó vừa chọn đường đi vừa sai bước, và cái mui bằng đồng thau nó đội bên trên ngúc ngắc tới lui, làm ta không thể không liên tưởng tới một cái đầu đang ngó quanh. Phía sau thân mình là một khối kim loại lớn màu trắng, như cái giỏ của gã ngư phủ khổng lồ, và những cụm khói xanh lục từ các khớp tua phun ra khi con quái vật quét sát bên tôi. Rồi tích tắc sau nó đi mất.

Lúc ấy tôi chỉ thấy như thể trong ánh chói lòa và bóng đen dày đặc, tất cả đều mơ hồ vì sấm chớp lấp lánh.

Khi đi ngang, nó thốt ra tiếng tru đặc chí inh ỏi “Aluu! Aluu!” át cả tiếng sấm, và một phút sau nó đã theo kẻ đồng hành của nó, cách xa nửa dặm, lom khom trên một vật gì giữa cánh đồng. Tôi tin chắc vật trên cánh đồng là khối hình trụ thứ ba trong số mười cái đã từ Hỏa tinh bắn xuống chúng ta.

Tôi nằm tại chỗ vài phút, trong mưa và bóng tối, quan sát trong ánh sáng lập lờ bọn quái vật bằng kim loại này di chuyển loanh quanh đằng xa trên đầu các bờ gậu. Lúc này một trận mưa đá nhỏ bắt đầu rơi, lúc rơi lúc tạnh và hình dáng bọn quái vật kia cũng theo đó mà lúc mờ ảo lúc lại lóe rõ. Đôi khi sấm chớp ngưng, bóng đêm nuốt chửng lấy chúng.

Tôi ướt sũng vì mưa đá trên đầu và vũng nước dưới chân. Nỗi bàng hoàng chờ đợi của tôi một lát sau mới ngớt, tôi cố leo lên bờ để tới chỗ khô hơn, hay để nghĩ về hiểm họa kề cận.

Không xa tôi là căn lán nhỏ một phòng bằng gỗ của dân tạm trú nằm giữa mảnh vườn khoai tây. Cuối cùng tôi lão đảo đứng lên, rồi vừa lom khom

vừa tận dụng mọi chỗ có thể ẩn nấp được, chạy tới cái lán. Tôi đập cửa, nhưng không ai nghe (nếu có người bên trong). Một lát sau tôi ngưng, rồi bò lồm cồm gần hết một con mương để vào khu rừng thông về phía Maybury mà không bị bọn máy móc quái vật này nhìn thấy.

Vừa ướt vừa lạnh run, tôi dẫn bước dưới sự che chở của tán rừng về hướng nhà mình. Tôi đi giữa cây cối, cố tìm lối mòn. Trong rừng tối mịt, vì lúc này sấm chớp trở nên bất thường, và mưa đá đổ xuống như trút, rơi thành từng cột qua các lỗ hổng của tán lá rậm rạp.

Giá như hiểu hết ý nghĩa của những điều mình thấy, tôi đã phải lập tức tìm cách đi vòng qua Byfleet tới phố Cobham, trở về gặp lại vợ tôi ở Leatherhead. Nhưng tối hôm ấy những điều kỳ lạ chung quanh và tình trạng thảm hại của thân thể đã ngăn không cho tôi làm vậy, vì tôi bị bầm giập, mệt nhoài, ướt tới tận xương, điếc tai và lòa mắt vì trận bão.

Tôi mơ hồ có ý nghĩ tiếp tục đi về nhà mình, đó là động cơ duy nhất của tôi. Tôi lao đảo qua đám cây, ngã xuống một cái mương và vấp vào một tấm ván bầm cả đầu gối, cuối cùng lợi lồm bồm vào ngõ hẻm chạy từ quán College Arms xuống. Tôi dùng chữ lợi lồm bồm vì nước mưa cuốn theo cát từ trên đồi xuống đã biến thành một dòng bùn lầy chảy xiết. Trong bóng tối một ông đụng phải tôi làm tôi lao đảo lùi lại.

Ông ta thốt lên một tiếng kinh hoàng, nhảy nghiêng, rồi bỏ chạy trước khi tôi kịp hoàn hồn gọi ông. Trận bão lúc này dữ dội tới nỗi tôi hết sức khó nhọc mới lên đồi được. Tôi lại gần hàng rào bên trái, gắng đi men theo dây cọc rào.

Gần tới đỉnh đồi tôi vấp phải một vật mềm. Nhờ ánh chớp lóe, tôi thấy giữa hai chân mình một đồng vải đen và đôi ủng. Tia chớp lấp lánh tắt ngóm

trước khi tôi có thể nhận rõ người đàn ông nằm trong tư thế ra sao. Tôi đứng cúi xuống ông, chờ ánh chớp kế tiếp. Khi chớp lại lóe lên, tôi thấy ông là một người cường tráng, mặc y phục rẻ tiền nhưng không luộm thuộm. Đầu vẹo dưới thân mình, ông nằm bẹp rúm gần hàng rào, như thể đã bị ném mạnh vào đó.

Cổ trấn áp nỗi ghê sợ tự nhiên của một kẻ chưa bao giờ chạm vào xác chết, tôi khom xuống lật ngửa ông ta lại để sờ ngực ông. Ông đã chết hẳn. Hình như cổ gãy. Tia chớp lóe lên lần thứ ba, khuôn mặt ông đập vào mắt tôi. Tôi đứng vội lên. Đó là ông chủ tiệm Chó Đốm mà tôi đã thuê xe.

Tôi rón rén bước qua ông và dần bước lên đồi. Tôi đi ngang trạm cảnh sát và quán College Arms về hướng nhà mình. Sườn đồi không bị cháy, nhưng từ bãi đất công vẫn hắt lại ánh lửa đỏ và khói hồng cuồn cuộn đang chống chọi với trận mưa đá như trút. Nhờ các tia chớp, tôi có thể thấy nhà cửa chung quanh mình hầu như không bị hư hại. Bên cạnh quán College Arms có một đồng đen đúa nằm trên đường.

Cuối đường về hướng cầu Maybury có tiếng người nói và tiếng chân bước, nhưng tôi không có can đảm để gọi hay đi tới phía họ. Tôi mở then ngoài để vào nhà, đóng cửa, vặn khóa và chốt cửa, lão đảo tới chân cầu thang, ngồi xuống. Trí tưởng tượng của tôi đầy những con quái vật bằng kim loại đang rải bước, và cái xác chết bị ném vào hàng rào.

Tôi nép xuống chân cầu thang, dựa lưng vào tường, run rẩy dữ dội.

Chương 11

Bên cửa sổ

Tôi đã nói các cảm xúc dồn dập của tôi có bí quyết tự cạn kiệt. Một lát sau, tôi chợt thấy mình ướt lạnh giữa mấy vũng nước nhỏ trên thảm cầu thang. Tôi đứng lên một cách gần như tự động, vào phòng án, uống một chút rượu mạnh, rồi đi thay y phục.

Sau khi thay xong, tôi lên lầu vào phòng làm việc, nhưng tại sao mình lại làm như thế thì tôi không biết. Cửa sổ phòng làm việc của tôi trông ra bên trên đầu các ngọn cây về phía đường ray, nhìn ra bãi đất công ở Horsell. Lúc vội vàng ra đi chúng tôi đã quên đóng cửa sổ này. Hành lang mờ tối, và trong phòng có vẻ tối như bừng, tương phản với hình ảnh bên ngoài khung cửa sổ. Tôi dừng khựng ở ngưỡng cửa.

Cơn bão sấm sét đã qua. Các cột tháp của Đại học Đông Phương và những cây thông chung quanh đã đổ. Ở rất xa, bãi đất công xung quanh hố cát vẫn có thể thấy rõ nhờ ánh lửa đỏ chói lọi. Bên kia ngọn lửa, những hình dáng đen khổng lồ, gớm ghiếc và kỳ dị, bện rộn đi lại ngược xuôi.

Thật vậy, cả vùng quê phía đó có vẻ như đang cháy - một sườn đồi rộng bị lửa liếm, những lưỡi lửa nhỏ xíu chao đảo quẩn quại theo từng cơn gió mạnh của trận bão đang tàn, hắt ánh đỏ lên cụm mây lướt nhanh bên trên. Thi thoảng khói mù mịt từ một đám cháy gần hơn bay qua cửa sổ, che khuất hình

dáng bọn người Hỏa tinh. Tôi không thể thấy chúng đang làm gì, cũng như không nhận rõ hình dáng của chúng và những vật đen mà chúng đang bận rộn lúi húi làm. Tôi cũng không thấy đám lửa ở gần, dù nó phản chiếu chập chờn trên tường và trần phòng làm việc. Mùi nhựa cây cháy hăng hắc trong không khí.

Tôi im lặng đóng cửa rồi bò tới cửa sổ. Khi đó, quang cảnh bày ra trước mắt tôi, một bên tới khu nhà xung quanh nhà ga Woking, bên kia tới khóm rừng thông cháy đen ở Byfleet. Ánh lửa sáng dưới đồi, trên đường ray, gần cổng vòm, vài căn nhà trên Đường Maybury và các phố gần nhà ga đang cháy rụi. Thoạt tiên ánh lửa trên đường ray làm tôi ngạc nhiên, vì có một đống đen và một đám cháy rực rỡ, bên phải nó là một dãy dài những vật hình chữ nhật màu vàng. Rồi tôi nhận ra đó là xác chiếc xe lửa, phần trước bẹp rúm và bốc cháy, các toa phía sau vẫn nằm trên đường ray.

Giữa ba điểm sáng chính này - khối nhà, chiếc xe lửa, và vùng đất đang cháy phía Chobham - trải dài những mảng méo mó của vùng quê tối tăm, đứt đoạn đây đó vì những khoảnh đất bốc khói sáng mờ. Một cảnh hết sức kỳ dị, cái dải đen bốc cháy ấy. Nó làm tôi nhớ tới vùng Potteries⁽⁶⁾ lúc ban đêm hơn bất kỳ thứ gì khác. Lúc đầu tôi không nhìn thấy ai, dù đã căng mắt ra tìm. Sau đó nhờ ánh lửa ở ga Woking tôi thấy một số hình dáng tối đen đang vội vàng theo nhau băng qua đường ray.

Và đây là cái thế giới nhỏ mà tôi đã sống yên bình từ bao nhiêu năm nay, cảnh hỗn mang khói lửa này! Tôi vẫn không biết chuyện gì đã xảy ra trong bảy tiếng vừa qua, và tôi cũng chưa biết, dù đã bắt đầu đoán được, mối liên hệ giữa bọn khổng lồ máy này với những tảng lơ dờ mà tôi đã thấy oẹ ra từ khối hình trụ. Với cảm giác bàng quan lạ lùng, tôi xoay ghế qua cửa sổ, ngồi xuống nhìn đăm đăm vùng quê đã thành ra đen đúa, nhất là nhìn ba vật đen

khổng lồ đang đi ngược xuôi trong ánh lửa xung quanh hố cát.

Hình như chúng bận rộn lạ lùng. Tôi bắt đầu tự hỏi chúng có thể là gì? Chúng là những cỗ máy thông minh? Tôi cảm thấy không thể có một thứ như thế. Hay có một người Hỏa tinh ngồi bên trong mỗi cái máy, đang điều khiển, hướng dẫn, sử dụng, rất giống như bộ óc con người điều khiển cơ thể của mình? Tôi bắt đầu so sánh các vật ấy với máy móc của loài người. Lần đầu tiên trong đời, tôi tự hỏi một con thú hạ đẳng có trí thông minh sẽ nghĩ gì về một chiếc tàu bọc sắt hay một đầu máy hơi nước.

Bầu trời trở nên quang đãng sau trận bão, và giữa khi Hỏa tinh đang lặn về phía Tây như một chấm mờ nhỏ trên nền khói của vùng đất cháy thì có một người lính vào vườn nhà tôi. Nghe tiếng sột soạt khe khẽ ở hàng rào, tôi choàng tỉnh khỏi trạng thái hôn mê đã chế ngự mình, nhìn xuống và lờ mờ thấy anh ta đang leo qua hàng cọc rào. Trông thấy một người khác, tình trạng lơ đãng liền biến mất, tôi háo hức chồm ra cửa sổ.

Tôi thì thào gọi: “Suýt!”

Anh ta ngừng vực dừng lại, chân còn giạng trên hàng rào. Rồi anh leo qua và băng ngang sân cỏ tới góc nhà. Anh lom khom bước nhẹ.

Anh ta cũng thì thào, đứng dưới cửa sổ nhìn lên: “Ai đó?”

Tôi hỏi: “Anh đi đâu vậy?”

“Có trời mà biết.”

“Anh định tìm chỗ trốn phải không?”

“Ừ.”

Tôi nói: “Vào nhà đi.”

Tôi xuống lầu, mở khóa cửa cho anh ta vào, rồi lại khóa cửa lại. Tôi không thấy khuôn mặt anh. Anh ta không đội mũ, và áo choàng không cài cúc.

Anh nói khi tôi kéo anh vào: “Trời ơi!”

Tôi hỏi: “Chuyện gì xảy ra vậy?”

“Có cái gì mà không xảy ra?” Trong bóng tối, tôi thấy anh phác một cử chỉ tuyệt vọng. “Bọn nó xóa sạch chúng tôi... xóa sạch trơn chúng tôi,” anh ta lặp đi lặp lại.

Anh đi theo tôi, hầu như một cách máy móc, vào phòng ăn.

Tôi vừa rót một ly rượu mạnh vừa nói: “Uống chút rượu.”

Anh uống. Rồi đột ngột ngồi xuống trước bàn, anh gục đầu lên cánh tay, và bắt đầu khóc nức nở như đứa trẻ trong trạng thái xúc động mãnh liệt, trong khi tôi ngạc nhiên đứng bên cạnh, quên đi một cách lạ lùng nỗi tuyệt vọng mới đây của chính mình.

Một lúc lâu sau anh mới có thể trấn tĩnh để trả lời các câu hỏi của tôi, mà cũng chỉ trả lời một cách lúng túng và ngắt quãng. Anh là lính lái xe kéo pháo, và chỉ vào trận địa lúc bảy giờ. Khi đó người ta đang bắn súng qua bãi đất công, và họ nói toán người Hỏa tinh đầu tiên đang từ từ bò tới khối hình trụ thứ hai dưới sự che chở của tấm khiên kim loại.

Sau đó tấm khiên này lắc lư đứng dậy trên kiềng ba chân rồi biến thành bộ máy đầu tiên trong các cỗ máy chiến đấu mà tôi đã thấy. Khẩu súng do anh kéo tới để chế ngự mấy hố cát đã được tháo khỏi đầu xe ở gần làng Horsell, và họ đã gấp rút hành động ngay sau khi súng được mang tới. Khi toán lính đánh xe quay trở về hậu quân, con ngựa của anh giẫm vào hang thỏ

và ngã khụy, hất anh văng xuống một chỗ đất trũng. Cùng lúc đó súng nổ tan tành phía sau anh, đạn được nổ tung, lửa cháy khắp chung quanh, và anh thấy mình nằm dưới đồng xác người xác ngựa cháy đen.

Anh nói: “Tôi nằm yên, sợ mất vía, thân trước một con ngựa đè lên tôi. Bọn tôi bị xóa sạch. Và mùi... Chúa ơi! Như mùi thịt cháy! Tôi đau ngang lưng vì bị con ngựa ngã đè, tôi phải nằm đó cho tới khi cảm thấy đỡ hơn. Trước đó một phút thì y như đang duyệt binh, thế rồi sảy chân, dùng, véo! Xóa sạch!”

Anh nấp dưới xác ngựa một lúc lâu, lén nhìn qua bãi đất công. Toán kỵ binh Cardigan được lệnh giao chiến, họ cố chạy tới cái hố, nhưng chỉ để rồi bị xóa sạch vô tăm tích. Rồi con quái vật đứng lên và bắt đầu ung dung đi tới lui khắp bãi đất công giữa vài kẻ chạy trốn, cái mùi tựa như cái đầu của nó xoay tròn y hệt đầu một người đội mũ. Một thứ giống như cánh tay cầm cái hộp kim loại khó hiểu bắn ra những ánh lóe xanh biếc. Tia Nhiệt phụt ra như khói từ cái miệng loe của hộp này.

Chỉ trong vài phút, theo anh lính chứng kiến, không còn gì sống sót trên bãi đất công, bụi rậm và cây cối ở đó nếu chưa thành bộ xương đen thì cũng đều đang bốc cháy. Toán kỵ binh mới nãy còn trên khúc đường bên kia cung đất, bây giờ anh chẳng thấy ai. Anh nghe bọn Hỏa tinh lách cách một lát rồi lặng im. Bọn không lồ chưa lại nhà ga Woking và khóm nhà xung quanh cho tới phút chót, thế rồi, tích tắc sau khi Tia Nhiệt xuất hiện, thị trấn biến thành một đồng ngổn ngang ngụt cháy. Rồi vật đó tắt Tia Nhiệt, quay lưng lại anh lính pháo binh, bắt đầu lảo đảo đi tới rừng thông đang cháy âm ỉ nơi có khối hình trụ thứ hai. Cùng lúc đó tên không lồ thứ hai lấp lánh tự ngời ra khỏi hố.

Con quái vật thứ hai đi theo con đầu, thấy thế anh lính pháo binh bắt đầu

rất thận trọng bò qua tro nóng trên bãi thạch nam về hướng Horsell. Anh xoay xở xuống được rãnh nước bên vệ đường, rồi trốn về Woking. Tới đó câu chuyện anh kể bỗng trở nên đầy cảm thán. Không thể vượt qua Woking.

Hình như ở đó có vài người còn sống, phần lớn hoảng hốt và nhiều người bị cháy phỏng. Anh phải đổi hướng vì lửa cháy, và nấp giữa đồng tường đổ hầu như cháy sém khi một tên trong bọn Hỏa tinh khổng lồ quay lại. Anh thấy tên này đuổi theo một người, dùng cái vôi thép của nó bắt ông ta lên và đập đầu ông ta vào thân cây thông. Cuối cùng, sau khi đêm xuống, anh lính pháo binh vội vàng vượt qua nền đường ray đắp cao.

Sau đó anh lên tới Maybury, hy vọng thoát nguy về hướng Luân Đôn. Người ta ẩn nấp dưới mương và các tầng hầm, nhiều người sống sót đã trốn tới làng Woking và Send. Anh kiệt sức vì khát cho tới khi tìm thấy một ống nước chính bị vỡ gần cống đường ray, nước ọc ra như suối trên đường.

Đó là câu chuyện tôi nghe được từ anh ta, từng chút từng chút. Càng kể anh càng bình tĩnh lại, và cố làm cho tôi thấy những điều anh đã thấy. Từ đầu câu chuyện anh cho tôi biết từ trưa anh chưa ăn gì; nghe vậy tôi tìm trong tủ thức ăn được một ít thịt cừu với bánh mì liền đem vào phòng. Chúng tôi không thắp đèn vì sợ người Hỏa tinh chú ý, và chốc chốc tay chúng tôi lại mò lấy bánh mì và thịt. Trong khi anh nói, mọi thứ quanh chúng tôi đen sẫm dần trong bóng tối, bụi rậm bị giẫm nát và khóm hồng bị gãy bên ngoài cửa sổ hiện rõ hơn. Chắc hẳn đã có người hay vài con thú chạy qua bãi cỏ. Tôi bắt đầu thấy mặt anh, đen đúa và hốc hác, chắc mặt tôi cũng thế.

Sau khi ăn xong, chúng tôi rón rén lên lầu vào phòng làm việc, và tôi lại nhìn ra ngoài cửa sổ. Trong một đêm, thung lũng đã trở thành thung lũng tro. Lúc này các đám cháy đã ngót. Chỗ lửa cháy ban nãy bây giờ là những dải

khói; đêm qua bóng tối đã che giấu vô số các căn nhà đổ sập banh ruột và cây cối hoang tàn đen đúa, nhưng giờ đây dưới ánh bình minh tàn nhẫn chúng lộ rõ vẻ thô lương khủng khiếp. Tuy vậy, đây đó một vài thứ đã may mắn thoát nạn - tấm bảng trắng của đường xe lửa ở đây, đầu hồi căn nhà kính trồng cây ở kia, trắng và sạch giữa cảnh điêu tàn. Chưa bao giờ trong lịch sử chiến tranh sự tàn phá lại không chữa cái gì và toàn diện đến thế. Và sáng ngời trong ánh rực rỡ hừng đông, ba gã khổng lồ kim loại đứng quanh hố, cái mũi của chúng xoay tròn như thể đang khảo sát cảnh tan hoang mà chúng đã gây ra.

Tôi thấy hình như hố đã được đào rộng thêm, và thỉnh thoảng những cụm hơi xanh biếc từ trong hố bay lên giữa ánh ban mai tươi sáng - bốc lên, cuồn cuộn, đứt gãy, rồi biến mất.

Xa xa, những cột lửa chung quanh làng Chobham biến thành những cột khói đỏ ngầu khi ngày mới rạng.

Chương 12

Cảnh tàn phá ở Weybridge và Shepperton

Khi hừng đông rạng rỡ hơn, chúng tôi rút khỏi cửa sổ vừa đứng quan sát bọn người Hỏa tinh, và đi rất êm xuống tầng dưới.

Anh lính pháo binh cũng nghĩ như tôi rằng không nên ở lại nhà này. Anh nói anh định đi về hướng Luân Đôn, rồi từ đó trở lại với pháo đội của anh, Đội 12 của đoàn Mã phu pháo binh. Dự tính của tôi là về Leatherhead lập tức. Sức mạnh của người Hỏa tinh in hằn lên tâm trí tôi đến nỗi tôi quyết định sẽ đưa vợ tới bến cảng Newhaven, và cùng nàng ra nước ngoài tức khắc. Bởi tôi biết rõ khu vực bao quanh Luân Đôn sẽ không thể tránh khỏi cảnh giao tranh thảm khốc trước khi người ta có thể tiêu diệt các sinh vật này.

Tuy nhiên, khối hình trụ thứ ba và bọn khổng lồ canh gác nó đang chắn giữa chúng tôi và Leatherhead. Nếu chỉ một mình, tôi nghĩ tôi sẽ liều mạng băng ngang vùng đất. Nhưng anh lính pháo binh can ngăn: “Làm bà vợ tốt của mình thành góa phụ thì chẳng hay ho gì.” Cuối cùng tôi đồng ý sẽ đi với anh dưới rừng cây che phủ về phía Bắc tới tận phố Cobham trước khi chia tay anh. Từ đó tôi sẽ đi vòng một quãng dài sát gần Epsom để tới Leatherhead.

Lẽ ra tôi đã khởi hành lập tức, nhưng người đồng hành của tôi là lính hiện dịch nên anh khôn lanh hơn. Anh bảo tôi lục soát khắp nhà tìm cái chai bột bỏ túi để anh rót đầy rượu mạnh, nhét bánh quy và thịt lát mỏng vào hết

các túi áo túi quần. Sau đó chúng tôi bò ra khỏi nhà, chạy thật nhanh trên con đường bất hạnh mà tôi đã đi qua đêm hôm trước. Các căn nhà dường như bị bỏ hoang. Trên đường có ba cái xác cháy đen nằm sát nhau bị Tia Nhiệt giết chết. Đây đó có các thứ người ta đánh rơi - đồng hồ, dép, muống bạc, và các món quý giá khốn khổ tương tự. Ở góc đường rẽ lên bưu điện, một cỗ xe nhỏ không ngựa kéo chất đầy rương hòm và bàn ghế, đổ nghiêng trên bánh xe gãy. Một két tiền bị người ta vội vàng đập vỡ toang rồi ném dưới đồng đồ nát.

Ngoại trừ các nhà ở Viện cô nhi còn cháy, không căn nhà nào ở đây bị thiệt hại nặng lắm. Tia Nhiệt đã cào bằng các đầu lò sưởi rồi bỏ qua. Nhưng, trừ chúng tôi, hình như không còn ai sống trên Đồi Maybury. Tôi đoán đa số cư dân đã ẩn nấp hoặc trốn đi bằng ngả Old Woking, đoạn đường tôi đã đi khi đánh xe tới Leatherhead.

Chúng tôi đi xuống ngõ hẻm, ngang xác người đàn ông mặc áo đen lúc này đã ướt sũng vì trận mưa đá suốt đêm, rồi lên vào khóm rừng ở chân đồi. Chúng tôi chạy càn qua rừng tới đường ray mà không gặp một người nào. Khu rừng bên kia đường ray chỉ còn là đồng gỗ tan hoang lờm chờm đen đúa, vì cây đã đổ gần hết, nhưng một phần thì vẫn còn đứng, cành nhánh xám úa, lá nâu đen thay vì xanh tươi.

Bên khu rừng phía chúng tôi, lửa chỉ sém những cây ở gần, không cháy lan ra. Ở chỗ thợ rừng làm việc hôm thứ Bảy, cây cối đã đốn xong và mới tủa hết cành nằm ngổn ngang trên bãi đất trống, với hàng đồng mật cửa bên cạnh giàn cửa và máy móc. Cái lán tạm đứng gần đó, hoang vắng. Sáng hôm ấy không một hơi gió, vạn vật yên tĩnh lạ lùng. Ngay cả chim chóc cũng im tiếng, và trong lúc rảo bước, tôi và anh lính pháo binh thì thầm nói chuyện, thỉnh thoảng ngoái nhìn sau lưng. Một hai lần chúng tôi dừng lại lắng nghe.

Một lát sau, lúc chúng tôi đang tiến tới gần đường lộ thì chợt nghe tiếng móng ngựa lóc cóc, và qua cành cây chúng tôi trông thấy ba người lính kỵ binh đang cưỡi ngựa từ từ đi về hướng Woking. Chúng tôi gọi họ, họ dừng lại chờ chúng tôi chạy tới. Họ là một viên thiếu úy và hai anh binh nhì của Trung đoàn 8 Kỵ binh, mang một giá chống tựa như dụng cụ vẽ địa hình, anh lính pháo binh bảo đó là máy truyền tin quang báo.

Viên thiếu úy nói: “Sáng nay các anh là người đầu tiên tôi gặp đi lối này. Nhốn nháo chuyện gì vậy?”

Giọng nói và vẻ mặt ông ta háo hức. Hai người lính phía sau tò mò nhìn. Anh lính pháo binh từ trên bờ cao nhảy xuống đường và giơ tay chào.

“Pháo bị tiêu diệt tối hôm qua, thưa thiếu úy. Tôi phải trốn. Cố gặp lại pháo đội, thưa thiếu úy. Tôi đoán là theo đường này chừng nửa dặm nữa thiếu úy sẽ gặp bọn Hỏa tinh.”

Viên thiếu úy hỏi: “Bọn chúng là cái quỷ gì?”

“Bọn khổng lồ mặc áo giáp, thưa thiếu úy. Cao ba chục thước. Ba càng, thân mình như bằng nhôm, cái đầu bọc khổng lồ trùm nón, thưa thiếu úy.”

Viên thiếu úy nói: “Cút đi! Thật nhảm nhí!”

“Rồi thiếu úy sẽ thấy. Bọn chúng cầm một thứ giống như cái hộp bắn ra lửa đánh mình chết, thưa thiếu úy.”

“Mày nói gì, súng hả?”

“Không, thưa thiếu úy.” Rồi anh lính pháo binh bắt đầu hào hứng tả Tia Nhiệt. Được nửa chừng, viên thiếu úy cắt lời anh ta và nhìn lên tôi. Tôi vẫn đang đứng trên bờ cao bên cạnh đường.

Tôi nói: “Chuyện đó hoàn toàn đúng.”

Viên thiếu úy nói: “Ồ, chắc là tôi cũng phải đi xem chúng thôi.” Rồi ông nói với anh lính pháo binh: “Nghe đây, chúng ta được lệnh di tản mọi người ra khỏi nhà. Anh nên đi trình diện Thiếu tướng Marvin, kể cho ông ấy mọi thứ anh biết, ông ấy ở Weybridge. Biết đường chứ?”

Tôi nói: “Tôi biết.”

Khi ấy ông ta lại quay ngựa về hướng Nam. Ông ta nói: “Anh bảo nửa dặm hả?”

Tôi chỉ qua ngọn cây phía Nam và nói: “Chưa tới nửa dặm.”

Ông ta cảm ơn tôi rồi cười ngựa đi, và chúng tôi không gặp lại họ nữa.

Một lát sau chúng tôi tình cờ gặp một nhóm ba phụ nữ với hai đứa nhỏ trên đường, đang tíu tít dọn một căn lán của công nhân. Họ đã tìm được chiếc xe đẩy nhỏ, và đang chất mấy cái bọc nom bắn thiu và bàn ghế tồi tàn lên xe. Họ quá bận không muốn nói chuyện lúc chúng tôi đi ngang.

Chúng tôi ra khỏi rừng thông gần nhà ga Byfleet, thấy vùng quê êm đềm và thanh bình dưới nắng sáng, ở đây chúng tôi đã quá khỏi tầm của Tia Nhiệt rất xa. Nếu như không có một vài căn nhà hoang vắng im lìm, các căn khác xôn xao gói ghém đồ đạc, và tốp lính đứng trên chiếc cầu bắc ngang đường ray nhìn đăm đăm xuống tuyến đường về hướng Woking thì hôm ấy hẳn đã rất giống như mọi Chủ nhật bình thường.

Vài chiếc xe bò và xe ngựa đang cót két di chuyển trên đường tới Addlestone. Qua cổng vào một bãi đất, chúng tôi chợt thấy bên kia cánh đồng cỏ phẳng có sáu khẩu đại bác loại bắn đạn sáu ký đứng ngay hàng cách đều nhau chĩa về phía Woking. Các pháo thủ đứng chờ bên súng, xe đạn nằm sẵn

sàng gần đó. Đội lính đứng như thế đang duyệt quân.

Tôi nói: “Tốt lắm! Thế nào họ cũng sẽ bắn trúng.”

Anh lính pháo binh lưỡng lự ở cổng. Anh nói: “Tôi sẽ đi tiếp.”

Xa xa về phía Weybridge, ngay bên kia cầu, một số lính mặc áo dã chiến màu trắng đang đắp một cái lũy dài, sau lũy lại có thêm súng.

Anh lính pháo binh nói: ”Cờ nào thì cũng chỉ là cung tên chống lại sấm sét. Họ chưa thấy tia lửa đó.”

Các sĩ quan không có nhiệm vụ đứng nhìn chăm chăm lên ngọn cây phía Tây Nam, và những người đang đắp lũy thỉnh thoảng dừng lại nhìn về cùng hướng ấy.

Byfleet đang náo loạn. Người ta đang gói ghém đồ đạc, và vài anh kỵ binh, một số đã xuống ngựa, một số trên yên, đang xua họ đi. Trên đường làng, người ta đang chất đồ lên ba bốn cỗ xe đen của chính quyền có vẽ chữ thập trên vòng tròn trắng, và một chiếc xe buýt cũ trong số nhiều xe khác. Người đông, phần lớn đã kịp diện bộ y phục đi lễ đẹp nhất của mình. Binh lính khó lòng nói cho họ hiểu tình thế của họ nghiêm trọng đến dường nào. Chúng tôi thấy một ông già quắt queo khệ nệ ôm cái rương đồ sộ và vô số chậu hoa lan đang giận dữ khiển trách anh hạ sĩ vì anh bỏ mấy thứ đó lại. Tôi dừng lại nắm tay ông ta.

Tôi vừa chỉ ngọn thông che khuất người Hỏa tinh vừa nói: “Ông có biết đằng kia có cái gì không?”

Ông ta quay lại nói: “Hả? Nói để anh biết mấy thứ này quý lắm đấy.”

Tôi hét: “Thần chết! Thần chết đang tới! Thần chết!” rồi vội vàng đi theo anh lính pháo binh, bỏ ông lại để ông suy nghĩ, nếu còn nghĩ được. Tới góc

đường tôi nhìn lại. Anh lính đã bỏ ông ta, và ông vẫn đang đứng nhìn mông lung lên các ngọn cây bên cạnh cái ruộng của ông, trên nắp ruộng là các chậu lan.

Không ai ở Weybridge có thể nói cho chúng tôi biết sở chỉ huy đóng ở đâu. Khắp nơi đều rối loạn, tôi chưa từng thấy ở bất kỳ thị trấn nào như thế cả. Xe bò, xe ngựa khắp nơi, đủ loại linh tinh lừa ngựa và phương tiện vận chuyển đáng ngạc nhiên nhất. Những cư dân đáng kính của nơi này, đàn ông mặc y phục đánh gôn và y phục chèo thuyền, đàn bà thì chường diện, đang gói ghém, đám vô công rồi nghề ở bờ sông hăng hái phụ giúp, bọn trẻ con phấn chấn, phần lớn đều rất thích sự thay đổi lạ lùng trong ngày Chủ nhật này. Giữa cảnh ấy, vị mục sư đáng kính vẫn rất can trường cử hành buổi lễ sớm, chuông kêu inh ỏi át cảnh ồn ào náo nhiệt.

Tôi và anh lính pháo binh ngồi trên thềm bồn nước uống, dọn bữa ăn rất tạm bợ bằng những món chúng tôi đã mang theo. Lính ở đây không còn kỵ binh nữa, mà là vệ binh hoàng gia mặc đồng phục trắng, họ đang khuyến cáo dân chúng đi ngay hoặc lánh vào tầng hầm ngay khi súng bắt đầu nổ. Băng qua cầu xe lửa, chúng tôi thấy một đám người càng lúc càng đông tụ tập bên trong và chung quanh cửa ga, và thềm ga chật cứng ruộng thùng chất đống. Tôi nhớ là do người ta đã ngừng các chuyến xe thường để lấy đường chuyển binh lính và súng đạn tới Chertsey. Sau này tôi nghe nói vì thế đã xảy ra một cuộc tranh giành dữ dội để lấy chỗ trên những chuyến đặc biệt sẽ được xếp lịch vào sau đó.

Chúng tôi ở lại Weybridge cho tới giữa trưa. Khi đó chúng tôi ở gần cửa kênh giao thông Shepperton, chỗ sông Wey và sông Thames gặp nhau. Có lúc chúng tôi giúp hai bà cụ khiêng đồ đạc lên một chiếc xe nhỏ. Sông Wey có ba cửa kênh, người ta thuê thuyền ở đây, và có một chiếc phà qua sông.

Bên mạn Shepperton có một quán rượu nằm sau sân cỏ, xa xa là tháp nhà thờ Shepperton vươn cao trên hàng cây - tháp nay đã được thay bằng một chóp nhọn.

Ở đây chúng tôi gặp một đoàn người lánh nạn ồn ào kích động. Tuy cuộc chạy trốn chưa trở thành hoảng loạn, nhưng số người đã quá nhiều so với số thuyền bè qua lại có thể chở họ qua sông. Người người kéo đến, hỗn hển vì mang vác nặng; một cặp vợ chồng còn khiêng theo cánh cửa nhỏ của nhà xí, trên đó chất một số đồ dùng trong nhà họ. Một ông bảo chúng tôi rằng ông định tìm cách đi từ nhà ga Shepperton.

Nhiều người la hét om sòm, một ông thậm chí còn nói đùa. Dân ở đây hình như nghĩ rằng bọn Hỏa tinh chỉ là những con người ghê gớm, có thể tấn công và cướp phá thị trấn, nhưng cuối cùng chắc chắn chúng sẽ bị tiêu diệt. Thình thoảng người ta bôn chồn liếc qua sông Wey về phía đồng cỏ bên Chertsey, nhưng mọi thứ ở hướng đó đều yên lặng.

Bên kia sông Thames, chỉ trừ nơi thuyền bè cập bến, mọi thứ đều yên tĩnh, trái ngược hẳn với bên Surrey. Những người đã cập bến bên đó đang lê lét dọc lối đi. Chiếc phà lớn vừa mới khởi hành. Ba bốn anh lính đứng trên sân cỏ quán rượu, nhìn và giễu cợt dân lánh nạn mà không tỏ ý giúp. Quán rượu đóng cửa, vì lúc này đang vào giờ cấm bán.

Một người chèo thuyền quát: ““Cái gì vậy?” và một ông bên cạnh tôi mắng con chó đang sủa ăng ăng: “Im đi, đồ ngu!” Rồi tiếng ầm ĩ lại tới, lần này từ hướng Chertsey, một tiếng trầm - tiếng súng.

Giao tranh bắt đầu. Hầu như lập tức các pháo đội nấp bên kia sông phía tay phải chúng tôi, bị cây cối che khuất dạng, đồng loạt khai hỏa, bắn dữ dội hết phát này đến phát khác. Một bà hét lên. Mọi người đứng sững vì trận

chiến bất thần khởi động, gần sát bên mình mà không thấy. Không thấy gì, trừ đồng cỏ phẳng, đàn bò đang ăn phần lớn chẳng bận tâm, và hàng liễu bạc cụt ngọn bất động trong nắng ấm.

Một bà bên cạnh tôi ngờ vực nói: “Lính, họ sẽ chặn bọn chúng lại.”

Khói mù dâng lên trên ngọn cây. Thành linh chúng tôi thấy khói bay vút lên xa trên thượng nguồn, một cụm khói bùng lên rồi lơ lửng trên không trung. Ngay sau đó đất phập phồng dưới chân và một tiếng nổ mạnh chấn động không gian, phá vỡ vài ba cánh cửa sổ của các căn nhà gần đó làm chúng tôi sửng sốt.

Một ông mặc áo đan xanh la lên: “Chúng tới kìa! Đằng kia kìa! Thấy không? Đằng kia kìa!”

Tức thì, nối tiếp nhau, một, hai, ba, bốn tên Hỏa tinh bọc sắt xuất hiện, rất xa trên những đám cây nhỏ, bên kia đồng cỏ phẳng trải dài tới Chertsey, chúng đang hồi hải sải bước tới dòng sông. Lúc đầu chúng tựa như những thân hình nhỏ đội mũ, tiến tới nhấp nhô và nhánh như chim bay.

Rồi tên thứ năm tiến chéo tới phía chúng tôi. Chúng lướt thoăn thoắt tới chỗ đội pháo, thân hình bọc sắt lấp lánh dưới nắng, càng lúc càng gần và lớn lên nhanh chóng. Một tên ở tít bên trái, tên xa nhất, vung vẩy một cái hộp lớn trên không, và Tia Nhiệt ma quái ghê rợn mà tôi đã thấy tối hôm thứ Sáu đánh qua phía Chertsey, giáng trúng thị trấn.

Khi thấy các sinh vật kỳ dị, nhanh nhẹn và ghê gớm này, đám đông gần bờ nước dường như chết sững. Không có tiếng la hét, chỉ lặng im. Rồi có tiếng xì xào ùng ùng và tiếng di chuyển - tiếng nước lồm bồm. Một ông sợ quá không buông nổi cái rương lớn trên vai, quay nhanh, góc rương đập trúng tôi làm tôi lảo đảo. Một bà lấy tay đẩy tôi rồi chạy băng qua. Tôi quay lưng

theo dòng người hồi hải, nhưng không quá hoảng hốt đến mất trí. Tôi nghĩ tới Tia Nhiệt ghé gớm. Lặn xuống nước! Đúng rồi!

Tôi hét: “Lặn xuống nước!” Chẳng ai chú ý.

Tôi quay lại, lao về phía tên Hỏa tinh đang tiến đến, chạy thẳng xuống bãi sỏi và nhào đầu xuống nước. Nhiều người khác làm theo. Một chiếc tàu đầy người đang cập bến, người trên tàu nhảy vọt ra khi tôi chạy qua. Đá sỏi dưới chân tôi lầy lội, trơn trượt, và sông cạn tới nỗi tôi chạy có lẽ sáu bảy thước mà vẫn chưa sâu đến ngang hông. Rồi thì, giữa khi tên Hỏa tinh lững lững tới trên cao, cách chưa tới hai trăm mét, tôi nhào xuống dưới mặt nước. Người trên tàu nhảy xuống sông tung tóe, nghe như sấm động bên tai tôi. Người ta vội vã lên bờ trên cả hai bên sông. Những cỗ máy Hỏa tinh cũng thờ ơ trước những con người chạy tứ tán chẳng khác gì một người vừa đá phải tổ kiến trước cảnh đàn kiến trong tổ đang hỗn loạn. Ngộp thở, tôi ngoi đầu lên khỏi mặt nước, khi ấy cái mũi của người Hỏa tinh hướng tới các pháo đội vẫn đang bắn qua sông, hẵn vừa tiến tới vừa vung vẩy cái hộp chắc là máy phát Tia Nhiệt.

Tích tắc sau hẵn tới bờ sông, sai một bước là đã lộn ra giữa dòng. Đầu gối hai chân trước của hẵn gập lại khi sang tới bờ bên kia, tích tắc sau hẵn đã lại nhô thẳng toàn thân lên, gần làng Shepperton. Ngay lập tức sáu khẩu đại bác, giấu sau bìa làng mà không ai bên hữu ngạn biết, đồng loạt bắn. Chấn động bất ngờ, dồn dập làm tim tôi đập mạnh. Con quái thú đang giơ cái hộp tạo Tia Nhiệt lên thì phát đạn đầu tiên nổ cách sáu mét trên mũi hẵn.

Tôi thét lên thảng thốt. Tôi không thấy hay nghĩ gì về bốn con quái thú Hỏa tinh kia, sự chú ý của tôi gắn chặt vào biến cố gần mình nhất. Hai trái đạn khác đồng loạt nổ trên không, gần thân hẵn, đúng lúc cái mũi quay đi để

tránh nhưng không kịp, và lãnh trọn trái thứ tư.

Trái đạn nổ ngay mặt vật ấy. Cái mũi phồng lên, tóe lửa, bắn tung ra hàng chục mảnh thịt đỏ tả tơi và kim loại lấp lánh.

Tôi hét lên, nửa thất thanh nửa hoan hô: “Trúng rồi!”

Tôi nghe tiếng la hét đáp lại của những người dưới nước quanh tôi. Tôi có thể nhảy vọt lên khỏi mặt nước với niềm hân hoan thoáng chốc ấy.

Gã khổng lồ cụt đầu quay cuồng như tên say rượu, nhưng hẳn không ngã. Hẳn lấy lại thăng bằng nhờ phép lạ, và không còn chú ý tới bước đi của hẳn nữa, cái máy nhắm bắn Tia Nhiệt lúc này cũng đỡ giơ cao, hẳn quay nhanh sang Shepperton. Sinh vật có trí khôn, người Hỏa tinh ở trong mũi đã bị giết chết và văng tung tóe khắp trời, nên vật ấy bây giờ chỉ là cỗ máy kim loại rồi beng đang quay cuồng tới cái chết. Hẳn tiến theo đường thẳng, không tự điều khiển được. Hẳn đụng tháp nhà thờ Shepperton, phá sập tháp giống như khúc gỗ phá thành, quật ngang, mò mẫm rồi ngã rất mạnh xuống dòng sông xa ngoài tầm mắt tôi.

Một tiếng nổ dữ dội chấn động không gian, rồi một cột nước, hơi nước, bùn và kim loại vỡ nát bắn cao lên bầu trời. Khi hộp nhắm của Tia Nhiệt đụng mặt nước, nước lập tức biến thành hơi. Tích tắc sau một ngọn sóng lớn, như đợt thủy triều bùn nhưng gần như nóng bỏng, quét vòng qua khúc quanh trên thượng nguồn. Tôi thấy người ta tranh nhau lên bờ, và thoáng nghe tiếng họ la hét át cả tiếng nước sôi ùng ục và âm thanh điếc tai vì tên Hỏa tinh đổ vật xuống.

Trong giây lát, tôi không chú ý tới cái nóng, quên sự cần thiết hiển nhiên là giữ lấy mạng mình. Tôi lội lồm bồm qua dòng nước hỗn loạn, đẩy một ông mặc y phục đen sang một bên để tiến tới, cho đến khi nhìn thấy bên kia khúc

quanh. Sáu chiếc thuyền bị bỏ rơi nhấp nhô vô định trên làn sóng dậy như cồn. Tên Hỏa tinh thiệt mạng hiện ra ở cuối dòng, nằm vắt ngang sông, phần lớn chìm dưới nước.

Hơi nước dày đặc bốc lên từ đồng đồ nát. Tôi có thể thấy qua các cụm khói cuộn cuộn hỗn loạn, thấp thoáng và mơ hồ, các khúc chân cẳng khổng lồ quẫy nước, làm tung tóe bùn và váng lên không trung. Những cái tua vung vẩy đập như cánh tay còn sống, và ngoài những cử động vô vọng không mục đích này, nó tựa như một con vật bị thương đang chống chọi để sống còn giữa sóng nước. Rất nhiều chất lỏng màu nâu đỏ từ bộ máy phun lên ào ào thành tia.

Tôi phải ngừng chú ý đến con giầy chết này vì một tiếng hét cuồng nộ, nghe như cái gọi là còi báo trong các thị trấn công nghiệp của chúng ta. Một ông, lộ trong nước tới đầu gối ở gần đường kéo phà, vừa chỉ tay vừa gọi tôi không rõ tiếng. Ngoái nhìn lại, tôi thấy bọn người Hỏa tinh đang rải những bước dài xuống bờ sông từ hướng Chertsey. Máy khẩu súng ở Shepperton lần này bắn ra không chút hiệu quả.

Thấy thế tôi lập tức lặn xuống, và nín thở cho tới khi hết chịu nổi, khốn khổ mò mẫm tiến về phía trước dưới mặt nước càng xa càng tốt. Nước chảy hỗn loạn chung quanh tôi, càng lúc càng nóng.

Khi tôi ngoi đầu lên một thoáng để lấy hơi, gạt tóc và nước ra khỏi mắt, hơi nước đang bốc cao thành khói trắng cuộn cuộn thoát tiên che khuất cả bọn người Hỏa tinh. Tiếng ồn thật điếc tai nhức óc. Rồi tôi thấy lơ mơ mấy thân hình xám khổng lồ, được phóng đại vì màn khói. Chúng đã đi qua bên cạnh tôi, và hai tên đang lom khom trên đồng đồ hỗn độn đồ nát sủi bọt của tên bạn chúng.

Tên thứ ba và thứ tư đứng dưới nước bên cạnh hần, một tên cách tôi có lẽ hai trăm mét, tên kia quay về phía làng Laleham. Các máy phát Tia Nhiệt vung cao, giáng xuống khắp nơi những chùm sáng rít chói tai.

Không gian đầy tiếng ồn, những âm thanh chói tai và khó hiểu át nhau - tiếng lạnh lạnh âm ỉ của bọn Hỏa tinh, tiếng nhà sập rầm rầm, tiếng cây cối, hàng rào, nhà kho đổ ụp và bùng cháy, tiếng lửa rừng rực thét gào. Khói đen đặc vọt lên trộn lẫn với hơi nước từ dòng sông. Tia Nhiệt bắn ngược xuôi trên Weybridge, nó đọng tới đâu là nơi đó biến thành những tia lóe trắng sáng rực rồi lập tức chuyển thành ngọn lửa xanh lét lung linh bốc khói. Các căn nhà ở gần vẫn đứng nguyên, chờ số phận mình, lơ mờ, nhạt nhòa vàng vọt trong hơi nước, phía sau là lửa bập bùng.

Trong giây lát có lẽ tôi cứ đứng đó, nước gần như sôi dâng cao tới ngực, chết điếng tại chỗ, không hy vọng trốn thoát. Qua màn khói dày đặc tôi có thể thấy những người lán mình dưới sông như tôi đang tranh nhau chen qua đám lau sậy để ra khỏi nước, như bầy ếch nhỏ nhảy vọt qua cỏ để tránh một người đang tiến tới, hay đang hoảng loạn cực độ chạy ngược xuôi trên đường kéo phà.

Thình lình ánh lóe trắng của Tia Nhiệt nhảy vọt về phía tôi. Các căn nhà sụm xuống khi bị chạm đến, lửa phụt lên; cây cối bốc cháy phừng phừng. Tia Nhiệt lấp lánh rê lên xuống trên đường kéo phà đốt rụi đám người đang chạy tán loạn, rồi lia xuống mé nước cách chỗ tôi đứng chưa đầy năm mươi mét. Nó quét qua sông tới Shepperton, đi đến đâu là nước sôi bùng lên thành lần bốc khói đến đấy. Tôi quay về phía bờ.

Tích tắc sau, ngọn sóng lớn, gần như sôi, tràn lên tôi. Tôi thét lớn, bông da, lòe mắt, đau đốn, lão đảo lộn qua dòng nước nhấp nhô sôi réo để vào bờ.

Nếu tôi vấp chân thì đời tôi chấm dứt. Tôi ngã xuống khôn cưỡng trên mũi đất rộng trơ trụi toàn sỏi thoải xuống chỗ góc sông Wey và sông Thames giao nhau, trước mắt bọn người Hỏa tinh. Tôi không mong đợi gì ngoài cái chết.

Tôi mơ hồ nhớ bàn chân của một tên Hỏa tinh đạp xuống cách đầu tôi mấy thước, lún thẳng xuống sỏi thưa, bàn chân xoay qua xoay lại, rồi lại nhấc lên. Tôi nhớ cảm giác căng thẳng kéo dài, nhớ tới cảnh bốn tên khiêng cái xác tả tơi của tên bạn chúng, lúc rõ lúc mờ qua màn khói, càng lúc càng xa, dường như vô tận, băng qua khoảng trống bao la của dòng sông và cánh đồng cỏ. Rồi, dần dần, tôi nhận ra rằng mình đã thoát hiểm nhờ phép lạ.

Chương 13

Tôi tình cờ gặp cha xứ

Sau khi gặp bài học bất ngờ về sức mạnh của vũ khí trên Trái đất, người Hỏa tinh rút về vị trí ban đầu của chúng trên bãi đất công ở Horsell. Trong lúc vội vã, và lúng túng vì cái xác vỡ tan của đồng bọn, hẳn nhiên chúng đã bỏ qua một nạn nhân lẻ loi không đáng kể như tôi. Giá chúng để đồng bọn lại mà tiến tới tức khắc thì khi ấy giữa chúng và Luân Đôn chẳng có gì ngoài pháo đội đại bác loại bắn đạn sáu ký, và chắc chắn chúng đã tới thủ đô trước khi người ta nghe tin chúng tới. Bất ngờ, dễ sợ và tàn phá, cuộc tấn công của chúng sẽ như trận động đất đã phá hủy Lisbon một thế kỷ trước.

Nhưng chúng không vội. Khối hình trụ này rồi khối hình trụ khác nối nhau đến trên những chuyến du hành liên hành tinh, cứ mỗi hai mươi bốn giờ lại đem thêm quân tăng viện tới cho chúng. Trong khi đó, giới chức lục quân và hải quân, bây giờ đã hoàn toàn hiểu rõ sức mạnh ghê gớm của địch thủ, đang miệt mài hoạt động. Cứ mỗi phút là một khẩu súng được đưa vào vị trí, và trước khi trời nhá nhem thì mỗi bãi ươm cây, mỗi dãy biệt thự ở ngoại ô trên sườn đồi chung quanh Kingston và Richmond đều có một nòng súng ngụy trang chờ đợi. Và khắp khu vực bị cháy tan hoang, tổng cộng có lẽ đến hai chục dặm vuông, bao quanh nơi đồn trú của người Hỏa tinh trên bãi đất công ở Horsell, khắp các xóm làng cháy đen đổ nát giữa khóm cây xanh,

khắp những vòm đường mới một ngày trước hãy còn những lùm thông mà giờ đây đen kịt bốc khói, có những lính thám báo bò trên mặt đất, hết lòng tận tụy, mang theo máy truyền tin quang báo sẵn sàng báo hiệu cho đội pháo thủ về bước tiến của người Hỏa tinh. Nhưng bây giờ bọn Hỏa tinh đã hiểu sự tinh nhuệ của pháo binh và mối nguy hiểm khi có loài người sát bên cạnh, vì thế không một người nào dám mạo hiểm tới gần khối hình trụ trong vòng một dặm mà không phải trả giá bằng mạng sống của mình.

Hình như cả buổi trưa bọn khổng lồ này đi tới đi lui, chuyển mọi thứ từ khối hình trụ thứ hai và thứ ba - khối thứ hai trong sân chơi gôn Addlestone còn khối thứ ba ở làng Pyrford - tới cái hố ban đầu của chúng trên bãi đất công ở Horsell. Một tên đứng gác trên bãi đất hoang đen đúa và các tòa nhà đổ nát trải dài tứ phía, trong khi bọn còn lại rời khỏi những cỗ máy chiến đấu khổng lồ để đi xuống hố. Chúng tận lực làm việc ở đó thâu đêm. Người ta nói từ trên các ngọn đồi chung quanh làng Merrow, thậm chí đến tận vùng Banstead và Epsom Downs cũng có thể thấy cột khói xanh dày đặc ngất ngưỡng từ trong hố bốc lên.

Trong khi người Hỏa tinh phía sau tôi chuẩn bị cho cuộc phá vây sắp tới, và phía trước tôi, loài người tập trung cho trận chiến, tôi gắng sức lên đường trong đau nhức khôn cùng, cố ra khỏi vùng khói lửa còn đang cháy ở Weybridge để tiến về hướng Luân Đôn.

Tôi thấy một chiếc ghe bị ai vứt bỏ, rất nhỏ và xa, đang trôi xuôi dòng, liền lết gần hết áo quần sũng nước ra để đuổi theo nó, bắt được nó, nhờ thế thoát khỏi cảnh tàn phá ấy. Trên ghe không có mái chèo, nhưng tôi cố xoay xở dùng hai bàn tay phồng làm chèo gạt nước, xuôi dòng về hướng Halliford và Walton, đi rất chậm và liên tục ngoái nhìn lại, điều này âu cũng dễ hiểu. Tôi theo dòng sông, vì tôi nghĩ rằng nước là lối thoát tốt nhất của mình nếu

bọn khổng lồ ấy trở lại.

Vùng nước nóng vì xác tên Hỏa tinh ngã xuống cũng xuôi theo dòng cùng tôi, do đó suốt gần một dặm tôi chỉ thấy làn mờ hai bên bờ. Tuy nhiên, một lần tôi nhận ra một chuỗi hình dáng đen đúa từ hướng Weybridge đang vội vàng băng qua đồng cỏ. Hình như Halliford đã di tản, và một vài ngôi nhà đối diện dòng sông đang cháy. Thật kỳ lạ khi thấy quang cảnh quá yên tĩnh, quá hoang vắng dưới bầu trời xanh nóng, khói và những lưỡi lửa mỏng bốc thẳng lên hơi nóng ban chiều. Tôi chưa từng thấy nhà cháy mà lại không có một đám đông cản đường. Xa xa đám sậy khô sát bờ bốc khói đỏ rực, và một đường lửa sâu trong đất liền đang tiến đều đặn trên cánh đồng cỏ khô gặt muộn.

Tôi trôi dạt một lúc lâu, đau nhức và mệt mỏi vì những chuyện khốc liệt vừa mới trải qua, và vì hơi nóng trên mặt nước quá gắt. Rồi nổi sợ hãi lại thẳng thẽ, tôi tiếp tục gạt nước. Mặt trời thiêu đốt tấm lưng trần của tôi. Cuối cùng, khi thấy chiếc cầu ở Walton bên kia khúc quanh, cơn sốt và kiệt lực đã chiến thắng nổi sợ hãi, thế nên tôi cập bờ ở Middlesex và nằm xuống, mệt chí tử giữa bãi cỏ cao. Tôi đoán lúc ấy khoảng bốn hay năm giờ. Lát sau tôi đứng lên, đi độ nửa dặm mà không gặp một bóng người, rồi lại nằm xuống dưới bóng râm của một bờ giậu. Tôi nhớ loáng thoáng đã nói lảm nhảm một mình trong lần cố gắng cuối cùng ấy. Tôi cũng khát cháy họng, và cay đắng hối tiếc mình đã không uống nhiều nước. Thật lạ, tôi cảm thấy giận vợ mình; không hiểu vì sao nhưng tôi thấy lo lắng khôn nguôi khi không thể tìm về Leatherhead.

Tôi không nhớ rõ vị cha xứ đến lúc nào, vì chắc khi ấy tôi đã thiếp ngủ. Khi thức dậy tôi thấy hình dáng ông ngồi, hai tay áo lấm lem bồ hóng, mặt ngẩng lên, mày râu nhẵn nhụi, mắt nhìn đăm đăm ánh bập bùng nhạt nhòa

đang nhảy múa trên bầu trời. Bầu trời đầy mây trắng như bông, từng dải mây nhẹ tựa lông chồn, hơi nhuộm màu hoàng hôn giữa mùa hè.

Tôi ngồi dậy, tiếng cử động sột soạt làm ông vội nhìn tôi.

Tôi hỏi ngay: “Ông có nước uống không?”

Ông lắc đầu.

Ông nói: “Anh hỏi xin nước này giờ cả tiếng rồi.”

Chúng tôi im lặng một lát, nhìn nhau dò xét. Tôi dám nói ông ta thấy tôi là một kẻ khá lạ lùng, trần trụi, chỉ độc cái quần và đôi tất sũng nước, da bóng, mặt và vai nhuộm đen vì khói. Mặt ông có vẻ khá yếu đuối, cằm ông móm, tóc ông quấn thành những lọn gần như nâu nhạt trên cái trán thấp, mắt ông khá lớn, xanh nhạt với ánh nhìn thần thờ. Bất chợt ông lên tiếng, dờ dẩn không nhìn tôi.

Ông nói: “Chuyện gì thế này? Chuyện gì thế này?”

Tôi nhìn ông đăm đăm, không trả lời.

Ông đưa bàn tay trắng gầy ra và nói với giọng gần như than vãn: “Tại sao có thể xảy ra những chuyện này? Chúng ta đã gây nên tội lỗi gì? Sau buổi lễ sáng, tôi đi dạo qua phố để đầu óc tỉnh táo cho buổi lễ chiều, rồi thì... lửa cháy, động đất, chết chóc! Như thế là Sodom và Gomorrah⁽⁷⁾ vậy! Tất cả các công trình của chúng ta đều bị hủy hoại, tất cả... Những người Hỏa tinh này là gì?”

Tôi hăng giọng trả lời: “Chúng ta là gì?”

Ông nắm chặt đầu gối và quay lại nhìn tôi. Ông lặng lẽ nhìn đăm đăm có lẽ trong nửa phút.

Ông nói: “Tôi đang đi dạo qua phố để đầu óc tỉnh táo thì bỗng nhiên... lửa cháy, động đất, chết chóc!”

Ông lại lặng im, cảm lúc này hầu như chìm hẳn trong đầu gối.

Ngay sau đó ông bắt đầu vẫy tay: “Tất cả các công trình... tất cả các trường dạy giáo lý... Chúng ta đã làm gì... Weybridge đã làm gì? Mọi thứ đã mất... mọi thứ đã bị tiêu hủy. Nhà thờ! Chúng ta mới xây lại nhà thờ ba năm trước. Tiêu hủy! Bị quét sạch khỏi thế gian! Tại sao?”

Lại ngừng, rồi ông lại thốt lên như người loạn trí. Ông hét: “Khói lửa thiêu đốt nó bốc lên đời đời kiếp kiếp!”⁽⁸⁾

Mắt ông rực lửa, ông chỉ ngón tay gầy về hướng Weybridge.

Khi đó tôi bắt đầu dò xét ông. Rõ ràng ông đã trốn khỏi Weybridge, và thăm kịch ghê gớm mà ông gặp đã làm ông gần như mất trí.

Tôi nói với giọng thực tế: “Chúng ta ở cách Sunbury có xa không?”

Ông hỏi: “Mình phải làm gì? Những sinh vật này có ở khắp mọi nơi không? Liệu Trái đất có bị giao cho chúng không?”

“Chúng ta ở cách Sunbury có xa không?”

“Mới sáng nay tôi cử hành buổi lễ sớm...”

Tôi lặng lẽ nói: “Sự việc đã thay đổi. Ông phải tỉnh táo, vẫn còn hy vọng.”

“Hy vọng!”

“Ừ. Nhiều hy vọng... bất kể những tàn phá này!”

Tôi bắt đầu giải thích quan điểm của mình về tình thế của chúng tôi.

Thoạt đầu ông lắng nghe, nhưng khi tôi nói tiếp, vẻ quan tâm chớm nở trong mắt ông lại bị cái nhìn đăm đăm trước đó thế chỗ, và ông không còn chú ý tới tôi nữa.

Ông cắt ngang: “Đây ắt là buổi đầu của tận thế. Tận thế! Ngày vĩ đại và dễ sợ của Chúa! Khi loài người bảo núi và đá đổ xuống họ và che giấu họ - che giấu họ cho khuất mặt Đấng ngự trên ngai!”⁽⁹⁾

Tôi bắt đầu hiểu tình thế. Tôi không cố lý luận nữa mà khó nhọc đứng dậy, nhìn xuống ông và đặt tay lên vai ông.

Tôi nói: “Can đảm lên! ông sợ mất vía ra kìa! Tôn giáo ích gì nếu nó chịu thua tai ương? Hãy nghĩ tới những gì động đất và lụt lội, chiến tranh và núi lửa đã gây ra cho loài người! Bộ ông nghĩ Chúa đã miễn cho Weybridge à? Ngài đâu có là nhân viên bảo hiểm.”

Ông ngồi im chờ dần một lát. Ông chợt hỏi: “Nhưng làm sao mình có thể trốn thoát? Chúng vô địch, chúng nhẫn tâm.”

Tôi đáp: “Không vô địch, và có lẽ cũng chẳng nhẫn tâm. Và chúng càng mạnh thì mình càng nên tỉnh táo và thận trọng. Mới chưa đầy ba tiếng trước một tên trong bọn chúng đã bị giết chết ở đằng kia.”

Ông nhìn quanh quất và nói: “Giết! Làm sao sứ giả của Chúa lại có thể bị giết?”

Tôi tiếp tục nói với ông: “Tôi đã chứng kiến chuyện ấy xảy ra. Quân ta tình cờ giành được lợi thế, thế thôi.”

Ông chợt hỏi: “Ánh chớp nháy trên bầu trời đó là gì?”

Tôi bảo ông đó là máy truyền tin quang báo đang đánh tín hiệu, đó là dấu hiệu trợ giúp và nỗ lực của loài người trên nền trời.

Tôi nói: “Ta đang ở giữa tâm bão, im ắng như nó vẫn thế. Ánh chớp nháy trên bầu trời đỏ báo hiệu trận bão đang tích tụ. Phía kia, tôi nghĩ là bọn Hỏa tinh, còn phía Luân Đôn, chỗ mấy ngọn đồi bao quanh Richmond và Kingston có cây cối che khuất, người ta đang đắp công sự và dàn trận địa pháo. Chẳng bao lâu bọn Hỏa tinh sẽ lại đi tới phía này.”

Ngay giữa khi tôi đang nói, ông đứng vụt dậy, ra hiệu cho tôi ngưng lại. Ông nói: “Nghe kìa!”

Từ dãy đồi thấp bên kia sông vọng lại tiếng trầm trầm của các khẩu súng đẳng xa, và một tiếng kêu quái dị xa xôi. Rồi vạn vật lặng yên. Một con bọ vo ve trên bờ giậu rồi bay qua chúng tôi. Trên cao bên hướng Tây, vầng trăng lưỡi liềm tái mờ treo lơ lửng trên màn khói ở Weybridge và Shepperton, và ráng chiều nóng bức vẫn lộng lẫy.

Tôi nói: “Mình nên đi theo lối này, hướng Bắc.”

Chương 14

Ở Luân Đôn

Em trai tôi đang ở Luân Đôn lúc người Hỏa tinh rơi xuống Woking. Chú là sinh viên y khoa đang ôn bài cho kỳ thi sắp tới, và cho đến sáng thứ Bảy chú mới nghe nói về chúng. Các tờ báo sáng thứ Bảy, trừ các bài đặc biệt viết dài dòng về Hỏa tinh, về đời sống trên các hành tinh, vân vân, có đăng một bức điện ngắn, lời lẽ mơ hồ, và đặc biệt gây chú ý vì sự vắn tắt của nó.

Bức điện viết người Hỏa tinh hoảng hốt vì thấy đám đông tiến đến nên đã giết một số người bằng khẩu súng bắn nhanh. Bức điện kết luận bằng câu: *“Dù có vẻ ghê gớm, bọn Hỏa tinh đã không ra khỏi cái hố nơi chúng rơi xuống, và thật ra hình như chúng không thể leo ra khỏi đó. Điều này có lẽ là vì sức hút của Trái đất tương đối mạnh.”* Từ câu cuối đó, người viết xã luận khai triển thêm một cách rất thoải mái.

Dĩ nhiên tất cả sinh viên lớp luyện thi môn sinh học của em tôi hôm đó rất quan tâm, nhưng trên đường phố không có dấu hiệu kích động bất thường nào. Máy tờ báo buổi chiều thổi phồng tin vạt thành tít lớn. Cho tới tám giờ họ vẫn chẳng có gì để nói ngoài các cuộc điều binh chung quanh bãi đất công và rừng thông cháy giữa Woking và Weybridge. Rồi tờ *St. James Công báo*, trong một ấn bản đặc biệt, chỉ thông báo rằng việc liên lạc bằng điện tín bị gián đoạn. Người ta cho rằng đó là vì mấy cây thông cháy đã đổ

ngang đường dây. Tối hôm đó không có thêm tin gì về cuộc giao tranh, đúng tối hôm tôi đánh xe tới Leatherhead rồi quay về.

Em tôi cảm thấy không có gì phải lo lắng cho chúng tôi, vì chú đọc báo biết khối hình trụ cách nhà tôi hơn hai dặm. Chú quyết định khuya hôm đó sẽ chạy xuống tôi, theo chú nói là để kịp thấy các vật ấy trước khi chúng bị giết. Vào lúc bốn giờ chú gửi một bức điện, nó không bao giờ tới được tay tôi, rồi đến chập tối chú đi nghe nhạc.

Tối thứ Bảy ở Luân Đôn cũng có bão, em tôi gọi xe ngựa chở khách đi tới trạm Waterloo. Sau khi đợi một hồi trên thềm ga nơi chuyển xe lửa nửa đêm vẫn thường khởi hành, chú được biết tối hôm ấy xe lửa không đến được Woking vì có tai nạn. Chi tiết của tai nạn thì chú không rõ; thật ra giới chức đường sắt lúc ấy cũng không biết rõ. Trong nhà ga không có náo động gì mấy, vì các viên chức cho rằng đây chẳng qua là một vụ trục trặc giữa Byfleet và ga đầu mối Woking, họ đang chạy các chuyến xe lửa quân sự thường đi ngang Woking đổi hướng vòng qua Virginia Water hay Guildford. Họ bận thu xếp đổi lộ trình các chuyến đi của hội bóng đá Southampton và Portsmouth Sunday League. Một ký giả tờ báo buổi tối chặn đường phỏng vấn em tôi, vì tưởng lầm chú là ông quản đốc lưu thông, chú hơi giống ông ta. Ít người, trừ các viên chức đường sắt, nghĩ rằng vụ trục trặc ấy có liên quan tới người Hỏa tinh.

Tôi đọc một bài khác nói về các biến cố này rằng vào sáng Chủ nhật “cả Luân Đôn giật mình vì tin tức ở Woking”. Thật ra, chẳng có gì chứng minh cho câu viết rất phóng đại ấy. Rất nhiều dân Luân Đôn không hề nghe gì về người Hỏa tinh, cho tới khi xảy ra hoảng loạn sáng thứ Hai. Những người biết tin phải mất khá lâu mới hiểu hết các bức điện viết vội đăng trên mấy tờ báo Chủ nhật. Đa số dân Luân Đôn không đọc báo Chủ nhật.

Hơn nữa, dân Luân Đôn đã quá quen nghĩ là họ được an toàn, và tin giật gân xuất hiện trên báo quá nhiều tới nỗi họ có thể đọc như sau mà chẳng rung mình: “*Khoảng bảy giờ tối hôm qua người Hỏa tinh ra khỏi khối hình trụ, đi đi lại lại trong bộ áo giáp bọc kim loại, đã phá hủy hoàn toàn nhà ga Woking cùng khu nhà lân cận, và tàn sát toàn bộ một tiểu đoàn thuộc Trung đoàn Cardigan. Chi tiết chưa được biết rõ. Súng liên thanh Maxim hoàn toàn vô dụng trước áo giáp của chúng; các khẩu pháo dã chiến bị chúng vô hiệu hóa. Kỵ binh cơ động đã phi nước đại vào Chertsey. Bọn Hỏa tinh có vẻ đang di chuyển từ từ tới Chertsey hay Windsor. Nỗi lo lắng tràn ngập West Surrey, người ta đang đắp công sự để chặn không cho chúng tiến tới Luân Đôn.*” Tờ Sun số Chủ nhật đã đăng như thế, và một bài “tóm tắt” tài tình và hết sức nhanh lẹ trên tờ *Referee* so sánh sự việc này với một bày thú triển lãm bỗng tháo chạy lung tung trong làng.

Không ai ở Luân Đôn biết rõ tính chất của người Hỏa tinh bọc sắt, và vẫn có định kiến rằng bọn quái thú này hẩn chậm rì rì: “bò lết”, “trườn đi khó nhọc” - những cách diễn đạt đó xuất hiện trên hầu hết các bài tường thuật đầu tiên. Không bức điện nào được viết bởi một người thấy tận mắt bước tiến của chúng. Các tờ báo Chủ nhật phát hành ấn bản riêng khi có tin thêm, một số báo thậm chí cũng in mặc dù chẳng nhận được thông tin gì mới. Nhưng hầu như chẳng có gì để nói thêm với mọi người cho mãi đến chiều tối, khi nhà chức trách đưa tin họ có cho các hãng thông tấn. Tin nói rằng dân ở Walton và Weybridge và toàn bộ quận lỵ đang đổ ra đường để đi về hướng Luân Đôn, tất cả chỉ có thế. Sáng hôm sau em tôi tới nhà thờ ở Viện cô nhi, vẫn chẳng biết gì về chuyện đã xảy ra tối hôm trước, ở đó chú nghe nói bóng gió về cuộc xâm lăng, và nói lời cầu nguyện đặc biệt cho hòa bình. Ra khỏi nhà thờ, chú mua một tờ *Referee*. Hoảng hốt vì tin tức trên báo, chú liền tới lại

nhà ga Waterloo để xem liên lạc được nối lại chưa. Xe buýt, xe ngựa, người đi xe đạp và vô số người đi bộ mặc đồ diện nhất, hình như không bị ảnh hưởng gì vì bản tin kỳ lạ mà những người bán báo đang rao. Người ta quan tâm hoặc nếu có cảnh giác chẳng thì chỉ cảnh giác về chuyện của dân địa phương, ở nhà ga, lần đầu tiên chú biết tuyến đường Windsor và Chertsey đang bị cắt. Đám phu khuân vác bảo chú rằng hồi sáng người ta nhận được vài bức điện quan trọng từ ga Byfleet và ga Chertsey, nhưng điện tín bỗng ngưng bật.

Em tôi moi được rất ít chi tiết chính xác từ họ.

Tin tức của họ chỉ là: *“Có giao tranh đang xảy ra chung quanh Weybridge.”*

Dịch vụ xe lửa lúc này rất hỗn loạn. Khá nhiều người đang đứng quanh nhà ga, chờ bạn hữu đến từ các nơi trên tuyến Tây Nam. Một ông cụ lịch sự tóc bạc tới mắng chửi chúa Công ty Tây Nam với em tôi. Ông ta nói: *“Phải vạch trần chúng nó.”*

Một hai chiếc xe lửa từ Richmond, Putney và Kingston vào ga, chở người đi chơi thuyền về, họ thấy cửa kênh giao thông đang đóng và nhận ra cảm giác hoảng loạn khắp chung quanh. Một ông mặc áo vét sọc xanh trắng kể toàn tin tức lạ lùng với em tôi.

Ông ta nói: *“Có cả đồng người đánh xe vào Kingston đem theo hành lý, xe cộ và đồ đạc, tráp đồ quý và linh tinh các thứ. Họ từ Molesey, Weybridge và Walton tới. Họ nói có nghe tiếng súng bắn dữ dội ở Chertsey, và lính cưỡi ngựa bảo họ khởi hành lập tức vì bọn Hỏa tinh đang tới. Chúng tôi nghe tiếng súng bắn ở nhà ga Hampton Court, nhưng chúng tôi nghĩ là tiếng sấm. Chuyện quái quỷ gì thế? Bọn Hỏa tinh đâu có ra khỏi cái hố của chúng được*

phải không?”

Em tôi không thể trả lời ông ta.

Sau đó chú thấy cảm giác lo sợ mơ hồ đã lan tới hành khách đi xe điện ngầm. Và người đi du ngoạn hôm Chủ nhật bắt đầu từ khắp “khu thoáng đãng” trên tuyến Tây Nam - Barnes, Wimbledon, công viên Richmond, Kew, vân vân - trở về sớm bất thường, nhưng không một ai biết được điều gì để kể lại ngoài những tin đồn vu vơ. Mọi người chờ xe về trạm cuối đều có vẻ cau kỉnh.

Khoảng năm giờ, đám đông tụ tập trong nhà ga cực kỳ kích động vì đường liên lạc vốn hầu như bị đóng im ỉm bây giờ được mở lại giữa các trạm Đông Nam và Tây Nam, và các toa hàng chở súng đại bác và xe ngựa chật ních lính tráng được cho đi qua. Đây là những khẩu súng mang từ Woolwich và Chatham tới để bảo vệ Kingston. Có tiếng trao đổi đùa cợt: ““Chúng tao sẽ xức tụi mày!” “Mình dạy thú dữ mà!” vân vân. Chốc lát sau, một toán cảnh sát vào nhà ga và bắt đầu giải tán công chúng ra khỏi các thêm ga, thế là em tôi lại ra đường.

Chuông nhà thờ gióng báo lễ chiều, một toán thiếu nữ của Đội quân Cứu tế⁽¹⁰⁾ tới hát dưới Đường Waterloo. Trên cầu một số kẻ rong chơi nhìn xuống thứ váng bọt nâu kỳ lạ đang trôi từng mảng xuôi dòng. Mặt trời vừa lặn, Tháp Đồng hồ và tòa nhà Quốc hội nổi lên trên bầu trời thanh bình đến khó hình dung, bầu trời như vàng rờn, với những sọc mây dài đỏ tía vắt ngang. Có ai đó nói về một cái xác chết trôi. Một người trong số đó, anh ta nói anh ta là lính trừ bị, bảo em tôi rằng anh ta đã thấy máy truyền tin lấp lánh phía Tây.

Trên phố Wellington em tôi gặp hai gã thô lỗ vạm vỡ chạy vọt ra khỏi phố Pleet với xấp báo còn ướt mực và mấy tấm quảng cáo bắt mắt. Họ tranh

nhau rao oang oang suốt phố Wellington: “Tai họa dễ sợ! Giao tranh ở Weybridge! Đấng trợn vện! Bọn Hỏa tinh phản công! Luân Đôn lâm nguy!”

Chú phải trả ba xu để mua tờ báo đó. Khi ấy, và chỉ tới khi ấy, chú mới ý thức sơ qua về sức mạnh và sự ghê gớm của bọn quái thú này. Chú biết chúng không chỉ là một nhóm sinh vật nhỏ lừ đừ, mà là những khối óc điều khiển những tấm thân bằng máy khổng lồ, chúng có thể di chuyển cực nhanh và đánh với một sức mạnh khiến ngay cả những khẩu súng lớn nhất cũng không đương cự nổi.

Người ta tả chúng là “những cỗ máy có hình dáng tựa như con nhện khổng lồ, cao gần ba chục mét, có thể đạt tới vận tốc của xe lửa tốc hành, và có khả năng bắn ra một tia cực nóng”. Các đội pháo ngự trang, chủ yếu là pháo dã chiến, đã được cài trong khu vực quanh bãi đất công ở Horsell, nhất là giữa quận Woking và Luân Đôn. Người ta thấy năm bộ máy tiến tới Sông Thames và đã tiêu diệt được một chỉ nhờ may mắn. Các cỗ máy kia thì đạn pháo bắn hụt, và các pháo đội lập tức bị Tia Nhiệt thủ tiêu. Họ kể binh lính bị tổn thất nặng, nhưng bản tin gửi đi có giọng điệu lạc quan.

Người Hỏa tinh đã bị đẩy lui, chúng không phải là không thể bị tổn thất. Chúng đã rút về lại khu tam giác các khối hình trụ, làm thành một vòng chung quanh Woking. Lính truyền tin mang máy quang báo đang từ mọi phía sẵn tới chúng. Súng từ Windsor, Portsmouth, Aldershot, Woolwich, ngay cả từ phía Bắc đang được chuyển nhanh tới. Trong số đó có những khẩu trọng pháo dài, nặng chín mươi lăm tấn từ Woolwich. Tổng cộng một trăm mười sáu khẩu đã dàn trận hay đang vội vàng vào vị trí, chủ yếu là để bảo vệ Luân Đôn. Anh quốc chưa bao giờ tập trung quân cụ với quy mô lớn và nhanh như thế.

Người ta hy vọng là bất cứ khối hình trụ nào rơi xuống thêm cũng có thể bị tiêu diệt tức khắc bằng chất nổ mạnh đang được nhanh chóng sản xuất và phân phối. Bản tường trình viết rằng tình hình hẳn nhiên là rất kỳ lạ và nghiêm trọng, nhưng kêu gọi công chúng không nên hốt hoảng. Hẳn nhiên bọn Hỏa tinh quái dị và ghê gớm cực độ, nhưng chúng không thể có quá hai chục tên so với hàng triệu người chúng ta.

Nhà chức trách có lý do để giả định, xét theo kích thước của các khối hình trụ, rằng tối đa không thể có hơn năm tên Hỏa tinh trong mỗi khối hình trụ, tổng cộng là mười lăm tên. Và ít nhất một tên đã bị tiêu diệt - có thể nhiều hơn. Công chúng sẽ được báo động kịp thời về hiểm nguy sắp tới, và các biện pháp tử mĩ đang được thi hành để bảo vệ dân chúng ở vùng ngoại ô phía Tây Nam bị đe dọa. Và lời công bố gần như là tuyên cáo này kết thúc bằng lời cam đoan lặp đi lặp lại rằng Luân Đôn vẫn an toàn, rằng nhà chức trách có khả năng đối phó với tình thế khó khăn.

Tin này được in bằng chữ lớn trên tờ báo chưa ráo mực, và không kịp thêm một lời bình luận nào. Em tôi nói thật lạ khi thấy các mục bình thường của tờ báo đã bị cắt xén và đọc bỏ một cách tàn nhẫn để dành chỗ cho tin này.

Khắp trên phố Wellington có thể thấy thiên hạ vừa vung vẩy các bản đặc biệt in giấy hồng vừa đọc, và phố Strand bỗng âm ỉ tiếng rao của đạo quân bán dạo theo sau hai kẻ tiên phong này. Nhiều người chen xuống xe buýt để mua cho được tờ báo. Tin này rõ ràng đã kích thích dân chúng ghê gớm, cho dù trước đó họ lãnh đạm thế nào. Em tôi nói mấy tấm ván ghép cửa một hiệu bán bản đồ trên phố Strand được gỡ xuống, và chú thấy trong tủ hàng có một ông mặc y phục ngày Chủ nhật, thậm chí còn đeo găng màu vàng chanh, đang vội vàng dán tấm bản đồ vùng Surrey lên kính.

Đi dọc trên phố Strand tới quảng trường Trafalgar, cầm tờ báo trên tay, em tôi thấy một số người lánh nạn từ West Surrey về. Một ông đi với vợ và hai đứa con trai cùng vài món bàn ghế tủ trên chiếc xe giống như của người bán rau hay dùng. Ông ta từ hướng cầu Westminster tới, sát phía sau ông là chiếc xe chở cỏ khô trên đó có năm sáu người nom đáng kính cùng một số rương hòm, tay nải. Khuôn mặt những người này hốc hác, và toàn bộ vẻ bề ngoài của họ trái ngược thấy rõ với vẻ ăn diện cuối tuần của bọn người trên những chiếc xe buýt. Người mặc y phục diêm dúa ngồi trên xe khách dòm ra cửa xe nhìn trộm họ. Họ dừng lại ở quảng trường như thể chưa quyết định đi lối nào, và cuối cùng rẽ về hướng Đông trên phố Strand. Một lát sau có một ông mặc bộ quần áo đi làm hằng ngày, cưỡi chiếc xe đạp ba bánh kiểu cũ, bánh trước nhỏ. Ông ta bắn thiu và mặt trắng bệch.

Em tôi rẽ xuống phía khu Victoria, và cũng gặp một số người như thế. Chú mơ hồ nghĩ là có thể tôi cũng như họ. Chú nhận thấy cảnh sát đông bất thường đang điều khiển lưu thông. Một vài dân tị nạn đang trao đổi tin tức với người trên xe buýt. Một người tuyên bố đã thấy người Hỏa tinh. “Tôi cho quý vị biết, chúng là mấy cái nồi hơi đi cà kheo sải bước như người.” Phần lớn họ đang phấn khích và sôi nổi vì chuyện lạ lùng họ đã trải qua.

Quá khỏi phố Victoria, các quán rượu đắt hàng nhờ những người mới tới. Trên mọi góc đường, từng nhóm người đọc báo, trò chuyện sôi nổi, hay nhìn chăm chú những người khách Chủ nhật bất thường này. Em tôi nói rằng lúc đêm xuống họ có vẻ càng đông hơn, cho tới khi cuối cùng phố xá giống như phố Epsom High vào ngày đua ngựa. Em tôi trò chuyện với vài người dân lánh nạn, song nhìn chung chú không nhận được câu trả lời vừa ý.

Không ai trong số họ có thể nói cho chú biết tin gì về Woking, trừ một ông cam đoan rằng tối hôm trước Woking đã bị tiêu hủy hoàn toàn.

Ông ta nói: “Tôi từ Byfleet tới, một ông phóng xe đạp qua đó lúc sáng sớm, chạy từ nhà này qua nhà khác khuyến cáo chúng tôi đi ngay. Rồi lính tới. Chúng tôi ra xem, phía Nam có những cụm khói, chỉ có khói, không có một bóng người nào từ phía đó tới. Rồi chúng tôi nghe có tiếng súng ở Chertsey, và thiên hạ từ Weybridge tới. Thế là tôi khóa cửa nhà rồi ra đi.”

Lúc đó thiên hạ trên đường phố cảm thấy nhà cầm quyền rất đáng bị khiển trách vì không đủ khả năng tổng khứ bọn xâm lược mà không cần phải gây bao phiền phức như thế này.

Khoảng tám giờ tiếng súng lớn nghe rõ mồn một khắp phía Nam Luân Đôn. Em tôi không nghe được vì lưu thông nhộn nhịp trên phố chính, nhưng khi đi qua các hẻm nhỏ yên tĩnh để tới dòng sông, chú có thể nhận ra tiếng súng rất rõ.

Chú đi từ Westminster về chung cư của mình gần Công viên Regent lúc hai giờ. Lúc này chú rất lo cho tôi, và bối rối vì mức độ bất trắc rõ ràng là rất lớn. Chú định chạy tới chỗ các nhóm lính, giống như tôi vào hôm thứ Bảy. Chú nghĩ tới những khẩu súng lặng lẽ chờ đợi ấy, nghĩ tới vùng quê bỗng dưng di tản; chú cố hình dung “cái nôi hơi đi cà kheo” cao ba chục thước.

Có một hai cỗ xe chở đầy dân tị nạn đi trên phố Oxford, một số khác trên Đường Marylebone, nhưng tin tức lan chậm tới nỗi như mọi khi, phố Regent và phố Portland vẫn đầy người đi dạo tối Chủ nhật, dẫu rằng họ tụm năm tụm ba nói chuyện, và dọc bên bìa Công viên Regent có nhiều cặp im lặng “dạo chơi” với nhau dưới các ngọn đèn hơi đốt rải rác. Tối hôm đó ấm và yên tĩnh, hơi ngọt ngào; tiếng súng tiếp tục nổ từng chập, và sau nửa đêm hình như có sấm chớp ở phía Nam.

Chú đọc đi đọc lại tờ báo, sợ tôi đã gặp chuyện chẳng lành. Chú bồn

chồn, và sau bữa ăn tối lại ra ngoài đi vợ vắn. Chú về nhà, cố vùi đầu vào bài học thi nhưng vô ích. Sau nửa đêm một chút chú đi ngủ, và choàng tỉnh khỏi giấc mơ khủng khiếp lúc mờ sáng thứ Hai vì tiếng gõ cửa, tiếng chân chạy ngoài phố, tiếng trống xa xa và tiếng chuông lạnh lạnh. Ánh đỏ nhảy múa trên trần nhà. Chú nằm sững sốt trong phút chốc, tự hỏi trời đã sáng hay thiên hạ đã hóa điên. Rồi chú nhảy ra khỏi giường và chạy tới cửa sổ.

Phòng chú ở tầng gác mái. Khi chú thò đầu ra, tiếng ồn ã từ đầu đường đến cuối đường vọng lại khung cửa sổ phòng chú, và rồi hiện ra những cái đầu người đủ kiểu bù rối lúc ban đêm. Tiếng hỏi han la hét. Một viên cảnh sát vừa đập cửa vừa nói oang oang: “Bọn nó đến! Người Hòa tinh đến!” rồi vội vàng đi qua nhà kế bên.

Tiếng kèn trống nổi lên từ phía doanh trại phố Albany, và mọi nhà thờ trong tầm nghe đều ra sức kéo chuông báo động náo loạn inh ỏi để đánh thức mọi người. Tiếng cửa nẻo mở ra ầm ĩ, và cửa sổ từ nhà này qua nhà khác bên đây đối diện lóe lên ánh vàng vọt xua tan bóng đêm.

Từ đầu đường một cỗ xe che kín phi nước đại đột ngột vọt qua ầm ĩ ở góc đường, tiếng lóc cóc lên tới cực điểm dưới cửa sổ phòng chú rồi tắt dần ngoài xa. Sát theo sau nó là hai chiếc xe chở khách, đi đầu một đoàn dài xe lán nạn, phần lớn tới nhà ga Chalk Farm, ở đó các chuyến xe lửa đặc biệt tuyến Tây Bắc đang nhồi nhét người lên thay vì chạy xuống dốc để tới ga Euston.

Em tôi sững sốt chờ dẫn ngó đăm đăm ra cửa sổ một lúc lâu, nhìn đám cảnh sát vừa gõ cửa này qua cửa khác vừa loan báo tin khó hiểu. Rồi cánh cửa phía sau chú mở ra, một anh chàng ở trọ bên kia chiếu nghỉ cầu thang bước vào, chỉ mặc áo sơ mi và quần, đi dép, dây đeo quần lỏng lẻo bên

hông, tóc rối bù.

Anh ta hỏi: “Cái quái gì thế? Cháy hả? Om sòm cái quái gì vậy?”

Cả hai ngھnھ đầu ra cửa sổ, cố nghe xem mấy viên cảnh sát đang la hét cái gì. Người từ các ngõ ngang đang chạy ra, đứng thành nhóm ở góc đường nói chuyện.

Anh chàng trọ cùng nhà với em tôi hỏi: “Chuyện quái gì vậy?”

Em tôi mơ hồ đáp lời anh ta rồi bắt đầu mặc quần áo, vừa xỏ áo xỏ quần vừa chạy tới cửa sổ để khỏi bỏ lỡ cảnh kích động đang mỗi lúc một tăng. Và chẳng mấy chốc đám bán báo kéo tới rao inh ỏi mấy tờ báo ra sớm một cách bất thường: “Luân Đôn có nguy cơ bị bóp nghẹt! Phải phòng thủ Kingston và Richmond! Tàn sát đáng sợ ở lưu vực sông Thames!”

Và khắp chung quanh chú - trong các phòng bên dưới, trong các nhà hai bên và bên kia đường, trong dãy Công viên Terrace phía sau và trên hàng trăm phố khác của khu ấy ở Marylebone, ở quận Công viên Westbourne và St. Pancras, ở Kilburn và St. John’s Wood và Hampstead về phía Tây và phía Bắc, ở Shoreditch, Highbury, Haggerston và Hoxton về phía Đông, thật sự là khắp Luân Đôn rộng lớn từ Ealing tới East Ham - người ta dụi mắt, mở cửa sổ ngó chăm chăm và hỏi những câu băng quơ, vội vã mặc quần áo khi làn gió đầu tiên của trận bão Sợ Hãi sắp đến thổi qua đường phố. Đó là khởi đầu của cơn đại hoảng loạn. Tối Chủ nhật trước Luân Đôn đi ngủ lơ đãng chẳng biết gì, để rồi mờ sáng thứ Hai bị đánh thức với cảm nhận sâu sắc về mối hiểm nguy.

Từ cửa sổ phòng mình thì không thể biết chuyện gì xảy ra, vì thế em tôi xuống lầu đi ra đường, đúng lúc bầu trời giữa các ban công rực hồng lên theo bình minh mới rạng. Người đi tản đi bộ và đi xe càng lúc càng đông. Chú

nghe thiên hạ thốt lên không ngớt: “Khói Đen! Khói Đen! ” Nỗi sợ hãi đồng loạt ấy lây lan không thể tránh khỏi. Em tôi lưỡng lự ở bậc cửa, thấy một người bán báo tiến tới, liền mua ngay tức khắc. Anh ta chạy đi với số báo còn lại, vừa chạy vừa bán mỗi tờ mười hai xu, lợi dụng sự hoảng loạn để thu lợi một cách kịch cớm.

Em tôi đọc từ tờ báo này bản tin thảm khốc của vị tổng tư lệnh: *“Người Hỏa tinh có thể dùng hỏa tiễn bắn ra những cụm lớn khí đen độc hại. Chúng đã làm chết ngạt các pháo đội của chúng ta, tiêu hủy Richmond, Kingston và Wimbledon, và đang tiến dần tới Luân Đôn, vừa đi vừa tiêu hủy mọi thứ trên đường. Không thể chặn chúng lại. Khói Đen rất nguy hiểm, cách duy nhất là chạy trốn lập tức.”*

Bản tin chỉ có thế, nhưng vậy là đủ. Toàn bộ dân chúng của thành phố lớn sáu triệu người náo động, bỏ trốn, tháo chạy, ngay sau đó nhất tề đổ về hướng Bắc.

Tiếng la hét: “Khói Đen! Lửa!”

Chuông nhà thờ trong khu lân cận đổ dồn inh ỏi, một người đánh xe bất cẩn khiến cho xe đụng vào máng nước ở đầu đường vỡ tan tành, giữa những tiếng la hét chửi rủa. Ánh đèn vàng vọt bệnh hoạn tắt tưởi tới lui trong các căn nhà, và một số xe chở khách chạy ngang lấp lánh những ngọn đèn không tắt. Trong khi đó thì trên đầu, hừng đông càng rực rỡ hơn, trong sáng, điềm tĩnh và bình lặng.

Chú nghe phía sau lưng tiếng chân chạy tới lui trong các phòng, lên xuống thang lầu. Bà chủ nhà trọ đi ra cửa, quần thùng thùng áo ngủ và khăn choàng, ông chồng bà theo phía sau vừa đi vừa lải nhải kêu than.

Em tôi bắt đầu hiểu ra tình thế nguy cấp, chú quay vội về phòng mình,

bỏ hết tiền bạc sẵn có vào túi, tổng cộng chừng mười bảng Anh, rồi lại ra đường.

Chương 15

Chuyện xảy ra ở Surrey

Trong khi vị cha xứ ngồi nói lảm nhảm với tôi dưới bờ giậu trong cánh đồng cỏ phẳng gần Halliford, và trong khi em tôi nhìn dân lính nạn tràn qua cầu Westminster, thì chính lúc đó bọn Hỏa tinh tấn công trở lại. Trong chừng mực ta có thể xác định được từ các tường thuật mâu thuẫn nhau mà người ta đã đưa ra, thì cho tới chín giờ tối hôm ấy đa số bọn chúng vẫn còn bận chuẩn bị trong hố ở Horsell, vội vàng làm một số việc gì đấy phát ra những búng khói lớn xanh biếc.

Nhưng chắc chắn vào lúc tám giờ có ba tên mò ra, thận trọng tiến chậm chậm qua Byfleet và Pyrford tới Ripley và Weybridge, rồi lừng lững xuất hiện trong ánh hoàng hôn trước mặt các pháo đội đang phục sẵn. Bọn người Hỏa tinh này không tiến tới thành một tốp mà dàn hàng ngang, mỗi tên cách đồng bọn gần nhất có lẽ một dặm rưỡi. Chúng liên lạc với nhau bằng tiếng hú nghe như còi báo động, trầm bổng từng nốt cao nốt thấp.

Đây chính là tiếng hú và tiếng súng ở Ripley và Đồi St. George mà chúng tôi nghe được trong lúc ở Làng Upper Halliford. Pháo thủ ở Ripley là lính tình nguyện, thiếu kinh nghiệm, lẽ ra không bao giờ nên bị đưa vào vị trí như thế, họ đã bắn một loạt loạn xạ, quá sớm, vô hiệu quả, rồi lên ngựa chạy trốn hay co giò tẩu thoát qua ngôi làng bỏ hoang; trong khi người Hỏa tinh, không dùng Tia Nhiệt, ung dung bước ngang qua các khẩu pháo của họ, rón

rén bước vào giữa họ, vượt qua trước mặt họ, và bất thành linh tấn công phá hủy các khẩu súng ở Công viên Painshill.

Tuy nhiên, lính ở Đồi St. George được chỉ huy tốt hơn hoặc can đảm hơn. Họ nấp trong rừng thông, và có vẻ tên Hỏa tinh gần họ nhất không ngờ tới họ. Họ dàn súng kỹ lưỡng như đang diễu binh, và bắn ở tầm khoảng một ngàn thước.

Đạn pháo lóe khắp chung quanh hăn, và họ thấy hăn tiến tới vài bước, lao đảo, rồi ngã xuống. Mọi người cùng reo hò, và các khẩu pháo lại được vội vàng nạp đạn. Tên Hỏa tinh bị ngã tru tréo một tiếng dài, và để đáp lời hăn lập tức gã khổng lồ thứ hai lấp lánh xuất hiện trên rừng cây phía Nam. Đường như một căng của cái chạc ba bị một viên đạn bắn vỡ. Loạt đạn thứ hai bay cách xa tên Hỏa tinh nằm trên mặt đất, và, đồng loạt, cả hai bạn của hăn nhắm Tia Nhiệt vào khẩu đội pháo. Đạn được nổ tung, rừng thông chung quanh các khẩu súng tóe lửa bùng cháy, và trong đám lính chỉ có một hai người thoát nạn nhờ chạy được lên tới đỉnh đồi.

Sau đó dường như cả ba tên Hỏa tinh cùng bàn bạc và dừng lại, và toán lính trinh sát báo cáo rằng trong nửa giờ sau đó chúng vẫn hoàn toàn bất động.

Tên Hỏa tinh bị ngã mệt mỏi bò ra khỏi cái mui của hăn, một thân hình nâu nhỏ, từ khoảng cách ấy hăn giống vết dấu bệnh dịch đến kỳ lạ, rõ ràng là đang chăm chú sửa lại cái chân. Khoảng chín giờ hăn sửa xong, vì người ta lại thấy cái mui của hăn nhô lên trên ngọn cây.

Vài phút sau chín giờ tối hôm ấy, ba tên đứng gác này được bốn tên Hỏa tinh khác nhập bọn, mỗi tên mang một cái ống đèn lớn. Ba tên đứng gác được trao mỗi tên một cái ống tương tự, và cả bảy tên bắt đầu phân tán ra cách đều

nhau dọc theo cung đường giữa Đồi St. George, Weybridge và làng Send, phía Tây Nam Ripley.

Ngay khi chúng bắt đầu di chuyển, mười hai trái hỏa châu liền bắn ra từ các ngọn đồi trước mặt chúng, báo động cho các đội pháo đang chờ chung quanh Ditton và Esher. Cùng lúc đó, bốn cỗ máy chiến đấu của chúng, trang bị cùng một loại ống, băng qua sông, hai tên trong bọn hiện ra đen bật trên nền trời phía Tây trong tầm mắt tôi và vị cha xứ trong khi chúng tôi, mệt lả và đau nhức, vội vàng chạy trên con đường dẫn về hướng Bắc ra khỏi Halliford. Chúng tôi thấy chúng như đi trên mây, vì sương mù trắng đục phủ kín cánh đồng và dâng lên tới một phần ba chiều cao của chúng.

Thấy cảnh này vị cha xứ thốt lên một tiếng yếu ớt trong cổ và co cẳng chạy, nhưng tôi biết không thể chạy đâu cho thoát người Hỏa tinh, nên tôi xoay ngang bò qua bụi tầm ma và bụi gai đâm sương, xuống cái mương rộng bên vệ đường, ông ta ngoái nhìn, thấy tôi đang bò, ông liền quay lại nhập bọn với tôi.

Hai tên Hỏa tinh dừng lại, tên gần chúng tôi đứng xoay về Sunbury, tên xa hơn chỉ thấy lơ mơ thì quay về hướng sao hôm, phía Staines.

Tiếng hú từng chập của bọn Hỏa tinh đã dứt, chúng dàn thành hình lưỡi liềm khổng lồ bao quanh các khối hình trụ trong sự im lặng tuyệt đối. Hai đầu nhọn của lưỡi liềm cách nhau mười hai dặm. Từ khi người ta phát minh ra thuốc súng, chưa bao giờ một trận đánh bắt đầu mà lại yên ắng như thế. Chúng tôi và một người quan sát gần Ripley có ấn tượng giống hệt nhau - bọn người Hỏa tinh có vẻ một mình làm chủ đêm tối, cái đêm tối chỉ leo lét mỗi vầng trăng mỏng, các vì sao, ráng chiều hồng, cùng ánh lửa đỏ hoe từ Đồi St. George và khu rừng ở Painshill.

Nhưng đối diện với lưỡi liềm đó là các khẩu súng đang chờ ở khắp nơi - ở Staines, Hounslow, Ditton, Esher, Ockham, sau các ngọn đồi và rừng cây phía Nam dòng sông, trên đồng cỏ phẳng phía Bắc sông, bất cứ nơi nào có một khóm cây hay nhà cửa trong làng đủ để mai phục. Hỏa châu nổ báo hiệu, tỏa các tia sáng rơi xuống như mưa qua màn đêm rồi tắt, và tinh thần của tất cả các đội pháo đang canh phòng căng lên chờ đợi. Bọn Hỏa tinh sẽ phải tiến vào đường đạn, khi đó lập tức những dáng người tối đen bất động, những khẩu súng lấp lánh đen sẫm dưới bóng tối vừa buông sẽ nổ thành một trận ác liệt như sấm động.

Hẳn nhiên mỗi quan tâm hàng đầu của hàng ngàn bộ óc cảnh giác ấy, cũng là mỗi quan tâm hàng đầu của tôi, là câu hỏi: chúng biết về chúng ta tới mức nào. Chúng có hiểu rằng hàng triệu người chúng ta được tổ chức, có kỷ luật, đang hợp tác với nhau hay không? Hay chúng nghĩ về những phát đạn bắn ra, các trái pháo chọt gây nhức nhối, vòng vây vững chắc của chúng ta quanh nơi đồn trú của chúng cũng giống như chúng ta nghĩ về sự đồng lòng phần nộ tấn công của một tổ ong bị chúng ta quấy nhiễu? Chúng tưởng là chúng có thể xóa bỏ chúng ta chăng? (Lúc ấy không ai biết chúng cần thức ăn gì.) Hàng trăm câu hỏi như thế vật vờ trong tâm trí tôi, khi tôi nhìn đội hình phòng vệ rộng lớn ấy. Và trong thâm tâm, tôi nghĩ tới các lực lượng bí ẩn đang ẩn nấp ở hướng Luân Đôn. Họ đã chuẩn bị hầm bẫy chưa? Các xưởng thuốc súng ở Hounslow đã sẵn sàng làm cạm bẫy chưa? Liệu người dân Luân Đôn có dũng khí và can đảm để biến khối nhà cửa đồ sộ của họ thành một Moscow lớn hơn chăng?⁽¹¹⁾

Thế rồi, sau một hồi lâu như vô tận, trong khi chúng tôi lom khom nhìn chăm chú qua bờ giậu, cơn chấn động như tiếng súng từ xa dội tới. Một tiếng nữa gần hơn, rồi một tiếng nữa. Khi ấy tên Hỏa tinh bên cạnh chúng tôi giơ

ống lên bắn, như bắn súng, tiếng nổ mạnh làm rung chuyển mặt đất. Tên quay về phía Staines bắn tiếp sau. Không lửa, không khói, chỉ có tiếng nổ mạnh kia.

Tôi quá kích động vì các phát pháo bắn cách quãng từng phút này tới nỗi quên khuấy mất cả sự an toàn của bản thân và hai bàn tay bỏng rát, tôi leo lên bờ giậu, nhìn chăm chăm về phía Sunbury. Khi đó tiếng nổ thứ hai rền vang, viên đạn lớn bay rít trên đầu về hướng Hounslow. Tôi tưởng ít nhất sẽ thấy khói hay lửa, hay một dấu hiệu tương tự nào đó. Nhưng tôi chỉ thấy bầu trời xanh thẳm bên trên, với một ngôi sao đơn độc, và sương mù trắng lan rộng thấp bên dưới. Không có tiếng loảng xoảng nào, không có tiếng nổ vọng lại nào. Yên lặng được vẫn hồi, lâu tới ba phút.

Vị cha xứ đứng lên cạnh tôi mà hỏi: “Cái gì vậy?”

Tôi nói: “Có trời biết!”

Một con dơi chập chờn bay ngang rồi biến mất. Tiếng la hét náo loạn từ xa nổi lên rồi tắt. Tôi nhìn lại người Hỏa tinh, thấy bây giờ h lẫn di chuyển về hướng Đông dọc theo bờ sông, cử động nhấp nhô nhanh nhẹn.

Tôi trông chờ từng giây khắc tiếng súng của một pháo đội mai phục đâu đó bắn h lẫn, nhưng đêm vẫn yên tĩnh. Tên Hỏa tinh càng lùi xa thì hình dáng h lẫn càng nhỏ dần đi, và chẳng mấy chốc sương mù cùng đêm tối dồn lại nuốt chửng lấy h lẫn. Cùng bị thôi thúc, chúng tôi bò lên cao hơn. Phía Sunbury tối đen, như thể có một ngọn đồi hình nón bỗng mọc lên ở đó, ngăn không cho chúng tôi thấy vùng đất phía sau. Và xa hơn bên kia sông, trên thị trấn Walton, chúng tôi lại thấy một chóp nữa như thế. Trong khi chúng tôi nhìn chòng chọc, hai hình đồi này càng lúc càng thấp và lan rộng ra.

Một ý nghĩ chợt đến, tôi liền ngó về hướng Bắc, và thấy một gò khói đen

thứ ba đã nổi lên.

Vạn vật bỗng trở nên rất tĩnh mịch. Xa về phía Đông Nam, trong tĩnh lặng, chúng tôi nghe bọn người Hỏa tinh hú gọi nhau, rồi không gian lại rung chuyển theo tiếng súng ầm ầm từ xa của chúng. Nhưng pháo binh của loài người không trả đũa.

Lúc đó chúng tôi không hiểu những chuyện này, nhưng về sau tôi được biết những gò đồi ghê gớm tích tụ trong ánh nhá nhem ấy là gì. Mỗi tên Hỏa tinh đứng trong vòng lưỡi liềm lớn như tôi đã tả, cầm cái ống giống như khẩu súng kia bắn một viên đạn khổng lồ lên bất kỳ vật gì tình cờ ở trước mặt hắn - ngọn đồi, khóm cây, cụm nhà, hay thứ gì có thể che giấu các khẩu súng. Có tên chỉ bắn một phát, có tên hai phát, như tên chúng tôi đã thấy; người ta nói tên ở Ripley lúc đó bắn không ít hơn năm phát. Những viên đạn này khi đập vào đất liền vỡ ra - chứ không nổ - và tức khắc tỏa ra một lượng lớn khí nặng đen đặc, cuộn cuộn bốc lên thành đám mây tích khổng lồ đen như mun, tựa như một ngọn đồi thể khí lắng xuống và tự lan ra từ từ trên vùng đất chung quanh. Và sinh vật nào đụng tới đám hơi đó, hay hít phải làn hơi hăng nồng của nó, đều sẽ chết.

Thứ hơi này nặng, nặng hơn thứ khói đậm đặc nhất, nặng đến độ ngay sau khi bốc lên hỗn độn và lan ra, nó lắng xuống dưới không khí, rồi chảy tràn trên mặt đất như chất lỏng hơn là chất khí, bỏ các ngọn đồi để trôi vào các lũng thấp, hào rãnh và kênh lạch - tôi nghe nói khí acid carbonic từ khe nứt núi lửa đổ ra cũng chảy như thế. Và khi nó đọng nước thì xảy ra phản ứng hóa học, mặt nước lập tức phủ một lớp váng bột, lớp váng này chìm từ từ nhường chỗ cho lớp khác. Váng ấy hoàn toàn không tan, và lạ lùng là ta có thể uống nước đã lọc qua thứ váng đó mà không ốm đau gì mặc dù khí ấy giết người tức khắc. Chất khí không lan ra như khí thường. Nó lơ lửng bám

vào nhau trên bờ, lơ lửng trôi xuống triền đất dốc và miễn cưỡng trôi trước gió, hòa rất chậm vào sương mù và hơi ẩm trong không khí, rồi lắng xuống đất thành bụi. Ngoài một nguyên tố chưa rõ tạo ra bốn vạch trong dải xanh khi phân tích quang phổ, chúng ta vẫn hoàn toàn không biết gì về đặc tính của chất này.

Một khi đã ngưng tản mác hỗn loạn, khói đen sẽ bám sát mặt đất, thậm chí trước cả khi kết tủa, tới nỗi ta có cơ hội hoàn toàn không bị nhiễm chất độc nếu như ta ở cách mặt đất mười lăm thước, trên mái nhà, trên tầng lầu cao ốc và trên cây cổ thụ, như đã được chứng minh ngay tối hôm ấy ở phố Cobham và Ditton.

Người đàn ông thoát chết ở phố Cobham kể một chuyện kỳ dị về sự lạ lùng của luồng khói cuộn cuộn đó. Ông từ tháp nhà thờ nhìn xuống thấy nhà cửa trong làng dâng lên như bầy ma giữa hư không đen đặc. Suốt một ngày rưỡi ông ở trên tháp, mệt mỏi, đói và cháy nắng, mặt đất dưới bầu trời xanh và tất cả những ngọn đồi xa xa là một mảng đen như nhung, với mái ngói đỏ, cây xanh, rồi một lát sau đến lượt các bụi rậm đen đúa, cổng nhà, chuồng trại, nhà xí, vách tường nổi lên đây đó dưới ánh mặt trời.

Nhưng đây là ở phố Cobham, nơi khí đen được để yên cho tới khi tự lắng xuống đất. Sau khi nó phát huy xong tác dụng, bọn Hỏa tinh thường làm sạch nó khỏi không khí, bằng cách lợi vào phun lên một luồng hơi.

Chúng đã làm như thế với các dải khí gần chúng tôi, như chúng tôi nhìn thấy dưới ánh sao, từ cửa sổ một căn nhà bỏ trống ở làng Upper Halliford nơi chúng tôi quay lại. Từ đó có thể thấy đèn pha trên Đồi Richmond và Đồi Kingston quét ngang dọc, rồi khoảng mười một giờ các cửa sổ rung lách cách, và có thể nghe tiếng các khẩu đại bác công thành bố trí ở đó. Tiếng

súng tiếp tục nổ dứt quãng trong mười lăm phút, bắn hú họa tới bọn người Hỏa tinh lẫn khuất ở Hampton và Ditton, rồi những luồng ánh điện mờ tắt ngóm, nhường chỗ cho ánh đỏ rực.

Rồi khối hình trụ thứ tư rơi xuống - một ngôi sao băng xanh rực rỡ. Về sau tôi biết nó rơi ở Công viên Bushey. Trước khi các khẩu súng trên phòng tuyến ở Đồi Richmond và Đồi Kingston khai hỏa, xa phía Tây Nam hàng loạt tiếng đại bác nổ lộn xộn, tôi nghĩ đây là các pháo thủ đang nổ súng lung tung trước khi bị khí đen trùm lấp.

Để tiến công một cách có phương pháp như loài người hun khói tổ ong bắp cày, bọn Hỏa tinh rải thứ hơi ngạt kỳ lạ này lên vùng đất phía Luân Đôn. Hai đầu nhọn của hình lưỡi liềm tách ra từ từ, cho tới khi cuối cùng tạo thành một đường thẳng từ Hanwell tới Coombe và Malden. Cái ống hủy diệt của chúng tấn công suốt đêm. Sau khi tên Hỏa tinh ở Đồi St. George gục ngã, chúng không bao giờ để cho pháo binh có may mắn cơ hội nào chống lại mình. Bất kỳ nơi nào loài người có khả năng mai phục súng, bọn Hỏa tinh bắn một viên đạn khí đen, còn nơi nào súng nằm lộ liễu, chúng sử dụng Tia Nhiệt.

Đến nửa đêm, cây cối cháy rực trên các triền dốc ở Công viên Richmond cùng ánh chói lòa ở Đồi Kingston hắt sáng lên màn khói đen đã trải xa ngút mắt, che mờ toàn bộ lưu vực sông Thames. Hai tên Hỏa tinh từ từ lợi qua đó, bắn ra tứ phía những tia hơi rít lên lạnh lạnh.

Tối hôm ấy chúng ít dùng Tia Nhiệt, có thể vì chúng chỉ có một số lượng nguyên liệu hạn chế để sản xuất, hoặc vì chúng không muốn tàn phá vùng đất này mà chỉ muốn đè bẹp và làm tê liệt sự chống trả của loài người. Nếu mục đích của chúng là đè bẹp và làm tê liệt đối phương thì chắc chắn chúng đã

thành công. Tối Chủ nhật chúng cứ thế tiến mà không gặp sự chống trả có tổ chức nào nữa. Sau đó không lực lượng nào của loài người đứng vững nổi trước chúng, nỗ lực thật quá vô vọng. Ngay cả các đội tàu bắn thủy lôi và tàu trinh sát đã mang súng liên thanh lên ngược sông Thames cũng nổi loạn không chịu dừng lại, để rồi lại xuôi dòng. Hoạt động tấn công duy nhất mà con người dám làm sau đêm ấy là chuẩn bị mìn và hầm bẫy, mà ngay cả những nỗ lực này cũng hoảng loạn và chỗ có chỗ không.

Ta phải cố sức hình dung số phận của các pháo đội hướng về Esher, chờ đợi căng thẳng trong ánh nhá nhem. Không ai sống sót. Ta có thể hình dung tinh thần phục tùng kỷ luật, các sĩ quan cảnh giác và thận trọng, các pháo thủ sẵn sàng, đạn dược xếp đồng bên tay, toán lính kéo pháo với đàn ngựa và xe, các nhóm dân đứng xem trong khoảng cách cho phép, sự tĩnh mịch của chiều tối, xe cứu thương và lều bệnh viện với những người bị phỏng và bị thương được đưa từ Weybridge về. Thế rồi bọn Hỏa tinh bắn những phát đạn trầm vang, viên đạn thô kệch xoáy trên ngọn cây trên nhà cửa rồi vỡ tan giữa các cánh đồng lân cận.

Ta cũng có thể hình dung sự chú ý bị chuyển hướng đột ngột, những cuộn căng phình đen đúa lan đi nhanh, phồng lên, ngất ngưỡng dâng lên trời, biến ánh nhá nhem thành bóng tối có thể sờ mó được, một đối thủ mang thể khí kỳ dị và khủng khiếp sai bước trên các nạn nhân của nó, người và ngựa gần nó chỉ thấy lơ mơ, bỏ chạy, kêu thét, ngã chúi đầu, hoảng loạn, các khẩu súng thành linh bị bỏ rơi, người ta nghệt thở quẫn quại trên mặt đất, và chồm khỏi bờ vực phình ra nhanh như chớp. Rồi thì đêm tối và chết chóc - chẳng còn gì ngoài một khối hơi thỉnh thoảng bất khả xâm nhập che khuất những người bị nó giết.

Trước hừng đông, khí đen tràn qua đường phố Richmond, và bộ máy

chính quyền đang phân rã, trong nỗ lực thở hơi cuối cùng, kêu gọi dân chúng Luân Đôn chạy trốn.

Chương 16

Cuộc di tản khỏi Luân Đôn

Thế nên bạn có thể hiểu được làn sóng khiếp sợ âm ỉ quét qua thành phố lớn nhất thế giới lúc mới rạng sáng thứ Hai - dòng người bỏ chạy dâng nhanh như nước lũ, chảy xối xả thành cơn náo loạn sôi sục quanh các ga xe lửa, dồn đống thành cuộc đấu đá khủng khiếp để tranh giành thuyền bè trên sông Thames, hối hả bên bất cứ kênh rạch nào dẫn về hướng Bắc và hướng Đông. Lúc mười giờ, bộ máy cảnh sát, và khoảng giữa trưa thì ngay cả ngành hỏa xa cũng mất sự phối hợp, mất tổ chức và hết hiệu quả, tanh bành, bạc nhược, cuối cùng tan theo sự phân rã nhanh chóng của cộng đồng xã hội.

Lúc nửa đêm Chủ nhật, người trên phố Cannon được báo là mọi toa xe trên tuyến xe lửa phía Bắc sông Thames và tuyến Đông Nam đều đã đầy ứ. Thậm chí lúc hai giờ sáng thiên hạ vẫn đang tranh nhau dũ dội để có chỗ đứng trên toa hành khách. Lúc ba giờ, người ta bị đập bị đè ngay cả trên phố Bishopsgate, cách trạm phố Liverpool hơn hai trăm mét; súng nổ, người bị đâm, và cảnh sát được cử tới để hướng dẫn lưu thông, mệt mỏi và nổi điên, đập vỡ đầu những kẻ mà họ được gọi đến để bảo vệ.

Khi trời sáng dần, tài xế và thợ đốt lò trên xe lửa không chịu trở về Luân Đôn, vì thế áp lực của cuộc di tản dồn người ta thành một đám càng lúc càng dày đặc tràn ra xa ngoài các nhà ga và khắp dọc những con đường chạy về

phía Bắc. Tới giữa trưa người ta thấy một tên Hỏa tinh ở Barnes, rồi một cụm hơi đen từ từ lắng xuống tràn theo sông Thames, qua bãi đất phẳng ở Lambeth, lơ lửng tiến tới cắt đứt mọi lối thoát qua cầu. Một dải hơi khác trôi trên quận Ealing, bao vây một nhóm vài người sống sót trên Đồi Castle, họ còn sống, nhưng không thể trốn đi.

Sau khi tranh giành lên chuyển xe lửa Tây Bắc ở trạm Chalk Farm mà không được - đầu máy của các đoàn tàu sau khi đã ăn hàng xong trong sân hàng hóa ở đó liền cày qua đám người đang la hét, và một chục ông vạm vỡ phải chặt vật ngăn không cho đám đông xô tạt công vào lò lửa - em tôi liền ra Đường Chalk Farm, len lỏi qua dòng xe chật như nêm đang hồi hả, và chú may mắn là kẻ đầu tiên vào cướp một tiệm xe đạp. Trong khi chú cố lôi chiếc xe qua cửa kính thì bánh trước bị thủng, nhưng chú cứ lên xe đi, không bị thương tích gì ngoài vết đứt trên cổ tay. Chân đồi Haverstock dốc không qua được vì có mấy cỗ xe ngựa ngã chổng gọng, nên em tôi rẽ vào Đường Belsize.

Bằng cách ấy chú thoát khỏi cơn thịnh nộ của đám người hoảng loạn, đi vòng Đường Edgware, tới làng Edgware lúc khoảng bảy giờ, đói mệt, nhưng đi trước đám đông khá xa. Dọc đường người ta đứng tràn giữa đường, tò mò, ngạc nhiên. Một số người đi xe đạp, vài người cưỡi ngựa và hai chiếc xe hơi vượt qua chú. Cách Edgware một dặm vành bánh xe gãy, xe không đi được nữa. Chú bỏ nó bên vệ đường rồi lết qua làng. Phố chính trong làng có vài cửa hiệu mở hé, người ta tụ tập trên vỉa hè, nơi ngưỡng cửa và cửa sổ, ngạc nhiên nhìn đám đông người lánh nạn dị thường mới bắt đầu này. Chú mua được ít thức ăn trong một quán.

Chú ở lại Edgware một lát, không biết nên làm gì nữa. Số người chạy trốn gia tăng. Nhiều người, như em tôi, hình như có ý định nấn ná ở đó.

Không có tin gì mới về bọn xâm lược từ Hỏa tinh.

Khi ấy phố xá đông, nhưng chưa tắc nghẽn. Phần lớn người lánh nạn vào giờ đó đều đi xe đạp, nhưng chẳng mấy chốc xe hơi, xe ngựa hai bánh và xe ngựa bốn bánh vội vàng theo sau, bụi bốc lên mịt mù dọc đường tới thị trấn St. Albans.

Có lẽ em tôi mơ hồ có ý định tới Chelmsford nơi một số bạn của chú sinh sống, vì thế cuối cùng chú dẫn bước vào một con ngõ yên tĩnh chạy về hướng Đông. Chẳng bao lâu chú gặp bậc thang cho người ta leo qua bức tường ngăn thú vật, chú bèn leo qua, đi theo một con đường mòn về hướng Đông Bắc. Chú đi ngang vài nông trang và một số khu nhỏ mà chú không biết tên. Chú ít thấy dân lánh nạn, cho đến khi đang đi trên một lối cỏ về hướng High Barnet thì chú tình cờ gặp hai phụ nữ và trở thành bạn đồng hành với họ. Chú bắt chợt đến nơi vừa đúng lúc cứu được họ.

Nghe tiếng họ hét, chú liền vội vàng vòng qua góc đường, thấy hai gã đang cố lôi họ ra khỏi chiếc xe ngựa nhỏ hai bánh họ đang đi, trong khi gã thứ ba chật vật giữ chặt cái đầu con ngựa đang hốt hoảng. Một trong hai phụ nữ, một bà thấp mặc áo trắng, chỉ hét; người kia, dáng mảnh mai, da sạm, đang cầm roi ngựa quất vào gã đang nắm cánh tay kia của cô.

Em tôi hiểu ngay tình huống, bèn vừa quất tháo vừa chạy vội tới chỗ đang diễn ra xung đột. Một gã ngừng lại và quay qua chú. Em tôi thấy mặt đối thủ, biết là không thể tránh khỏi đánh nhau. Là một võ sĩ quyền Anh có hạng, chú lập tức nhào tới và cho hấn gục xuống bánh xe.

Không phải là lúc tỏ tình thần thượng võ của môn quyền Anh, nên em tôi đá cho gã một cú bất tỉnh rồi nắm cổ áo gã đang kéo tay người phụ nữ mảnh mai. Chú nghe tiếng móng ngựa lóc cóc, ngọn roi quất ngang mặt chú,

tên đối thủ thứ ba đâm chú ngay giữa hai mắt, và gã đang bị chú nắm giữ vùng thoát ra rồi chạy xuống lối cỏ theo hướng lúc này chú đã tới.

Có phần choáng váng, chú thấy mình đối diện gã ban nãy giữ đầu con ngựa, và nhận ra rằng chiếc xe đã bỏ chạy, lắc lư trên đường, hai phụ nữ ngồi trên xe ngoái lại nhìn. Gã trước mặt chú, một tên côn đồ vạm vỡ, định xáp vào, song chú chặn gã lại bằng một cú đâm ngay mặt. Rồi, biết mình đơn độc, chú nhảy lắt léo để né rồi bỏ chạy theo chiếc xe. Gã lực lưỡng đuổi theo sát chú, và gã ban nãy bỏ chạy giờ đã quay lại, đuổi theo từ xa.

Thình lình chú vấp ngã; gã đang theo sát nhào tới, và khi đứng lên chú thấy mình lại gặp hai địch thủ. Chú khó lòng chống nổi chúng nếu như người phụ nữ mảnh mai không gan dạ dừng xe quay lại giúp. Hình như suốt lúc ấy cô có khẩu súng lục, nhưng nó nằm dưới ghế trong khi cô và người đồng hành bị tấn công. Cô bắn ở khoảng cách sáu mét, suýt trúng em tôi. Tên cướp nhất gan hơn bỏ chạy, và đồng bọn của hắn vừa chạy theo vừa chửi hắn hèn. Cả hai gã dừng lại trong tầm mắt ở cuối đường, chỗ gã thứ ba nằm bất tỉnh.

Người phụ nữ mảnh mai đưa em tôi khẩu súng và nói: “Cầm lấy!”

Em tôi vừa lau máu trên mép môi rách vừa nói: “Quay lại xe.”

Cô ta quay lại không nói một lời - cả hai đều thở hỗn hển - và họ đi tới chỗ người phụ nữ áo trắng đang cố kìm con ngựa hoảng sợ.

Bọn cướp rõ ràng đã lãnh đủ. Khi em tôi nhìn lại lần nữa thì thấy chúng đang rút lui.

Em tôi nói: “Tôi xin phép ngồi đây,” và chú lên chỗ ngồi trống phía sau.

Người phụ nữ ngoái nhìn. Cô ta nói: “Đưa em dây cương,” rồi quất roi bên sườn ngựa. Lát sau, khúc quanh trên đường đã che ba tên cướp khuất mắt

em tôi.

Vì thế, khá bất ngờ, em tôi thấy mình thở hổn hển, miệng rách, cầm thâm tím, đốt ngón tay vấy máu, cùng đi trên con đường lạ với hai phụ nữ này.

Chú được biết họ là vợ và em gái của một bác sĩ giải phẫu sống ở Stanmore. Ông ta về khuya sau một ca bệnh ngặt nghèo ở Pinner, và tại nhà ga nào đó trên đường về ông nghe nói người Hỏa tinh tấn công. Ông vội về nhà, đánh thức cánh phụ nữ - người làm của họ đã rời họ mà đi từ hai hôm trước - gói ghém ít lương thực, nhét khẩu súng của ông dưới ghế xe - may cho em tôi - và bảo họ đánh xe tới Edgware để bắt xe lửa. Ông ở lại sau để báo cho láng giềng. Ông nói ông sẽ bắt kịp họ lúc bốn rưỡi sáng, song lúc này đã gần chín giờ mà họ vẫn chưa thấy ông đâu. Họ không thể dừng ở Edgware vì xe cộ qua đó mỗi lúc một đông, vì thế đã vào con đường ngang này.

Đó là câu chuyện họ kể từng đoạn cho em tôi khi lại dừng gần New Barnet một lát sau đó. Chú hứa đi cùng với họ, ít nhất là cho tới khi họ có thể quyết định sẽ làm gì, hay cho tới khi họ gặp người đàn ông vẫn đang bật vô âm tín. Và chú tự xưng là tay bắn súng lục cừ khôi - một món vũ khí lạ đối với chú - để họ vững lòng.

Họ nghỉ tạm bên vệ đường, và con ngựa tỏ ra thích thú trong rào giậu. Chú kể cho họ về cuộc trốn chạy của mình ra khỏi Luân Đôn, và mọi điều chú biết về bọn người Hỏa tinh cùng hành động của chúng. Năng từ từ lên cao, một lát sau cuộc chuyện trò của họ bắt đầu, nhường chỗ cho cảm giác lo âu sợ hãi. Trên đường đi có vài người, em tôi cố hỏi họ tin tức. Mỗi câu trả lời mơ hồ chú nhận được càng làm tăng thêm ấn tượng về mối thảm họa lớn đã đến với loài người, càng làm chú tin rằng phải lập tức tiếp tục cuộc trốn

chạy. Chú sốt sáng chỉ ra tình thế cấp bách.

Người phụ nữ mảnh mai nói: “Chúng tôi có tiền,” rồi do dự. Mắt cô gặp mắt em tôi, và nỗi do dự của cô biến mất.

Em tôi nói: “Tôi cũng có.”

Cô cho biết họ có số tiền vàng ba chục bảng Anh, ngoài một tờ năm bảng, và cho rằng với số tiền đó họ có thể lên xe lửa ở St. Albans hay New Barnet. Em tôi nghĩ chuyện đó không hy vọng gì, bởi chú đã thấy sự hồi hã của dân Luân Đôn chen chúc trên xe lửa, nên chú đề nghị đi băng qua quận Essex tới bến cảng Harwich rồi từ đó trốn hản ra khỏi nước Anh.

Bà Elphinstone - người phụ nữ mặc áo trắng - không nghe bất kỳ lý lẽ nào, và cứ gọi “George”; nhưng cô em chồng bà trầm lặng và thận trọng đến đáng ngạc nhiên, cuối cùng đồng ý với đề nghị của em tôi. Vì thế, với ý định băng qua xa lộ Great North, họ tiếp tục theo hướng Barnet, em tôi đi trước dắt ngựa để nó đỡ mệt. Mặt trời lên cao, thời tiết ngày hôm ấy trở nên nóng bức, lớp cát trắng dày dưới chân càng lúc càng nóng bỏng và lóa mắt, vì thế họ chỉ đi rất chậm. Các bờ giậu xám ngoét vì bụi. Và càng đến gần Barnet họ càng nghe rõ hơn tiếng xì xào náo loạn.

Họ bắt đầu gặp nhiều người hơn. Phần lớn những người này ngó dăm dăm phía trước, lăm băm những câu hỏi mơ hồ, nom kiệt sức, hốc hác, dơ bẩn. Một ông mặc áo đuôi tôm đi bộ ngang qua họ, mắt nhìn xuống đất. Nghe tiếng ông nói, họ ngoái nhìn lại, thấy một tay ông nắm chặt tóc mình còn tay kia đánh những thứ vô hình. Khi cơn thịnh nộ bộc phát của ông tan biến, ông tiếp tục đi mà không quay nhìn lại lần nào.

Khi nhóm của em tôi đi tới giao lộ phía Nam Barnet, họ thấy một bà đang tiến tới con đường cắt ngang cánh đồng bên trái họ, bế một đứa bé và

dắt hai đứa khác. Rồi họ đi ngang một ông mặc áo đen bản thủ, một tay cầm cây gậy to, tay kia xách chiếc va li nhỏ. Thế rồi từ giữa những ngôi biệt thự nằm hai bên một con hẻm đâm ra xa lộ, một chiếc xe nhỏ do con ngựa đen đẫm mồ hôi kéo chạy ra và vòng qua góc hẻm, đứa bé đánh xe mặt vàng bủng, đội mũ quả dưa xám bụi. Trên xe chen chúc ba cô gái là công nhân nhà máy ở East End cùng hai đứa nhỏ.

Đứa bé đánh xe mắt to, mặt trắng, hỏi: “Đường này có dắc mình dòng goa Edgware hông?” Em tôi bảo rẽ trái là sẽ tới, nó bèn lập tức ra roi mà chẳng thềm lịch sự cảm ơn.

Em tôi thấy khói mờ xám hay sương mù dâng lên giữa khu nhà phía trước, che phủ mặt tiền trắng của dãy nhà bên kia con đường lấp ló sau lưng các biệt thự. Thành linh bà Elphinstone thét lên khi thấy những lưỡi lửa khói đỏ nhảy múa trên các căn nhà phía trước trên nền trời xanh nóng bức. Tiếng ồn ào hỗn độn lúc này biến thành tiếng náo loạn của nhiều giọng nói, tiếng bánh xe ken két, tiếng xe vận tải kéo kẹt và tiếng móng lóc cóc. Ngõ hẻm rẽ gắt ở chỗ cách giao lộ chưa tới năm mươi mét.

Bà Elphinstone hét lên: “Chúa ơi! Anh đưa chúng tôi tới đâu thế này?”

Em tôi dừng lại.

Con đường lớn biến thành một dòng người sôi sục, một cơn lũ đầy người chạy về hướng Bắc, người này chen lấn người kia. Một dải lớn bụi trắng lấp lánh dưới nắng rực rỡ, làm mọi thứ trong vòng sáu bảy mét đâm ra mờ xám, bụi tung mù mịt vì những bước chân hối hả của đám đông dày đặc ngựa, đàn ông đàn bà đi bộ và vô đủ kiểu bánh xe.

Em tôi nghe có tiếng quát: “Tránh ra! Tránh ra!”

Đi tới chỗ ngõ hẻm gặp đường lớn thật chẳng khác nào đi vào đám khói của một trận cháy. Đám đông bùng lên như lửa, và bụi nóng nồng nặc. Thật vậy, không xa trên đường, một biệt thự đang cháy, khói đen cuộn cuộn bốc lên tràn qua đường khiến cho hỗn loạn càng tăng.

Hai người đàn ông đi qua họ. Rồi một bà bán thiêu, mang một gói nặng vừa đi vừa khóc. Một con chó lạc, thè lưỡi, lẫn quẩn quanh họ một cách đáng ngờ, hoảng sợ và khốn khổ, rồi bỏ chạy khi bị em tôi dọa.

Họ thấy đường đi về hướng Luân Đôn giữa dãy nhà bên phải là một dòng người hỗn loạn, hối hả, bán thiêu, bị nê-m chặt giữa các căn biệt thự hai bên. Những cái đầu đen, những hình dáng chen chúc hiện rõ dần khi chạy tới góc đường, vội vã đi qua rồi lại nhập bọn với đám đông đang xa dần để rồi cuối cùng bị nuốt chửng trong đám bụi.

Tiếng la hét: “Đi! Đi! Tránh ra! Tránh ra!”

Một ông thúc tay vào lưng một người khác. Em tôi đứng ở đầu ngựa. Tò mò khôn cần, chú từ từ tiến tới, từng bước, theo ngõ hẻm.

Edgware đã là cảnh hỗn độn, Chalk Farm là cảnh dấy loạn, nhưng đây thì là toàn bộ dân cư đang di chuyển. Thật khó tưởng tượng đám đông ấy. Nó không có cá tính riêng. Các hình dáng đổ qua góc đường rồi xa dần, lưng quay lại nhóm đứng trong hẻm. Người đi bộ trên vỉa hè bị bánh xe chực cán, sẩy chân xuống mương, vấp dè vào nhau.

Xe bò xe ngựa nối nhau san sát, không chừa lại bao nhiêu chỗ cho các xe nhanh hơn và nóng nảy hơn, các xe này thỉnh thoảng có cơ hội là ào ngay tới trước, xô người ta tán loạn vào hàng rào và cổng biệt thự.

Tiếng quát: “Thúc tới! Thúc tới! Tụi nó đến!”

Một ông mù mặc đồng phục Đội quân Cứu tế đứng trên xe ngựa, vung vẩy mấy ngón tay khoằm và nói oang oang: “Đời đời! Đời đời!” Giọng ông khàn và rất to, vì thế em tôi vẫn nghe tiếng sau khi ông khuất dạng đã lâu trong đám bụi. Một số người chen chúc trên xe, điên cuồng quất ngựa và cãi nhau với những người đánh xe khác; một số ngồi bất động, cặp mắt khốn khổ nhìn đăm đăm vào hư vô; một số gặm bàn tay mình vì khát hoặc nằm phủ phục trên sàn xe. Hàm thiếc ngựa sưng bọt nước dãi, mắt ngựa đỏ ngầu.

Xe chở khách, xe ngựa, xe hàng, xe tải, nhiều không đếm xiết; một chiếc xe thư, một chiếc xe quét đường ghi hàng chữ “Giáo xứ St. Pancras”, một chiếc xe chở gỗ khổng lồ đầy bọn băm trộn. Một chiếc xe bò của người ủ rượu rầm rầm đi qua, hai bánh trước vấy máu tươi.

Tiếng quát: “Tránh đường! Tránh đường!”

Cuối phố vọng lại: “Đời đời! Đời đời!!”

Nhiều phụ nữ buồn hốc hác lê bước qua, y phục sang trọng, dắt bọn trẻ con kêu khóc vừa đi vừa vấp ngã, áo quần xinh xẻo lấm đầy bụi, bộ mặt mệt mỏi tèm nhem nước mắt. Nhiều bà trong số này có đàn ông đi cùng, các ông đôi khi giúp họ, đôi khi cau có và dữ tợn. Chen lẫn sát bên họ là một số kẻ vô gia cư mệt mỏi, áo quần rách rưới đen xỉn, mắt mở to, lớn giọng và tục tằn. Các công nhân lực lưỡng dẫn tới trước, những kẻ khốn khổ, nhếch nhác, ăn mặc như thư ký hay nhân viên bán hàng, cố lê bước từng chập một. Em tôi gặp một người lính bị thương, nhiều người mặc y phục phu khuân vác ở nhà ga, một kẻ khốn khổ trong bộ áo ngủ, bên ngoài khoác thêm cái áo choàng.

Nhưng dù muôn hình muôn vẻ, đám đông ấy chắc chắn có chung nhiều điểm. Đó là nỗi sợ hãi và đau đớn trên mặt họ, và nỗi sợ hãi phía sau họ. Sự hỗn loạn trên đường, một cuộc cãi nhau giành chỗ trên xe, làm cho cả đám họ

nhANH CHÂN; thậm chí một ông quá sợ và đau tới nỗi đầu gối tuy đã khuỵu xuống song lại được kích thích trong chốc lát để tiếp tục cử động. Nóng và bụi đã ảnh hưởng tới đám đông này. Da họ khô, môi họ thâm nứt. Tất cả đều khát, mệt, đau chân. Và giữa tiếng kêu la có tiếng cãi nhau, tiếng chửi bới, tiếng than thở vì mệt và đuối sức, giọng họ phần lớn đều khàn và yếu. Xuyên suốt là điệp khúc: “Tránh đường! Tránh đường! Bọn Hỏa tinh tới!”

Ít người dừng lại và tránh ra khỏi đường cơn lụt ấy. Ngõ hẻm chạy chéo vào đường lớn, đầu hẻm hẹp, và có vẻ từ hướng Luân Đôn đi ra. Những cơn lốc người cuồn cuộn đổ vào đầu hẻm, kẻ yếu bị đẩy ra khỏi dòng, phần lớn chỉ nghỉ một lát trước khi lao vào lại. Hơi xa cuối hẻm có một ông nằm, một chân để trần quần giẻ rách đầm máu, hai người bạn đang cúi xuống người ông. Ông ta may mắn có bạn.

Một ông cụ nhỏ bé có bộ ria mép xám kiểu quân nhân, mặc áo thụng đen bẩn thỉu, khập khiễng đi ra và ngồi xuống bên cạnh chiếc xe ngựa hai bánh, tháo ủng - vớ của ông nhuộm máu - lắc cho viên sỏi rơi ra, rồi lại tập tễnh đi tiếp; khi ấy một đứa bé gái tám chín tuổi, đi một mình, vừa khóc vừa nhào xuống bờ gậU bên cạnh em tôi.

“Đi hết nỗi rồi! Đi hết nỗi rồi!”

Em tôi choàng tỉnh khỏi trạng thái lơ đãng kinh ngạc, chú nằNG nó dậy, nhỏ nhẹ nói với nó và mang nó tới cho cô Elphinstone. Ngay khi em tôi đụng vào nó, nó nín bắT, như thể khiếp hãi.

Một bà trong đám đông hét, giọng đầy nước mắt: “Ellen! Ellen!” Và đứa bé vùng chạy khỏi em tôi, kêu lên: “Má!”

Một ông cười ngựa đi qua hẻm nói: “Chúng tới.”

Một ông đánh xe lừng lững trên cao, quát oang oang: “Tránh lối ra, thẳng kia!” Và em tôi thấy một chiếc xe ngựa che kín mui rẽ vào ngõ hẻm.

Người ta chen nhau lùi lại để tránh con ngựa. Em tôi cho ngựa cùng chiếc xe hai bánh nép vào hàng giậu, và người kia đánh xe qua rồi ngừng lại ở đầu ngõ rẽ. Đó là chiếc xe hai ngựa một càn, nhưng chỉ có một con thẳng cương. Em tôi thấy lờ mờ qua bụi bặm hai ông khiêng ra khỏi xe một cái cang trắng, đặt nhẹ lên cỏ dưới giậu cây thủy lạp.

Một trong hai ông chạy đến em tôi,

Ông ta hỏi: “Chỗ nào có nước? Ông ấy sắp chết, khát lắm. Huân tước Garrick.”

Em tôi thốt lên: “Huân tước Garrick! Ông chánh án à?”

Ông ta hỏi: “Nước đâu?”

Em tôi nói: “Trong mấy căn nhà có thể có vòi nước. Chúng tôi không có nước. Tôi không dám rời người nhà tôi đâu.”

Người đàn ông chen qua đám đông tới cổng căn nhà ở góc đường.

Người ta vừa đẩy ông vừa nói: “Đi đi! Tội nó tới! Đi đi!”

Rồi em tôi chú ý tới một ông râu quai nón, mặt choắt đang lôi cái túi xách nhỏ, nó rách toạc đúng lúc em tôi ngó tới làm lòi ra một đồng tiền vàng vãi tung tóe khi rơi xuống đất. Tiền lăn tứ phía giữa đám chân người và ngựa đang lê lét. Người đàn ông dừng lại, dờ dẫm nhìn đồng tiền, rồi càn một chiếc xe chở khách thúc vào vai ông làm ông lão đảo, ông thét lên và lùi lại, bánh xe ngựa quẹt sát ông.

Người chung quanh ông la hét: “Tránh ra! Tránh ra!”

Ngay khi chiếc xe chở khách đi qua, ông dang cả hai tay lao mình lên đồng tiền và bắt đầu nhét từng nắm vào túi. Một con ngựa chồm lên gần ông, và trong tích tắc ông bị móng ngựa đạp ngã trong khi còn đang lom khom đứng dậy.

Em tôi hét lên: “Dừng lại!” và đẩy một bà tránh ra, chú định nắm lấy hàm thiếc ngựa.

Chưa kịp nắm thì chú nghe tiếng thét dưới bánh xe, và qua đám bụi chú thấy vành bánh xe cán lên lưng kẻ khốn khổ kia. Gã đánh xe quất roi vào em tôi, chú liền chạy vòng ra phía sau xe. Tiếng la hét ầm ĩ làm tai chú lúng búng. Người đàn ông quẩn quại trong bụi giữa đồng tiền tan tác của ông, không thể đứng lên, vì bánh xe đã cán gãy lưng ông, chân ông sóng soài bại liệt. Em tôi đứng thẳng lên quất tháo gọi người đánh xe phía sau, và một ông cưỡi con ngựa đen tới giúp chú.

Chú nói: “Đem ông ấy ra khỏi đường,” và nắm cổ áo người đàn ông, lôi ông ta ra vệ đường. Nhưng ông ta vẫn nắm chặt tiền của mình, dữ tợn nhìn em tôi, đập đập cả một nắm vàng lên cánh tay chú. Nhiều giọng giận dữ la hét phía sau: “Đi đi! Đi đi!”

“Tránh ra! Tránh ra!”

Có tiếng càn xe ngựa đâm mạnh vào chiếc xe đã bị người đàn ông trên lưng ngựa cản lại. Em tôi ngược lên, người đàn ông có tiền vàng liền xoay đầu căn cổ tay đang nắm cổ áo mình. Có tiếng va chạm, con ngựa đen lao đảo bước sang bên, và con ngựa kéo xe đẩy bên hông nó. Móng ngựa suýt đạp lên chân em tôi. Chú buông tay đang nắm người đàn ông bị ngã và nhảy lùi lại. Chú thấy vẻ giận dữ biến thành khiếp sợ trên khuôn mặt kẻ khốn khổ đáng thương dưới đất, rồi trong khoảnh khắc ông ta bị che khuất, và em tôi bị đẩy

lùi lại qua khỏi lối vào hẻm, phải chặt vật chống chọi giữa dòng người mới đứng lại được.

Chú thấy cô Elphinstone che mắt, và một đứa bé, với tất cả sự thiếu trí tưởng tượng nhạy cảm của một đứa trẻ, mở to mắt nhìn đăm đăm vào đồng bụi nằm đen đúa bất động bị nghiền nát dưới bánh xe. Chú hét: “Mình lùi lại đi!” và bắt đầu xoay con ngựa lại. Chú nói: “Mình không thể băng qua... chỗ địa ngục này,” và họ đi ngược lại đường cũ một trăm mét, cho tới khi khuất khỏi đám đông xung đột. Khi họ đi qua khúc quanh trong hẻm, em tôi thấy khuôn mặt người đàn ông hấp hối trong mương dưới bụi cây thủy lạp, trắng bệch đầy chết chóc, rũ rượi và lấp lánh mồ hôi. Hai người đàn bà ngồi lặng im, nép trên ghế run lẩy bẩy.

Qua khỏi khúc quanh trong hẻm, em tôi lại ngừng. Cô Elphinstone tái nhợt, chị dâu cô ngồi khóc, quá đau khổ không gọi nổi tên “George”. Em tôi kinh hoàng và bối rối. Ngay sau khi họ lui lại, chú nhận ra rằng họ phải cố vượt qua ngã ba này, việc ấy cấp bách và không tránh khỏi. Chú quay sang cô Elphinstone, bỗng trở nên cương quyết.

Chú nói: ““Mình phải đi lối đó,” và dắt con ngựa vòng lại.

Lần thứ hai trong ngày hôm ấy cô gái này chứng tỏ bản lĩnh của cô. Để lần cho được vào dòng người, em tôi lao tới chặn một con ngựa kéo xe chở khách, trong khi cô gái đánh ngựa qua trước đầu nó. Một chiếc xe tải dừng bánh trong khoảnh khắc và cào một vết dài lên xe của họ. Tích tắc sau họ đã bị lôi tới trước theo dòng người. Em tôi, với vết roi ngựa của gã đánh xe chở khách đỏ hỏn lẫn ngang mặt và hai bàn tay, leo lên xe cầm lấy dây cương từ tay cô.

Chú vừa đưa khẩu súng cho cô gái vừa nói: “Nhắm súng vào gã phía

sau, nếu hấn thúc mình mạnh quá. À không! Nhắm vào con ngựa của hấn.”

Rồi chú bắt đầu tìm cơ hội len qua bên kia đường. Nhưng một khi đã hòa vào dòng xe, chú có vẻ như bị mất chủ động, trở thành một phần của đám hỗn độn bụi bặm ấy. Họ bị cuốn qua thị trấn Chipping Barnet cùng với dòng người. Qua khỏi trung tâm thị trấn gần một dặm họ mới chen được qua bên kia đường. Hỗn loạn và ồn ào không thể tả, nhưng trong và ngoài thị trấn có nhiều ngõ rẽ liên tiếp, và trong chừng mực nào đó các ngõ này giúp giảm bớt sức ép của đoàn người.

Họ tiến về hướng Đông ngang qua Hadley. Suốt dọc hai bên đường và ở một địa điểm khác qua khỏi Hadley, họ gặp rất đông người uống nước bên dòng suối, một số kẻ đánh nhau để lấy nước. Và xa hơn nữa, từ ngọn đồi gần East Barnet, họ thấy hai chiếc xe lửa nối đuôi nhau chạy từ từ, không có đèn hiệu hay tên trạm, đi về hướng Bắc theo tuyến Great Northern Railway, các toa chật ních người, thậm chí trên đồng than phía sau đầu máy cũng có người. Em tôi đoán xe lửa hấn đã đón người bên ngoài Luân Đôn, vì lúc đó nỗi kinh hoàng dữ tợn của dân chúng đã khiến cho các trạm ở trung tâm không thể hoạt động.

Họ dừng lại gần nơi này để nghỉ hết buổi chiều, vì bao nhiêu điều khốc liệt phải trải qua trong ngày đã làm cả ba hoàn toàn kiệt sức. Họ bắt đầu cảm thấy đói. Đêm lạnh, và cả ba không ai dám ngủ. Lúc chập tối có nhiều người vội vã đi trên đường gần chỗ họ dừng chân, chạy trốn mỗi nguy hiểm mơ hồ phía trước họ, và đi về hướng em tôi vừa từ đó tới.

Chương 17

Tiểu thiên lôi

Nếu bạn Hỏa tinh chỉ muốn tàn sát thì lẽ ra hôm thứ Hai chúng đã có thể xóa sạch toàn bộ dân cư Luân Đôn lúc họ từ từ tràn qua các quận huyện ngoại ô. Đám đông cũng hỗn loạn hoảng hốt không kém đồ ra không chỉ trên đường qua Barnet mà cả đường qua Edgware và Waltham Abbey, dọc theo những con đường về phía Đông tới Southend và Shoeburyness, và ở phía Nam sông Thames tới Deal và Broadstairs. Nếu buổi sáng tháng Sáu đó ta có thể lên một quả khí cầu lơ lửng giữa trời xanh rực rỡ trên Luân Đôn, ta sẽ thấy mọi con đường đi về hướng Bắc và hướng Đông ra khỏi mê lộ rối rắm ấy hình như đều lấm chấm đen người tị nạn cuồn cuộn tiến, mỗi chấm là một kẻ đau khổ, kinh hoàng và mệt mỏi. Trong chương cuối tôi đã trình bày chi tiết lời em tôi kể về đoạn đường đi qua Chipping Barnet, để độc giả có thể hình dung những chấm đen nhiều nhưng nhúc ấy là như thế nào đối với người trong cuộc. Lịch sử thế giới chưa bao giờ có dòng người nào cùng đi và cùng chịu đau khổ bên nhau như thế. Các đoàn quân huyền thoại người Goth và Hung, các đạo quân lớn nhất xưa nay ở Á châu sẽ chỉ là một giọt nước trong dòng người đó. Và đây không phải là cuộc hành quân có kỷ luật, mà là bỏ chạy tán loạn - một cuộc bỏ chạy khổng lồ và kinh hoàng - không trật tự, không mục đích, sáu triệu người không vũ khí, không lương thực, cứ thế cắm đầu đi. Đó là điểm khởi đầu cho sự thảm bại của văn minh,

cuộc thảm sát nhân loại.

Người trên khinh khí cầu sẽ thấy ngay bên dưới mình là mạng đường rộng khắp, nhà cửa, giáo đường, quảng trường, các cung đường, vườn tược - đã vô chủ - trải ra như tấm bản đồ vĩ đại, và phía Nam đã bị xóa sạch. Trên các quận Ealing, Richmond, Wimbledon, như thể có một cây bút gôm ghê đã vẩy mực lên tấm bản đồ. Từ từ, không ngừng, mỗi đốm đen lớn lên, lan ra, tỏa nhánh tứ phía, lúc thì chen nhau dồn sát tới chỗ cao, lúc thì tràn nhanh qua đỉnh gò để đổ vào một chỗ thấp mới tìm thấy được, y như giọt mực tự lan ra trên giấy thấm.

Xa xa, trên các ngọn đồi xanh phía Nam dòng sông, bọn người Hỏa tinh lấp lánh đi tới đi lui, diêm tĩnh và có phương pháp, rải đám mây độc lên vùng đất này khu đất nọ, rồi sau đó lại phun thêm các luồng hơi khi mây độc kia đã đạt được mục đích, và chiếm lấy khu vực đã bị chế ngự. Hình như chúng không nhằm tận diệt mà chỉ muốn làm mất tinh thần hoàn toàn và bẻ gãy mọi sự phản kháng. Chúng làm nổ tung mọi kho thuốc súng nào chúng bắt gặp, cắt mọi đường dây điện tín, và phá hủy đường ray xe lửa đây đó. Chúng làm què quặt loài người. Suốt ngày hôm ấy chúng hình như không vội mở rộng vùng hoạt động, và không tiến xa hơn trung tâm Luân Đôn. Có thể một số rất lớn dân Luân Đôn bám trụ ở nhà mình suốt sáng thứ Hai. Nhiều người chắc hẳn đã chết ngạt tại nhà vì Khói Đen.

Cho tới giữa trưa, bến cảng Luân Đôn là một cảnh đáng sợ hãi. Tàu hơi nước và thuyền bè đủ loại nằm ở đó, vì thềm thường những món tiền khổng lồ mà dân lính nạn sẵn sàng móc hầu bao ra trả. Nghe nói nhiều người bơi ra đoàn thuyền này bị người ta dùng sào móc đẩy ra mà chết đuối. Khoảng một giờ trưa, một đám hơi đen đang thừa dần còn sót lại xuất hiện giữa các vòm cầu Blackfriars. Thế là bến cảng trở thành một nơi hỗn loạn,

tranh giành và xung đột điên cuồng, vô số ghe tàu và xà lan bị mắc kẹt khá lâu ở vòm phía Bắc của cầu Tower, thủy thủ và công nhân trên xà lan phải đánh nhau dữ dội với đám người từ bờ sông đổ xuống tràn ngập họ. Thậm chí có người từ phía trên leo xuống cầu tàu.

Một giờ sau, khi một tên Hỏa tinh xuất hiện bên kia Tháp Đồng hồ và lội xuống sông, khu bến tàu Limehouse chỉ còn toàn mảnh vụn trôi lênh bênh.

Về khối hình trụ thứ năm rơi xuống tôi phải nói ngay đây. Cái thứ sáu rơi ở Wimbledon. Em trai tôi đang ngồi trông chừng bên cạnh hai phụ nữ trên xe ngựa trong một đồng cỏ thì thấy nó lóe xanh bên kia dãy đồi. Hôm thứ Ba họ vẫn giữ ý định vượt biển, nên đã len qua một vùng đầy nghẹt người để tới thị trấn Colchester. Tin tức xác nhận rằng bọn Hỏa tinh bây giờ đã chiếm toàn bộ Luân Đôn. Người ta đã gặp chúng ở làng Highgate, và nghe nói ở cả Neasden nữa. Nhưng hôm sau em tôi mới thấy chúng.

Hôm đó đám đông tản mác bắt đầu thấy cần gấp lương thực. Khi họ đói, họ không còn tôn trọng quyền sở hữu của ai nữa. Nông dân phải ra bảo vệ chuồng gia súc, kho lương và mùa màng đang chín với vũ khí trong tay. Lúc này một số người, như em tôi, đã nhắm về hướng Đông, nhưng một số kẻ tuyệt vọng lại quay về Luân Đôn để tìm thức ăn. Phần lớn họ là những người ở ngoại ô phía Bắc, về Khói Đen họ chỉ được nghe đồn. Chú nghe nói phân nửa nội các đã tụ họp ở Birmingham, và một lượng lớn chất nổ mạnh đã được chuẩn bị để dùng làm mìn tự động trên khắp các quận hạt ở miền Trung.

Chú cũng nghe kể rằng Công ty Đường xe lửa Miền Trung đã cử người thay thế những kẻ bỏ nhiệm sở hôm hoảng loạn đầu tiên, đã lập lại lưu thông, và đang điều hành những chuyến xe lửa ở St. Albans đi về hướng Bắc để giảm bớt sự tắc nghẽn tại các quận huyện ngoại ô Luân Đôn. Hạt Chipping

Ongar cũng dán thông báo nói rằng ở các thị trấn phía Bắc có những kho bột mì lớn đã sẵn sàng, và trong vòng hai mươi bốn giờ sẽ phát bánh mì cho những người đói trong vùng lân cận. Nhưng tin này không làm chú hoãn kế hoạch đào thoát đã vạch ra. Suốt ngày cả ba cố tiến về hướng Đông, và không nghe nói gì thêm về chuyện phân phát bánh mì như đã hứa. Thật vậy, mọi người chẳng ai nghe nói tới nó nữa. Tối hôm ấy ngôi sao thứ bảy rơi xuống trên Đồi Primrose. Nó rơi lúc cô Elphinstone đang canh gác, vì cô nhận nhiệm vụ ấy thay phiên em tôi. Cô nhìn thấy nó.

Hôm thứ Tư, sau khi nghỉ qua đêm trên cánh đồng lúa mì chưa chín, ba kẻ lánh nạn tới thị trấn Chelmsford. Một nhóm dân ở đó tự xưng là ủy ban Phân phối, tịch thu con ngựa để làm thực phẩm dự trữ, và không đưa lại gì ngoài lời hứa hôm sau sẽ chia phần, ở đây có tin đồn người Hòa bình đang ở Epping, và tin người ta đã phá hủy Xưởng thuốc súng Waltham Abbey, một nỗ lực hảo huyền nhằm làm nổ tung một tên trong bọn xâm lược.

Dân ở đây lên tháp nhà thờ để canh chừng người Hòa bình. Em tôi, rất may cho chú ấy, quyết định đi ngay tới bờ biển thay vì chờ thực phẩm, mặc dù cả ba rất đói. Đến giữa trưa họ qua khỏi làng Tillingham, khá lạ là nơi ấy có vẻ rất yên tĩnh và hoang vắng, trừ vài kẻ trộm cướp lén lút lòng sục thúc ăn. Khi tới gần làng Tillingham họ chợt thấy biển, và đủ loại tàu bè lạ lùng khó tưởng tượng ra.

Bởi vì không còn ngược lên sông Thames được nữa, cánh thủy thủ bèn tới bờ biển Essex, tới các thị trấn cảng Harwich, Walton và Clacton, và sau đó tới đảo Foulness và Shoebury, để đón người. Họ làm thành một vòng cung lưỡi liềm khổng lồ khuất trong sương mù tới tận mũi Naze. Ven bờ là vô số tàu hơi nước từ sông Thames, du thuyền, ghe điện, tàu đánh cá - Anh, Scotland, Pháp, Hà Lan và Thụy Điển; ngoài khơi là các tàu vận tải nặng,

nhiều tàu chở than lem luốc, tàu buôn gọn gàng, tàu chở gia súc, tàu chở khách, tàu chở dầu, tàu hàng đi biển, thậm chí có một chiếc tàu màu trắng chở quân dụng cũ, mấy chiếc tàu sơn trắng và xám chở hành khách từ Southampton và Hamburg đến; ven bờ biển xanh bên kia cửa sông Blackwater em tôi còn lơ mơ nhận ra một đám thuyền bè chen chúc đang mặc cả với người trên bờ, nhiều chiếc còn lên ngược sông Blackwater gần tới thị trấn Malden.

Ngoài khơi khoảng hai dặm, một chiếc tàu bọc sắt nằm rất sát mặt nước, em tôi thấy nó gần như ngập nước. Đó là chiếc tàu chiến mũi nhọn Tiểu thiên lôi. Nó là chiếc tàu chiến duy nhất trong tầm mắt, nhưng xa về bên phải trên mặt biển phẳng lặng - vì hôm đó biển rất êm - có cuộn khói đen ngoằn ngoèo của nhiều chiếc tàu bọc sắt khác trong Hạm đội Eo Biển, sôi sục và sẵn sàng ứng chiến, lờn vờn thành một hàng dài ngang cửa sông Thames trong suốt thời gian người Hỏa tinh xâm chiếm, canh phòng nhưng bất lực không thể ngăn chúng lại.

Khi thấy biển, bà Elphinstone đâm hoảng sợ, dù được cô em chồng trấn an. Trước kia bà chưa bao giờ ra khỏi Anh quốc, bà thà chết còn hơn sống không có bạn bè ở một nước xa lạ. Người đàn bà đáng thương này hình như nghĩ rằng người Pháp và người Hỏa tinh có lẽ rất giống nhau. Bà càng lúc càng hoảng loạn, sợ sệt, xuống tinh thần trong suốt chuyến đi hai ngày vừa qua. Bà khẳng khẳng muốn trở lại Stanmore. Mọi việc luôn luôn ổn thỏa và an toàn ở Stanmore. Họ sẽ tìm thấy George ở Stanmore.

Họ rất vất vả mới đưa được bà xuống tới bãi biển, ở đó em tôi lập tức gọi mấy người trên một chiếc tàu guồng chèo chạy bằng hơi nước trên sông Thames. Họ cho một chiếc ghe vào, và đòi ba mươi sáu bảng Anh cho ba người. Họ nói tàu sẽ đi tới cảng Ostend, nước Bỉ.

Lúc đó khoảng hai giờ, em tôi trả tiền vé ở cầu tàu, rồi cùng với hai người mà chú chăm sóc yên tâm lên chiếc tàu hơi nước. Trên tàu có thực phẩm, dù giá cắt cổ, và cả ba cố ngồi ăn trên ghế trước mũi tàu.

Trên tàu đã có dăm ba chục hành khách, một số đã tiêu món tiền cuối cùng để có một chỗ trong chuyến đi. Nhưng viên thuyền trưởng còn nấn ná ngoài cửa sông Blackwater đến năm giờ chiều, đón thêm hành khách cho tới khi ghế ngồi trên boong đông tới mức nguy hiểm, ông ta lẽ ra còn có thể ở lại lâu hơn nữa, nếu lúc đó tiếng súng chưa bắt đầu nổ ở phía Nam. Như để đáp lại tiếng súng, chiếc tàu bọc sắt ngoài khơi bắn một phát súng nhỏ và kéo lên một chuỗi cờ. Khói bốc lên nghi ngút từ các ống khói tàu.

Vài hành khách cho là tiếng súng này ở phía thị trấn Shoeburyness, cho tới khi họ nhận thấy tiếng nổ càng lúc càng lớn hơn. Cùng lúc đó, xa phía Đông Nam, các cột buồm và những thứ trên boong ba chiếc tàu bọc sắt lần lượt nổi lên hiện rõ trên nền biển, dưới những đám khói đen. Nhưng em tôi lập tức chú ý tới tiếng nổ xa ở phía Nam. Chú nghĩ mình thấy một cột khói bốc lên trên đám sương mù u ám đằng xa.

Giữa khi chiếc tàu hơi nước nhỏ của em tôi đang quay guồng chèo chạy về phía Đông của vòng cung lớn tàu bè và bờ biển thấp ở Essex đang trở nên xanh hơn, mù mịt hơn, thì một tên Hỏa tinh xuất hiện, nhỏ và mờ đằng xa, hẳn đang tiến dọc theo bờ biển đục ngầu ở phía đảo Foulness. Thấy thế viên thuyền trưởng trên đài chỉ huy lớn tiếng chửi bới, sợ hãi và tức giận vì sự trì hoãn của chính mình, và các guồng chèo dường như bị lây sự kinh hoàng của ông. Mọi người trên boong đứng hai bên thành tàu hay trên ghế của chiếc tàu hơi nước, nhìn chăm chăm hình dáng đằng xa ấy, cao hơn những ngọn cây hay tháp nhà thờ trong đất liền, đang tiến tới với vẻ ung dung tựa như bước sải chân của loài người.

Đó là người Hỏa tinh đầu tiên em tôi thấy. Chú đứng sừng sốt hơn là hoảng sợ, nhìn gã khổng lồ này khoan thai bước tới đám tàu bè, lội càng lúc càng sâu dưới nước vì bờ biển thụt xuống. Khi ấy, bên kia sông Crouch, một tên nữa sải bước trên hàng cây còi cọc, rồi một tên nữa, tí xa hơn, lội sâu qua bãi bùn sáng loáng trông như lơ lửng giữa biển và bầu trời. Cả bọn hiên ngang tiến ra biển, như để chặn đoàn tàu chạy trốn chen chúc giữa đảo Foulness và mũi Naze. Mặc dù máy tàu chạy hết sức và guồng chèo làm bọt nước văng tung tóe ra sau, song chiếc tàu nhỏ của em tôi quay guồng rút lui chậm một cách đáng sợ khỏi cuộc tiến công ghê rợn này.

Liếc về hướng Tây Bắc, em tôi thấy vòng cung lớn tàu bè đã quăn quèo rối loạn vì mỗi kinh hoàng đang tới gần; một chiếc tàu chạy qua đuôi một chiếc khác, một chiếc khác xoay vòng đầu, các chiếc tàu hơi nước hú còi và nhả khói mù mịt, buồm giương lên, các chiếc xuồng chạy lung tung đây đó. Chú ngậy người vì cảnh này và vì mối nguy hiểm đang từ phía trái bờ dần tới đến nỗi chú không để mắt nhìn ra khơi. Rồi chiếc tàu hơi nước giật mạnh (nó bỗng quay phắt lại để tránh bị đánh chìm) ném chú ngã chúi đầu khỏi chiếc ghế đang đứng. Quanh chú có tiếng la hét, tiếng chân tán loạn, và một tiếng cổ vũ dường như được mơ hồ đáp lại. Chiếc tàu hơi nước lắc lư làm chú lăn tròn.

Chú đứng bật dậy và thấy ở mạn phải, cách chiếc tàu của họ đang bị sóng nhồi lên hụp xuống chưa đầy một trăm mét, một khối sắt khổng lồ như lưỡi cày rẽ nước, hất qua hai bên những làn bọt nước khổng lồ ào tới tàu của chú, hất guồng chèo tung lên lơ lửng vô dụng trên không, rồi lại kéo tuột boong xuống gần ngập nước.

Bụi nước làm em tôi mờ mắt trong chốc lát. Khi nhìn rõ lại, chú thấy con quái thú đã vượt qua và đang chạy vội về phía đất liền. Các vật dụng bằng sắt

lớn trên boong nhô cao bên trên cái khối đang đâm đầu tới này, và từ cặp ống khói một luồng khói tóe lửa phụt ra. Đó là chiếc tàu mũi nhọn bắn thủy lôi, Tiểu thiên lôi, đang lao đầu tới để cứu các thuyền bị đe dọa.

Nắm chặt thành tàu để giữ thăng bằng trên boong tàu tròn tròn, em tôi lại nhìn bọn người Hỏa tinh ở phía bên kia con thủy quái đang ào ạt lao tới tấn công, và chú thấy cả ba tên lúc này sát lại gần nhau, đứng xa ngoài khơi tới nỗi kiềng ba chân của chúng hầu như chìm hẳn dưới nước. Chìm như vậy, và nhìn từ xa, chúng có vẻ ít ghê gớm hơn nhiều so với cái khối sắt khổng lồ đang rẽ sóng làm chiếc tàu hơi nước của chú nhồi lên hụp xuống vô phương cứu vãn. Hình như chúng nhìn kẻ địch mới này đầy sùng sốt. Theo hiểu biết của chúng thì nó có thể cũng là một tên khổng lồ như chúng. Tiểu thiên lôi không bắn phát súng nào mà chỉ chạy hết tốc lực về phía chúng. Chắc nhờ không khai hỏa nên nó mới có thể lại gần kẻ thù như vậy. Chúng không biết nên làm gì với nó. Nó chỉ cần nã một quả thủy lôi, là Tia Nhiệt sẽ đánh đắm nó lập tức.

Nó chạy nhanh tới nỗi chỉ sau một phút nó có vẻ đã ở giữa tàu của chú và bọn Hỏa tinh, lúc ấy chỉ là một đám đen thu nhỏ trên đường chân trời đang lùi xa của bờ biển Essex.

Thình lình tên Hỏa tinh đi đầu hạ cái ống xuống bắn ra một viên đạn khí đen vào chiếc tàu bọc sắt. Đạn trúng mạn trái tàu và trượt đi thành một lần đen như mực lăn ra khơi, một luồng Khói Đen tung ra, song chiếc tàu bọc sắt thoát hiểm. Đối với những người đứng xem trên chiếc tàu hơi nước đang nằm sát mặt biển, bị mặt trời chiếu vào mắt, thì dường như con tàu bọc sắt đã ở giữa bọn người Hỏa tinh rồi.

Họ thấy những hình dáng dữ tợn kia tách ra và trôi lên khỏi mặt nước

trên đường rút về bờ. Một tên trong bọn giơ cao chiếc máy phát Tia Nhiệt trông tựa như máy chụp ảnh. Hắn nhắm chéo xuống, thế là một bức tường hơi nước tung lên khi Tia Nhiệt chạm nước. Nó lẽ ra đã phải xuyên qua sắt bên hông tàu chẳng khác gì thanh sắt nóng đỏ đâm xuyên qua giấy.

Một tia lửa lấp lánh vút qua màn hơi nước dâng cao, và tên Hỏa tinh xoay mình lao đảo. Khoảnh khắc sau hắn gục xuống, làm một lượng lớn nước và hơi nước bắn tung lên không trung. Các khẩu súng của Tiểu thiên lôi nổ liên tiếp vang qua màn hơi dày đặc, một viên đạn làm nước tung tóe gần chiếc tàu hơi nước của em tôi, nẩy về phía đám tàu bè đang chạy về phía Bắc rồi phá vỡ tan tành một chiếc ghe đánh cá.

Nhưng không ai chú ý lắm tới việc đó. Khi thấy tên Hỏa tinh gục ngã, viên thuyền trưởng trên đài chỉ huy hét lên chẳng ra lời, và cả đám hành khách ở đuôi chiếc tàu hơi nước đồng thanh reo hò. Rồi họ lại la hét. Vì từ trong đám hỗn loạn trắng xóa chồm ra một vật đen dài, những lưỡi lửa cháy lan ra từ giữa thân nó, các lỗ thông gió và ống khói của nó phụt lửa.

Nhưng nó vẫn lướt, bánh lái dường như còn nguyên và máy còn hoạt động. Nó lao thẳng vào tên Hỏa tinh thứ hai. Khi nó tới gần hắn khoảng một trăm mét, Tia Nhiệt bắt đầu bắn. Rồi một tiếng ụp dũ dội, một tia chớp chói lòa, boong tàu, ống khói tàu văng lên không. Tên Hỏa tinh lao đảo vì sức nổ dữ dội của nó, khoảnh khắc sau đồng vỡ nát cháy bùng ấy, vẫn đang đà lao tới, húc vào hắn làm hắn bẹp rúm như một vật bằng bìa cứng. Em tôi không kịp nổi hét lên. Hơi nước sôi mù mịt lại che khuất mọi thứ.

Viên thuyền trưởng hét: “Hai tên!”

Mọi người reo hò. Cả chiếc tàu hơi nước từ mũi tới đuôi tàu cuồng nhiệt hoan hô, lúc đầu có một chiếc cổ vũ theo, rồi thì tất cả đám ghe tàu đông đúc

đang lái ra biển đông loạt hoan hô.

Hơi nước lơ lửng trên mặt nước một hồi lâu, che khuất tên Hỏa tinh thứ ba và cả bờ biển. Trong khi đó, chiếc tàu của em tôi đều đặn quay guồng chèo ra biển xa khỏi chỗ giao tranh. Cuối cùng, khi hỗn loạn đã tan biến, màn hơi đen lừng lờ đã trôi đi, người ta không nhìn ra Tiểu thiên lôi cũng như không thấy tên Hỏa tinh thứ ba đâu nữa. Nhưng đoàn tàu bọc sắt ngoài khơi bây giờ rất gần và đang đứng quay mũi vào bờ, phía sau chiếc tàu hơi nước.

Chiếc tàu nhỏ của em tôi tiếp tục hướng ra khơi, và đoàn tàu bọc sắt tiến dần về phía bờ. Bờ biển vẫn còn khuất sau màn hơi loang lổ, nửa hơi nước, nửa khí đen, trộn lẫn vào nhau một cách thật lạ lùng. Đoàn tàu tị nạn tản mác về hướng Đông Bắc, vài chiếc ghe đánh cá dong buồm giữa đoàn tàu bọc sắt và chiếc tàu hơi nước. Một lát sau, trước khi họ tới chỗ dải mây đang lắng xuống, các chiến hạm quay về phía Bắc, rồi đột ngột chuyển hướng vào màn sương chiều đang dày đặc dần lên ở phía Nam. Bờ biển trở nên nhạt nhòa, cuối cùng biến mất giữa các dải mây thấp tụ lại quanh mặt trời đang lặn.

Rồi giữa sương mờ vàng óng của hoàng hôn bỗng có tiếng súng vang dội, và những bóng đen di chuyển. Mọi người tranh nhau tới lan can tàu, nhìn chăm chú vầng dương chói lòa ở hướng Tây, nhưng không thấy gì rõ. Một đám khói bốc nghiêng che ngang mặt trời. Chiếc tàu hơi nước rộn rạo lướt đi trong cơn hồi hộp khôn cùng.

Mặt trời chìm vào mây xám, bầu trời đỏ ửng rồi tối dần, sao hôm run rẩy xuất hiện. Trong ánh nhá nhem mờ mịt, viên thuyền trưởng vừa hét lên vừa chỉ tay. Em tôi căng mắt nhìn. Một vật bay vút ra khỏi cảnh ảm đạm hướng lên bầu trời - bay nghiêng và rất nhanh vào ánh dạ quang trong sáng trên tầng mây nơi bầu trời phía Tây; một vật phẳng và rộng, rất lớn, lượn thành hình

vòng cung khổng lồ, nhỏ dần, chìm dần và lại biến mất vào bí ẩn của đêm đen. Và trong khi bay, nó rắc bóng tối xuống mặt đất.

TẬP II

TRÁI ĐẤT DƯỚI CHÂN NGƯỜI HÒA BÌNH

Chương 1

Dưới chân

Trong cả hai chương cuối của tập một, tôi đã lan man ra khỏi những chuyện hiểm nghèo của bản thân tôi để nói về những gì em tôi đã trải qua trong lúc tôi và vị cha xứ núp trong căn nhà bỏ trống ở Halliford, nơi chúng tôi chạy tới để tránh Khói Đen. Tôi sẽ kể tiếp câu chuyện ở đó. Chúng tôi ở lại đó suốt đêm Chủ nhật và cả ngày hôm sau - ngày hoảng loạn - trong chỗ nhỏ bé cô lập ấy, bị cắt đứt với thế giới bên ngoài vì Khói Đen. Chúng tôi không thể làm gì ngoại trừ nôn nóng chờ đợi bất động suốt hai ngày một mõi ấy.

Tôi lo lắng nghĩ tới vợ tôi. Tôi hình dung nàng ở Leatherhead, khiếp hãi, lâm nguy, khóc lóc tưởng tôi đã chết. Tôi đi tới đi lui giữa các phòng mà lớn tiếng than vãn khi nghĩ đến chuyện phải xa cách nàng, nghĩ đến mọi điều có thể xảy ra cho nàng lúc tôi vắng mặt. Tôi biết em họ mình đủ gan dạ trong bất kỳ tình thế nguy cấp nào, nhưng cậu ta không phải loại người có thể nhanh chóng nhận ra mối nguy hiểm để ứng phó kịp thời. Điều cần bây giờ không phải là gan dạ, mà là thận trọng. Điều an ủi duy nhất là tôi tin rằng bọn người Hỏa tinh đang tiến về hướng Luân Đôn và càng lúc càng cách xa nàng. Những lo lắng mơ hồ như thế làm cho tâm trí nhạy cảm và đau khổ. Tôi rất mệt và khó chịu vì vị cha xứ cứ làm nhảm liên tục; tôi chán nhìn vẻ tuyệt vọng ích kỷ của ông ta. Sau vài lần can gián vô hiệu quả, tôi ở lì trong một

phòng để tránh xa ông - hẳn là phòng học của trẻ con, có những quả địa cầu, những hình khối và vở tập viết. Khi ông theo tôi vào đó, tôi đi lên căn gác sát nóc nhà, khóa cửa lại để được yên với nỗi bất hạnh nhức nhối của mình.

Chúng tôi bị Khói Đen vây hãm không lối thoát suốt hôm ấy và sáng hôm sau. Tối Chủ nhật, bên căn nhà kế cận hình như có người - một khuôn mặt nơi cửa sổ và ánh đèn di chuyển, sau đó là tiếng cửa đóng mạnh. Nhưng tôi không biết những người ấy là ai, hoặc chuyện gì đã xảy ra cho họ. Hôm sau chúng tôi không thấy họ nữa. Khói Đen trôi chậm về phía sông suốt sáng thứ Hai, càng lúc càng bò tới gần chúng tôi hơn, cuối cùng trôi dọc theo lòng đường bên ngoài căn nhà chúng tôi trốn.

Khoảng giữa trưa một tên Hỏa tinh băng qua cánh đồng, bắn tia hơi cực nóng kêu rin rít vào các vách tường, phá vỡ mọi cửa sổ bị nó chạm tới và làm phồng bàn tay vị cha xứ khi ông chạy ra khỏi căn phòng phía trước. Cuối cùng chúng tôi bò qua các căn phòng sưng nước rồi lại nhìn ra ngoài, thấy vùng đất phía Bắc như bị một cơn bão tuyết đen thổi qua. Nhìn về hướng sông, chúng tôi ngạc nhiên thấy một màu đỏ hung khó hiểu trộn lẫn với màu đen của đồng cỏ cháy sém.

Lúc ấy chúng tôi không biết sự thay đổi này ảnh hưởng thế nào tới tình huống của mình, ngoại trừ cảm thấy bớt sợ Khói Đen. Nhưng sau đó tôi hiểu rằng chúng tôi không còn bị vây hãm nữa, bây giờ có thể trốn đi. Ngay khi biết đường thoát đã mở, tôi lại có ý hành động. Nhưng vị cha xứ cứ thờ ơ, bất chấp lý lẽ.

Ông lặp đi lặp lại: “Ở đây mình an toàn, ở đây an toàn.”

Tôi quyết định bỏ ông ta - tôi sẽ bỏ ông ta! Khôn ngoan hơn nhờ lời chỉ bảo của người lính pháo binh, tôi đi tìm thực phẩm và nước. Tôi tìm thấy dầu

và vài đế băng vết bỏng của mình. Tôi cũng lấy mũ và áo vài len tìm thấy trong một phòng ngủ. Khi ông ta hiểu rằng tôi định đi một mình - cam chịu đi một mình - ông ta bỗng tỉnh ngộ đi theo. Suốt buổi chiều không có gì xảy ra, và tôi đoán là lúc năm giờ chúng tôi lên đường theo con lộ đen sẫm tới Sunbury.

Ở Sunbury, và trên nhiều đoạn đường, xác chết nằm vắn vẹo đủ kiểu, ngựa cũng như người, hành lý và xe cộ đổ nhào, tất cả phủ dày bụi đen. Lốp bụi xỉ than làm tôi nghĩ tới những gì đã đọc về thành Pompeii bị tàn phá. Chúng tôi tới Hampton Court mà không gặp rủi ro nào; trong đầu chúng tôi đầy những hình ảnh kỳ dị và xa lạ, và ở Hampton Court mắt chúng tôi dịu lại nhờ gặp một mảng xanh không bị chết ngạt vì hơi độc. Chúng tôi đi qua Công viên Bushey, hươu nai quanh quẩn dưới các cây hạt dẻ, xa xa có vài ông bà đang vội vã đi về hướng Hampton, và chúng tôi đã tới Twickenham như vậy. Họ là những người đầu tiên chúng tôi gặp.

Xa bên kia đường, khu rừng phía sau Ham và Petersham vẫn cháy. Twickenham không bị thiệt hại vì Tia Nhiệt hay Khói Đen, và quanh đó có đông người hơn, tuy không ai có thể cho chúng tôi biết tin gì. Vì phần lớn họ cũng như chúng tôi, lợi dụng lúc tạm yên để đổi chỗ ở. Tôi có ấn tượng rằng nhiều căn nhà nơi đây vẫn có những người sợ hết hồn đang ở, sợ tới nỗi không dám chạy. Nơi đây cũng có một đoàn người vội vã tháo chạy để lại dấu vết khắp trên đường. Tôi nhớ rõ nhất ba chiếc xe đạp gãy nát nằm chất đống, bị bánh xe liên tiếp cán dẹp xuống đường. Chúng tôi qua cầu Richmond lúc tám giờ rưỡi. Chúng tôi vội vã băng qua chiếc cầu nằm phơi lộ liễu, tất nhiên, nhưng tôi để ý thấy một số mảng đỏ lênh bênh trôi xuôi dòng, nhiều mảng rộng năm bảy tấc. Tôi không biết nó là gì - không có thời giờ để xem xét kỹ - và suy đoán của tôi ghê rợn hơn là sự thật. Bên phía Surrey cũng

có bụi đen do khói lắng xuống, và xác chết - một đồng gắn lối vào nhà ga; nhưng mãi tới khi đi được một quãng về hướng Barnes chúng tôi vẫn không thấy bóng dáng bọn Hỏa tinh đâu.

Từ đằng xa đen kịt chúng tôi thấy một tốp ba người chạy xuống ngõ ngang dẫn tới dòng sông, ngoài ra tất cả có vẻ hoang vắng. Thị trấn Richmond trên đồi đang cháy rực. Bên ngoài thị trấn Richmond không có dấu hiệu gì của Khói Đen.

Thế rồi, khi chúng tôi tới gần Kew, thành phố có một số người chạy tới rồi phần trên cỗ máy chiến đấu của người Hỏa tinh hiện ra lù lù trên các mái nhà, cách mình chưa đầy một trăm mét. Chúng tôi đứng chết sững trước hiểm nguy, và nếu tên Hỏa tinh nhìn xuống thì chúng tôi hẳn đã bỏ mạng lập tức. Chúng tôi kinh hoàng tới nỗi không dám đi tiếp, mà rẽ vào nấp trong một nhà kho trong vườn. Vị cha xứ nép mình trong đó, lặng lẽ khóc, và không chịu nhúc nhích nữa.

Nhưng ý định phải tới Leatherhead cho kỳ được cứ không chịu để tôi yên, thế nên tôi lại mạo hiểm ra ngoài trong ánh nhá nhem. Tôi đi qua một khu có nhiều bụi cây, rồi men theo lối đi bên cạnh ngôi nhà lớn ở giữa một khu đất riêng, và ra tới con đường dẫn về hướng Kew. Tôi bỏ vị cha xứ lại trong nhà kho, nhưng ông ta vội vàng đuổi theo tôi.

Chuyến đi thứ hai này là việc làm liều mạng nhất của tôi. Vì lúc ấy đã rõ bọn Hỏa tinh đang ở xung quanh chúng tôi. Ngay khi vị cha xứ bắt kịp tôi, chúng tôi thấy cỗ máy chiến đấu vừa thấy trước đó, hoặc cỗ máy khác, bên kia đồng cỏ về hướng Kew Lodge. Bốn năm hình dáng nhỏ đen đúa chạy vội trước mặt nó để băng qua cánh đồng xanh xám, và trong tích tắc tôi thấy rõ gã Hỏa tinh này đuổi theo họ. Sau ba sải chân hẳn đã tới giữa họ, và họ chạy

tứ tán tránh xa bàn chân hăn. Hăn không dùng Tia Nhiệt để tiêu diệt họ, mà nhặt họ lên từng người một. Hình như hăn ném họ vào cái thùng sắt lớn lồi lên phía sau lưng, rất giống cái giỏ của dân lao động đeo trên vai.

Đó là lần đầu tiên tôi biết bọn Hỏa tinh có thể có mục đích khác chứ không hăn chỉ là tiêu diệt loài người thất trận. Chúng tôi đứng chết sững một lúc, rồi quay lưng bỏ chạy qua một cánh cổng phía sau mình, vào một khu vườn có tường bao bọc, may mắn ngã vào thì đúng hơn là tìm thấy một cái mương, và nằm đó, sợ không dám thì thảo với nhau cho tới khi sao trời hiện ra.

Tôi đoán là tới gần mười một giờ chúng tôi mới đủ can đảm để khởi hành lần nữa, không còn mạo hiểm ra đường, mà lén lút dọc theo các bờ giậu và qua các đồn điền, chăm chú nhìn xuyên bóng tối, ông ta bên phải, tôi bên trái, tìm bọn người Hỏa tinh dường như khắp chung quanh. Có lúc chúng tôi lạc vào một vùng cháy sém đen đúa đang nguội lại và đầy tro, có nhiều xác người chết rải rác, đầu và thân bị cháy ghê rợn nhưng chân và giày hầu như còn nguyên, và nhiều xác ngựa cách chừng mười lăm mét phía sau một dãy bốn khẩu súng vỡ toang và những cỗ xe kéo pháo giập nát.

Quận Sheen có vẻ không bị phá hủy, nhưng ở đó vắng lặng. Chúng tôi không gặp xác chết ở đây, nhưng vì trời quá tối nên chúng tôi không thể nhìn rõ các ngõ ngang nơi ấy. ở Sheen, người đồng hành của tôi bỗng than mệt và khát, nên chúng tôi quyết định thử vào một trong các nhà.

Căn nhà đầu tiên chúng tôi vào qua đường cửa sổ sau một chút khó khăn, là căn biệt thự nhỏ đứng tách riêng. Tôi không tìm thấy gì ăn được trong đó ngoại trừ một ít pho mát mốc. Tuy nhiên có nước để uống, và tôi lấy một cái rìu nhỏ sẽ hữu dụng cho lần đột nhập vào căn nhà kế tiếp.

Rồi chúng tôi băng qua chỗ đoạn đường rẽ về Mortlake, ở đây có một căn nhà trắng giữa mảnh vườn có tường bao bọc, và trong buồng chứa thức ăn của nhà này chúng tôi tìm thấy một kho thực phẩm - hai ổ bánh trên cái khay sắt, một miếng bít tết chưa rán và nửa khúc đuôi heo muối. Tôi liệt kê chính xác các thứ đó, vì hóa ra chúng tôi sẽ phải sống nhờ kho thực phẩm này trong hai tuần sắp tới. Bia đóng chai để dưới một ngăn kệ, và có hai túi đậu tây với một ít rau diếp héo. Buồng chứa thức ăn này nối liền với một gian bếp sạch bong, bên trong có củi đốt; ngoài ra còn có một tủ bát đĩa, trong đó chúng tôi tìm thấy gần một chục chai vang đỏ, cá hồi và xúp đóng hộp, và hai hộp bánh quy.

Chúng tôi ngồi trong gian bếp kế cận giữa bóng tối - vì không dám đốt đèn - ăn bánh mì với thịt heo muối và cùng uống một chai bia. Vị cha xứ vẫn bồn chồn sợ sệt, và lạ lùng thay, bây giờ ông có ý đi tiếp. Tôi khuyên ông nên ăn để giữ sức khỏe chừng nào cái hoàn cảnh này còn giam giữ chúng tôi.

Tôi nói: ““Chưa thể nào tới nửa đêm,” rồi bỗng có một tia sáng xanh rực rỡ chói lòa. Mọi thứ trong bếp vụt hiện ra rõ ràng trong ánh xanh sẫm, rồi lại tắt. Tiếp theo là một chấn động tôi chưa từng nghe trước kia và cả sau này. Gần như lập tức ngay sau đó có một tiếng *ùynh* phía sau tôi, tiếng thủy tinh vỡ, tiếng gạch đá khắp chung quanh rơi vỡ rầm rầm, vôi vữa trên trần đổ xuống vỡ tan thành nhiều mảnh trên đầu chúng tôi. Tôi ngã chúi trên sàn nhà, đập đầu vào nầm cửa bếp lò, bất tỉnh. Vị cha xứ nói tôi mê man một lúc lâu. Khi tôi tỉnh dậy, xung quanh chúng tôi lại tối mịt. Ông đang thấm nước cho tôi, mặt ông ướt, về sau tôi biết ông bị chảy máu vì vết rách trên trán.

Trong một lát tôi không nhớ điều gì đã xảy ra. Rồi tôi dần dần tỉnh lại. Vết bầm trên thái dương nhức nhối.

Vị cha xứ thì thầm hỏi: “Anh đỡ chưa?”

Cuối cùng tôi trả lời ông. Tôi ngồi dậy.

Ông nói: “Đừng cử động. Bát đĩa sành trong tủ vỡ đầy ra sàn nhà. Anh cử động là gây tiếng ồn, tôi đoán chúng đang ở bên ngoài.”

Chúng tôi ngồi thật im, tới nỗi gần như không nghe cả tiếng thở của nhau. Mọi thứ dường như lặng yên chết chóc, nhưng một lần trong khoảng im lặng đó có vật gì đó gần chúng tôi, vôi vữa hay gạch vỡ, rơi xuống rầm rầm. Bên ngoài và rất gần, tiếng kim loại lách cách từng hồi.

Một lát sau lại có tiếng lách cách, vị cha xứ nói: “Đó!”

Tôi hỏi: “Ừ, nhưng cái gì vậy?”

Vị cha xứ nói: “Người Hỏa tinh!”

Tôi lại lắng nghe.

Tôi nói: “Không giống như Tia Nhiệt,” và có lúc tôi nghĩ một trong các cỗ máy chiến đấu khổng lồ đã ngã đè lên căn nhà, như tôi đã thấy một đứa ngã lên tháp nhà thờ Shepperton.

Tình huống của chúng tôi lạ lùng không thể hiểu, tới nỗi suốt ba bốn giờ sau chúng tôi vẫn không nhúc nhích cho tới khi hừng đông đến. Rồi nắng rọi vào, không phải qua cửa sổ vẫn tối đen, mà qua lỗ hổng tam giác giữa xà nhà và đồng gạch vỡ nơi bức tường phía sau chúng tôi. Lần đầu tiên chúng tôi thấy lò mờ bên trong gian bếp.

Cửa sổ đã vỡ tung vào trong vì một tảng đất vườn, tảng đất này bay lên chiếc bàn chúng tôi đã ngồi và văng tung tóe quanh chân chúng tôi. Bên ngoài, đất dồn đổng lên căn nhà. Chúng tôi thấy một ống thoát nước đứt rời

trên đầu cửa sổ. Sàn nhà vương vãi đồ đạc vỡ tan. Cuối bếp, chỗ tiếp giáp với căn nhà bị sập vào trong, ánh nắng rọi qua cho thấy rõ phần lớn căn nhà đã đổ. Tương phản kỳ lạ với sự đổ nát này là tủ bát đĩa ngăn nắp, sơn màu xanh lá cây nhạt hợp thời trang, với một số nồi đồng nồi thiếc bên dưới tủ, giấy dán tường giả gạch men xanh và trắng, và hai tủ phụ sơn màu lung lẳng ở vách tường trên bếp lò.

Khi bình minh rạng hơn, chúng tôi thấy qua khe hở trên tường thân hình một người Hỏa tinh, tôi đoán là hẳn đang đứng gác khối hình trụ vẫn còn nóng rực. Thấy thế chúng tôi hết sức thận trọng bò ra khỏi khoảng nhá nhem trong bếp để vào chỗ tối của phòng rửa bát.

Thình lình một ý nghĩ chợt lóe ra trong trí tôi.

Tôi thì thào: “Khối hình trụ thứ năm, cái thứ năm từ Hỏa tinh đã rơi trúng nhà này và chôn mình dưới đồng đổ nát!”

Vị cha xử lặng im một lát, rồi ông thì thào: “Xin Chúa thương xót chúng con!”

Ngay sau đó tôi nghe ông rên rỉ một mình.

Ngoại trừ tiếng rên đó chúng tôi nằm thật yên trong phòng rửa bát. Phần tôi, tôi sợ tới nỗi không dám thở, chỉ ngồi dán mắt lên ánh mờ nhạt ở cửa bếp. Tôi có thể thấy khuôn mặt vị cha xử, một hình trái xoan lơ mờ, cùng cổ áo và cổ tay áo của ông. Bên ngoài bắt đầu có tiếng kim loại đập, rồi một tiếng rúc dữ dội, và sau một lúc im lặng, lại có tiếng rít như tiếng rít của đầu máy. Những tiếng ồn này phần lớn khó hiểu, cứ tiếp tục từng chập, và hình như có thể nói là càng lúc càng tăng. Lát sau bắt đầu có tiếng huỳnh huých đều đặn, gây chấn động làm mọi vật xung quanh chúng tôi rung chuyển, nồi niêu trong buồng chứa thức ăn xê dịch kêu lách cách. Một lần ánh sáng bị che khuất,

làm lối vào ma quái của gian bếp tối bưng đi. Chúng tôi chắc đã nép mình trong đó nhiều giờ, im lặng và run rẩy, cho tới khi sự chú ý mệt mỏi của chúng tôi trở nên lơ là...

Cuối cùng tôi thấy mình thức dậy và rất đói. Tôi đoán rằng chúng tôi hẳn đã ngủ gần hết ngày. Cơn đói của tôi dai dẳng tới nỗi nó thúc tôi hành động. Tôi bảo vị cha xứ rằng tôi sẽ đi tìm thức ăn, rồi mò mẫm tới buồng chứa thực phẩm, ông không trả lời, nhưng ngay khi tôi bắt đầu ăn, tiếng nhóp nhép làm ông tỉnh dậy, và tôi nghe ông bò tới.

Chương 2

Chúng tôi thấy gì từ căn nhà đổ

Sau khi ăn xong chúng tôi bò về phòng rửa bát. Chắc tôi lại ngủ thiếp đi ở đây, vì sau đó một lát khi nhìn quanh tôi thấy chỉ có một mình. Chấn động thành thịch tiếp tục dai dẳng một cách chán chường. Tôi thì thào gọi vị cha xứ vài lần, và cuối cùng mò mẫm tới cửa bếp. Năng vẫn còn, tôi nhận ra ông bên kia căn phòng, nằm dựa lên cái lỗ tam giác nhìn ra phía bọn Hỏa tinh. Vai ông gù lên, vì thế tôi không thấy đầu ông.

Tôi nghe một số tiếng ồn tựa như tiếng động trong phòng chứa máy, và căn phòng rung chuyển theo tiếng đập thành thịch ấy. Qua khe hở trên tường tôi thấy một ngọn cây lấm tấm vàng và màu xanh âm áp của bầu trời chiều thanh bình. Tôi nhìn vị cha xứ khoảng một phút, rồi tiến lại, lom khom bước cực kỳ thận trọng giữa những mảnh sành vương vãi trên sàn nhà.

Tôi đứng chân vị cha xứ, ông giật mình dữ tợn tới nỗi một mảng vữa trượt ra ngoài rơi ầm xuống. Tôi nắm cánh tay ông, sợ ông có thể hét lên, và chúng tôi nép mình bất động một lúc lâu. Sau đó tôi xoay lại để xem thành lũy của mình còn những gì.

Mảng vữa rơi ra để lại một kẽ hở thẳng đứng trong đồng đồ nát, cho nên chỉ cần thận trọng chồm qua một xà nhà là tôi có thể dòm ra ngoài khe hở này để thấy con đường ngoại ô yên tĩnh đêm qua. Thật vậy, sự thay đổi chúng tôi

nhìn thấy là rất lớn.

Khối hình trụ thứ năm chắc đã rơi đúng vào giữa căn nhà mà chúng tôi đã tới trước tiên. Tòa nhà đã biến mất, vỡ tan tành như cám và bay tứ phía. Khối hình trụ lúc này chìm hẳn dưới nền nhà nguyên thủy - sâu trong hố, lớn hơn cái hố tôi đã thấy ở Woking rất nhiều. Đất quanh hố văng tung tóe vì sức va chạm vô cùng mạnh ấy - “tung tóe” là chữ duy nhất đúng - làm thành nhiều đồng chông chất che khuất các căn nhà kế cận. Đất văng giống hệt như bùn dưới cái nện thô bạo của cây búa. Căn nhà của chúng tôi đã đổ ngửa ra sau; phần trước nhà, ngay cả tầng trệt, đã bị phá hủy hoàn toàn. Nhờ may mắn mà gian bếp và phòng rửa bát thoát nạn, giờ đây bị chôn vùi dưới đất và đồng đổ nát, mọi bề ngập dưới hàng tấn đất, trừ phía hướng ra khối hình trụ. Lúc này chúng tôi lơ lửng bên phía đó, trên mép cái hố tròn lớn bọn người Hỏa tinh đang đào. Tiếng nện mạnh nghe rõ mồn một ngay phía sau lưng, và thỉnh thoảng một làn hơi xanh rực bốc lên như tấm mạng che ngang lối nhìn của chúng tôi.

Khối hình trụ đã mở ra ở giữa hố. Bên kia hố, giữa bãi đất có nhiều lùm cây tan nát và ngập sỏi, một máy chiến đấu lớn đã bị kẻ sử dụng bỏ rơi, đứng thẳng đơ cao ngất trên nền trời chiều. Lúc đầu tôi không nhận ra cái hố và khối hình trụ, dù đã nhân tiện tả nó trước tiên, vì tôi đang mãi nhìn mớ máy móc lấp lánh dị thường đang bận rộn tiến hành khai quật, và những sinh vật kỳ lạ đang chậm chạp và vất vả bò qua đồng đất xộp gần đó.

Chắc hẳn máy móc đã làm tôi chú ý trước tiên. Nó là một trong những kết cấu phức tạp mà về sau được gọi là máy điều khiển; việc nghiên cứu nó đã thúc đẩy rất nhiều phát minh trên Trái đất. Lúc đầu tôi tưởng nó là một loại nhện kim loại năm chân có khớp, nhanh nhẹn, quanh thân có rất nhiều tay cầm có khớp, thanh dài, và nhiều tua vờn ra để nắm. Hầu hết các cánh

tay đang thụt vào, nhưng nó đang dùng ba cái tua dài để rút ra một số then, tấm kim loại và thanh dài, các thứ này dùng để bao bọc lớp vỏ của khối hình trụ và hình như gia cố thêm vách của nó. Những thứ này sau khi được rút ra liền được nhắc bổng lên và đặt xuống mặt đất phẳng phía sau lưng nó.

Cử động của nó nhanh, phức tạp và hoàn hảo tới nỗi lúc đầu tôi không nghĩ nó là một cỗ máy, dù nó lấp lánh ánh kim loại. Các máy chiến đấu được phối hợp và sinh động tới mức phi thường là thế, song vẫn không thể nào so sánh với máy này. Ai chưa từng thấy các kết cấu ấy mà chỉ dựa vào óc tưởng tượng nghèo nàn của họa sĩ hay lời mô tả kém cỏi của nhân chứng như tôi thì sẽ khó hình dung ra sự sống động này của chúng.

Tôi nhớ rõ tấm hình minh họa trên một trong những tập sách mỏng đầu tiên kể về diễn biến cuộc chiến. Họa sĩ rõ ràng đã hấp tấp quan sát một trong các máy chiến đấu, và anh ta chỉ biết đến đó. Anh ta vẽ nó như chiếc kiềng ba chân đứng nghiêng, cứng nhắc, không chút linh hoạt hay khéo léo, và tạo ấn tượng đơn điệu hoàn toàn sai lạc. Tập sách có các hình vẽ này rất được hâm mộ, và tôi kể nó ra đây chỉ để cảnh giác người đọc về ấn tượng mà nó có thể đã gây ra. Nó khác với người Hỏa tinh tôi thấy trong thực tế chẳng khác gì con búp bê gỗ Hà Lan khác với người. Theo tôi nghĩ, nếu không có hình vẽ thì tập sách sẽ hay hơn nhiều.

Thoạt tiên máy điều khiển không làm tôi thấy nó giống bộ máy, mà giống một sinh vật giống con cua có lớp vỏ lấp lánh. Người Hỏa tinh ngồi ở bên trong, dùng những cái tua mềm mại để điều khiển nó hình như chỉ là thứ tương đương với bộ não của con cua. Nhưng khi tôi nhận ra lớp vỏ như da thuộc sáng loáng màu nâu xám của nó lại giống với lớp vỏ của các thân thể khác đang bò lổn ngổn đằng xa, tôi chợt hiểu rằng gã công nhân khéo léo này thật sự là gì. Khi đã hiểu ra rồi, tôi chuyển sang chú ý đến các sinh vật kia,

bọn người Hỏa tinh thực thụ. Tôi đã có ấn tượng sơ qua về chúng, và nỗi kinh tởm ban đầu không còn làm lu mờ sự quan sát của tôi nữa. Vả lại, tôi đang ẩn nấp và bất động, không bị thúc bách phải hành động.

Bây giờ tôi thấy chúng là những sinh vật phi phàm nhất mà ta có thể nghĩ ra. Chúng là những thân hình tròn khổng lồ - hay thật ra chỉ là cái đầu - đường kính độ một mét hai, phía trước mỗi thân hình có một khuôn mặt. Cái mặt này không có lỗ mũi - thật vậy, người Hỏa tinh hình như không có khứu giác, nhưng có cặp mắt sẫm màu rất lớn, và ngay bên dưới mắt là một thứ như cái mỏ thịt. Phía sau cái đầu hay thân hình này - tôi không biết gọi nó thế nào - là một cái màng độc nhất rất căng, vì về sau người ta biết đó là kết cấu tai, mặc dù chắc hẳn nó hầu như vô dụng trong bầu khí quyển cô đặc của chúng ta. Quanh miệng là một nhóm mười sáu chiếc tua mảnh mai, gần giống cái roi, xếp thành hai bó, mỗi bó tám chiếc. Những bó này về sau được nhà giải phẫu lỗi lạc, giáo sư Howes, khéo đặt tên là bàn tay. Ngay khi tôi nhìn thấy bọn người Hỏa tinh này lần đầu, chúng có vẻ đang cố gắng nhắc mình lên bằng những bàn tay này, nhưng dĩ nhiên không thể nhắc nổi, vì sức hút của Trái đất làm chúng nặng hơn. Giả định hợp lý là trên Hỏa tinh chúng có thể dùng các bàn tay này di chuyển một cách khá dễ dàng.

Ở đây tôi có thể nhận xét, theo sự mổ xẻ sau này cho thấy, rằng nội tạng của chúng cũng đơn giản gần như tương tự. Bộ phận lớn nhất của nội tạng là khối óc, với bộ dây thần kinh lớn nối tới mắt, tai và các tua xúc giác. Ngoài ra còn có bộ phổi kênh càng dẫn tới miệng, và có trái tim cùng các ống mạch. Vì bầu khí quyển Trái đất đậm đặc hơn và sức hút của Trái đất lớn hơn nên sự hô hấp của chúng khó khăn, biểu lộ rất rõ qua những cử động co giật của lớp da bên ngoài.

Đó là tổng kết các bộ phận của người Hỏa tinh. Dù có vẻ lạ đối với loài

người, người Hỏa tinh không có tất cả các cơ phận phức tạp của hệ tiêu hóa vốn chiếm phần lớn cơ thể chúng ta. Chúng là những cái đầu - chỉ là cái đầu. Chúng không có bộ ruột. Chúng không ăn, nói gì đến tiêu hóa. Thay vào đó, chúng lấy máu sống của các sinh vật khác, tiêm vào huyết quản của mình. Chúng tôi thấy điều này, và sẽ kể khi tới lúc. Nhưng, dù biết nghe có vẻ hèn nhát, tôi khó có thể mô tả điều mà tôi thậm chí không dám tiếp tục nhìn. Chỉ cần nói rằng máu lấy từ một sinh vật còn sống, phần lớn là con người, rồi truyền bằng cái ống nhỏ thẳng vào kênh tiếp nhận...

Hình ảnh này hiển nhiên rất gớm đối với chúng ta, nhưng đồng thời tôi nghĩ nên nhớ là đối với một con thỏ có trí khôn thì thói ăn thịt của chính chúng ta hẳn cũng đáng ghê tởm nhường nào.

Lợi điểm về sinh lý của cách tiêm này là không thể chối cãi, nếu ta nghĩ tới sự lãng phí rất lớn về thời gian và năng lực của con người vào việc ăn và tiêu hóa. Phần nửa cơ thể của chúng ta là các tuyến, ống và bộ phận có nhiệm vụ biến đủ loại thực phẩm hỗn tạp thành máu. Tiến trình tiêu hóa và phản ứng của nó trên hệ thần kinh làm suy yếu sức khỏe và bóp méo suy nghĩ của chúng ta. Loài người hạnh phúc hay bất hạnh tùy theo họ có lá gan khỏe khoắn hay đau yếu, có các tuyến dịch vị tốt hay không tốt. Nhưng tính khí và tình cảm của người Hỏa tinh không bị ảnh hưởng bởi những dao động hữu cơ bất thường này.

Không thể chối cãi là chúng thích dùng người làm nguồn dinh dưỡng. Có thể giải thích phần nào điều này qua tình trạng hài cốt các nạn nhân mà chúng mang theo từ Hỏa tinh để làm lương thực. Xét theo những cái xác nhẵn nhúm rơi vào tay loài người ấy thì những sinh vật này có hai chân, xương silica xốp, mỏng manh (gần giống như loài bọt biển silica), bắp thịt mềm nhèo, cao khoảng một mét tám, đầu tròn thẳng đứng, mắt to trong hốc mắt

cứng. Mỗi khối hình trụ dường như mang theo hai hay ba sinh vật này, tất cả đều bị giết chết trước khi tới Trái đất. Như thế cũng tốt cho chúng, vì chỉ cần chúng toan đứng thẳng lên trên hành tinh của chúng ta là tất cả xương trong cơ thể sẽ gãy.

Và nhân thể đang mô tả, tôi có thể nói thêm ở đây một số chi tiết khác để người đọc nào không biết về các sinh vật hiếu chiến này có thể hình dung rõ hơn về chúng, tuy rằng lúc ấy chúng tôi chưa hiểu rõ lắm các chi tiết đó.

Chức năng sinh lý của chúng khác với chúng ta một cách lạ lùng ở ba điểm nữa. Cơ thể chúng không ngủ, tựa như trái tim của loài người cũng không ngủ. Vì chúng không có bộ phận cơ bắp nào cần hồi phục, nên sự ức chế định kỳ ấy không xảy đến với chúng. Hình như chúng ít hay không biết mệt. Khi ở trên Trái đất chúng luôn luôn phải gắng sức mỗi khi di chuyển, nhưng thậm chí tới chết chúng vẫn cử động. Chúng làm việc suốt hai mươi tư giờ một ngày, như trên Trái đất thì có lẽ chỉ có trường hợp của loài kiến.

Ở điểm kế tiếp, một điểm dường như kỳ lạ đối với thế giới tồn tại nhờ hoạt động tính giao, người Hỏa tinh tuyệt đối không có giới tính, vì thế không có bất kỳ cảm xúc rối loạn nào như cảm xúc phát sinh từ sự khác biệt giới tính giữa loài người. Bây giờ ta có thể cả quyết rằng đã có một đứa bé Hỏa tinh sinh ra trên Trái đất trong lúc chiến tranh, và người ta thấy nó dính với kẻ sinh ra nó, gần như nảy ra từ đấy, tựa như hoa huệ nảy mầm, hay như con polip ở nước ngọt đâm chồi non.

Đối với loài người, cũng như với mọi loài động vật bậc cao trên Trái đất, phương pháp sinh sản như thế đã biến mất, và chắc chắn đó là phương pháp sơ đẳng nhất ngay trên Trái đất này. Trong số các động vật bậc thấp hơn, và thậm chí những loài rất gần với động vật có xương sống, như phân ngành

sống dưới dưới biển chẳng hạn, thì hai tiến trình sinh sản ấy xảy ra song song, nhưng cuối cùng phương pháp sinh sản hữu tính đã hoàn toàn thay thế phương pháp nảy mầm. Tuy nhiên, trên Hỏa tinh thì rõ ràng là ngược lại.

Cũng nên ghi nhận rằng, khá lâu trước khi có cuộc xâm lăng của người Hỏa tinh, một tác giả khoa học giả tưởng nổi tiếng đã dự đoán loài người rốt cuộc sẽ có một cấu trúc không khác với đặc điểm thực tế của người Hỏa tinh. Tôi nhớ lời tiên đoán của ông đăng hồi tháng Mười một hay tháng Chạp năm 1893, trên một tờ báo đã đình bản từ lâu, tờ *Pall Mall Budget*. Tôi cũng nhớ tới bức tranh hí họa về tiên đoán đó trên một tạp chí định kỳ trước khi người Hỏa tinh đến, tờ *Punch*. Bằng một giọng ngớ ngẩn và khôi hài, ông ta vạch ra rằng các thiết bị máy móc hoàn hảo rốt cuộc sẽ thay thế tay chân; các công cụ hóa học hoàn hảo sẽ thay cho bộ tiêu hóa; các bộ phận như tóc, mũi, răng, tai và cằm sẽ không còn là những phần thiết yếu của loài người nữa, và xu hướng chọn lọc tự nhiên sẽ làm những thứ ấy càng ngày càng teo nhỏ lại. Chỉ còn bộ óc là giữ vai trò cần thiết chủ yếu. Ngoài ra chỉ còn một bộ phận duy nhất của cơ thể có khả năng tồn tại mạnh, đó là bàn tay, “người thầy và người hầu của bộ óc”. Trong khi các phần khác của cơ thể teo dần thì bàn tay sẽ càng lúc càng lớn.

Lời nói đúng nhiều khi được viết ra bằng giọng giễu cợt, và ở đây qua người Hỏa tinh chúng ta có bằng chứng dứt khoát rằng mặt trí năng quả thực có khả năng kiểm chế mặt xác thịt của cơ thể. Đối với tôi, rất có khả năng người Hỏa tinh là hậu duệ của một loài không khác với chúng ta, loài này đã trải qua sự phát triển tiệm tiến của bộ óc và bàn tay (bàn tay cuối cùng biến thành hai cụm tua mềm mại) với cái giá phải trả là các bộ phận khác trên cơ thể bị thui chột. Dĩ nhiên, không có cơ thể thì bộ óc chỉ là một trí năng ích kỷ, không có nền móng cảm xúc của loài người.

Điểm khác biệt nổi bật cuối cùng trong cơ thể của sinh vật này so với chúng ta lại là điểm mà ta có thể nghĩ là rất ít quan trọng. Vi trùng gây nên quá nhiều bệnh tật và đau khổ trên Trái đất, nhưng hoặc là trên Hỏa tinh không bao giờ có vi trùng, hoặc là khoa vệ sinh học trên Hỏa tinh đã khử hết chúng từ lâu. Hàng trăm thứ bệnh, tất cả các loại sốt và bệnh truyền nhiễm trong đời sống loài người, lao phổi, ung thư, u bướu và các loại bệnh tật tương tự chưa bao giờ xâm nhập vào đời sống ở Hỏa tinh. Nhân nhắc tới sự khác biệt giữa cuộc sống trên Hỏa tinh và Trái đất, ở đây tôi có thể nói sơ qua về những dấu hiệu kỳ lạ của loài cỏ dại đỏ.

Hình như thực vật trên Hỏa tinh màu sắc chủ yếu là đỏ thẫm như máu, thay vì màu xanh lục. Dù sao đi nữa, hạt giống mà người Hỏa tinh (vô tình hay cố ý) mang theo khi mọc lên đều có màu đỏ. Tuy nhiên, chỉ có loại thường được chúng ta gọi là cỏ dại đỏ là giành được đất sống với các loài thực vật trên Trái đất. Cây leo đỏ có thời gian sinh trưởng khá ngắn ngủi, nên ít người thấy nó mọc. Tuy nhiên, có một thời gian cỏ dại đỏ mọc khỏe và tươi tốt đáng ngạc nhiên. Chỉ sau ba bốn hôm chúng tôi bị tù hãm là nó đã lan lên vách hố, và các nhánh như cây xương rồng của nó làm thành một viền đỏ au bên mép lỗ hồng tam giác nhìn ra ngoài của chúng tôi. Về sau tôi biết nó lan khắp vùng, nhất là ở nơi có dòng nước chảy.

Người Hỏa tinh có một bộ phận như cơ quan thính giác, một màng tròn duy nhất phía sau thân-đầu. Cặp mắt chúng có tầm nhìn không khác chúng ta lắm, ngoại trừ, theo Philips, màu xanh và tím là màu đen đối với chúng. Người ta thường cho rằng chúng liên lạc với nhau qua âm thanh và cử động của tua vôi. Điều này được khẳng định, chẳng hạn như trong tập sách mỏng khá tốt nhưng biên soạn vội vàng (rõ ràng tác giả không tận mắt chứng kiến các hành vi của người Hỏa tinh) mà tôi đã nói sơ qua, và cho đến nay đó là

nguồn tài liệu chính yếu về chúng. Không ai hiện còn sống mà đã nhìn thấy hoạt động của người Hỏa tinh nhiều như tôi. Tôi chỉ ngẫu nhiên mà thấy chứ chẳng giỏi giang gì, nhưng sự thật là như thế. Và tôi khẳng định rằng tôi đã nhiều lần quan sát chúng rất gần, và tôi đã thấy bốn, năm, và (một lần) sáu tên cùng nhau lờ mờ làm những việc rất phức tạp tỉ mỉ mà không phát ra tiếng động hay tỏ cử chỉ nào. Chúng luôn luôn rúc lên một tiếng kỳ lạ trước khi ăn, không uốn giọng, và tôi tin rằng đó không phải là tín hiệu gì, mà chỉ là thở gió ra để chuẩn bị hít vào. Ít nhất tôi có biết sơ về tâm lý, và trong vấn đề này tôi tin chắc chắn rằng người Hỏa tinh trao đổi suy nghĩ mà không qua một trung gian vật chất nào. Và tôi tin như thế mặc dù có những định kiến mạnh về việc đó. Trước khi người Hỏa tinh xâm lăng, trong một bài viết, như độc giả đây đó hẳn vẫn còn nhớ, tôi đã khá cả quyết chống lại thuyết liên lạc bằng ngoại cảm.

Người Hỏa tinh không mặc quần áo. Quan niệm của chúng về trang sức và phong cách bên ngoài hẳn nhiên khác với chúng ta. So với chúng ta, rõ ràng chúng rất ít nhạy cảm về sự thay đổi nhiệt độ, và sự thay đổi áp suất hình như cũng không có ảnh hưởng nghiêm trọng nào tới sức khỏe của chúng. Tuy chúng không mặc quần áo, song những vật khoác thêm lên cơ thể làm chúng ưu việt hơn loài người nhiều. Loài người chúng ta, với xe đạp và càng trượt, máy lượn Lilienthal, súng và gậy gộc, vân vân, chỉ mới ở bước khởi đầu của sự tiến bộ mà người Hỏa tinh đã đạt được. Chúng hầu như chỉ là những bộ óc khoác các thân hình khác nhau tùy theo nhu cầu của chúng, cũng như loài người mặc quần áo rồi vội vàng lên xe đạp hay che dù dưới mưa. Một điều có lẽ kỳ lạ nhất đối với loài người là các thiết bị của chúng thiếu một bộ phận chủ yếu trong hầu hết mọi công cụ máy móc của loài người - thiếu bánh xe. Trong mọi thứ mang tới Trái đất, không có dấu hiệu hay vết

tích nào cho thấy chúng dùng bánh xe. Ít nhất người ta nghĩ là sẽ thấy cần bánh xe khi di chuyển. Và trong vấn đề này, nếu để ý ta sẽ nhận ra một điều kỳ lạ, đó là trên Trái đất, Tự nhiên không hề nghĩ đến bánh xe hoặc đã ưu tiên các mưu chước khác trước khi cần đến nó. Và người Hỏa tinh không những không biết (một điều khó tin) hay tránh dùng bánh xe, mà rất đáng chú ý là dụng cụ của chúng rất ít dùng trục cố định hoặc tương đối cố định khiến gần các cơ phận quay tròn chỉ quay được trên mặt phẳng. Hầu như tất cả khớp nối trong máy cho thấy một hệ thống phức tạp gồm các cơ phận trượt trên những đệm chịu ma sát nhỏ nhưng được uốn cong khéo léo.

Và nhân nói tới chi tiết này, một điều đáng kể là các tay cầm dài trong máy móc của chúng phần lớn cử động nhờ một loại tựa như hệ thống cơ gồm các ổ đĩa nằm trong một vỏ bọc co giãn. Những đĩa này được phân cực nên hút nhau rất mạnh khi có dòng điện chạy ngang. Cách này giống kỳ lạ với cử động của loài thú, làm cho người chứng kiến hết sức ngạc nhiên bối rối. Các thứ tựa như bắp thịt đó có rất nhiều trong cỗ máy điều khiển giống con cua đã mở khối hình trụ ra khi lần đầu tiên tôi ghé nhìn qua khe hở. Nó có vẻ vô cùng sống động so với chính người Hỏa tinh nằm cách xa nó dưới ánh hoàng hôn, thờ hốt hển, ngọ nguậy những cái tua bất lực, cử động yếu ớt sau chuyển đi dài qua không gian.

Trong khi tôi nhìn những cử động lờ đờ của chúng dưới ánh mặt trời, và ghi nhớ mọi chi tiết kỳ lạ về hình thể chúng, vị cha xứ nhắc tôi nhớ tới sự hiện diện của ông bằng cách giật mạnh tay tôi. Tôi quay sang ông thì thấy ông cau mặt, mím môi im lặng. Ông muốn nói qua khe hở vốn chỉ vừa cho một trong hai chúng tôi nhòm qua, vì thế tôi phải ngưng nhìn một lát để cho ông hưởng đặc quyền đó.

Khi tôi nhìn ra lần nữa, cỗ máy điều khiển bận rộn đã lấy từ trong khối

hình trụ ra vài thiết bị và ráp lại thành một hình dáng giống y chính nó. Và xa bên trái đã xuất hiện một máy đào nhỏ đang tíu tít phun những tia hơi xanh biếc và di chuyển vòng quanh hố, đào đắp một cách có phương pháp và có tiên toán. Tiếng đập đều đều phát ra từ đấy, và các chấn động nhịp nhàng đó đã làm nơi trú ẩn đồ nát của chúng tôi rung liên tục. Nó vừa làm việc vừa thổi phù phù. Theo tôi thấy thì không có người Hỏa tinh nào điều khiển nó.

Chương 3

Những ngày bị giam hãm

Cỗ máy chiến đấu thứ hai tới làm chúng tôi phải bỏ khe nhìn để lùi vào phòng rửa bát, vì sợ bọn người Hỏa tinh từ vị trí trên cao có thể nhìn xuống thấy mình phía sau chướng ngại vật. Về sau chúng tôi ít cảm thấy nguy cơ bị mắt chúng nhìn thấy hơn, vì đối với một con mắt trong ánh nắng chói lòa bên ngoài thì chỗ trú ẩn của chúng tôi chắc phải đen ngòm, nhưng lúc đầu chỉ cần chúng hơi tỏ vẻ tiến lại gần là đã đủ khiến chúng tôi rút vội về phòng rửa bát, tim đập thành thịch. Nhưng dù sợ mỗi nguy hiểm khiếp như vậy, cả hai chúng tôi vẫn không cưỡng được việc nhìn trộm. Và bây giờ tôi phần nào ngạc nhiên khi nhớ lại rằng dù trong cảnh nguy hiểm khôn cùng giữa cái đói, và khủng khiếp hơn nữa là cái chết, chúng tôi vẫn có thể quyết liệt tranh nhau cái đặc quyền được nhìn đáng ghét ấy. Chúng tôi hay chạy băng qua gian bếp một cách lố bịch, nửa háo hức nửa sợ gây tiếng động, và đánh, đẩy, đá nhau, giành vài phân khe hở.

Thật ra, tính khí và tập quán trong suy nghĩ và hành động của chúng tôi xung khắc nhau hoàn toàn, và mỗi nguy hiểm cũng như sự cô lập với ngoài chỉ làm sự xung khắc ấy trầm trọng thêm, ở Halliford tôi đã bắt đầu ghét cái điệu than thở vô ích của vị cha xứ, đầu óc cứng nhắc ngu xuẩn của ông ta. Lời thì thầm độc thoại không dứt của ông làm hỏng mọi cố gắng tìm cách hành động của tôi, và nhiều lúc khiến tôi bức bối và căng thẳng hầu như sắp

nổi điên, ông thiếu kiềm chế giống như một mụ ngớ ngẩn, ông thường khóc lóc hàng giờ, và tôi thành thật tin rằng đứa bé được nuông chiều hư hỏng này nghĩ những giọt nước mắt yếu đuối của nó rồi cuộc sẽ có một hiệu quả nào đó. Tôi thường ngồi trong bóng tối, không sao lờ đi sự nhũn nhũn của ông được, ông ăn nhiều hơn tôi, và tôi cố gắng vô ích trình bày rằng cơ hội sống sót duy nhất của chúng tôi là ở lại nhà này cho tới khi bọn Hỏa tinh không còn dùng cái hố kia nữa, rằng trong thời gian chịu đựng lâu dài này có thể sẽ tới lúc chúng tôi thiếu thực phẩm, ông ăn uống ngấu nghiến nhiều bữa kéo dài no nê, ông ngủ ít.

Nhiều ngày sau, thói bất cần cực độ của ông trong mọi mặt càng làm tăng cảnh khốn cùng và nguy hiểm của chúng tôi, tới nỗi tôi đành phải dùng lời đe dọa, và cuối cùng đánh ông, dù tôi không muốn. Nhờ thế ông tỉnh trí lại một lát. Nhưng ông là một trong những kẻ nhu nhược, thiếu tự trọng, nhút nhát, yếu nhược, đáng ghét, đầy mưu chước gian xảo, không dám đứng trước Chúa hay người, không đối diện ngay cả với chính mình.

Nhắc và viết lại những sự kiện này chẳng thú vị gì, nhưng tôi ghi ra để câu chuyện của mình không thiếu chi tiết nào. Ai chưa biết tới những mặt tối kinh khủng của cuộc sống thì sẽ thấy chẳng khó gì trách tôi hung ác, trách tôi trong tình huống bi thảm tột cùng đến thế mà vẫn lên cơn cuồng nộ với người khác; vì họ biết điều gì sai trái, nhưng họ không biết điều gì có thể xảy ra cho những kẻ bị hành hạ khổ sở. Nhưng ai đã trải qua cảnh khốn cùng, đã rồi cuộc rơi xuống tới chỗ thấp cùng cực, người đó sẽ có lòng khoan dung hơn.

Và trong khi bên trong chúng tôi vẫn thầm lén tranh nhau xì xào, giành giật thức ăn và nước uống, đánh đấm, thì bên ngoài người Hỏa tinh trong hố đang làm những kỳ công lạ lùng, những chuỗi việc dị thường, dưới ánh nắng gay gắt của tháng Sáu ghê rợn đó. Để tôi trở lại với những gì tôi mới nhìn

thấy lần đầu tiên ấy. Một lúc lâu sau, tôi mạo hiểm quay lại lỗ nhìn thì thấy những kẻ mới tới này đã được tăng viện không ít hơn ba máy chiến đấu. Bọn này mang theo một số dụng cụ mới nguyên và đứng chỉnh tề chung quanh khối hình trụ. Cổ máy điều khiển thứ hai bây giờ đã hoàn tất, và đang bận tiếp tế cho một trong những thiết bị mới lạ mà cổ máy lớn đã mang ra. Thiết bị này có hình dạng đại khái giống lon sữa, bên trên lắc lư một cái thùng có dạng trái lê, từ đó một dòng bột trắng chảy vào cái chậu tròn bên dưới.

Một chiếc tua của máy điều khiển truyền chuyển động lắc lư tới thiết bị này. Máy điều khiển dùng hai bàn tay hình thìa để đào và hất từng tảng đất sét vào cái thùng hình trái lê bên trên, trong khi một cánh tay khác cách từng chập lại mở một cánh cửa ở phần giữa máy để lấy ra những tảng xỉ đen bạc màu. Một tua thép khác đưa bột trong thùng dọc theo một máng có gân tới một thùng chứa khuất tầm mắt tôi phía sau gò đất xanh lơ. Từ chỗ thùng chứa không nhìn thấy được này một làn khói xanh mỏng bốc thẳng lên không gian yên tĩnh. Trong lúc tôi nhìn, cổ máy điều khiển phát ra tiếng lách cách êm dịu nho nhỏ. Một chiếc tua kiểu ống lồng của nó vươn dài ra, từ một chỗ mà mới tích tắc trước đó chỉ là một mẩu hơi lồi cho tới khi đầu tua khuất sau gò đất sét. Khoảnh khắc sau nó nâng lên một thanh nhôm trắng, sáng lóa mắt, chưa bị xỉn, rồi đặt lên đồng thanh càng lúc càng nhiều bên cạnh hố. Từ lúc mặt trời lặn tới khi sao sáng, bộ máy khéo léo này chắc đã làm hơn một trăm thanh như thế từ đất sét thô, và gò đất xanh lơ cao dần lên cho tới khi vượt qua thành hố.

Cử động nhanh và phức tạp của các thiết bị này tương phản sâu sắc với sự vụng về hỗn hển chậm chạp của kẻ điều khiển chúng, và trong nhiều ngày tôi cứ phải lặp đi lặp lại với chính mình rằng những kẻ điều khiển này mới thật là sinh vật sống, chứ không phải các thiết bị kia.

Vị cha xứ đang chiếm giữ khe hở khi những người đầu tiên bị mang tới hố. Tôi đang ngồi phía dưới, co người, chăm chú lắng nghe, ông đột nhiên lùi lại làm tôi giật mình hoảng sợ rúm người vì ngỡ chúng tôi bị thấy, ông trượt xuống đồng gạch vụn rồi bò tới bên cạnh tôi trong bóng tối, ú ớ, ra dấu, và trong một lát tôi cũng hốt hoảng như ông. Điều bộ của ông cho thấy ông bỏ không giữ khe hở nữa. Một lát sau lòng tò mò khiến tôi can đảm, tôi đứng lên, bước qua ông ta, leo lên khe hở. Thoạt tiên tôi không hiểu tại sao ông có hành vi hoảng loạn. Lúc này trời đã nhá nhem, các ngôi sao nhỏ và mờ, nhưng trong hố sáng rõ nhờ ánh lửa xanh lấp lánh từ nơi sản xuất nhôm. Toàn cảnh là một vùng sáng xanh lấp lánh và những cái bóng đen xin dịch chuyển tới lui làm mỗi mắt một cách kỳ lạ. Trong khi đó bầu dơi chẳng buồn chú ý. Không thấy bọn Hỏa tinh nằm lổn ngổn nữa, đồng bột xanh lục đã cao lên che khuất chúng, trong khi một máy chiến đấu đứng bên kia góc hố, các chân của nó đã thu rút lại thành nhiều nếp. Rồi, giữa tiếng máy chói tai, thoang thoảng có tiếng người, những tiếng người mà lúc đầu tôi chỉ muốn phủ nhận.

Tôi nép xuống, nhìn kỹ cỗ máy chiến đấu này, lần đầu tiên xác nhận được trên mui nó thực sự có chứa một người Hỏa tinh. Khi lửa xanh bốc cao, tôi chỉ còn thấy lớp vỏ ngoài của hắc nhờn và mắt hắc sáng. Thành linh tôi nghe một tiếng hét, và thấy một chiếc tua dài thò qua vai máy về phía cái lồng nhỏ gù lên trên lưng nó. Rồi một vật - một vật vùng vẫy dữ dội - bị nhấc cao lên không trung, một vật bí ẩn đen mờ trên nền trời sao. Khi vật đen này xuống thấp, nhờ ánh sáng xanh, tôi thấy đó là một người. Trong thoáng chốc tôi có thể thấy rõ ông ta, ông là một người trung niên, vạm vỡ, hồng hào, áo quần lịch sự; ba ngày trước ông hắc là kẻ lịch duyệt, một người có vai vế đáng kể. Tôi có thể thấy cặp mắt nhìn trừng trừng của ông, cúc áo và dây đeo

đồng hồ lấp lánh, ông biến mất sau gò, và chung quanh lặng im một lát. Rồi bắt đầu có tiếng rít inh ỏi và tiếng rúc vui vẻ kéo dài của bọn người Hỏa tinh.

Tôi trượt xuống đồng đồ nát, gượng đứng lên, lấy tay che tai, chạy về phòng rửa bát. Vị cha xứ đang rập mình im lặng, cánh tay ôm đầu, ngược lên khi tôi chạy qua, thét lớn vì tôi bỏ ông, và chạy theo tôi.

Tối hôm đó, chúng tôi trốn trong phòng rửa bát, bị giăng co giữa nỗi kinh hoàng và sự mê hoặc ghê rợn của việc rình trộm này. Dù tôi cảm thấy cần hành động ngay, nhưng mọi kế hoạch trốn thoát mà tôi cố nghĩ ra đều hão huyền. Nhưng sau đó, qua ngày thứ hai, tôi có thể đánh giá hoàn cảnh của chúng tôi rất rõ. Tôi thấy vị cha xứ hoàn toàn không có khả năng thảo luận. Cảnh tàn bạo mới mẻ lên tới cực điểm này đã làm ông không còn chút lý trí hay suy tính nào nữa. Hầu như ông đã xuống tới mức của một con thú. Nhưng như tục ngữ nói, túng thì phải tính. Khi có thể đối diện với thực tế, tôi chợt hiểu rằng dù hoàn cảnh của chúng tôi đáng sợ, nhưng không có lý do gì để hoàn toàn tuyệt vọng. Khả năng thoát nạn chính yếu của chúng tôi là người Hỏa tinh có thể chỉ đào hố để làm doanh trại tạm. Hoặc ngay cả nếu chúng dùng nó lâu dài, chúng có thể thấy không cần canh gác, và chúng tôi vẫn có thể có cơ hội thoát nạn. Tôi cũng cân nhắc rất kỹ khả năng đào hầm ngược hướng với cái hố, nhưng như thế chúng tôi rất có thể sẽ ngoi lên trong tầm mắt của một máy chiến đấu đang đứng canh. Và tôi sẽ phải tự đào hết một mình. Vị cha xứ chắc chắn sẽ chẳng giúp gì được cho tôi.

Nếu tôi nhớ đúng thì ông đó bị giết vào ngày thứ ba. Đó là lần duy nhất tôi thật sự thấy người Hỏa tinh ăn. Sau trải nghiệm ấy, gần như cả ngày tôi tránh cái lỗ trên tường. Tôi vào phòng rửa bát, gỡ cánh cửa, và dùng cây rìu của mình để đào trong vài giờ, cố đào càng êm càng tốt. Nhưng khi đào được một lỗ sâu khoảng nửa thước thì đất đổ xuống ầm ầm, vì thế tôi không dám

tiếp tục nữa. Nản lòng, tôi nằm trên sàn phòng rửa bát một lúc lâu, thậm chí không còn nghị lực để nhúc nhích. Sau đó tôi bỏ hẳn ý định đào hầm để trốn.

Người Hỏa tinh gây ấn tượng mạnh tới nỗi lúc đầu tôi chẳng mấy hay không hề hy vọng là loài người sẽ đánh bại được chúng để giải thoát cho chúng tôi. Nhưng vào đêm thứ tư hay thứ năm, tôi nghe như có tiếng đại bác.

Lúc ấy rất khuya, trăng rọi sáng. Bọn Hỏa tinh đã cất máy đào, và trừ một máy chiến đấu đứng bên kia mép hố và một máy điều khiển vùi trong góc hố khuất tầm mắt tôi ngay dưới lỗ nhìn, thì không còn thấy chúng ở đây nữa. Cái hố tối đen, trừ ánh mờ nhạt từ máy điều khiển và các thanh nhôm cùng ánh trăng lốm đốm. Tất cả lặng yên, trừ tiếng lách cách của máy điều khiển. Tối hôm đó trời quang mây tạnh, trừ một hành tinh khác, mặt trăng dường như chiếm ngự cả bầu trời. Tôi nghe tiếng chó tru, và âm thanh quen thuộc ấy làm tôi lắng nghe. Rồi tôi nghe khá rõ tiếng trầm vang giống y như tiếng đại bác. Tôi đếm rõ sáu tiếng nổ, một lúc lâu sau lại có sáu tiếng nữa. Và chỉ có thế.

Chương 4

Cái chết của vị cha xứ

Trong ngày bị tù hãm thứ sáu, tôi nép nhìn ra lần cuối, và lập tức thấy mình đơn độc. Thay vì ở sát bên cạnh tôi và cố đẩy tôi ra khỏi khe hở, vị cha xứ đã về phòng rửa bát. Tôi giật mình vì một ý nghĩ chợt đến. Tôi vội trở lại và lặng lẽ vào phòng rửa bát. Trong bóng tối tôi nghe tiếng vị cha xứ đang uống. Tôi chộp trong bóng tối, ngón tay bắt trúng chai rượu vang.

Cuộc giành giật xảy ra vài phút. Chai rượu rơi xuống sàn nhà vỡ toang, tôi ngừng lại rồi đứng lên. Chúng tôi đứng, vừa hỗn hển vừa đe dọa nhau. Cuối cùng tôi cương quyết không để ông lại gần thức ăn, và cho ông biết quyết định bắt đầu thi hành kỷ luật của mình. Tôi chia thức ăn trong buồng chứa thực phẩm thành nhiều khẩu phần cho chúng tôi dùng trong mười ngày. Tôi sẽ không cho ông ăn gì thêm hôm đó. Đến chiều ông yếu ớt cố gượng định lấy thức ăn. Tôi đang thiếp ngủ, nhưng choàng dậy ngay. Chúng tôi ngồi đối diện nhau suốt ngày suốt đêm, tôi mệt nhưng cương quyết, còn ông khóc lóc và than vãn vì cái đói trước mắt. Tôi biết chỉ có một ngày và một đêm, nhưng khi đó - và bây giờ - đối với tôi dường như lúc đó dài vô tận.

Thế là sự xung khắc lớn thêm của chúng tôi cuối cùng trở thành xung đột công khai. Trong hai ngày dài chúng tôi giằng co khe khẽ và vật lộn. Nhiều lúc tôi điên cuồng đánh đá ông ta, nhiều lúc tôi dỗ dành và thuyết

phục, và một lần tôi cố mua chuộc ông bằng chai rượu vang cuối cùng, vì tôi có thể lấy nước ở cái bom nước mưa. Nhưng vũ lực hay tử tế đều không hiệu quả, ông ta quả thật bất chấp lẽ phải. Ông không ngừng nhào tới thức ăn, cũng như không ngừng ồn ào làm nhảm một mình. Ông bất chấp những lo toan sơ đẳng sao cho sự tù túng của chúng tôi có thể chịu đựng được. Dần dần tôi bắt đầu nhận ra ông đã hoàn toàn mất trí khôn, hiểu rằng kẻ đồng hành duy nhất của mình trong bóng tối ngọt ngào và bệnh hoạn này là một kẻ điên.

Qua ký ức mơ hồ tôi nghĩ hẳn lúc đó đầu óc mình nhiều khi lan man. Tôi đã có những giấc mơ lạ lùng và gớm ghiếc. Nghe có vẻ nghịch lý, nhưng tôi có xu hướng nghĩ rằng sự yếu đuối và điên rồ của vị cha xứ đã cảnh giác tôi, giúp tôi thêm nghị lực, và giữ đầu óc tôi lành mạnh.

Vào ngày thứ tám ông ta bắt đầu nói lớn tiếng thay vì thì thầm, và tôi không thể làm gì để ông dịu giọng xuống cả.

Ông cứ lặp đi lặp lại: “Công lý, Chúa ơi! Công lý. Hãy trừng phạt con. Chúng con đã phạm tội, chúng con đã bất xứng. Nghèo đói, đau khổ. Kẻ nghèo bị đập xuống bùn, vậy mà con cứ an nhiên tự tại. Chúa ơi, thật là nhục cười! Con đã rao giảng điều nhục cười đã được chấp nhận, trong khi lẽ ra con nên đứng lên, dù phải đổi mạng, và kêu gọi họ hãy ăn năn... hãy ăn năn!... Hỡi kẻ áp bức dân nghèo và kẻ bần cùng!... Hỡi cơn thịnh nộ của Chúa!”

Rồi ông thành linh trở lại vấn đề thức ăn tôi đã không cho ông, khẩn cầu, xin xỏ, khóc lóc, và cuối cùng đe dọa. Ông bắt đầu cất cao giọng, tôi xin ông đừng nói lớn. Ông nhận ra chỗ có thể bắt bớ tôi, liền dọa sẽ la lớn cho người Hỏa tinh chú ý tới chúng tôi. Lúc đó tôi sợ, nhưng bất kỳ nhượng bộ nào cũng sẽ làm cho khả năng thoát hiểm của chúng tôi suy giảm đến khó mà

lường được. Tôi thách ông, dù không chắc rằng ông không dám. Nhưng hôm ấy, dù sao đi nữa, ông đã không la hét. Gần như suốt ngày thứ tám và thứ chín, ông cứ từ từ cất cao giọng, đe dọa, van xin, cùng hàng tràng lời ăn năn dở dưng dãi dụa và luôn luôn phù phiếm về việc ông đã giả dối rằng tuếch phục vụ Chúa, như để làm tôi thương hại. Rồi ông ngủ một lát, và với chút sức lực mới phục hồi, ông lại bắt đầu nói lớn tiếng tới nỗi tôi phải bắt ông im.

Tôi khẩn nài: “Im đi nào!”

Ông quỳ dậy, vì ông đang ngồi trong bóng tối gần cái nôi đồng.

Ông nói bằng một giọng chắc phải vang tới tận cái hố: “Tôi đã im lâu quá rồi, bây giờ tôi phải làm chứng nhân. Khốn thay cho thành phố không có đức tin này! Khốn thay! Khốn thay! Khốn thay! Khốn thay! Khốn thay! Cho những kẻ sống trên Trái đất, vì lại sắp nổi lên hồi kèn của...”

Tôi nói: “Câm miệng lại! Trời ơi...” và đứng lên, vì sợ rằng người Hòa bình sẽ nghe thấy chúng tôi.

Vị cha xứ cũng đứng lên, dang hai tay, và hét lớn hết sức: “Không. Hãy lên tiếng! Lời Chúa trong ta!”

Chỉ vài ba bước ông đã tới cánh cửa dẫn vào gian bếp. “Tôi phải làm chứng nhân! Tôi đi! Trì hoãn đã lâu lắm rồi!”

Tôi đưa tay ra tìm con dao chặt thịt treo trên tường. Trong chớp mắt tôi đuổi theo ông. Tôi hung dữ vì sợ hãi. Trước khi ông tới giữa gian bếp tôi đã bắt kịp ông. Với chút nhân tính cuối cùng, tôi xoay ngược lưỡi dao và dùng cán dao đánh ông. Ông ngã chúi đầu tới, nằm sòng soài trên mặt đất. Tôi vấp vào ông và đứng thờ hồn hển. Ông nằm yên.

Thình lình tôi nghe một tiếng động bên ngoài, tiếng vôi vữa trượt vỡ, rồi

khe hở tam giác trên tường tối lại. Tôi nhìn lên và thấy mặt dưới của một máy điều khiển từ từ che ngang qua lỗ. Một trong các tay nắm của nó cuộn lại giữa đồng vôi gạch, một tay khác xuất hiện, mò mẫm trên các xà nhà đổ. Tôi đứng chết đĩnh, nhìn đăm đăm. Rồi tôi thấy rõ ràng một vật như tấm kính gần mép của cái thân-mặt, vì chúng ta có thể gọi hãn như thế, và cặp mắt đen lớn của một tên Hỏa tinh ghé dòm vào, sau đó một tua kim loại dài ngoằn ngoèo từ từ mò mẫm qua lỗ.

Tôi gượng quay lại, vấp phải vị cha xứ, và dừng ở cửa phòng rửa bát. Lúc này cái tua đã vào trong phòng khoảng hơn hai mét, đang vặn vẹo, với những cử động thất thường kỳ lạ, bên này bên kia. Tôi đứng mê man một hồi trước bước tiến chậm chạp, co giật đó. Rồi tôi bật lên một tiếng khàn nhỏ, và gắng chạy ngang qua phòng rửa bát. Tôi run lấy bầy, chật vật lắm mới đứng thẳng được. Tôi mở cửa hầm chứa than, đứng trong bóng tối nhìn đăm đăm lối cửa lò mờ thông qua gian bếp, lắng nghe. Người Hỏa tinh có thấy tôi không? Bây giờ hãn đang làm gì?

Ngoài đó có vật gì đang di chuyển tới lui, rất êm, thỉnh thoảng gõ lên tường, hay cử động co giật gây ra tiếng kim loại rung nhẹ, như tiếng chìa khóa trong xương. Rồi một thân hình nặng nề - tôi biết quá rõ nó là gì - bị kéo lê qua sàn bếp tới chỗ lỗ hồng. Tò mò khôn cản, tôi bò tới cửa và nhìn vội vào gian bếp. Trong khung tam giác rực ánh nắng bên ngoài, tôi thấy người Hỏa tinh như gã khổng lồ Briareus trong dạng chiếc máy điều khiển, đang chăm chú nhìn cái đầu của vị cha xứ. Tôi lập tức nghĩ hãn sẽ suy ra sự hiện diện của tôi qua cú đánh tôi đã giáng vào ông.

Tôi bò ngược về hầm chứa than, đóng cửa, bắt đầu cố gắng ẩn nấp giữa đồng than củi ở đó, và cố hết sức không gây tiếng động trong bóng tối. Thỉnh thoảng tôi ngừng lại, cứng người, để nghe liệu người Hỏa tinh có thọc các tua

qua lỗ hổng lần nữa hay không.

Rồi lại có tiếng kim loại khê kêu leng keng. Tôi đoán hắn đang từ từ mò mẫm qua gian bếp. Chẳng mấy chốc tôi nghe gần hơn - tôi cho là hắn đang ở trong phòng rửa bát. Tôi nghĩ chiều dài của hắn có thể không đủ để với tới tôi. Tôi cầu nguyện thống thiết. Hắn mò tiếp, luồn sọt soạt khe khê qua cửa hầm chứa than. Cảm giác hồi hộp hầu như kéo dài không thể chịu nổi, rồi tôi nghe hắn sờ soạng then cửa! Hắn đã tìm thấy cánh cửa! Người Hỏa tinh hiểu cách dùng cửa!

Hắn lưỡng lự một phút nơi cái then, có lẽ thế, rồi cánh cửa mở ra. Trong bóng tối tôi có thể thấy vật ấy, rất giống cái vòi voi, đang vung vẩy về phía tôi, sờ soạng dò xét vách tường, than củi và trần hầm. Hắn như một con giun đen lắc lư cái đầu mù.

Thậm chí một lần hắn chạm gót ủng của tôi. Tôi suýt thét lên; tôi cắn tay mình. Cái tua im lặng một lát. Tôi tưởng hắn đã rút lui. Ngay tức khắc, hắn bất thần lách cách nắm một vật gì - tôi nghĩ hắn đã bắt được tôi! - và có vẻ lại ra khỏi căn hầm. Trong một phút tôi không chắc được thế nào. Hình như hắn đã cầm một hòn than lên xem xét.

Tôi nắm cơ hội để hơi thay đổi tư thế đã trở nên gò bó, rồi lắng nghe. Tôi thiết tha thì thầm cầu nguyện được thoát hiểm.

Rồi tôi nghe tiếng động từ từ, khoan thai bò tới tôi lần nữa. Từ từ, từ từ nó tới gần, sọt soạt cọ lên các vách tường và gõ lên đồ dùng.

Trong khi tôi còn hoài nghi, hắn gõ mạnh lên cửa hầm rồi đóng lại. Tôi nghe hắn vào buồng chứa thực phẩm, nghe tiếng các hộp thiếc đựng bánh quy loảng xoảng, chai lọ vỡ, và một tiếng đụng mạnh lên cửa hầm. Sau đó sự im lặng biến thành nỗi hồi hộp khôn cùng.

Hắn đã đi chưa?

Cuối cùng tôi cho rằng hắn đã đi.

Hắn không vào phòng rửa bát nữa, nhưng tôi nằm suốt ngày thứ mười trong chỗ tối kín bưng, vùi trong than và củi, thậm chí không dám bò ra để uống nước cho thỏa cơn khát. Tới ngày thứ mười một tôi mới dám mạo hiểm ra khỏi chốn an toàn của mình.

Chương 5

Cảnh tĩnh mịch

Việc đầu tiên tôi làm trước khi vào buồng chứa thực phẩm là cài then cánh cửa giữa gian bếp và phòng rửa bát. Nhưng buồng chứa thực phẩm trống trơn, không còn một mẫu thức ăn. Hình như hôm trước người Hỏa tinh đã lấy đi hết sạch. Khi biết như thế, lần đầu tiên tôi cảm thấy tuyệt vọng. Ngày thứ mười một hay mười hai tôi không ăn uống gì.

Thoạt tiên miệng và cổ họng tôi khô nẻ, sức khỏe tôi giảm thấy rõ. Tôi ngồi luẩn quẩn trong bóng tối của phòng rửa bát, tâm trạng khốn khổ thoái chí. Đầu tôi luôn nghĩ tới ăn. Tôi nghĩ chắc mình đã điếc, vì tiếng di chuyển trong hố mà tôi quen nghe đã hoàn toàn im bật. Tôi cảm thấy không đủ khỏe để bò thật êm tới lỗ nhìn, nếu không thì tôi đã tới đó rồi.

Ngày thứ mười hai, cổ họng tôi đau tới nổi, bất chấp nguy cơ có thể đánh động bọn người Hỏa tinh, tôi nhào tới cái bơm nước mưa kêu cọt két ở bồn nước, bơm được đầy hai ly nước mưa đen sì. Nhờ thế tôi tỉnh hẳn, và bạo dạn hơn vì không có cái tua nào tìm đến theo tiếng bơm nước của tôi.

Trong những ngày này, tôi nghĩ rất nhiều, lan man và không dứt khoát, về vị cha xứ và về cái chết của ông ta.

Ngày thứ mười ba tôi uống thêm ít nước, vừa thiếp ngủ vừa nghĩ lung tung về ăn và các kế hoạch đào thoát mơ hồ không thể thực hiện. Mỗi khi

thiếp đi, tôi lại mơ tới những ảo ảnh khủng khiếp, tới cái chết của vị cha xứ, hay những bữa ăn thịnh soạn; nhưng dù thức hay ngủ, tôi vẫn cảm thấy cơn đau buốt bắt mình phải uống nước liên tục. Ánh sáng rọi vào phòng rửa bát không mờ xám nữa, mà đỏ. Trong trí tưởng tượng rối loạn của tôi, nó dường như có màu máu.

Ngày thứ mười bốn tôi vào bếp, và ngạc nhiên thấy lá cỏ dại đỏ đã mọc phủ qua lỗ trên tường, biến ánh nhá nhem ở đó thành bóng tối đỏ thẫm.

Sáng sớm ngày thứ mười lăm tôi nghe một loạt âm thanh quen thuộc một cách kỳ dị trong bếp, và lắng tai, nhận ra đó là một con chó đang vừa đánh hơi vừa gãi. Tôi vào bếp, thấy cái mũi con chó thò qua kẽ lá đỏ thẫm. Tôi quá ngạc nhiên. Người thấy tôi, nó sửa cốc lốc.

Tôi nghĩ nếu như dụ được nó vào một cách êm thắm, hẳn tôi có thể giết và ăn thịt nó. Dù sao cũng nên giết nó, nếu không hành vi của nó sẽ khiến bọn người Hỏa tinh chú ý.

Tôi bò tới, gọi rất khẽ: "Chó ngoan!" Nhưng nó thành linh thụt đầu lại và biến mất.

Tôi lắng nghe - tôi không điếc - nhưng chắc chắn cái hố lặng yên. Tôi nghe như có tiếng chim vỗ cánh, và tiếng ồm ộp khàn khàn, nhưng tất cả chỉ có thể.

Tôi nằm gần cái lỗ nhìn một lúc lâu, nhưng không dám tới bên cạnh đám cây đỏ che mờ lỗ. Một hai lần tôi nghe tiếng lạch bạch nho nhỏ, như bước chân chó đang đi tới đi lui trên cát bên dưới tôi rất sâu, và có thêm những tiếng giống như chim, nhưng tất cả chỉ có thể. Một hồi lâu sau, sự yên tĩnh giúp tôi có thêm can đảm, tôi nhìn ra.

Dưới hố không có một sinh vật nào, trừ trong góc có lũ quạ nhảy nhót tranh nhau xương những người chết mà bọn Hỏa tinh đã ăn.

Tôi chăm chú nhìn quanh, không tin ở mắt mình. Tất cả máy móc đã biến mất. Trừ một đồng lớn bột xanh xám trong một góc, vài thanh nhôm trong góc khác, lũ chim đen, và những bộ xương người chết, cái hố chỉ là một lỗ tròn trống trơn dưới cát.

Tôi từ từ chui ra qua cỏ dại đỏ, đứng trên đồng gạch vỡ. Tôi có thể thấy mọi phía, trừ hướng Bắc đằng sau mình, và không có bọn Hỏa tinh hay dấu hiệu nào của họ. Hố sâu dốc thẳng xuống dưới chân tôi, nhưng không xa trên đồng rác có một sườn dốc thoải có thể leo lên tới đỉnh đồng đổ nát. Cơ hội đào thoát đã đến. Tôi bắt đầu run lấy bầy.

Tôi do dự một lát, rồi thì, với lòng kiên quyết bạt mạng, tim đập dữ dội, tôi leo lên đỉnh gò đất đã chôn mình quá lâu.

Tôi nhìn quanh lần nữa. Phía Bắc cũng không thấy người Hỏa tinh.

Lần cuối tôi thấy khu vực này của quận Sheen lúc ban ngày thì nó là khu phố lộn xộn có các căn nhà trắng và đỏ ảm cúng, chen giữa cây cối rậm rạp râm mát. Bây giờ tôi đứng trên đồng gạch vỡ, đất sét và sỏi, trên đó lan tràn cơ man những loài cây đỏ giống như xương rồng, cao tới đầu gối, và không một loài cây nào của Trái đất tranh được chỗ với chúng. Cây cối gần tôi đều chết héo, nhưng xa xa một mạng sợi đỏ phủ kín những thân còn sống.

Các căn nhà lân cận đều đổ nát, nhưng không bị cháy, tường còn đứng, đôi khi tới tầng hai, cửa sổ và cửa cái vỡ tan. Cỏ dại đỏ mọc hỗn loạn trong các căn phòng mất mái. Bên dưới tôi là cái hố lớn, lũ quạ đang tranh nhau đồ thừa trong đó. Một số chim khác nhảy nhót giữa cảnh đổ nát. Xa xa tôi thấy một con mèo hốc hác lén lút men theo vách tường, nhưng không có dấu hiệu

của loài người.

Nắng dường như chói lòa, trái ngược với giai đoạn tôi bị giam hãm vừa qua, bầu trời xanh rực. Một làn gió thoảng lay nhẹ cỏ dại đỏ đã phủ kín mọi khoảnh đất bỏ trống. Và ồ, không khí thật ngọt ngào!

Chương 6

Hậu quả của mười lăm ngày

Tôi đứng lao đảo một hồi trên gò bất kể tới sự an toàn của mình. Lúc còn ở bên trong cái hang kinh tởm vừa từ đó chui ra, tôi chỉ nghĩ tới an toàn trước mắt của chúng tôi. Tôi không biết chuyện gì xảy ra trên thế giới, không lường trước được quang cảnh kỳ lạ choáng người này. Những tưởng sẽ thấy quận Sheen đổ nát, nhưng tôi lại thấy quanh mình cảnh quan của một hành tinh khác, quái dị và gớm ghiếc.

Lúc đó cảm xúc của tôi không còn ở trong tầm mức bình thường của con người, cảm xúc mà các loài thú khốn khổ bị chúng ta thống trị biết quá rõ. Tôi cảm thấy mình như con thỏ vừa về tới hang thì bất chợt đương đầu với công trình của một chục công nhân đang ra sức đào nền nhà. Tôi cảm thấy cái ý niệm mơ hồ đầu tiên về một thứ chợt hiện ra rất rõ trong trí mình, rồi sẽ đè nén tôi nhiều ngày, một cảm giác bị hạ bệ, tin rằng mình không còn là chúa tể, mà là một con thú giữa loài thú dưới gót chân của người Hỏa tinh. Chúng ta cũng như loài thú sẽ phải lén lút và đề phòng, bỏ chạy và lẩn trốn. Đế chế của loài người và lòng kính sợ loài người đã không còn.

Nhưng sự kỳ lạ này tan biến ngay khi tôi nhận ra nó, và nỗi thôi thúc cao nhất của tôi biến thành cái đói vì khốn khổ nhịn ăn đã lâu. Bên kia bức tường bị phủ đỏ, ngược hướng với cái hố, tôi thấy một mảnh vườn chưa bị chôn vùi. Điều này gợi cho tôi một ý, thế là tôi liền đi giữa đám cỏ dại đỏ cao tới đầu

gối, đôi khi tới cổ. Cỏ dại dày đặc cho tôi cảm giác được ẩn náu an toàn. Bức tường cao khoảng hơn thước tám, nên khi định leo qua tôi thấy mình không thể đưa chân lên tới đầu tường. Vì thế tôi đi men theo vách, tới một góc có đồng đá đủ để tôi có thể leo lên đầu vách rồi ngã lộn nhào vào mảnh vườn tôi muốn, ở đây tôi tìm thấy một ít hành non, hai củ lay ơn, và một số cà rốt còn nhỏ, tôi nhặt hết, rồi bò qua một bức tường đổ nát, đi qua đám cây đỗ tía về phía quận Kew - tựa như qua một đại lộ có những giọt máu khổng lồ - với hai ý định: tìm thêm thực phẩm, và cố sức khập khiễng ra khỏi khu hố kỳ dị đáng nguyền này sớm chừng nào tốt chừng nấy và xa chừng nào hay chừng nấy.

Cách đó một quãng, trong đám cỏ có một cụm nấm, tôi liền ngẫu nhiên ăn, và chợt thấy một mảng nước nâu cặn chảy qua nơi trước kia là đồng cỏ. Số thực phẩm được chẳng hay chớ này chỉ kích thích thêm cơn đói của tôi. Thoạt tiên tôi ngạc nhiên thấy lụt lội vào mùa hè khô nóng, nhưng về sau tôi biết đó là vì cỏ dại đổ mọc um tùm. Sự tăng trưởng khác thường này khi gặp nước sẽ lập tức sinh sản mãnh liệt không gì sánh bằng. Hạt của nó chỉ cần rơi xuống nước sông Wey và sông Thames là sự tăng trưởng nhanh chóng và những lá thủy khổng lồ của nó lập tức làm ngạt thở cả hai dòng sông ấy.

Về sau tôi thấy ở Putney, cây cầu gần như bị che mất trong đám cỏ dại rồi bời này, và cả ở Richmond, nước sông Thames chảy thành một dòng cặn và rộng qua các đồng cỏ ở Hampton và Twickenham. Cỏ dại lan theo dòng nước, cho tới khi các biệt thự đổ nát ở lưu vực sông Thames có lúc chìm mất trong khu đầm đở rục mà tôi có thăm dò ven rìa, và che lấp phần lớn cảnh tàn phá do người Hòa bình gây ra.

Về sau cỏ dại đổ tàn lụi nhanh như khi nó lan ra. Người ta tin là bệnh thối mục do loại vi khuẩn nào đó lập tức bóp nghẹt nó. Nhờ chọn lọc tự nhiên, bây giờ tất cả thảo mộc trên Trái đất đều đã có sức đề kháng chống các

bệnh do vi khuẩn - chúng không bao giờ chịu khuất phục mà không kháng cự mãnh liệt, nhưng cỏ dại đỏ thì thối rữa như một thứ đã chết. Lá nó bạc đi, rồi nhăn nheo và trở nên giòn. Lá nó chỉ cần đụng khẽ là gãy, và nước trước kia kích thích sự tăng trưởng ban đầu nay đã mang tàn tích cuối cùng của nó ra biển.

Hành động đầu tiên của tôi khi gặp dòng nước này dĩ nhiên là làm thỏa cơn khát. Tôi uống thật nhiều, và chợt thấy bị thôi thúc gặm vài lá cỏ dại đỏ, nhưng nó nhạt và có vị tanh kim loại. Tôi thấy nước đủ cạn để lội qua an toàn, tuy cỏ dại đỏ hơi ngăn cản bước chân. Nhưng nước lụt rõ ràng sâu hơn ở giữa sông, nên tôi quay về quận Mortlake. Tôi xoay xở tìm đường đi nhờ các biệt thự, hàng rào và đèn đường đổ nát đây đó, và chẳng mấy chốc ra khỏi chỗ lụt để lên đồi đi về hướng quận Roehampton tới bãi đất công ở Putney.

Nơi đây quang cảnh đối từ xa lạ và không quen thuộc thành cảnh đổ nát quen thuộc: nhiều khoảnh đất phô bày sự tàn phá của một cơn lốc, và thỉnh thoảng tôi thấy những đoạn vài chục mét hoàn toàn không bị xáo trộn, các căn nhà màn kéo gọn gàng, cửa đóng, như thể chủ nhân đi vắng một ngày, hay như có người đang ngủ bên trong, cỏ dại đỏ ít um tùm, hàng cây cao dọc đường không bị dây leo đỏ bò lên. Tôi lùng thực phẩm trong các lùm cây, không thấy, và tôi cũng đột nhập vào hai ngôi nhà yên tĩnh, nhưng nhà đã bị ai đó phá cửa vào lục soát nhằm hôi của. Tôi nghỉ đến hết ngày hôm ấy trong một bãi đất có nhiều bụi rậm, vì tình trạng tôi lúc này quá yếu, không cố được nữa.

Suốt thời gian này tôi không gặp người nào, và không thấy dấu hiệu của bọn Hỏa tinh. Tôi gặp hai con chó có vẻ đói, nhưng cả hai vội vàng lảng đi khi tôi dụ dỗ chúng. Gần quận Roehampton tôi thấy hai bộ xương người - chỉ

còn xương, thịt bị lóc sạch - và trong khu rừng gần đó tôi thấy nhiều bộ xương mèo xương thỏ bị giập vỡ nằm vương vãi, và một cái sọ cừu. Tôi gặm những thứ này trong miệng, nhưng chẳng được gì.

Sau khi mặt trời lặn tôi lê lết trên đường tới Putney, tôi nghĩ ở đây chắc đã bị Tia Nhiệt bắn vì lý do nào đó. Trong mảnh vườn bên ngoài quận Roehampton tôi tìm được một số khoai tây non, đủ để làm dịu cơn đói. Mảnh vườn này nhìn xuống Putney và dòng sông. Hình ảnh nơi đó lúc hoàng hôn tiêu điều khác thường: cây cối đen đúa, các đồng cỏ nát hoang vắng tối tăm, và dưới đồi những mảng sông ngập lụt nhuộm đỏ vì cỏ dại. Và trên hết là sự tĩnh mịch. Nó làm tôi kinh hoàng khôn tả khi nghĩ sự đổi thay tiêu điều đã xảy ra nhanh đến thế.

Có lúc tôi tin rằng nhân loại đã bị quét sạch, và tôi đứng đó một mình, người cuối cùng còn sống. Gần đỉnh Đồi Putney tôi chợt gặp một bộ xương nữa, hai cánh tay đứt lìa nằm cách thân thể vài mét. Tôi tiến đến, càng lúc càng tin rằng loài người trên vùng đất này của thế giới đã bị tiêu diệt, trừ những kẻ lang thang như tôi. Tôi nghĩ người Hỏa tinh đã đi tìm thực phẩm nơi khác, để lại vùng đất tan hoang này. Có lẽ ngay lúc này họ đang tàn phá Berlin hay Paris, hay có thể họ đã đi lên hướng Bắc.

Chương 7

Người đàn ông trên Đồi Putney

Tôi hôm ấy tôi nghỉ trong quán trọ trên đỉnh Đồi Putney. Lần đầu tiên từ khi trốn về Leatherhead tôi được ngủ trên chiếc giường thơm mát. Tôi sẽ không kể lại việc mình đã chặt vật một cách không cần thiết để đột nhập căn nhà đó - về sau tôi thấy cửa trước chỉ cài then. Tôi cũng không kể tôi đã lục lọi các phòng để tìm thức ăn, cho tới khi gần tuyệt vọng thì thấy trong một chỗ hình như là phòng ngủ của gia nhân có một miếng vỏ bánh mì bị chuột gặm và hai lon dứa. Căn nhà đã bị lục soát lấy sạch trơn, về sau tôi thấy vài lát bánh mì và bánh quy còn sót lại trong quầy. Bánh mì không ăn được vì đã quá mốc, nhưng bánh quy không những làm dịu cơn đói, mà còn nhét đầy túi tôi. Tôi không thấp đèn, sợ trong đêm người Hỏa tinh có thể đến đánh khu vực này của Luân Đôn để tìm thực phẩm. Tôi bồn chồn một hồi trước khi đi ngủ, lảng vảng từ cửa sổ này qua cửa sổ khác, nhìn chăm chú ra ngoài tìm dấu hiệu của bọn quái vật ấy. Tôi ngủ ít. Khi nằm trên giường tôi thấy mình suy nghĩ liên tục - tôi nhớ là từ sau lần tranh cãi cuối cùng với vị cha xứ thì tôi đã không còn làm như vậy nữa. Suốt lúc trần trọc ấy, tâm thần tôi là một chuỗi dồn dập những cảm xúc mơ hồ, hoặc là tiếp nhận thụ động và ngơ ngẩn. Nhưng tôi đoán là trong đêm đầu óc tôi được minh mẫn trở lại nhờ thực phẩm đã ăn, và tôi suy nghĩ.

Ba điều tranh nhau chiếm ngự tâm trí tôi: cái chết của vị cha xứ, bọn

Hỏa tinh đang ở đâu, và số phận của vợ tôi. Tôi nhớ lại vị cha xứ mà không có cảm giác hãi hùng hay hối hận nào. Tôi thấy đó chỉ là một chuyện đã làm, một ký ức khó chịu khôn cùng, nhưng hoàn toàn không thấy hối hận. Tôi thấy mình khi đó như đang thấy mình lúc này, trở lại từng bước tới cú đánh vôi vàng ấy, kết quả của một chuỗi ngẫu nhiên không thể tránh khỏi. Tôi không cảm thấy bị lên án, nhưng ký ức ấy, bất biến, bất động, ám ảnh tôi. Trong đêm tĩnh mịch, trong cảm giác Chúa ở gần đây đôi khi len vào sự yên tĩnh và bóng tối, tôi đứng trước phiên tòa xử mình, phiên tòa duy nhất xử tôi, xử khoảnh khắc phần nộ và sợ hãi ấy. Tôi đi ngược từng bước trở lại cuộc đối thoại của chúng tôi, từ lúc tôi thấy ông ta cúi khom bên cạnh, mặc kệ tôi khát nước, và đưa tay chỉ đám lửa khói bốc lên từ Weybridge đổ nát. Chúng tôi đã không thể chung sức, phần số khắc nghiệt không đoái hoài tới điều ấy. Giá biết trước thì tôi đã bỏ ông ở Halliford. Nhưng tôi không biết trước, mà tội ác thì có nghĩa là biết trước song vẫn làm. Tôi kể lại điều này đúng như nó đã xảy ra, như tôi đã kể mọi việc trong chuyện này. Không nhân chứng - tất cả những điều này lẽ ra tôi có thể giấu. Nhưng tôi kể nó ra, và độc giả phải có phán xét của riêng mình.

Rồi thì, sau khi đã cố gắng gạt đi hình ảnh cái xác nằm sóng soài ấy, tôi đối diện với vấn đề người Hỏa tinh và số phận của vợ tôi. Tôi không có dữ kiện gì về người Hỏa tinh mà chỉ có thể tưởng tượng, và tôi cũng có thể khổ sở tưởng tượng trăm thứ về vợ mình. Tối hôm ấy bỗng trở nên khủng khiếp. Tôi thấy mình ngồi trên giường, nhìn đăm đăm bóng tối. Tôi thấy mình đang cầu xin Tia Nhiệt bắn nòng chết một cách bất ngờ và không đau đớn. Từ tối hôm rời Leatherhead đến nay tôi đã không cầu nguyện. Khi đang cùng quần, tôi đã thốt lời cầu xin, những lời cầu xin mê tín, cầu xin như kẻ ngoại đạo lầm lẫn câu thần chú. Nhưng giờ đây tôi thực sự cầu nguyện, chân thành và

tình táo van xin, đối diện với cơn thịnh nộ của Chúa. Một đêm lạ lùng! Lạ nhất là ngay khi bình minh ló dạng, tôi, kẻ đã đối thoại với Chúa, bò ra khỏi nhà như con chuột bỏ chỗ trốn của nó - một sinh vật chẳng lớn lao gì hơn, một con thú hạ đẳng, một thứ có thể bị săn lùng và giết chết chỉ vì các đấng chúa tể của chúng ta chợt nảy ra một ý bốc đồng. Có lẽ chúng cũng tin tưởng cầu xin Chúa. Tất nhiên, nếu chúng ta không học được điều gì khác, thì cuộc chiến này cũng đã dạy cho chúng ta lòng thương xót, thương xót cho những linh hồn khờ dại chịu sự thống trị của chúng ta.

Buổi sáng đẹp rạng rỡ, bầu trời phía Đông rực hồng, gợn những đám mây nhỏ vàng óng. Con đường từ đỉnh Đồi Putney tới Wimbledon đầy những vết tích đáng thương của dòng người hoảng loạn đã đổ về Luân Đôn tối hôm Chủ nhật sau khi cuộc chiến bắt đầu. Một chiếc xe nhỏ hai bánh ghi hàng chữ *Thomas Lobb, Bán rau quả, Thị xã New Malden*, một bánh gãy nát và thùng xe bằng thiếc bỏ phế. Một chiếc mũ rơm bị giẫm dưới bùn bây giờ đã cứng, và trên đỉnh Đồi West có nhiều mảnh kính vỡ máu bên cạnh máng nước lật nhào. Cử động của tôi uể oải, dự tính của tôi mơ hồ. Tôi có ý đi Leatherhead, dù biết rằng khó có may mắn tìm được vợ mình ở đó. Chắc chắn nàng và thân quyến của tôi đã trốn khỏi nơi ấy, trừ phi họ chết đột ngột. Nhưng tôi nghĩ ở đó tôi có thể tìm hiểu hay biết dân trong hạt Surrey đã trốn đi đâu. Tôi biết tôi muốn tìm vợ mình, tôi tha thiết nhớ nàng và thế giới loài người, nhưng tôi không rõ mình có thể tìm bằng cách nào. Bây giờ tôi cũng nhận thấy rất rõ sự cô đơn cực độ của mình. Tôi đi từ góc phố tới ven bãi bãi đất công rộng bao la ở Wimbledon dưới tầng cây cối và bụi rậm um tùm che phủ.

Dải đất đen ấy tươi lên nhờ nhiều mảng cây kim tước vàng và cây đậu chổi, không thấy cỏ dại đỏ. Trong khi tôi lãng vãng, do dự nơi bãi bãi đất trống, mặt trời lên tràn ngập ánh sáng và sức sống trên vạn vật. Tôi chợt thấy

một đàn ếch nhỏ náo nhiệt trong chỗ nước đọng giữa đám cây. Tôi dừng lại nhìn, rút ra bài học từ ý chí quyết sống của chúng. Và ngay khi đó, tôi quay lại thành linh, vì có cảm giác lạ lùng là đang bị theo dõi, và thấy một cái gì nép giữa lùm cây. Tôi đứng nhìn nó chăm chú. Khi tôi tiến tới một bước, nó đứng lên thành một người cầm thanh mã tấu. Tôi từ từ tiến lại. Người đó đứng yên, bất động, nhìn tôi chăm chú.

Tôi tiến lại gần, nhận thấy áo quần anh cũng bụi bặm và bẩn như tôi. Thật vậy, anh ta nhìn như thể đã bị kéo lê trong cống. Tới gần hơn, tôi nhận ra vầng xanh trong gương lẩn với màu nâu nhạt của đất sét khô và những mảng đen bóng như than trên y phục anh. Mái tóc đen của anh phủ qua mắt, mặt anh tối bẩn và hốc hác, vì thế thoạt tiên tôi không nhận ra anh. Phần dưới khuôn mặt anh có một vết rách đỏ.

Anh thốt lên: “Đứng lại!” khi tôi tới gần anh khoảng mười mét. Tôi dừng lại. Giọng anh khàn: “Anh từ đâu tới?”

Tôi vừa suy nghĩ vừa dò xét anh ta.

Tôi nói: “Tôi từ quận Mortlake tới. Tôi bị vùi gần cái hố bọn Hỏa tinh đào chung quanh khối hình trụ của chúng. Tôi trốn ra.”

Anh nói: “Quanh đây không có thức ăn. Vùng này là của tôi. Suốt từ đời này xuống tới sông, ngược tới quận Clapham, và lên tới mép bãi đất công. Chỉ có thức ăn cho một người. Anh đi hướng nào?”

Tôi từ tốn trả lời: “Tôi không biết. Tôi bị vùi mười ba mươi bốn ngày trong một căn nhà đổ. Tôi không biết chuyện gì xảy ra.”

Anh nghi ngờ nhìn tôi, rồi giật mình, vẻ mặt chợt đổi khác.

Tôi nói: “Tôi không muốn dừng lại vùng này. Tôi nghĩ tôi sẽ đi

Leatherhead, vì vợ tôi ở đó.”

Anh bắt chợt chỉ vào tôi. Anh nói: “Đúng là anh, anh ở Woking. Anh không bị giết ở Weybridge à?”

Tôi nhận ra anh cùng lúc đó.

“Anh là người lính pháo binh vào vườn nhà tôi.”

Anh nói: “May quá! Chúng ta là những kẻ may mắn! Hóa ra là anh!” Anh đưa tay ra, và tôi nắm lấy. Anh nói: “Tôi bò theo mương, nhưng tụi nó không giết sạch mọi người. Sau khi tụi nó bỏ đi, tôi thoát tới Walton bên kia cánh đồng. Nhưng... chưa tới mười sáu ngày tổng cộng... mà tóc anh bạc rồi kìa.” Anh thình lình ngoái nhìn ra sau lưng. Anh nói: “Ồ con quạ. Mình phải biết là chim chóc hồi này cũng rình rập. Ở đây hơi trống trải. Mình bò vào bụi cây kia nói chuyện đi.”

Tôi hỏi: “Anh có gặp người Hỏa tinh nào không? Từ khi tôi bò ra...”

Anh nói: “Bọn chúng đã đi qua phía bên kia Luân Đôn. Tôi đoán chúng dựng trại lớn hơn ở đó. Ban đêm, khắp vùng đó, phía Hampstead, trời sáng rực ánh đèn của chúng. Nó giống như một thành phố lớn, anh có thể thấy chúng di chuyển trong ánh chói lòa. Ban ngày anh không thấy. Nhưng gần vùng này... (anh đếm ngón tay) đã năm ngày nay tôi không gặp chúng nữa. Rồi tôi thấy hai tên bên kia quận Hammersmith đem theo một vật lớn.” Anh ngừng lại và trịnh trọng nói: “Tối hôm kia, chỉ thấy tỏa sáng, nhưng nó là một cái gì đó trên không trung. Tôi tin là tụi nó đã lắp một cỗ máy biết bay, và đang học bay.”

Tôi dừng lại, bò lồm cồm, vì chúng tôi đã tới bụi rậm.

“Bay!”

Anh nói: “Ừ, bay.”

Tôi tiếp tục bò vào một lùm cây nhỏ và ngồi xuống.

Tôi nói: “Loài người tận số rồi. Nếu chúng có thể bay thì chúng chỉ việc đi vòng quanh thế giới.”

Anh gật đầu.

“Chúng sẽ đi. Nhưng... ở đây sẽ được thư thả một chút. Và lại...” anh nhìn tôi. “Anh còn chưa vừa lòng rằng loài người đúng là tới số rồi hay sao? Tôi thì có. Mình thua rồi, mình bại trận rồi.”

Tôi nhìn đăm đăm. Tuy có vẻ lạ, nhưng tôi chưa nghĩ tới điều này, một điều hoàn toàn hiển nhiên ngay sau khi anh ta nói ra. Tôi vẫn giữ một hy vọng mơ hồ, đúng ra, tôi vẫn giữ thói suy nghĩ cũ của cả đời mình. Anh lặp lại: “Mình bại trận rồi.” Nghe giọng anh tin tưởng tuyệt đối.

Anh nói: “Hết rồi. Chúng chết một tên... chỉ một tên. Chúng đã đứng vững và làm què quặt cường quốc lớn nhất thế giới. Chúng đã đập lên chúng ta. Một tên chết ở Weybridge chỉ là do tình cờ. Và bọn này chỉ là toán mở đường. Chúng cứ tiếp tục tới nữa. Mấy ngôi sao xanh này... năm sáu ngày qua tôi không thấy nữa, nhưng tôi chắc chắn chúng vẫn rơi xuống đâu đó mỗi đêm. Chẳng còn làm gì được nữa. Mình thua rồi! Mình bại trận rồi!”

Tôi không trả lời anh. Tôi ngồi nhìn đăm đăm trước mặt, cố tìm một ý ngược lại nhưng vô ích.

Người lính pháo binh nói: “Đây không phải là chiến tranh. Chưa bao giờ là chiến tranh, nó chẳng khác gì chiến tranh giữa người và kiến.”

Tôi chợt nhớ lại cái đêm trên đài thiên văn.

“Sau phát thứ mười chúng không bắn thêm nữa... ít nhất từ lúc đó cho tới khi khối hình trụ đầu tiên rơi xuống.”

Người lính pháo binh nói: “Làm sao anh biết?” Tôi giải thích. Anh ngẫm nghĩ rồi nói: “Súng chắc bị trục trặc. Nhưng dù vậy thì sao? Chúng sẽ sửa lại. Và dù cho có trì hoãn đi nữa thì kết cuộc cũng chẳng làm sao thay đổi được? Chỉ là người và kiến. Đàn kiến xây tổ, sống cuộc sống của chúng, gây chiến tranh, làm cách mạng, cho tới khi loài người muốn dẹp chúng, thế là chúng bị dẹp. Bây giờ mình cũng như thế... chỉ là đàn kiến. Chỉ...”

Tôi nói: “Ừ.”

“Mình là những con kiến ăn được.”

Chúng tôi ngồi nhìn nhau.

Tôi hỏi: “Bọn chúng sẽ làm gì mình?”

Anh nói: “Tôi đã suy nghĩ chuyện đó, tôi đã suy nghĩ chuyện đó. Sau Weybridge, tôi đi về phía Nam, vừa đi vừa ngẫm nghĩ. Tôi nhìn thấy việc sắp tới. Hầu hết mọi người cứ kêu ré và náo động. Nhưng tôi không thích kêu ré. Tôi đã đối diện với cái chết một hai lần, tôi đâu có phải là lính kiểng, và dù sao đi nữa, chết... chỉ là chết. Người nào tiếp tục suy nghĩ thì sẽ vượt qua. Tôi thấy mọi người bỏ hướng Nam. Tôi nói: ‘Thức ăn ở phía này chẳng bao lâu sẽ hết,’ và tôi lập tức quay ngược lại. Tôi tìm tới bọn Hỏa tinh như chim sẻ tìm tới người. Khắp nơi,” anh vung tay tới đường chân trời, “người ta chết đói cả đồng, chạy trốn, đập lên nhau...”

Anh nhìn thấy mặt tôi, liền lúng túng ngưng lại.

Anh nói: “Chắc hẳn bọn có tiền đã bỏ qua Pháp.” Anh có vẻ ngập ngừng muốn xin lỗi, bắt gặp mắt tôi, anh nói tiếp: “Khắp quanh đây có thức

ăn. Đồ hộp trong các cửa hiệu; rượu vang, rượu mạnh, nước khoáng; ống dẫn nước và mương máng đều cạn. Ôi dào, tôi nói cho anh biết tôi đang nghĩ gì đây. Tôi nói: Đây là bọn có trí khôn, và có vẻ chúng muốn dùng chúng ta làm thực phẩm. Đầu tiên chúng sẽ đập nát chúng ta - tàu bè, máy móc, súng đạn, thành phố, mọi thứ có trật tự và có tổ chức. Tất cả mấy thứ đó sẽ mất hết. Nếu chúng ta bằng cỡ loài kiến, chúng ta sẽ có thể vượt qua. Nhưng chúng ta không phải là kiến. Tất cả đều quá kèn càng không ngừng lại được. Đó là điều chắc chắn đầu tiên. Phải không?”

Tôi tán thành.

“Đúng vậy, tôi đã nghĩ kỹ rồi. Rồi nhé, điều kế tiếp đây: bây giờ chúng nó bắt chúng ta khi nào chúng nó cần. Một tên Hỏa tinh chỉ cần đi vài dặm là gặp một đám đông chạy trốn. Một hôm tôi thấy một tên ở gần Wandsworth đang gỡ mấy căn nhà thành từng mảnh rồi lục lọi đồng đồ nát. Nhưng chúng sẽ không tiếp tục làm như vậy nữa đâu. Ngay khi chúng thanh toán xong tất cả súng đạn và tàu bè, phá vỡ đường ray của chúng ta, và làm xong mọi việc chúng đang làm đằng đó, chúng sẽ khởi sự bắt chúng ta một cách có hệ thống, nhặt những kẻ ngon nhất đem cất trong chuồng trong cũi. Chúng sắp khởi sự làm như thế. Chúa ơi! Chúng chưa khởi sự với mình. Anh không thấy như thế sao?”

Tôi thốt lên: “Chưa khởi sự!”

“Chưa khởi sự. Mọi chuyện xảy ra cho tới lúc này là vì chúng ta không hiểu là mình phải giữ im lặng - dùng súng và các thứ vớ vẩn chỉ tổ quấy rầy chúng thôi. Và chúng ta mất trí, bỏ chạy hàng đoàn tới chỗ chẳng an toàn gì hơn chỗ mình đang ở. Chúng chưa muốn quấy nhiễu chúng ta. Chúng đang làm những việc của chúng - chế tạo tất cả những thứ chúng không thể mang

theo, chuẩn bị cho bọn dân của chúng sắp đến. Rất có thể đó là lý do các khối hình trụ đã tạm dừng lại, vì sợ rơi trúng mấy tên ở đây. Và thay vì mù quáng chạy quanh quẩn, la hét, hay dùng mìn để may ra nổ tung chúng lên, lẽ ra chúng ta phải tự chấn chỉnh mình theo tình hình mới. Tôi nhận thấy như thế. Đừng làm theo ý mình muốn cho giống loài mình, mà phải theo điều kiện thực tế. Và tôi hành động theo nguyên tắc đó. Thành phố, quốc gia, văn minh, tiến bộ... tất cả đã chấm dứt. Trò chơi đã kết thúc. Chúng ta bại trận.”

“Nhưng nếu đúng như vậy thì sống làm gì?”

Người lính pháo binh nhìn tôi một lát.

“Trong một triệu năm nữa sẽ không có buổi hòa nhạc hay ho nào nữa, không có Viện hàn lâm Nghệ thuật Hoàng gia nào nữa, không có bữa ăn ngon nhỏ nhẻ nào trong nhà hàng nữa. Nếu anh muốn giải trí thì tôi đoán là trò chơi đã kết thúc. Nếu anh còn chút thói kiêu cách lịch sự trong phòng khách, hay không thích ăn đậu bằng dao, hay không chịu bỏ âm H⁽¹²⁾ thì anh nên vứt nó đi. Nó hết xài rồi.”

“Anh muốn nói là...”

“Tôi muốn nói là những người như tôi sẽ tiếp tục sống... vì lợi ích của giống loài. Tôi cho anh biết, tôi quyết tâm sống. Và nếu tôi không lầm thì anh cũng sẽ bày tỏ ruột gan anh ra, không lâu nữa đâu. Chúng ta sẽ không bị tận diệt. Và tôi cũng không muốn bị bắt, bị thuần hóa, vỗ béo và cho ăn như con bò mộng. Hừm! Mời anh xơi dây leo ủa này!”

“Anh không định nói là...”

“Tôi định nói đúng như thế. Tôi sẽ tiếp tục sống, dưới chân chúng. Tôi đã có kế hoạch, tôi đã nghĩ cặn kẽ. Loài người chúng ta bại trận. Chúng ta

biết không đủ. Chúng ta phải học thì mới có thể tìm ra cơ hội. Và chúng ta phải sống và tự chủ trong khi chúng ta học. Thấy chưa! Phải làm như thế.”

Tôi nhìn đắm đắm, sững sốt, và hết sức phấn hứng trước quyết tâm của người đàn ông này.

Tôi thốt lên: “Chúa ơi! Anh đúng là một người đáng nể!” Và tôi thành linh nắm chặt tay anh.

Anh nói, với cặp mắt sáng ngời: “Ê! Tôi nghĩ cặn kẽ chứ hả?”

Tôi nói: “Cứ nói tiếp đi.”

“Ôi dào, kẻ nào không muốn bị chúng bắt phải chuẩn bị sẵn. Tôi đang chuẩn bị. Anh nên nhớ, không phải tất cả chúng ta sinh ra đều có khả năng làm loài thú hoang, sự tình là phải thế. Đó là lý do tôi đã theo dõi anh. Tôi hoài nghi. Anh mảnh khảnh. Anh thấy đấy, tôi đã không nhận ra anh, cũng không biết anh đã bị chôn vùi ra sao. Tất cả bọn này - loại người sống trong các căn nhà này, và tất cả bọn thư ký lắt nhắt khốn khiếp hồi trước sống dưới đó - họ đều không khá. Họ không cương nghị, không có những giấc mơ đáng tự hào, không có thèm khát nào đáng mặt. Mà một kẻ không mơ hay không ham muốn thì - Chúa ơi! Thì hẳn là cái gì ngoài một kẻ hèn nhát và rụt rè? Họ quen chạy tán loạn tới sở làm, tôi đã thấy hàng trăm đứa như vậy, cầm thức ăn sáng trên tay, chạy như điên như dại để bắt kịp chuyến xe lửa mua vé tháng, vì sợ bị mất việc nếu đến trễ; họ làm việc ở những doanh nghiệp mà họ sợ không dám cất công tìm hiểu; họ chạy tán loạn về nhà vì sợ không kịp bữa ăn; họ ru rú trong nhà sau khi ăn vì sợ ngộ hèm; và họ ngủ với các bà vợ họ đã cưới, chẳng phải vì họ muốn, mà vì các bà có chút tiền phòng thân trong cuộc chạy loạn khốn khổ bần xỉn trên thế gian. Mạng sống được bảo hiểm và đầu tư chút đỉnh vì sợ tai nạn. Và đến ngày Chủ nhật thì sợ đời sau. Như thế

địa ngục được xây cho loài thú!Ồ, tội Hỏa tinh đúng là ơn trời đối với bọn này. Những cái chuồng đẹp rộng rãi, thức ăn béo, nuôi cẩn thận, khỏi lo nghĩ. Sau chừng một tuần đói bụng chạy đuổi quanh quẩn các cánh đồng, bọn họ sẽ tới và vui vẻ chịu bị bắt. Sau đó họ sẽ rất mừng. Họ sẽ tự hỏi trước khi có tội Hỏa tinh tới chăm sóc thì người ta đã làm gì. Và bọn la cà quán rượu, bọn tán gái, bọn ca sĩ - tôi có thể hình dung bọn họ. Tôi có thể hình dung bọn họ,” anh nói với vẻ hài lòng ử rử. “Tình cảm và tôn giáo trong họ sẽ đầy ắp lan tràn. Tôi đã thấy tận mắt hàng trăm điều, nhưng tôi chỉ mới bắt đầu hiểu rõ trong vài ngày qua. Có kẻ sẽ chấp nhận sự việc như vốn dĩ thế - mập và ngu. Có kẻ sẽ lo vì mơ hồ cảm thấy tất cả đều sai trái, và thấy họ nên làm một điều gì. Mà mỗi khi sự việc tới mức mà nhiều người cảm thấy họ nên làm một điều gì, thì kẻ yếu, và những kẻ sẽ yếu đi vì nghĩ đủ thứ phức tạp, sẽ chọn lấy thứ tôn giáo cam chịu, rất ngoan đạo và hờm hĩnh, quy phục sự ngược đãi và ý Chúa. Rất có thể anh đã thấy điều tương tự. Đó là sinh lực của một lũ hèn nhát, trống rỗng từ trong ra ngoài. Mấy cái cũi này sẽ đầy thánh thi, thánh ca và lòng mộ đạo. Và kẻ nào thuộc loại ít đơn giản hơn sẽ nhét vào thêm một chút... gọi là gì nhỉ?... sắc dục.”

Anh ngừng.

“Rất có thể tội Hỏa tinh này sẽ biến một số đứa trong bọn họ thành thú cưng, dạy cho họ vài trò tiểu xảo... ai mà biết?... Tội Hỏa tinh có thể sẽ đâm ra ủy mị vì thằng bé cưng lớn lên phải bị làm thịt. Và có thể chúng sẽ dạy vài đứa cách đi săn chúng ta.”

Tôi thốt lên: “Không, không thể! Không người nào...”

Người lính pháo binh nói: “Cứ tự lừa dối như thế thì hay ho gì? Có nhiều kẻ sẽ vui lòng làm. Giả tảng như không có thì thật vớ vẩn.”

Và tôi chịu thua lý lẽ của anh.

Anh nói: “Nếu chúng truy lùng tôi, Chúa ơi, nếu chúng truy lùng tôi!” rồi chìm vào trạng thái trầm tư dữ tợn.

Tôi ngồi ngẫm nghĩ những điều ấy. Tôi không tìm được điều gì để phản bác lập luận của người này. Trước khi có cuộc xâm lăng, không ai nghi ngờ rằng tri thức tôi vượt trội anh ta - tôi, một tác giả đã có chỗ đứng và thành danh trong các đề tài triết học, còn anh ta, một anh lính quen; nhưng anh đã trình bày mạch lạc một tình huống mà tôi không nhận thấy.

Tôi nói ngay: “Anh định làm gì? Anh đã có kế hoạch gì?”

Anh lưỡng lự.

Anh nói: “Ồ, như thế này. Mình phải làm gì? Mình phải tạo ra một kiểu sống mà theo đó con người có thể sống và sinh sản, và đủ an toàn để nuôi bọn trẻ lớn lên. Ừ, khoan đã, tôi sẽ nói rõ hơn điều tôi nghĩ là nên làm. Những kẻ thuần phục sẽ như mọi con thú thuần phục khác, trong vài thế hệ chúng sẽ to, đẹp, máu ngậy, ngu ngốc... loại rác rưởi! Điều nguy hiểm là những kẻ sống hoang như chúng ta sẽ hóa ra dã man, thoái hóa thành một loại chuột lớn man rợ... Anh hiểu chứ, tôi đã dự định phải sống dưới mặt đất. Tôi đã nghĩ tới đường cống. Dĩ nhiên ai không biết về cống sẽ thấy ghê tởm; nhưng bên dưới Luân Đôn này có hàng dặm hàng dặm, hàng trăm dặm cống, rồi sau vài ngày mưa và Luân Đôn không còn người thì cống sẽ dễ chịu và sạch. Các cống chính đủ lớn và đủ thoáng cho bất cứ ai. Rồi có các hầm, vòm, nhà kho, từ đó có thể đào các hành lang dẫn thẳng tới cống. Còn các đường hầm xe lửa và đường xe điện ngầm nữa. Sao? Anh bắt đầu thấy chưa? Và chúng ta sẽ lập một băng... những kẻ khỏe mạnh, đầu óc minh mẫn. Chúng ta sẽ không nhận bất cứ thứ rác rưởi nào trôi dạt tới. Bọn yếu đuối phải cút đi.”

“Như anh đã nghĩ tôi phải cút đi?”

“Ôi dào... tôi đã thương lượng, đúng không?”

“Mình sẽ không cãi nhau chuyện đó làm gì. Nói tiếp đi.”

“Những kẻ không chịu vâng lời nữa. Những phụ nữ khỏe mạnh, minh mẫn, chúng ta cũng cần có họ - các bà mẹ, các giáo viên. Đẹp mấy bà ẻo lả đi - đẹp mấy con mắt trợn đáng ghét đi. Chúng ta không thể có kẻ yếu đuối hay ngớ ngẩn. Một lần nữa ta trở lại với đời thật, và bọn vô dụng, bọn vụng về, ranh mãnh phải chết. Họ nên chết. Họ nên muốn chết. Xét cho cùng, sống mà làm hoen ố giống loài thì cũng là một thứ phản bội. Và họ không thể hạnh phúc. Vả lại, chết chẳng đáng sợ lắm; tính hèn nhát làm cho nó thành dễ sợ. Và chúng ta sẽ tụ họp trong tất cả các nơi ấy. Địa hạt của chúng ta sẽ là Luân Đôn. Và chúng ta thậm chí có thể canh gác, rồi la cà ra ngoài trời khi tị Hỏa tinh ở xa. Có lẽ chơi bóng chày. Chúng ta sẽ cứu giống loài bằng cách đó. Hả? Có thể làm được chứ? Nhưng, cứu giống loài, tự nó cũng chẳng là gì. Như tôi nói, cũng chỉ mới là chuột bọ. Giữ gìn và gia tăng kiến thức của mình mới đáng kể. Những người như anh góp vào đó. Có sách vở, có kiểu mẫu. Chúng ta phải làm những chỗ rộng rãi an toàn dưới sâu, và cố đem hết sách về, không phải tiểu thuyết và thơ thần, mà là sách tư tưởng, khoa học. Những người như anh góp vào đó. Chúng ta phải tới Viện bảo tàng Anh lấy hết các sách đó. Nhất là chúng ta phải phát triển nền khoa học của mình - học thêm. Chúng ta phải quan sát bọn Hỏa tinh này. Một số người trong chúng ta phải làm gián điệp. Khi tất cả đều vào đấy, có lẽ tôi sẽ làm. Tôi muốn nói là để chúng bắt. Và điều quan trọng là chúng ta phải để yên tị Hỏa tinh. Thậm chí không được lấy cắp. Nếu làm vướng lỗi của chúng, chúng ta sẽ tránh ra nơi khác. Phải cho chúng thấy chúng ta không có ý định phá hại. Vâng, tôi biết. Nhưng chúng là bọn thông minh, chúng sẽ không săn đuổi chúng ta nếu đã có

được mọi thứ chúng muốn, và nghĩ chúng ta chỉ là loài sâu bọ vô hại.”

Người lính pháo binh ngập ngừng, đặt bàn tay sạm lên cánh tay tôi.

“Và lại, có thể chúng ta sẽ không phải học nhiều lắm đâu tới khi... Cứ tưởng tượng thế này: bốn hay năm cỗ máy chiến đấu của chúng bất thần khai hỏa, Tia Nhiệt bắn tứ tung mà không có một đũa Hỏa tinh nào bên trong. Không một đũa Hỏa tinh nào bên trong, mà là người, người đã học được cách sử dụng nó. Thậm chí có thể khi tôi còn sống... những người đó. Tưởng tượng xem, trong tay mình có cái món thú vị đó, Tia Nhiệt, thoải mái ê hề! Tưởng tượng xem, được sử dụng nó! Nếu sau một cú ngoạn mục như thế cuối cùng anh nát như cám, thì đã sao? Tôi chắc bọn Hỏa tinh sẽ mở cặp mắt đẹp của chúng ra! Ôi chao, anh không thấy à? Anh không thấy tụi nó vội vàng, vội vàng, hỗn hà hỗn hển, rú lên gọi cái máy khác của chúng à? Máy nào cũng trục trặc. Rồi xoẹt, dùng, tách tách, xoẹt! Khi chúng còn đang mò mẫm, Tia Nhiệt xoẹt, và kìa! Loài người đã chiếm lại vị trí của mình.”

Trí tưởng tượng táo bạo của người lính pháo binh cùng giọng cả quyết và sự can đảm của anh hoàn toàn chế ngự tâm trí tôi một hồi lâu. Không do dự, tôi tin tiên đoán về số phận loài người lẫn tính khả thi trong mưu đồ kinh dị của anh. Độc giả nào nghĩ tôi dễ tin và khờ dại thì phải đối chiếu vị thế của anh, kẻ bình tĩnh bày tỏ hết suy nghĩ của mình về vấn đề ấy, với vị thế của tôi, kẻ đang sợ hãi núp trong bụi rậm mà lắng nghe, rồi bởi vì cố hiểu. Chúng tôi nói chuyện trong tâm trạng ấy suốt buổi sáng sớm, sau đó bò ra khỏi bụi rậm, lướt nhìn bầu trời tìm người Hỏa tinh, rồi vội vàng vào căn nhà trên Đồi Putney nơi anh ta làm ố. Nơi đó là hầm chứa than trong nhà, và khi tôi thấy công trình mà anh đã làm mất một tuần - nó là cái hang dài chưa tới mười mét mà anh đã nhắm đào tới đường cống chính trên Đồi Putney - tôi có ý niệm mơ hồ đầu tiên về khoảng cách xa vời giữa điều anh ước mơ so với sức

lực của anh. Một lỗ như thế tôi có thể đào trong một ngày. Nhưng tôi tin anh, đủ để cùng đào với anh suốt buổi sáng cho tới quá trưa. Chúng tôi có chiếc xe cút kít làm vườn và đổ chỗ đất đã đào lên bếp lò. Chúng tôi lấy lại sức bằng lon xúp giả ba ba và rượu vang trong buồng chứa thực phẩm bên cạnh. Nhờ việc lao động đều đặn này tôi cảm thấy khuây khỏa lạ lùng, quên đi sự kỳ dị nhức nhối của thế giới bên ngoài. Trong lúc đào, tôi nghiền ngẫm kế hoạch của anh, và lập tức những ý phản đối và hoài nghi bắt đầu trỗi dậy, nhưng tôi làm việc ở đó suốt buổi sáng, mừng rỡ thấy mình lại sống có mục đích. Sau khi làm việc một giờ, tôi bắt đầu ước tính khoảng cách phải đào tới đường cống, và khả năng chúng tôi hoàn toàn lệch hướng. Băn khoăn trước mắt của tôi là tại sao chúng tôi đào cái đường hầm dài này, trong khi có thể từ một miệng cống chui ngay xuống, rồi tìm đường ngược về nhà. Tôi cũng cảm thấy chọn căn nhà này là bất tiện, vì sẽ cần một đường hầm dài không cần thiết. Đúng lúc tôi bắt đầu nhìn ra những điều này, người lính pháo binh ngừng đào nhìn tôi.

Anh đặt cái xẻng xuống và nói: “Mình đào khá đó. Mình nghỉ một lát. Tôi nghĩ đã tới lúc mình lên mái nhà do thám.”

Tôi đề nghị tiếp tục đào, và sau một chút do dự anh lại cầm xẻng lên, khi ấy tôi chợt có một ý nghĩ. Tôi dừng lại, và anh cũng lập tức dừng.

Tôi hỏi: “Tại sao anh la cà quanh bãi đất công, thay vì ở đây?”

Anh nói: “Ra ngoài thở rồi quay về. Ban đêm an toàn hơn.”

“Nhưng còn chuyện đào hầm?”

Anh nói: “Ồ, đâu có đào mãi được,” và trong chớp mắt tôi thấy rõ người đàn ông này. Anh ta ngấp ngừng cầm xẻng. Anh nói: “Bây giờ mình nên đi do thám, vì nếu ai tới gần thì họ có thể nghe tiếng xẻng rồi tạt vào mà mình

không biết.”

Tôi không muốn phản đối nữa. Chúng tôi cùng lên nóc nhà và đứng trên thang nhìn trộm qua cánh cửa trên mái. Không thấy người Hỏa tinh nào, chúng tôi mạo hiểm ra mái ngói, rồi trượt xuống dưới mái lan can.

Ở vị trí này, một lùm cây che khuất phần lớn Putney, nhưng chúng tôi có thể thấy dòng sông bên dưới, một mảng cỏ dại đỏ um tùm, và các bãi đất thấp ở Lambeth bị lụt đỏ au. Cây leo đỏ quấn kín cây cối chung quanh tòa lâu đài cũ, các cành cây đã chết vươn ra cản cối, lá nhẵn nhéo giữa đám dây leo. Thật lạ, hai thứ này hoàn toàn nhờ nước trôi để sinh sản. Chung quanh chúng tôi cả hai đều không bắt rễ; bụi kim tước, cây táo gai hồng, bụi kim ngân, cây trắc bá vươn khỏi bụi nguyệt quế và bụi tú cầu, xanh rực rỡ dưới nắng. Quá khỏi Kensington, khói đen đặc bốc lên cùng với sương mù xanh lơ che khuất các ngọn đồi phía Bắc.

Anh lính pháo binh bắt đầu kể cho tôi về loại người còn ở lại Luân Đôn.

Anh nói: “Một tối tuần trước có mấy đứa ngốc sửa lại đèn điện, khắp cả Đường Regent và bùng binh Piccadilly sáng rực, đông nghẹt bọn say sưa rách rưới bôi son trét phấn, đàn ông đàn bà, nhảy múa và la hét tới hừng đông. Một gã có mặt ở đó kể cho tôi nghe. Khi trời sáng họ bỗng thấy một cỗ máy chiến đấu đứng gần khách sạn Langham nhìn xuống họ. Trời mà biết nó ở đó từ hồi nào. Vụ đó chắc đã làm cho một số đứa hoảng vía. Nó xuống đường, đi tới phía họ rồi bốc lên gần một trăm đứa say quá hay sợ quá không chạy nổi.”

Một chớp hình gớm ghiếc về cái thời lịch sử về sau này sẽ chẳng hình dung đủ!

Sau đó, để trả lời những câu hỏi của tôi, anh lại trở về với các kế hoạch vĩ đại của mình. Anh trở nên hăng hái. Anh nói về khả năng chiếm được một

máy chiến đấu, hùng biện tới nỗi tôi lại gần như tin anh. Nhưng bây giờ tôi bắt đầu hiểu đôi điều về cá tính anh, tôi đoán anh nôn nóng không chịu ngồi yên suy nghĩ chín chắn. Và bây giờ tôi nhận thấy chắc chắn đích thân anh sẽ đoạt lấy cổ máy lớn đó để chiến đấu.

Lát sau chúng tôi xuống hầm. Cả hai chúng tôi hình như đều không muốn tiếp tục đào nữa, và khi anh đề nghị ăn, tôi hoàn toàn không ngần ngại. Anh bỗng trở nên rất hào phóng, và sau khi chúng tôi ăn xong anh đi lấy mấy điếu xì gà hảo hạng. Chúng tôi châm thuốc, anh đâm ra lạc quan hơn. Anh có vẻ xem việc tôi đến như một sự kiện lớn.

Anh nói: “Trong hầm có rượu sâm banh.”

Tôi nói: “Uống rượu vang vùng Thames này thì mình có thể đào khá hơn.”

Anh nói: “Không, hôm nay tôi đã. Sâm banh! Chúa ơi! Mình còn phải vất vả nhiều! Hãy cứ nghỉ ngơi và phục hồi sức khỏe khi có dịp. Tay phòng lên hết rồi kìa!”

Và để thỏa mãn ý định nghỉ ngơi thoải mái này, anh đòi chơi bài sau khi ăn xong. Anh dạy tôi chơi bài euchre, và sau khi chia đôi Luân Đôn, tôi lấy các xấp mạt Bắc còn anh lấy mạt Nam, chúng tôi dùng xấp để tính điểm ăn thua. Độc giả tinh táo có thể xem đây là lỗ bịch và ngớ ngẩn, nhận xét đó hoàn toàn đúng, và đáng kể hơn nữa là tôi thấy ván bài và vài trò chơi khác của chúng tôi rất thú vị.

Đầu óc con người thật lạ! Trong khi giống loài chúng ta có thể sắp tuyệt chủng hay thoái hóa đáng sợ, trước mắt không có triển vọng rõ rệt nào ngoài cái chết ghê rợn, chúng tôi lại có thể ngồi theo đuổi may rủi với lá bài màu mè này, và hào hứng chơi “lá bài chủ”. Sau đó anh dạy tôi chơi phé, rồi tôi

thăng anh ba ván cờ vua gay go. Khi đêm xuống chúng tôi quyết định liêu thả đèn.

Sau một loạt trò chơi bất tận, chúng tôi ăn tối, và người lính pháo binh uống hết chai sâm banh. Chúng tôi tiếp tục hút xì gà. Anh không còn là kẻ sôi nổi muốn tái sinh giống loài mà tôi đã gặp hồi sáng nữa. Anh vẫn lạc quan, nhưng là sự lạc quan ít sôi động hơn, trầm ngâm hơn. Tôi nhớ anh kết thúc bài diễn văn rất lung củng về nhiều thứ lặt vặt bằng lời chúc sức khỏe tôi. Tôi lấy một điếu xì gà, lên lầu nhìn ánh đèn xanh rực mà anh đã nói tới trên các ngọn đồi ở Highgate.

Thoạt tiên tôi dờ dẫm nhìn đăm đăm qua lưu vực Luân Đôn. Các ngọn đồi phía Bắc chìm trong bóng tối. Lửa cháy gần Kensington rực đỏ, thỉnh thoảng một lưỡi lửa đỏ cam chói lóe lên rồi tắt trong bóng đêm xanh thẫm. Mọi nơi khác trong Luân Đôn tối đen. Rồi ở gần hơn, tôi thấy một ánh lạ, một ánh huỳnh quang tím nhạt run rẩy trong ngọn gió đêm thoang thoang. Một lúc lâu tôi không biết nó là gì, rồi tôi hiểu ánh mờ nhạt này hẳn là do có đại đồ phản chiếu. Với nhận thức đó, óc tò mò đang im ngủ của tôi, ý thức của tôi về tầm vóc sự việc, lại thức dậy. Tôi liếc từ ánh mờ ấy lên Hỏa tinh, đỏ và sáng, lấp lánh cao trên hướng Tây, rồi tha thiết nhìn mãi bóng tối ở Hampstead và Highgate.

Tôi nán lại rất lâu trên mái nhà, ngạc nhiên về những biến đổi lố bịch trong ngày. Tôi nhớ lại các trạng thái tâm thần của mình, từ lời cầu xin lúc nửa đêm tới lúc ngớ ngẩn chơi bài. Tôi đột ngột thay đổi cảm nghĩ một cách dữ tợn. Tôi nhớ mình vứt bỏ điếu xì gà như một biểu tượng cho sự hoang phí. Thói xuân ngốc của tôi thật không bút nào tả nổi. Tôi như kẻ phản bội vợ mình và đồng loại. Tôi tràn ngập ăn năn. Tôi cương quyết rời bỏ cái gã mơ mộng những điều to tát nhưng thiếu kỷ luật lạ lùng này, bỏ gã lại với rượu và

thối háu ăn của gã, và tiếp tục lên đường về Luân Đôn. Tôi đoán ở đó có cơ hội tốt nhất để tìm biết bọn Hỏa tinh và đồng bào tôi đang làm gì. Khi trăng muộn đã lên cao, tôi vẫn còn ở trên mái nhà.

Chương 8

Luân Đôn chết chóc

Sau khi rời bỏ người lính pháo binh, tôi xuống đồi, theo Phố Chính để băng qua cầu tới quận Fulham. Cỏ dại đỏ lúc đó mọc hỗn độn khiến đường qua cầu gần như tắc nghẽn, nhưng lá cỏ đã trắng bột từng mảng vì căn bệnh lan tràn lập tức diệt trừ chúng rất nhanh.

Ở góc hẻm tới nhà ga cầu Putney tôi gặp một ông đang nằm. Ông ta đen như anh thợ thông ống khói bám bụi đen, còn sống, nhưng quá say không nói nổi. Tôi không hỏi ông được gì mà chỉ nhận được vào mặt lời nguyện rửa và những cái xua đuổi thịnh nộ. Tôi nghĩ mình chắc đã ở lại bên ông nếu như vẻ mặt ông đừng hung ác thế.

Trên đường từ cầu trở đi có bụi đen, và ở Fulham bụi càng dày hơn. Phố xá im lặng khủng khiếp. Tôi tìm được thức ăn trong một tiệm bánh mì ở đây - chua, cứng, mốc, nhưng ăn tạm được. Giữa đường tới Công viên Walham, phố xá trở nên sạch bụi, tôi đi ngang một dãy nhà trắng đang cháy; tiếng lửa cháy mang lại cảm giác vô cùng nhẹ nhõm. Đi tiếp tới Brompton, phố xá lại yên tĩnh.

Ở đây tôi lại gặp bụi đen trên đường và trên xác chết. Tôi gặp tổng cộng hơn một chục xác trên suốt dọc Đường Fulham. Họ chết đã nhiều ngày, vì thế tôi vội vàng đi qua. Bụi đen phủ kín họ, làm mềm mại bột hình dáng họ. Một

hai xác đã bị đàn chó quấy rầy.

Nơi nào không có bụi đen thì giống như thủ đô ngày Chủ nhật đến lạ lùng, hàng quán đóng, nhà nhà khóa cửa kéo màn, hoang vắng và tĩnh mịch. Một số nơi đã bị cướp, nhưng thường là ở các cửa hàng thực phẩm và rượu vang. Cửa kính một tiệm kim hoàn bị vỡ toang ở một chỗ, nhưng rõ ràng kẻ trộm đã bị chặn lại, vài sợi dây chuyền vàng và một chiếc đồng hồ nằm vương vãi trên vỉa hè. Tôi không buồn đụng tới chúng. Xa hơn, một phụ nữ rách rưới nằm một đống nơi bậc cửa, bàn tay bị đứt sâu lơ lửng trên đầu gối, nhỏ máu xuống chiếc váy nâu hoen đỏ của bà, và một chai sâm banh lớn bị vỡ làm thành vũng loang trên vỉa hè. Bà ta có vẻ như đang ngủ, nhưng bà đã chết.

Càng đi sâu vào Luân Đôn, sự tĩnh mịch càng thăm thẳm. Nhưng nó không hẳn là sự tĩnh mịch của chết chóc, mà là sự tĩnh mịch của chờ đợi, của mong chờ. Vùng Tây Bắc ven thủ đô đã bị cháy sém, Ealing và Kilburn đã bị tiêu hủy, bất cứ lúc nào kẻ tàn phá các vùng ấy cũng có thể giáng đòn xuống khu nhà này rồi để cho nó cháy thành những đống hoang tàn. Một thành phố bị kết án và vô chủ...

Ở South Kensington đường phố không có xác chết hay bụi đen. Chỉ khi tới gần South Kensington lần đầu tiên tôi mới nghe tiếng tru. Nó khiến tôi sởn gáy khôn tả. Nó là tiếng nước nổ trầm bổng hai nốt “Ulla, ulla, ulla, ulla” kéo dài vô tận. Khi tôi đi qua khu phố chạy về hướng Bắc, tiếng nước nổ nghe lớn hơn, song các căn nhà và dinh thự dường như lại làm nó dịu đi và ngắt tiếng. Nó trở nên lớn tột bậc ở cuối Đường Exhibition. Tôi dừng lại, nhìn chăm chú về phía Công viên Kensington, ngạc nhiên vì tiếng than khóc xa xôi, lạ lùng này. Dường như cảnh hoang vắng ghê hồn của khu nhà đã tìm thấy tiếng nói cho nỗi sợ hãi và cô đơn của nó.

“Ulla, ulla, ulla, ulla,” điệu siêu nhiên ấy rền rĩ - âm thanh đổ từng đợt sóng lớn xuống lòng đường rộng ngập nắng giữa các cao ốc hai bên. Tôi kinh ngạc quay về hướng Bắc tới cổng sắt của Công viên Hyde. Tôi do dự muốn đột nhập vào Viện bảo tàng Lịch sử Thiên nhiên, rồi tìm cách lên đỉnh tháp để nhìn qua công viên. Nhưng tôi quyết định ở dưới đất, nơi có thể ẩn nấp nhanh, vì thế tôi tiếp tục đi trên Đường Exhibition. Tất cả dinh thự lớn hai bên đường trống trơn và yên tĩnh, tiếng chân tôi vang dội trên vách các tòa nhà. Ở đầu đường, gần cổng công viên, tôi chợt thấy một cảnh lạ - một chiếc xe khách lật ngược, và một bộ xương ngựa bị rửa sạch. Tôi bàng hoàng trước cảnh này một lúc, rồi tiếp tục đi tới chiếc cầu trên hồ Serpentine. Tiếng khóc càng lúc càng lớn, tuy tôi không thấy gì trên các nóc nhà ở mạn Bắc công viên, trừ một làn khói mờ phía Tây Bắc.

“Ulla, ulla, ulla, ulla,” tiếng khóc hình như đến từ khu vực quanh Công viên Regent. Tiếng khóc sâu não len lỏi vào tâm trí tôi. Tâm trạng giữ tôi đứng vững đã tan biến. Tiếng than van chế ngự tôi. Tôi thấy cực kỳ mệt mỏi, đau chân, và lại đói khát.

Trời đã quá trưa. Tại sao tôi lang thang một mình trong thành phố chết chóc này? Tại sao tôi đơn độc khi cả Luân Đôn đang yên nghỉ, dưới tấm vải liệm đen của nó? Tôi cảm thấy cô đơn không thể chịu nổi. Tâm trí liên tục nhớ tới các bạn cũ mà tôi đã quên từ lâu. Tôi nghĩ đến thuốc độc trong các hiệu dược phẩm, đến rượu trong kho của người bán rượu. Tôi nhớ lại hai sinh vật đờ đẫn tuyệt vọng, mà tôi biết cho tới lúc này đang chia sẻ thành phố này với tôi...

Tôi đến phố Oxford qua đài kỷ niệm Marble Arch. Nơi đây lại có bụi đen và vài xác chết, mùi hôi ghê khiếp bốc ra từ song sắt tầng hầm của vài căn nhà nào đó. Tôi rất khát vì nóng sau chuyến đi bộ dài. Khó khăn khôn

xiết, tôi cố phá cửa vào một tiệm rượu để lấy thức ăn và đồ uống. Một hôm sau khi ăn xong, tôi liền đi vào căn phòng phía sau quầy, nằm ngủ trên chiếc ghế xô pha lông ngựa đen tôi tìm thấy ở đó.

Tôi thức dậy nghe tiếng tru u uất ấy vẫn văng vẳng trong tai mình, “Ulla, ulla, ulla, ulla”. Trời đã nhá nhem, và sau khi ăn sạch mấy miếng bánh quy và pho mát trong quầy - có một tú thịt, nhưng chẳng còn gì ngoài giò - tôi tiếp tục lang thang qua các khu dân cư tĩnh mịch tới phố Baker - tôi chỉ nhớ được tên khu quảng trường Portman - và rồi cuộc ra tới Công viên Regent. Khi ra khỏi đầu phố Baker, tôi thấy xa xa trên ngọn cây cái mui của gã Hỏa tinh khổng lồ đang phát ra tiếng tru này dưới ánh hoàng hôn trong trẻo. Tôi không hoảng sợ. Tôi chợt thấy đây là chuyện tất nhiên. Tôi nhìn hẩn một hồi, nhưng hẩn không cử động. Hẩn có vẻ đang đứng gào thét, vì lý do gì tôi không thể biết.

Tôi cố nghĩ một kế hoạch hành động. Tiếng “Ulla, ulla, ulla, ulla” vô tận làm tôi rối trí. Có lẽ tôi quá mệt không còn hoảng sợ được nữa. Hẩn nhiên tôi tò mò muốn biết lý do của tiếng than đơn điệu này hơn là sợ. Tôi đi ngược ra khỏi công viên vào Đường Park, định đi vòng công viên, men dưới các mái hiên, rồi tìm cách nhìn gã Hỏa tinh tru tréo bất động này từ phía St. John’s Wood. Ra khỏi phố Baker hai trăm mét, tôi nghe một tràng tiếng ăng ăng, và thấy trước tiên một con chó ngậm miếng thịt đỏ thối đang cầm đầu chạy về phía tôi, rồi tới một đàn chó đói đuổi theo nó. Nó chạy một vòng lớn để tránh tôi, như thể nó sợ tôi có thể là một đối thủ mới. Khi tiếng ăng ăng lắng dần dưới con phố vắng, giọng than vẫn “Ulla, ulla, ulla, ulla” lại lớn hơn.

Nửa đường tới nhà ga St. John’s Wood tôi chợt gặp một xác máy điều khiển. Thoạt tiên tôi nghĩ đó là căn nhà đổ ngang đường. Chỉ sau khi leo vào đồng đồ nát tôi mới giật mình thấy gã Samson⁽¹³⁾ máy này nằm giữa tàn tích

mà hấn gây ra, các tua cong gấp và vắn vẹo. Phần trước của hấn bị vỡ. Có vẻ như hấn đã mù mắt đâm thẳng vào căn nhà và bị ngã không gượng dậy nổi. Lúc ấy tôi nghĩ điều này có thể xảy ra vì người Hỏa tinh mất kiểm soát một máy điều khiển. Tôi không thể leo vào chỗ đổ nát để xem, và ánh nhá nhem bây giờ đã tối thẫm tới nỗi tôi không thể thấy vết máu vấy bẩn chỗ ngồi của hấn, và xương sụn bị gặm của người Hỏa tinh mà đàn chó đã để lại.

Tự hỏi còn gì nữa sau những điều mình đã thấy, tôi dần bước tới Đồi Primrose. Xa xa, thấp thoáng giữa cành lá, tôi thấy một tên Hỏa tinh thứ hai, bất động như tên đầu tiên, đang đứng im trong công viên dẫn tới Vườn Bách thú. Quá khỏi chỗ đổ nát chung quanh cỗ máy điều khiển bị vỡ, tôi lại chột gặp cỏ dại đỏ, và thấy kênh Regent là một mảng lốm đốm cây cỏ đỏ thẫm.

Khi tôi băng qua cầu, tiếng “Ulla, ulla, ulla, ulla” ngưng bật, như bị cắt ngang một cách phi thực. Im lặng chột đến đột ngột.

Các căn nhà tối tăm quanh tôi nhạt nhòa, cao và mờ; hàng cây dẫn tới công viên trở nên đen đúa. Khắp chung quanh cỏ dại đỏ bò giữa đồng đổ nát, vắn vẹo vươn cao quá đầu tôi trong ánh mờ. Đêm, nguồn gốc của sợ hãi và bí ẩn, đang phủ trùm lên tôi. Nhưng một khi tiếng khóc ấy còn cất lên, thì sự hiu quạnh, sự hoang tàn còn có thể chịu đựng được; vì nó mà Luân Đôn vẫn có vẻ còn sống, và cảm giác về sự sống chung quanh còn nâng cao tinh thần tôi. Rồi thành linh biến đổi, một điều gì thoáng qua - tôi không biết là gì - bỏ lại sự thình lạng có thể sờ thấy được. Không còn gì ngoài sự lạng lẽ thê lương này.

Luân Đôn bao quanh chăm chăm nhìn tôi một cách ma quái. Cửa sổ các ngôi nhà trắng tựa như những hốc mắt trên đầu lâu. Tôi tưởng tượng thấy quanh mình có hàng ngàn kẻ thù lạng lẽ đang di chuyển. Tôi kinh hoàng,

khiếp sợ vì sự liều lĩnh của mình. Trước mặt tôi con đường trở nên tối mịt như thể bị bôi hắc ín, và tôi thấy một thân hình nằm vằn vẹo ngang lối đi. Tôi không thể tiếp tục được nữa. Tôi rẽ xuống Đường St. John's Wood, và cầm đầu chạy khỏi sự thỉnh lạng khôn kham này tới Kilburn. Tôi trốn đêm tối và sự yên lặng, nấp trong chỗ trú của mã phu trên Đường Harrow cho tới sau nửa đêm rất lâu. Nhưng trước rạng đông tôi có lại can đảm, và khi sao trời còn sáng, tôi lại đi về hướng Công viên Regent. Tôi lạc giữa các phố, và chẳng bao lâu trong ánh bình minh nhá nhem tôi thấy đường cong của Đồi Primrose ở cuối một đại lộ dài. Trên đỉnh đồi, lừng lững lên tới các vì sao mờ, là tên Hỏa tinh thứ ba, đứng thẳng và bất động như hai tên trước.

Một quyết tâm điên rồ chế ngự tôi. Tôi sẽ chết và chấm dứt tất cả. Và thậm chí tôi sẽ khỏi phải nhọc công tự sát. Tôi liều lĩnh bước tới gã khổng lồ này. Khi tới gần hơn thì trời sáng, tôi thấy một đàn chim đen đang lượn tròn và tụ tập quanh cái mũi của gã. Thấy thế tim tôi đập mạnh, và tôi bắt đầu chạy dọc theo đường.

Tôi vội vàng đi qua đám cỏ dại đỏ bứt kín ngõ St. Edmund (tôi lội tới ngực qua dòng nước lũ từ nhà máy nước chảy xuống tới Đường Albert), và tiến ra bãi cỏ trước khi mặt trời lên. Các gò lớn ngổn ngang quanh đỉnh đồi làm thành một đồn phòng thủ khổng lồ - đó là chỗ cuối cùng và lớn nhất do người Hỏa tinh làm - và từ phía sau những gò đồng này một làn khói mỏng bốc lên nền trời. Nơi chân trời một con chó hăm hở chạy rồi biến mất. Ý nghĩ thoáng qua tâm trí tôi càng trở nên thật, càng đáng tin. Khi chạy lên đồi tới chỗ con quái vật bất động, tôi không thấy sợ, chỉ thấy một nỗi hân hoan man dại run rẩy. Đàn chim đói đang mổ và giằng xé những miếng nâu dài lủng lẳng bên ngoài mũi.

Một lát sau tôi đã bò lên lũy đất và đứng trên đỉnh, bên dưới tôi là mặt

trong của thành lũy. Đó là một khoảng đất rất rộng, đây đó bên trong là các bộ máy khổng lồ, nhiều đồng lớn vật liệu và những chỗ ẩn náu kỳ lạ. Rải rác khắp nơi, trong các máy chiến đấu đồ nhào, trong các máy điều khiển giờ đã cứng đờ, và cả chục tên trợ trụ lạng lẽ nằm thành một hàng, bọn Hỏa tinh - đã chết! - chết vì vi khuẩn bệnh và thối rữa tấn công cơ thể thiếu chuẩn bị của chúng; chết như cỏ dại đỏ bị giết chết; chết vì những thứ tầm thường nhất mà Chúa, bằng sự minh triết của ngài, đã đặt để trên thế giới này, sau khi mọi phương kế của loài người đã thất bại.

Vì sự việc đã hóa ra như thế, như thật ra tôi và nhiều người đáng lẽ đã tiên đoán được nếu như sự khiếp sợ và thảm họa không làm mê mụ đầu óc mình. Những mầm bệnh này đã gây hại cho nhân loại từ buổi ban đầu - gây hại cho các loài sơ khai trước khi có loài người từ ngày sự sống bắt đầu ở đây. Nhưng nhờ giống loài chúng ta trải qua sự chọn lọc tự nhiên, chúng ta đã phát triển sức đề kháng. Chúng ta không khuất phục loại vi trùng nào mà không kháng cự, và cơ thể sống của chúng ta hoàn toàn miễn nhiễm đối với nhiều loại vi trùng, chẳng hạn, loại gây thối rữa trên xác chết. Nhưng trên Hỏa tinh không có vi khuẩn, và những kẻ xâm lăng này đến thẳng đây, chúng ăn uống trực tiếp thức ăn ở đây, thế là các đồng minh cực nhỏ của chúng ta bắt đầu làm công việc lật đổ. Khi tôi nhìn chúng, chúng đã tận số không sao cứu vãn, hấp hối và thối rữa ngay giữa khi chúng đang đi tới đi lui. Điều ấy không thể tránh khỏi. Nhân loại đã trả cho quyền thừa kế Trái đất của mình bằng giá hàng tỉ người chết, và quyền này không dành cho mọi kẻ bên ngoài; Trái đất vẫn là của loài người, dù cho bọn Hỏa tinh mạnh hơn gấp mười lần như thế. Vì nhân loại sống hay chết cũng không vô ích.

Chúng rải rác đây đó, tổng cộng gần năm chục xác, trong cái hố lớn chúng đã làm, gục ngã vì cái chết hằn là không thể hiểu đối với chúng như

bất cứ cái chết nào. Lúc đó cái chết này đối với tôi cũng khó hiểu. Tôi chỉ biết những kẻ này đã sống và gieo rắc nỗi kinh sợ cho loài người, song nay chúng đã chết. Trong giây lát tôi tin rằng sự tàn phá của Sennacherib⁽¹⁴⁾ đã tái diễn, rằng Chúa đã hối tiếc, rằng Thần Chết đã giết chúng trong đêm.

Tôi đứng nhìn đắm đắm vào cái hố, và tâm tôi rực sáng, ngay cả khi mặt trời mọc giáng những tia nắng cháy xuống thế giới quanh tôi. Hố vẫn nằm trong bóng tối; những bộ máy đồ sộ, sức mạnh và sự phức tạp của chúng thật lớn thật diệu kỳ, hình dáng vận vẹo của chúng thật bí hiểm, vươn lên quái dị mơ hồ và lạ lùng khỏi bóng râm ra tới ánh sáng. Tôi có thể nghe đàn chó đang tranh nhau những cái xác nằm tối tăm sâu trong hố, xa bên dưới tôi. Bên kia mép hố, phẳng lì, khổng lồ và kỳ lạ, là chiếc máy bay lớn mà chúng đã thí nghiệm trong bầu khí quyển đậm đặc hơn của chúng ta, khi sự thối rữa và cái chết tấn công chúng. Thần chết đã đến đúng lúc. Nghe tiếng quạ trên đầu, tôi ngược nhìn cổ máy chiến đấu khổng lồ sẽ không bao giờ chiến đấu nữa, nhìn những miếng thịt đỏ tã tươi thông xuống trên những cái ghế lật nhào ở đình Đồi Primrose.

Tôi quay lại nhìn xuống sườn đồi lúc này chim chóc đã phủ kín, nơi tôi đã thấy hai gã Hòa bình khác đứng suốt đêm khi thần chết chợt đến với chúng. Một đã chết, giữa lúc hân hoan cho bạn đồng hành của hân. Có lẽ hân là kẻ chết sau cùng, và giọng hân cất lên không ngớt cho tới khi sức máy của hân kiệt quệ. Giờ đây chúng lấp lánh, những cái tháp ba chân kim loại sáng ngời vô hại, dưới ánh rực rỡ của hừng đông.

Chung quanh hố, như thể nhờ phép lạ cứu khỏi bị hủy diệt đời đời, thủ đô vĩ đại của mọi thành phố trải dài. Ai chỉ thấy Luân Đôn phủ trong bức màn khói u ám sẽ khó có thể tưởng tượng vẻ trong sáng trần trụi và vẻ đẹp hoang dã lạnh lẽo của các căn nhà.

Về hướng Đông, trên đồng đồ nát đen đúa của ngõ Albert và ngọn tháp nhọn tả tơi của nhà thờ, mặt trời chói lòa trên bầu trời trong sáng, và đây đó một mái nhà trong biển mái nhà bắt nắng, sáng trắng rực rỡ.

Phía Bắc là Kilburn và Hampstead, xanh và nhà cửa đông đúc; phía Tây là thành phố vĩ đại mờ mờ. Và phía Nam, qua khỏi chỗ bọn Hỏa tinh, những gợn xanh của Công viên Regent, khách sạn Langham, vòm Hí viện Albert Hall, Học viện Imperial, và các dinh thự khổng lồ trên Đường Brompton hiện rõ và nhỏ trong hừng đông, những tàn tích lờ mờ của khu Westminster vươn cao nhát nhòa đằng xa. Xa hơn nữa là dãy đồi xanh ở Surrey, và các ngọn tháp của điện Crystal Palace lấp lánh như hai thanh bạc. Vòm nhà thờ Thánh Paul sẫm màu dưới ánh bình minh, đã hư hại, lần đầu tiên tôi thấy, một lỗ thủng khổng lồ há hốc bên phía Tây.

Và khi nhìn dải đất rộng này mang trên mình nhà cửa, xưởng máy và nhà thờ, lặng lẽ hoang phế, khi nghĩ đến biết bao hy vọng và nỗ lực, đến vô số cuộc đời đã đi xây dựng mạch đất con người này, đến sự hủy diệt chớp nhoáng và tàn bạo đã treo lơ lửng trên đầu nó, khi nhận thức được rằng bóng tối đã lui, con người có thể vẫn còn sống trong các khu phố, và thành phố chết rộng lớn thân yêu của tôi một lần nữa sẽ sinh động và cường tráng, tôi cảm thấy nỗi xúc động dâng tràn đến gần như bật khóc.

Đau khổ đã qua. Ngay từ hôm ấy vết thương đã bắt đầu lành lại. Người sống sót rải rác khắp nước - không ai lãnh đạo, không pháp luật, không thực phẩm, như đàn cừu không người chăn - hàng ngàn người đã trốn đi bằng đường biển, họ sẽ bắt đầu quay về. Mạch sống sẽ đập lại ngày càng mạnh hơn trên các phố vắng và chảy qua các quảng trường trống trải. Bất kể tàn phá gì đã xảy ra, bàn tay của kẻ phá hoại đã bị ngưng lại. Tất cả những đồ nát thê lương, những khung nhà cháy đen ảm đạm nhìn đăm đăm bãi cỏ rực nắng

trên đời, chẳng mấy chốc sẽ vang lên tiếng búa tiếng bay của người tái thiết. Nghĩ đến đó tôi giơ tay lên trời tạ ơn Chúa. Trong một năm, tôi nghĩ - trong một năm...

Và mãnh liệt tràn về trong tôi suy nghĩ về bản thân, về vợ tôi, về cuộc sống cũ chan chứa hy vọng và dịu dàng đã chấm dứt vĩnh viễn.

Chương 9

Kẻ bạc nhược

Bây giờ tới điều kỳ lạ nhất trong câu chuyện của tôi. Nhưng có lẽ nhìn chung cũng chẳng kỳ lạ gì. Tôi vẫn nhớ, rõ ràng tỉnh táo và sống động, tất cả những điều đã làm hôm ấy cho tới khi đứng vừa khóc vừa ca ngợi Chúa trên đỉnh Đồi Primrose. Rồi sau đó tôi không nhớ gì nữa.

Tôi không nhớ gì về ba ngày kế tiếp, về sau tôi biết mình không phải là kẻ đầu tiên khám phá ra sự thất bại của người Hỏa tinh, nhiều kẻ lang thang như tôi đã biết từ tối hôm trước. Một người - người đầu tiên - đã tới bưu điện ở St. Martin's-le-Grand và xoay xở gửi điện tín sang Paris, lúc tôi đang trú trong căn chòi của mã phu. Từ đó tin vui nhanh chóng loan đi khắp thế giới; hàng ngàn thành phố, vốn đã rùng mình vì nỗi sợ hãi ghê rợn, bỗng sáng bừng lên trong ánh rạng rỡ cuồng loạn. Dublin, Edinburgh, Manchester, Birmingham đã biết tin, lúc tôi đang đứng trên mép hố. Tôi nghe nói nhiều người đã khóc vì mừng rỡ, họ la hét và ngưng làm việc để bắt tay và la hét, sửa soạn lên xe lửa để xuống Luân Đôn, dù họ ở ngay kế cận như thị xã Crewe. Chuông nhà thờ đã ngưng gõ từ hai tuần trước, nay bỗng nhận được tin, thế là khắp nước Anh vang lên hồi chuông báo. Nhiều người đi xe đạp, mặt hốc hác, tóc rối bù, phi hết tốc lực trên mọi nẻo đường quê, reo hò báo tin giải thoát bất ngờ, reo hò báo tin cho những kẻ tuyệt vọng phờ phạc đang nhìn trần trối. Còn thực phẩm! Bên kia eo biển, bên kia biển Ireland, bên kia

Đại Tây Dương, lúa mì, bánh mì và thịt đồ tể cứu trợ. Những ngày ấy tất cả tàu bè trên thế giới hình như đều hướng về Luân Đôn. Nhưng tôi chẳng nhớ được gì các việc ấy. Tôi buông trôi, như một kẻ mất trí. Tôi thấy mình sống trong căn nhà của những người tử tế, họ tìm thấy tôi vào ngày thứ ba khi tôi đang lang thang, khóc lóc và mê sảng khắp các phố St. John's Wood. Về sau họ kể là lúc đó tôi đang ngâm bài thơ tẻ nhạt rồi đại gì đấy về “Kẻ sống sót cuối cùng! Hoan hô! Kẻ sống sót cuối cùng!” Tuy bản thân họ cũng gặp khó khăn, song những người này chịu đựng tôi, cứu mang tôi, và bảo vệ không cho tôi làm hại chính mình, thế mà tôi thậm chí không thể kể tên của họ ở đây để tỏ lòng biết ơn, dù tôi rất muốn. Hẳn nhiên họ đã biết đôi điều về câu chuyện tôi kể trong những ngày tôi sảng loạn.

Khi tôi tỉnh trí lại, họ thận trọng kể cho tôi điều họ biết về số phận của Leatherhead. Hai ngày sau khi tôi bị giam hãm, Leatherhead bị một tên Hỏa tinh tiêu diệt không còn ai. Hình như hắn đã quét sạch khu vực ấy, dù không bị khiêu khích, như một đứa bé đập vỡ tổ kiến chỉ để tinh nghịch tỏ sức mạnh.

Tôi là một kẻ cô đơn, và họ rất tử tế đối với tôi. Tôi là một kẻ cô đơn và buồn rầu, và họ chịu đựng tôi. Tôi ở lại với họ bốn ngày sau khi hồi phục. Suốt thời gian ấy tôi cảm thấy một nỗi khao khát mơ hồ càng lúc càng tăng muốn nhìn một lần nữa xem có gì còn lại từ cuộc sống nhỏ bé hình như rất hạnh phúc và tươi sáng trong quá khứ của mình. Đó chỉ là ước muốn vô vọng của tôi để nuôi dưỡng nỗi bất hạnh. Họ khuyên can tôi. Họ làm mọi điều có thể làm để tôi khuây khỏa qua tình trạng bệnh hoạn này. Nhưng cuối cùng tôi không thể cưỡng lại thôi thúc ấy nữa, và xin thú nhận là tôi đã khóc khi chia tay những người bạn trong bốn ngày ấy, và chân thành hứa sẽ quay về với họ. Tôi lại đi trên những con đường chỉ mấy ngày trước còn chìm trong tối tăm,

lạ lùng và trống vắng.

Phố xá đã tấp nập người trở về, thậm chí nhiều nơi hàng quán đã mở cửa, và tôi gặp một vòi nước uống đang chảy.

Tôi nhớ hôm ấy hình như rạng rỡ một cách giấu cợt ra sao khi tôi dẫn bước trong cuộc hành hương sâu muộn về căn nhà nhỏ ở Woking, phố xá sao tấp nập và cuộc sống đang chuyển mình sao sinh động quanh tôi. Khắp nơi người ta ra ngoài trời, tíu tít hàng ngàn việc, tới nỗi hình như khó mà tin rằng một số lớn có thể đã bị giết chết. Nhưng rồi tôi nhận thấy những người tôi gặp da họ vàng vọt, tóc họ bù xù, mắt họ to và sáng, và phân nửa vẫn còn mặc áo quần rách rưới bẩn thỉu. Mặt họ hình như chỉ có một trong hai vẻ - vẻ hân hoan nao nức và đầy sinh lực, hay vẻ cương quyết dữ tợn. Ngoài nét mặt, Luân Đôn tựa như thành phố của những kẻ lang thang. Các ủy ban điều hành giáo xứ phân phát cho mọi người bánh mì do chính phủ Pháp gửi tới chúng tôi. Vài con ngựa giơ bộ xương sườn đáng ngại. Cảnh sát đặc nhiệm vẽ phờ phạc, đeo băng trắng đứng ở mọi góc đường. Tôi ít gặp những tai họa do người Hòa tinh gây ra cho tới khi đến phố Wellington, ở đó tôi thấy cỏ dại đỏ bò lên các trụ cầu Waterloo.

Ở góc cầu tôi cũng gặp một trong những hình ảnh đối nghịch thường thấy trong thời kỳ quái dị ấy - một mảnh giấy phất phới trên bụi cỏ dại đỏ, có một thanh gỗ đâm qua giữ nó tại chỗ. Đó là giấy quảng cáo của tờ báo đầu tiên xuất bản lại, tờ *Daily Mail*. Tôi mua một tờ bằng đồng xu đen đúa tìm thấy trong túi mình. Phần lớn tờ báo chẳng có gì, nhưng người thợ sắp chữ cô đơn đã làm điều ông nghĩ là thú vị bằng cách xếp một quảng cáo kỳ cục nổi bật trên trang sau. Câu chuyện ông in gây xúc động cho mọi người, vì hãng tin hãy còn chưa hoạt động trở lại. Tôi không biết thêm gì mới, trừ cuộc điều tra về máy móc của người Hòa tinh trong một tuần qua đã đem lại những kết

quả đáng sửng sốt. Ngoài những tin khác, bài viết khẳng định người ta đã khám phá ra “bí quyết bay”, một điều lúc ấy tôi không tin. Ở Waterloo tôi gặp các chuyến xe lửa miễn phí chở người về nhà. Đợt người vội vã đầu tiên đã đi hết. Trên toa xe có ít người, và tôi không muốn tán gẫu. Tôi một mình một ngăn, ngồi khoanh tay, ủ rũ nhìn cảnh tàn phá chan hòa ánh nắng trôi qua cửa sổ. Bên ngoài ga, chiếc xe lửa xóc nảy trên đường ray tạm, và nhà cửa hai bên đường là những đồng đồ nát đen đúa. Tới trạm Clapham, bộ mặt Luân Đôn lem luốc vì bụi Khói Đen, dù đã trải qua hai ngày mưa bão, và ở trạm Clapham đường ray lại bị hỏng; hàng trăm nhân viên bán hàng và thư ký mất việc đang làm việc bên cạnh thợ lành nghề, và chúng tôi được chuyển gắp qua tuyến khác.

Trên suốt tuyến đường sau đó, hình ảnh vùng quê trở nên thê lương và xa lạ. Khu Wimbledon bị rất nặng. Walton có vẻ là nơi ít thiệt hại nhất trên đường nhờ rừng thông ở đó không bị cháy. Sông Wandle và sông Mole, mọi dòng nước nhỏ đều biến thành một mảng chõng chất cở đại đỏ, trông như một đồng hồ lổn thọt và bấp cỏi muối của anh hàng thịt. Tuy nhiên, rừng thông ở Surrey quá khô nên tràng dây leo đỏ không mọc nổi. Nhìn từ đường ray, trong bãi ươm cây bên ngoài Wimbledon có đồng đất bao quanh khối hình trụ thứ sáu. Một số người đang đứng vây quanh nó, và vài anh lính công binh đang bận rộn giữa vòng. Lá quốc kỳ Anh phất phới bên trên, phẩn khởi bay trong gió ban mai. Các bãi ươm cây đỏ thẫm cở đại khắp nơi, một dải đất rộng màu sắc úa héo bị những hình bóng tím cắt ngang, rất nhức mắt. Màu xanh phơn phớt của các ngọn đồi phía Đông làm dịu mắt vô cùng, trái ngược với màu xám cháy sém và màu đỏ ảm đạm ở cận cảnh.

Đường ray từ Luân Đôn vào ga Woking vẫn đang được sửa chữa, vì thế tôi xuống ga Byfleet và đi bộ về Maybury, ngang qua nơi tôi và người lính

pháo binh đã nói chuyện với toán kỵ binh, đi tiếp tới gần chỗ tôi đã thấy người Hỏa tinh trong trận bão. Ở đây, vì tò mò, tôi rẽ ngang và thấy giữa đám lá đỏ chằng chịt chiếc xe chở chó gãy vẹo cùng với xương ngựa vương vãi bị gặm trắng hếu. Tôi đứng nhìn những vết tích này một hồi lâu...

Rồi tôi quay lại, đi qua rừng thông, đây đó cỏ dại đỏ mọc cao tới cổ, thấy người chủ quán Chó Đốm đã được chôn, và từ đó tôi về nhà ngang qua quán College Arms. Một người đàn ông đứng ở cánh cửa căn nhà tranh đang mở gọi tên tôi chào lúc tôi đi ngang qua.

Tôi nhìn nhà mình, niềm hy vọng thoáng qua tan biến lập tức. Cửa đã bị phá, không cài then và từ từ mở ra khi tôi tiến tới.

Nó lại đóng sập vào. Màn cửa ở phòng làm việc bay phất phới bên ngoài cánh cửa sổ mở, nơi tôi và người lính pháo binh đã nhìn buổi hừng đông. Sau đó không ai đóng nó lại. Các bụi cây tan hoang vẫn như khi tôi ra đi gần bốn tuần trước. Tôi lao đảo vào hành lang, và căn nhà toát lên cảm giác trống vắng. Thảm cầu thang đùn lên và bạc màu nơi tôi đã nép mình, ướt đầm tới xương vì trận bão vào đêm xảy ra tai họa. Tôi vẫn thấy những bước chân vấy bùn của chúng tôi đi lên thang.

Tôi theo bước chân lên phòng làm việc, và thấy trên bàn viết vẫn còn tờ bản thảo dưới cái chặn giấy tôi đã bỏ lại vào buổi chiều khối hình trụ mở ra. Tôi đứng đọc những luận cứ bỏ dở của mình một lúc. Bài viết về phương hướng biến đổi của các Ý niệm Đạo đức song song với tiến trình phát triển của văn minh, và tôi đã viết phần mở đầu của lời tiên tri trong câu cuối cùng: *“Trong vòng hai trăm năm tới, chúng ta có thể hy vọng...”* Câu viết chấm dứt đột ngột. Tôi nhớ sáng hôm ấy, chưa đầy một tháng trước, tôi chưa thể đi tới kết luận, và đã ngừng viết để nhận tờ *Daily Chronicle* từ đứa bé bán báo.

Tôi nhớ mình đã xuống cổng vườn khi nó đi ngang, và tôi đã lắng nghe câu chuyện kỳ dị của nó về “Người từ Hỏa tinh”.

Tôi đi xuống rồi vào phòng ăn. Miếng thịt cừu và bánh mì đều đã quá thiu, và chai bia đổ nhào, y như lúc tôi và người lính pháo binh bỏ mấy thứ đó lại. Ngôi nhà hoang vắng. Tôi nhận ra sự hão huyền của niềm hy vọng mong manh mà tôi đã ấp ủ từ lâu. Rồi một điều lạ xảy ra. Một giọng nói: “Vô ích. Nhà bỏ trống. Không ai ở đây cả chục ngày qua. Đừng ở đây tự dẫn văt mình. Không ai thoát trừ mình.”

Tôi giật mình. Phải chăng tôi đã nói lớn suy nghĩ của mình? Tôi quay lại, cửa sổ mở phía sau tôi. Tôi bước tới cửa, đứng nhìn ra.

Cũng ngạc nhiên và sợ hãi, hệt như tôi đang đứng ngạc nhiên và sợ hãi, kìa em họ tôi và vợ tôi - vợ tôi trắng bệch và mắt ráo hoảnh. Nàng thốt lên một tiếng yếu ớt.

Nàng nói: “Em đến. Em biết... biết...”

Nàng đưa tay lên cổ... lão đảo. Tôi bước tới, đỡ nàng trong tay mình.

Chương 10

Phần kết

Giờ đây kết thúc câu chuyện của mình, tôi tiếc mình chỉ có thể đóng góp ít ỏi vào cuộc thảo luận về nhiều vấn đề đáng bàn cãi vẫn chưa ngã ngũ. Trong một khía cạnh nào đó, chắc chắn tôi sẽ bị chỉ trích. Lĩnh vực riêng của tôi là triết học tự biện. Kiến thức của tôi về sinh lý học so sánh chỉ gói gọn trong một hai cuốn sách, nhưng đối với tôi hình như ý kiến của Carver về lý do dẫn đến cái chết nhanh chóng của người Hỏa tinh có thể được coi là kết luận thuyết phục nhất. Tôi đã đưa nó vào câu chuyện tôi kể.

Dù sao đi nữa, trong tất cả xác người Hỏa tinh được khám nghiệm sau cuộc chiến, người ta không tìm thấy loại vi khuẩn nào khác những loại đã biết trên Trái đất. Chúng không chôn người chết, và chúng tàn sát bừa bãi, điều đó cũng cho thấy chúng hoàn toàn không biết gì về tiến trình thối rữa. Nhưng dù rất có thể đúng, đó vẫn chưa là một kết luận được kiểm chứng.

Chúng ta cũng chưa biết thành phần cấu tạo của Khói Đen mà người Hỏa tinh đã sử dụng để gây nên chết chóc, và bộ máy phát ra Tia Nhiệt vẫn còn là câu hỏi nan giải. Tai họa khủng khiếp trong các phòng thí nghiệm ở Ealing và South Kensington đã khiến các nhà phân tích bỏ rơi cuộc điều tra về Tia Nhiệt. Phân tích quang phổ của bụi đen cho thấy rõ ràng sự hiện diện của một chất chưa biết, thể hiện qua một nhóm ba lần xanh lá cây sáng rực, và có thể nó đã kết hợp với chất argon để thành một hợp chất lập tức giết chết

một số phần tử trong máu. Nhưng các suy đoán chưa được kiểm chứng như thế khó gây hứng thú cho giới độc giả phổ thông mà câu chuyện này nhắm tới. Lớp váng nâu trôi xuống sông Thames sau cuộc tàn phá ở Shepperton đã không được xét nghiệm hồi đó, và giờ không thấy váng ấy nữa.

Tôi đã nói về các kết quả giao nghiệm cơ thể người Hỏa tinh, trong chừng mực mà đàn chó lông vàng tìm mồi còn để lại đủ để làm giao nghiệm. Nhưng mọi người đều quen thuộc với mẫu vật lỏng lẻo và gần như đầy đủ ngâm trong rượu cồn ở Viện bảo tàng Lịch sử Thiên nhiên, và vô số hình vẽ về nó. Ngoài điều đó ra, mối quan tâm về chức năng sinh lý và kết cấu của nó chỉ thuần túy thuộc về khoa học.

Một vấn đề đáng quan tâm phổ cập và nghiêm trọng hơn là khả năng người Hỏa tinh lại tấn công lần nữa. Tôi nghĩ khía cạnh này của vấn đề chưa được chú ý đầy đủ. Hiện nay Hỏa tinh và Trái đất nằm thẳng hàng hai bên Mặt trời, nhưng mỗi khi trở lại vị trí trực diện, tôi là một trong những người tiên đoán cuộc mạo hiểm của họ sẽ lại xảy ra. Dù sao đi nữa, chúng ta cũng nên chuẩn bị. Tôi thấy chúng ta có khả năng xác định vị trí của khẩu súng phóng hỏa tiễn, từ đó liên tục theo dõi vùng này của hành tinh ấy, để biết trước cuộc tấn công sắp tới.

Trong trường hợp đó chúng ta có thể phá hủy khối hình trụ bằng mìn hay pháo trước khi nó đủ nguội cho người Hỏa tinh bước ra, hay có thể giết chúng bằng súng ngay khi đỉnh ốc vặn ra. Theo tôi, chúng đã mất lợi thế lớn khi thất bại trong cuộc đánh úp đầu tiên. Chắc chúng cũng thấy như thế.

Lessing đã đưa ra những lý lẽ xuất sắc khi cho rằng người Hỏa tinh quả thật đã đáp lên được Kim tinh. Bảy tháng trước, Kim tinh và Hỏa tinh nằm thẳng hàng và cùng một bên so với Mặt trời, nghĩa là Hỏa tinh ở vị trí trực

diện với người quan sát trên Kim tinh. Sau đó có một vết ngoằn ngoèo sáng kỳ lạ xuất hiện trên mặt tối của Kim tinh, và hầu như đồng thời có một vết đen nhạt ngoằn ngoèo tương tự nhìn thấy trên tấm hình chụp mặt Hỏa tinh. Ta phải xem hình các hiện tượng này mới đánh giá được đầy đủ sự giống nhau đáng chú ý của chúng.

Dù sao đi nữa, dù chúng ta có trông đợi một cuộc xâm lăng nữa hay không, quan điểm của chúng ta về tương lai loài người phải thay đổi rất nhiều vì các biến cố này. Bây giờ chúng ta biết rằng không thể coi hành tinh này là một nơi đã được che chở và vĩnh viễn an toàn cho Nhân Loại. Chúng ta không bao giờ tiên đoán được điều xấu hay tốt vô hình có thể bất thần đến với chúng ta từ bên ngoài không gian. Trong ý đồ lớn của vũ trụ, cuộc xâm lăng này từ Hỏa tinh xét cho cùng không hẳn là không có lợi ích tốt bậc cho con người. Nó tước mất của chúng ta niềm tin thanh thản về tương lai, vốn là nguồn gốc lớn nhất của sự suy đồi, nhưng nó mang đến cho ngành khoa học nhân văn những món quà khổng lồ, và nó cổ vũ rất nhiều cho ý niệm về phúc lợi chung của nhân loại. Bên kia khoảng không gian bao la, người Hỏa tinh có thể đã quan sát số phận những kẻ tiên phong của họ và học được bài học, và trên Kim tinh có thể họ đã tìm thấy chỗ định cư an toàn hơn. Dù sao đi nữa, trong nhiều năm sắp tới chắc chắn người ta sẽ không ngừng háo hức khảo sát mặt Hỏa tinh, và các mũi tên lửa trên bầu trời ấy, các ngôi sao băng, khi rơi xuống sẽ mang lại nỗi sợ hãi không thể tránh khỏi cho toàn thể con cái loài người.

Có nhấn mạnh bao nhiêu đi nữa về tầm nhìn mở rộng của loài người từ kết quả đó thì cũng không thừa. Trước khi khối hình trụ rơi xuống, mọi người đều tin là trong không gian sâu thẳm không có sự sống nào bên ngoài bề mặt chật hẹp trên tinh cầu nhỏ bé của chúng ta. Giờ đây chúng ta thấy xa hơn.

Nếu người Hỏa tinh có thể đến Kim tinh thì không có lý do gì để cho rằng việc ấy loài người không làm được, và khi Mặt trời nguội dần khiến cho Trái đất này không thể ở được nữa, vì rốt cuộc sẽ đến lúc như thế, chừng đó có thể mạch sống đã bắt đầu nơi đây sẽ trôi ra và bắt lấy hành tinh lân cận chúng ta làm địa phận của mình.

Tâm trí tôi đã gọi lên viễn ảnh mờ mờ và kỳ diệu về cuộc sống từ luồng hạt giống nhỏ bé này trong Thái dương hệ sẽ lan dần ra khắp khoảng không gian bao la vô tri vô giác. Nhưng đó là giấc mơ xa. Mặt khác, có thể sự tàn phá của người Hỏa tinh chỉ tạm ngưng. Có lẽ tương lai nằm trong tay họ, chứ không phải chúng ta.

Tôi phải thú nhận rằng tâm trạng căng thẳng và hiểm họa lúc ấy đã mãi mãi để lại cảm giác hoài nghi và bất an trong tâm trí tôi. Tôi ngồi viết dưới ánh đèn trong phòng làm việc của mình, và thành linh tôi lại thấy thung lũng đang hồi phục bên dưới bóng bốc cháy dữ dội, và cảm thấy nhà cửa phía sau và chung quanh mình trống trải hoang vắng. Tôi bước ra phố Byfleet, xe cộ chạy ngang, một anh hàng thịt trên chiếc xe ngựa, một chiếc xe chở thuê đầy khách, một công nhân đi xe đạp, trẻ con đến trường, và thành linh họ trở nên mơ hồ và hư ảo, và tôi lại cùng người lính pháo binh hối hả ra đi trong tỉnh mịch ử ê, nóng bức. Một đêm tôi thấy bụi đen làm tối sầm các con đường yên tĩnh, và những thân hình vạm vỡ bị phủ dưới lớp bụi ấy; tả tơi và bị chó cắn, chúng đứng lừng lững trên tôi. Chúng lấp bấp, càng lúc càng hung dữ hơn, xanh xao hơn, xấu xí hơn, cuối cùng thành những hình người méo mó điên dại. Tôi tỉnh dậy, lạnh toát và khốn khổ trong bóng đêm.

Tôi đi Luân Đôn, thấy những đám đông hối hả trên phố Fleet và phố Strand, và chợt nghĩ rằng họ chỉ là những hồn ma của quá khứ về thăm phố phường, rằng tôi đã thấy các bóng ma lạng lẽ khốn khổ ngược xuôi trong một

thành phố chết, bản sao vờ vĩnh của sự sống trong một cái xác bị giạt điện.

Và cũng lạ lùng rằng chỉ mới một ngày trước khi viết chương cuối này, tôi đứng trên Đồi Primrose nhìn những vạt nhà cửa mênh mông, xanh mờ qua sương khói, cuối cùng tan biến vào bầu trời thấp nhạt nhòa, nhìn người đi lại ngược xuôi giữa các luống hoa trên đồi, nhìn người ngoạn cảnh chung quanh cỗ máy Hỏa tinh còn đứng yên nơi đó, nghe tiếng trẻ chơi đùa rối rít, và nhớ lại lúc tôi thấy hân sáng ngời và rõ ràng, cứng cáp và lặng thình, dưới ánh bình minh của ngày cuối cùng vĩ đại ấy...

Và lạ nhất là cầm lại tay vợ mình, nghĩ đến chuyện mình đã tưởng nàng, và nàng đã tưởng tôi, thuộc về cõi chết.

Trong trường hợp này Trái đất nằm trên cùng một đường thẳng và ở giữa Mặt trời và Hỏa tinh, vì thế ở vị trí này từ Trái đất sẽ thấy Hỏa tinh rõ nhất. Ngày nay các khoa học gia đã đo được khoảng cách trực diện từ Trái đất tới Hỏa tinh có thể thay đổi từ 56 triệu tới 101 triệu cây số, và cứ khoảng 25 hoặc 26 tháng lại ở vào vị trí trực diện một lần.

Trong thời điểm xuất bản tác phẩm này, ba vương quốc trong Liên hiệp Anh là England, Scotland và Ireland.

Tước hiệu danh dự dành cho nhà thiên văn kiệt xuất của Anh, cho đến năm 1972, người mang tước hiệu này cũng là giám đốc Đài thiên văn Greenwich ở gần Luân Đôn.

Nguyên văn: “Trenching on Smith’s monopoly”, nghĩa là đưa bé xâm phạm vào độc quyền buôn bán của sạp báo có giấy phép kinh doanh ở nhà ga. Adam Smith (1723-1790) là nhà kinh tế người Scotland chủ trương phát triển doanh nghiệp tư nhân và tự do kinh doanh, ông là một trong các kinh tế gia đầu tiên bàn về sự độc quyền trong sản xuất và thương mại.

Một cách chơi chữ của tác giả ngụ ý nhắc lại một câu trong Thánh Kinh, Sách Matthew 4.19, khi Jesus nói với hai anh em Simon (Phê-rô) và Andrew làm nghề chài lưới hãy theo ngài để thành những kẻ lưới người thay vì lưới cá.

Một quận ở lưu vực sông Trent, nơi sản xuất đồ gốm nổi tiếng của Anh.

Theo sự tích trong Thánh Kinh, Sách Sáng thế 18:20-28, Sodom và Gomorrah là hai thành phố tội lỗi bị Chúa trừng phạt bằng lửa và lưu huỳnh.

Sách Khải huyền 14:11 và 19:3.

Sách Khải huyền 6:16.

Salvation Army, hội từ thiện Kitô giáo do mục sư William Booth sáng lập năm 1865 tại Luân Đôn, tổ chức và mặc đồng phục như quân đội.

Ám chỉ vụ đốt phá Moscow trong cuộc chiến tranh Pháp-Nga năm 1812. Quân của Napoléon tiến vào Moscow, nhưng dân chúng đã di tản và đốt thành phố theo lệnh của giới chức quân sự.

Trong thời Victoria đến đầu thế kỷ 20, bỏ phát âm mẫu tự “h” ở đầu một số chữ tiếng Anh, thí dụ chữ “herb”, bị coi là cách nói của tầng lớp ít học.

Nhân vật trong Cựu ước, Sách Phán quan 13:1-16:31, Samson được Chúa cho sức mạnh phi thường để chống lại kẻ thù và lập nhiều kỳ công.

Vua xứ Assyria (704-681 TCN), xâm lăng Judea, chinh phục Babylon, và tái thiết Nineveh. Năm 1815, Lord Byron sáng tác bài thơ rất được ca ngợi, “The Destruction of Sennacherib”, với nhịp điệu dồn dập đáng sợ của móng ngựa như đạo quân Assyria xung trận.